

MỤC LỤC

TẬP 4-A:

1. BÁO CÁO TỔNG HỢP ĐỀ TÀI NHÁNH 4
2. VÙNG TÂY BẮC BẮC BỘ
3. VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ
4. VÙNG BẮC TRUNG BỘ
5. VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

TẬP 4-B:

6. VÙNG TÂY NGUYÊN
7. VÙNG ĐÔNG NAM BỘ
8. VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
9. MÔ HÌNH KHU VỰC LIÊN XÃ, LIÊN KHU VỰC VÀ CỤM CẢI TẠO
10. GIỚI THIỆU MỘT SỐ MÔ HÌNH CỤM Ở NƯỚC NGOÀI



VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN, BỘ XÂY DỰNG

Địa chỉ: 37 Lê Đại Hành - Hà Nội; Tel: 04.9760691 - Fax: 04.9764339; Email: niurp@hn.vnn.vn

CHƯƠNG TRÌNH KH&CN TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2001 - 2005: KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP HOÁ NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN. MÃ SỐ KC.07

Đề tài Nghiên cứu khoa học Cấp Nhà nước
**NGHIÊN CỨU CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG
GIAN CÁC LOẠI HÌNH CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG
THÔN THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HOÁ - HIỆN ĐẠI HOÁ.**

Mã số : KC.07.23

ĐỀ TÀI NHÁNH 4:

**XÂY DỰNG MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỤM
CÔNG NGHIỆP VỪA NHỎ NÔNG THÔN ĐIỂN HÌNH TRÊN TOÀN
QUỐC**

BÁO CÁO TỔNG HỢP NHÁNH

CƠ QUAN THỰC HIỆN:

VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ NÔNG THÔN, BỘ XÂY DỰNG

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI:

VỤ TRƯỞNG. KTS. TRẦN NGỌC CHÍNH

CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI NHÁNH 4:

THS. KTS. ĐÀM QUANG TUẤN

HÀ NỘI, THÁNG 3 NĂM 2005

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THAM GIA NGHIÊN CỨU

(VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN, BỘ XÂY DỰNG)

STT	Họ và tên	STT	Họ và tên
1	Ths.KTS. Đàm Quang Tuấn	19	KTS. Trần Tiến Đạt
2	Ths.KTS Nguyễn Lý Hồng	20	Ths. KTS Lưu Quang Huy
3	Ths. KS Trương Minh Ngọc	21	KTS. Đinh Nguyệt Ánh
4	KS. Trần Thế Quân	22	KS. Đỗ Song Hoà
5	CN. Bùi Thanh Duyên	23	KTS. Ngô Quang Hùng
6	KTS. Phạm Dương Tiếp	24	Trần Thị Ngọc Sương
7	KTS. Trương Quốc Vương	25	KTS. Vũ Ngọc Trung Hoà
8	Ths. KS Nguyễn Văn Chì	26	KS Đỗ Ngọc Hoàn
9	KS. Quách Thuý Liên	27	KTS. Trần Hạnh
10	KTS Lê Hoàng Phương	28	KTS. Nguyễn Hữu Việt Hưng
11	KTS Nguyễn Huy Tùng	29	KTS. Đỗ Đức Thịnh
12	KS. Nguyễn Minh Đức	30	KS. Lưu Văn Be
13	KTS. Huỳnh Phú Đức	31	KS. Bùi Bính Diệp
14	KTS. Nguyễn Thị Xuân Hoa	32	Ths.KTS Phùng Anh Tiến
15	KTS. Trần Lệ Hằng	33	Ths. Kts Lê Minh Ánh
16	KTS. Vũ Ngọc Tuấn	34	KTS. Đỗ Ngọc Sơn
17	KTS Nguyễn Thị Hồng Diệp	35	KTS. Nguyễn Thái Dương
18	KS. Phạm Ngọc Hiến		

Mục lục

PHẦN MỞ ĐẦU

Sự cần thiết phải nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu

Nội dung nghiên cứu

Cấu trúc của đề tài

CHƯƠNG I - Cơ sở nghiên cứu xây dựng mô hình quy hoạch và tổ chức không gian của các cụm công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn.

1.1 Một số mô hình nước ngoài và các bài học kinh nghiệm

1.2 Xu hướng phát triển mô hình công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn Việt Nam

1.2.1 Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội liên quan đến phát triển công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn Việt Nam

1.2.2 Đặc điểm thực tại phát triển mô hình công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn Việt Nam

1.2.3 Định hướng phát triển công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn Việt Nam

1.2.4 Quan điểm xây dựng mô hình công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn Việt Nam

1.2.5 Phân loại mô hình công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn đặc trưng theo các vùng kinh tế trên địa bàn cả nước

CHƯƠNG II - Xây dựng các mô hình quy hoạch và tổ chức không gian của các cụm công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn.

2.1 Mô hình công nghiệp vừa và nhỏ đặc trưng vùng Tây bắc Bắc bộ

2.1.1 Nội dung mô hình

2.1.2 Yêu cầu về lựa chọn địa điểm

2.1.3 Yêu cầu về tổ chức không gian

2.1.4 Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật

2.2 Mô hình công nghiệp vừa và nhỏ đặc trưng vùng Đồng bằng Bắc bộ

2.2.1 Nội dung mô hình

2.2.2 Yêu cầu về lựa chọn địa điểm

2.2.3 Yêu cầu về tổ chức không gian

2.2.4 Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật

2.3 Mô hình công nghiệp vừa và nhỏ đặc trưng vùng Bắc Trung bộ

2.3.1 Nội dung mô hình

2.3.2 Yêu cầu về lựa chọn địa điểm

2.3.3 Yêu cầu về tổ chức không gian

2.3.4 Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật

2.4 Mô hình công nghiệp vừa và nhỏ đặc trưng vùng Duyên hải Nam Trung bộ

2.4.1 Nội dung mô hình

2.4.2 Yêu cầu về lựa chọn địa điểm

2.4.3 Yêu cầu về tổ chức không gian

2.4.4 Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật

2.5 Mô hình công nghiệp vừa và nhỏ đặc trưng vùng Tây Nguyên

2.5.1 Nội dung mô hình

2.5.2 Yêu cầu về lựa chọn địa điểm

2.5.3 Yêu cầu về tổ chức không gian

2.5.4 Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật

2.6 Mô hình công nghiệp vừa và nhỏ đặc trưng vùng Đông nam bộ

2.6.1 Nội dung mô hình

2.6.2 Yêu cầu về lựa chọn địa điểm

2.6.3 Yêu cầu về tổ chức không gian

2.6.4 Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật

2.7 Mô hình công nghiệp vừa và nhỏ đặc trưng vùng Đồng bằng sông Cửu Long

2.7.1 Nội dung mô hình

2.7.2 Yêu cầu về lựa chọn địa điểm

2.7.3 Yêu cầu về tổ chức không gian

2.7.4 Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật

2.8 Mô hình công nghiệp vừa và nhỏ đặc trưng vùng liên xã, liên khu vực

2.8.1 Nội dung mô hình

2.8.2 Yêu cầu về lựa chọn địa điểm

2.8.3 Yêu cầu về tổ chức không gian

2.8.4 Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật

2.9 Mô hình công nghiệp vừa và nhỏ đặc trưng trong cải tạo

2.9.1 Nội dung mô hình

2.9.2 Đối tượng có nhu cầu cải tạo

2.9.3 Yêu cầu về tổ chức không gian

2.9.4 Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật

CHƯƠNG III - Kết luận và kiến nghị

3.1 Kết luận

3.2 Các kiến nghị

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết phải nghiên cứu

Đề tài nhánh 4 “*Xây dựng mô hình quy hoạch và tổ chức không gian của các cụm công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn*” là sự thể hiện kết quả khoa học của Đề tài nghiên cứu khoa học Cấp Nhà nước “Nghiên cứu cơ sở khoa học về quy hoạch và tổ chức không gian các loại hình cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá”. Nó được nghiên cứu trên cơ sở thừa hưởng kết quả nghiên cứu của các đề tài:

- Đề tài nhánh 1: Đánh giá thực trạng và dự báo phát triển các cơ sở công nghiệp quy mô vừa và nhỏ và ngành nghề ở nông thôn Việt Nam.

- Đề tài nhánh 2: Thành lập tiêu chí các loại hình cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn điển hình trên toàn quốc.

- Đề tài nhánh 3: Quy hoạch tổng thể các cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn điển hình trên toàn quốc.

Đây là đề tài nhằm đưa ra sự định hướng cụ thể có tính khoa học, tính điển hình và hiệu quả về quy hoạch và tổ chức không gian của các cụm công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn trong bối cảnh phát triển đa dạng và thể hiện nhiều tính tự do, thiếu cơ sở khoa học và về mặt tổ chức không gian của các loại hình sản xuất công nghiệp này ở nước ta hiện nay. Để đạt được mục đích này, việc khái quát các cơ sở hình thành và thành lập các mô hình đặc trưng trong các khu vực nông thôn điển hình trên toàn quốc làm cơ sở cho sự chỉ đạo, hướng dẫn quy hoạch và tổ chức không gian các loại hình sản xuất công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn của nước ta hiện nay và trong thời gian tới là hết sức cấp bách. Chính vì vậy việc “xây dựng mô hình quy hoạch và tổ chức không gian của các cụm công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn” là thành phần không thể thiếu được trong Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước “Nghiên cứu cơ sở khoa học về quy hoạch và tổ chức không gian các loại hình cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá”.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Xây dựng mô hình điển hình về quy hoạch và tổ chức không gian của các cụm công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn làm cơ sở cho việc định hướng phát triển xây dựng các loại hình công nghiệp này một cách hợp lý và hiệu quả trên phạm vi toàn quốc

3. Nội dung nghiên cứu

Xây dựng 9 mô hình lý thuyết cho cụm công nghiệp vừa và nhỏ điển hình ở nông thôn Việt Nam bao gồm:

Đề xuất 7 mô hình tổng quát cụm công nghiệp vừa và nhỏ có nhiều loại ngành nghề (hỗn hợp hoặc chuyên ngành) cho 7 vùng kinh tế của đất nước. Trong mỗi mô hình điển hình, sẽ đưa ra các ngành nghề (loại hình công nghiệp) đặc trưng cho vùng sẽ dự kiến bố trí trong cụm công nghiệp vừa và nhỏ, quy mô của cụm, tổ chức không gian trong cụm. 7 vùng kinh tế của đất nước bao gồm các vùng sau:

- . Tây bắc Bắc bộ
- . Đồng bằng Bắc bộ
- . Bắc Trung bộ
- . Duyên hải Nam Trung bộ
- . Tây Nguyên
- . Đông nam bộ

. Đồng bằng sông Cửu Long

Đề xuất 1 mô hình tổng quát cụm công nghiệp vừa và nhỏ cho liên xã, liên khu vực, liên huyện, nơi có nhiều cơ sở công nghiệp có thể hỗ trợ cho nhau.

Đề xuất 1 mô hình cải tạo các cụm công nghiệp vừa và nhỏ hiện có.

4. Cấu trúc của đề tài

Trên cơ sở mục tiêu và nội dung, đề tài được cấu trúc gồm 4 phần:

- PHẦN MỞ ĐẦU

- CHƯƠNG I - Cơ sở nghiên cứu xây dựng mô hình quy hoạch và tổ chức không gian của các cụm công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn.

- CHƯƠNG II - Xây dựng các mô hình quy hoạch và tổ chức không gian của các cụm công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn.

- CHƯƠNG III - Kết luận và kiến nghị

Cấu trúc nội dung của các chương chính - chương I và chương II - được cụ thể như sau:

CHƯƠNG I - Cơ sở nghiên cứu xây dựng mô hình quy hoạch và tổ chức không gian của các cụm công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn.

1.1 Một số mô hình nước ngoài và các bài học kinh nghiệm

1.2 Xu hướng phát triển mô hình công nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam

- Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội liên quan đến phát triển công nghiệp vừa và nhỏ

- Đặc điểm thực tại phát triển mô hình công nghiệp vừa và nhỏ

- Định hướng phát triển công nghiệp toàn quốc

- Quan điểm xây dựng mô hình công nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam

- Phân loại mô hình đặc trưng trên địa bàn cả nước

CHƯƠNG II - Xây dựng các mô hình quy hoạch và tổ chức không gian của các cụm công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn.

Đề xuất 9 mô hình lý thuyết cho cụm công nghiệp vừa và nhỏ

. 7 mô hình tổng quát theo 7 vùng kinh tế

. 1 mô hình tổng quát cho liên xã, liên khu vực, liên huyện

. 1 mô hình cải tạo

Trong mỗi mô hình lý thuyết được cấu trúc với các nội dung sau:

. Nội dung mô hình

. Quy mô

. Cơ cấu

. Yêu cầu về lựa chọn địa điểm

. Yêu cầu về tổ chức không gian

. Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật

CHƯƠNG III - Kết luận và kiến nghị

CHƯƠNG I

CƠ SỞ NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG MÔ HÌNH

QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN.

1.1 Một số mô hình nước ngoài và các bài học kinh nghiệm

Về khái niệm “Công nghiệp nông thôn” còn có những ý kiến khác biệt nhau. Theo phạm vi ngành hoạt động, có ý kiến cho rằng “Khái niệm công nghiệp nông thôn là một khái niệm đơn ngành, dùng để chỉ một bộ phận của ngành công nghiệp được tiến hành ở nông thôn hoặc chính xác hơn là các hoạt động sản xuất mang tính chất công nghiệp diễn ra ở nông thôn - Rural Industries”. Có ý kiến cho rằng “Công nghiệp nông thôn là thuật ngữ để chỉ tất cả các cơ sở hoạt động kinh tế công nghiệp và dịch vụ ngoài nông nghiệp ở nông thôn (None farm Activity)”. Ngược lại, có người cho rằng “dịch vụ, thương mại tuy có vai trò quan trọng trong kết cấu kinh tế nông thôn, nhưng không phải ngành sản xuất. Công nghiệp nông thôn không phải là toàn bộ các hoạt động phi nông nghiệp hoặc chỉ bó hẹp trong các hoạt động tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn mà bao gồm bộ phận sản xuất công nghiệp và các dịch vụ có tính chất công nghiệp ở nông thôn”.

Về quy mô và trình độ công nghiệp. Có nhiều ý kiến cho rằng, công nghiệp nông thôn phổ biến có quy mô vừa và nhỏ, trình độ công nghệ thấp. Song trên thực tế, việc phát triển công nghiệp ở nông thôn ngày càng đa dạng nhiều loại hình, nhiều cấp độ công nghệ. Vì vậy, lại có ý kiến cho rằng: Công nghiệp nông thôn là một bộ phận của công nghiệp với các trình độ phát triển khác nhau, phân bố ở nông thôn.

Theo báo cáo kết quả *dự án điều tra về công nghiệp nông thôn* của Trung tâm Phát triển nông thôn toàn diện khu vực châu Á- Thái bình dương (CIRDAP) tại Islamabad, Pakistan tháng 5 năm 1992 thì: *công nghiệp nông thôn* luôn được xác định như những xí nghiệp công nghiệp quy mô nhỏ và trung bình đặt ở vùng nông thôn. Ba loại hình của công nghiệp nông thôn bao gồm: công nghiệp nhỏ, công nghiệp hộ gia đình, thủ công nghiệp. Tình hình phát triển công nghiệp nông thôn ở trên thế giới đã minh chứng nhận định trên là đúng.

Ở Nhật Bản việc hình thành các xí nghiệp vừa và nhỏ ở các thị xã, thị trấn và đặc biệt là việc mở ra mạng lưới công nghiệp hoá gia đình phân tán ở nông thôn, làm vệ tinh cho các xí nghiệp lớn ở đô thị đặc biệt được chú trọng. Các ngành nghề truyền thống ở đây được hiểu là tối thiểu 100 năm và phong trào phát triển các ngành nghề cổ truyền “Mỗi làng một sản phẩm” nhanh chóng lan ra khắp nước Nhật Bản. Các cơ sở sản xuất công nghiệp ở Nhật Bản được phân chia thành ba cấp có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. *Cấp thứ nhất*: Các xí nghiệp lớn tập trung ở các đô thị (thường là các xí nghiệp mẹ). *Cấp thứ hai*: Các xí nghiệp vừa và nhỏ xây dựng phân tán ở các thị xã, thị trấn vùng nông thôn (thường là các xí nghiệp con). Những công nhân ở đây hầu hết làm việc tại xí nghiệp, tối lại về ở với gia đình tại các làng xã. *Cấp thứ ba*: Các cơ sở công nghiệp gia đình của nông dân ở nông thôn. Kinh nghiệm thực tế ở mô hình này cho thấy các cơ sở công nghiệp gia đình ở nông thôn làm gia công cho nhà máy có nhiều ưu điểm.

. Phân tán trên địa bàn nông thôn, trong từng hộ gia đình nên đã giảm chi phí xây dựng cơ bản và tận dụng đất đai, nhà cửa sẵn có.

. Mỗi nông dân là chủ xưởng, tự chủ quản lý sản xuất (lao động, thời gian, chất lượng)

- . Chế độ lao động và làm việc tự do, không phụ thuộc vào tuổi, giới tính và không gò bó theo thời gian 8 giờ/ngày.
- . Tận dụng hết được thời gian của lao động nông nghiệp tại chỗ (sáng, tối, ngày đêm), tiết kiệm thời gian đi lại từ nhà đến nhà máy.
- . Tạo ra một nguồn thu nhập cho nông dân, mà không ảnh hưởng đến sự sản xuất nông nghiệp.

Ở Hàn Quốc công nghiệp nông thôn được phát triển theo 2 hướng: Xây dựng các xí nghiệp công nghiệp quy mô phân tán ở các vùng nông thôn, và di chuyển một số xí nghiệp công nghiệp từ các thành phố lớn như Seoul và Pusan về các vùng nông thôn. Các cơ sở sản xuất nhỏ chỉ khoảng 10 hộ gia đình liên kết với nhau thành từng tổ hợp. Năm 70 và đến năm 1980 đã hình thành hàng nghìn cơ sở sản xuất, hoạt động theo hình thức sản xuất tại gia đình là chủ yếu. Các cơ sở ngành nghề truyền thống chiếm khoảng 3% tổng số các xí nghiệp nhỏ và vừa.

Ở Trung Quốc công nghiệp nông thôn được phát triển chủ yếu trên cơ sở các xí nghiệp hương trấn. Xí nghiệp hương trấn được phát triển từ các xí nghiệp xã đội trước đây, có mở thêm các hình thức sở hữu và quản lý. Về cơ bản xí nghiệp hương trấn là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, do nông dân lập nên với sự giúp đỡ của Nhà nước. Hình thức rất đa dạng là xí nghiệp gia đình (hộ và liên hộ), là xí nghiệp hợp tác xã, cấp xã, thôn, là xí nghiệp liên doanh với nước ngoài. Công nghiệp nông thôn Trung Quốc thông qua hình thức xí nghiệp hương trấn đã đạt được những thắng lợi đáng khích lệ. Tính bình quân mỗi năm các xí nghiệp hương trấn thu hút 12 triệu lao động dư thừa từ nông nghiệp, tốc độ tăng trưởng 22-30%/ năm, đóng góp cho ngân sách Trung ương và địa phương ngày càng tăng và trở thành yếu tố quan trọng trong nguồn thu quốc gia.

Ở Đài Loan sự hình thành và phát triển các xí nghiệp vừa và nhỏ phân tán ở nông thôn là một đặc điểm của công nghiệp hoá nói chung và công nghiệp hoá nông thôn nói riêng ở Đài Loan (theo thống kê năm 1993, Đài Loan có trên 700 nghìn xí nghiệp vừa và nhỏ, chiếm 98% tổng số xí nghiệp và 60% tổng số lao động của ngành công nghiệp) và các xí nghiệp này là trung tâm của sự tăng trưởng kinh tế của Đài Loan. Các xí nghiệp vừa và nhỏ có các quy mô rất khác nhau, có xí nghiệp nhỏ gia đình đặt ngay ở góc sân, buồng nhà ở có sẵn. Nhìn chung các xí nghiệp công nghiệp được bố trí gần với nguồn nguyên liệu. Nhà nước khuyến khích lập khu công nghiệp chuyên ngành, lập nhà máy lớn ở khu vực nông thôn. Thực tế Đài Loan đã tạo ra một mô hình phát triển công nghiệp nông thôn với những nội dung phong phú, đa dạng, đem lại hiệu quả kinh tế xã hội rõ rệt. Vấn đề phát sinh lớn nhất trong quá trình phát triển công nghiệp nông thôn Đài Loan là do bố trí các cơ sở công nghiệp quá phân tán ở nông thôn nên gây cho môi trường đất, nước, không khí bị ô nhiễm nặng, đòi hỏi tốn nhiều của và thời gian để khắc phục.

Công nghiệp nông thôn ở một số nước Nam Á như Ấn Độ, Pakixtan, Srilanca chủ yếu là quy mô vừa và nhỏ với hình thức đa dạng (hợp tác xã, hộ gia đình..) và ngành nghề tập trung vào chế biến nông sản và cơ khí sửa chữa.

Công nghiệp nông thôn ở một số nước Đông-Nam Á (trừ Singapo) như Thái Lan, Philippin, Malaixia, Indô nêxia cũng chủ yếu là quy mô vừa và nhỏ, đặc biệt quy mô nhỏ hộ gia đình rất phát triển. Công nghiệp quy mô nhỏ thường phân bố tại các làng xã, công nghiệp quy mô vừa được phân bố tại các thị trấn, vừa làm theo đơn đặt hàng trực tiếp, vừa chế tạo sẵn một số lượng nhỏ máy để bán cho nông dân trước thời vụ. Công

ng nghiệp nông thôn đa số phát triển mạnh ở những khu vực thuận lợi, ven các khu vực đô thị lớn và vùng nông thôn phát triển.

Ở Mỹ (USA) hầu như không có nghề thủ công truyền thống, công nghiệp ở nông thôn cũng là những công nghiệp hiện đại. Tuy nhiên có thể thấy rằng hầu hết các xí nghiệp đặt ở vùng nông thôn là những doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ở Mỹ, kinh doanh vừa và nhỏ chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng và ở đây có một hệ thống trợ giúp kinh doanh nhỏ phát triển nhất. Một thế kỷ trước ở Mỹ chỉ có 300 ngàn hãng nhỏ, giữa những năm 1970 đã lên đến 5 triệu, năm 1980 lên 13 triệu và giữa những năm 1990 là 13 triệu. Những doanh nghiệp nhỏ nhất có số người làm việc tối đa 20 người. Trong thời gian suy thoái gần đây, chính những doanh nghiệp vừa và nhỏ đã giúp giải quyết vấn đề việc làm gay gắt ở Mỹ.

1.2 Xu hướng phát triển mô hình công nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam

Sự phát triển các mô hình công nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam có liên quan chặt chẽ đến điều kiện tự nhiên, sự phát triển kinh tế, xã hội của khu vực có mô hình đó. Điều kiện tự nhiên liên quan đến tiềm năng, địa hình, khí hậu ... sẽ tác động đến loại hình, cách thức tổ chức không gian quy hoạch, kiến trúc công nghiệp vừa và nhỏ. Sự phát triển kinh tế, xã hội coi như là các yếu tố động lực trong sự phát triển các mô hình công nghiệp vừa và nhỏ và liên quan đến tất cả các khía cạnh phát triển của mô hình. Chính các yếu tố này đã quyết định hình loại và sự phát triển các mô hình công nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam.

Ở Việt Nam các yếu tố này có sự biến đổi rất khác nhau theo các vùng kinh tế. Và mỗi vùng kinh tế đó, dưới tác động của các yếu tố trên, sẽ có xu hướng phát triển mô hình công nghiệp vừa và nhỏ riêng biệt, sự riêng biệt này được thể hiện qua các mô hình đặc trưng của mỗi vùng, đó là các vùng: Tây bắc Bắc bộ, Đồng bằng Bắc bộ, Bắc Trung bộ, Duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên, Đông nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Ngoài ra, do đặc điểm thuận lợi về mặt vị trí, việc hình thành các mô hình công nghiệp vừa và nhỏ liên khu vực hành chính (nằm trên 2 khu vực hành chính) là điều tất yếu xảy ra trong thực tại phát triển. Việc nghiên cứu mô hình này nhằm tìm ra sự thống nhất tối ưu trong tổ chức không gian quy hoạch, kiến trúc để đạt được sự hiệu quả trong đầu tư và hoạt động sản xuất của loại hình công nghiệp này. Tránh tình trạng phát triển theo các hướng riêng biệt trên cùng một địa điểm do thuộc các lãnh thổ quản lý hành chính khác nhau.

Thêm vào đó, trong quá trình phát triển các mô hình công nghiệp vừa và nhỏ, việc cải tạo các cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ hiện có nhằm hạn chế tối đa các mặt tiêu cực, đưa các cơ sở công nghiệp này tiếp tục phát triển với chất lượng và hiệu quả đạt được các tiêu chí trong xu thế phát triển mới. Hình thành một hệ thống công nghiệp vừa và nhỏ thống nhất - giữa cái đã có và cái phát triển mới - trên địa bàn cả nước.

Việc nghiên cứu xu hướng phát triển mô hình công nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam sẽ được nghiên cứu theo các khía cạnh nêu trên - 7 vùng kinh tế, liên khu vực hành chính và cải tạo, qua đó tìm ra các mô hình công nghiệp vừa và nhỏ đặc trưng theo các vùng kinh tế và hình thành các cơ sở khoa học cho việc xây dựng các mô hình quy hoạch và tổ chức không gian các cụm công nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn cả nước.

1.2.1 Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội liên quan đến phát triển công nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1.1 Theo các vùng kinh tế

a. Vùng Tây bắc Bắc bộ

- Bao gồm lãnh thổ của các tỉnh: Hoà Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu.
- Là vùng núi cao, địa hình bị chia cắt mạnh. Đất đai có diện tích lớn thuận lợi cho xây dựng cơ sở công nghiệp không nhiều.
- Là vùng có lượng mưa lớn và phân bố không đều trong năm. Sông suối có độ dốc lớn, hay gây lũ quét. Khả năng nguồn nước có trữ lớn rất hạn chế và phân bố không đều.
- Có tiềm năng sản xuất cây công nghiệp (cây chè, sắn, cà phê, cây ăn quả), cây lâm nghiệp (DT lâm nghiệp chiếm tỷ trọng lớn), chăn nuôi bò thịt, bò sữa (đồng cỏ tại cao nguyên Mộc Châu, Nà Sản...).
- Là vùng có các cơ sở hạ tầng tạo vùng như thuỷ điện Hoà Bình, Sơn La. Tạo tiềm năng cho phát triển kinh tế nói chung, đặc biệt tiềm năng thuỷ sản và du lịch.
- Là vùng có nhiều danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hoá (nhà tù Sơn La, Điện Biên Phủ...) tạo tiềm năng cho phát triển du lịch.
- Kinh tế công nghiệp và dịch vụ trong vùng có chiều hướng phát triển song tốc độ còn chậm. Kinh tế nông nghiệp vẫn là chủ đạo.
- Là vùng có điều kiện hạ tầng còn ở mức thấp, ít hấp dẫn các nguồn đầu tư phát triển.
- Là vùng có tỷ lệ đô thị hoá thấp (12,9%). Trình độ lao động thấp, đặc biệt là lao động nông thôn. Đời sống xã hội còn khó khăn
- Là vùng có nhiều dân tộc sinh sống như dân tộc Thái, Mường, Mông... với truyền thống văn hoá đa dạng phong phú.
- Là vùng có chính sách ưu tiên đặc biệt của Đảng và nhà nước trong phát triển.

b. Vùng Đồng bằng Bắc bộ

- Là vùng bao gồm 13 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Hà Tây, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình. Là một trong hai vùng kinh tế phát triển nhất toàn quốc.
- Là vùng có địa hình tương đối bằng phẳng, với 3 khu vực địa hình cơ bản: 1- Khu vực sát trung du – có địa hình tương đối cao, gồm đồi núi thấp xen lẫn thung lũng thấp. 2- Khu vực đồng bằng ven biển – có địa hình thấp, bằng phẳng. 3- Vùng trung tâm đồng bằng Bắc bộ - có địa hình bằng phẳng. Nhìn chung địa hình vùng này thuận lợi cho xây dựng cơ sở công nghiệp có quy mô
- Là vùng có tiềm năng phát triển nông nghiệp tổng hợp (cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi, thuỷ sản ...), tiềm năng về khoáng sản phi kim loại (đất sét, đá vôi, cát cuội, than đá, khí đốt ..), có điều kiện khai thác sử dụng tài nguyên khoáng sản kim loại từ các vùng lân cận. Đây là các yếu tố thuận lợi cho phát triển các ngành nghề công nghiệp vừa và nhỏ.
- Là vùng có kinh tế công nghiệp và dịch vụ phát triển vào hàng đầu trong cả nước. Đây là khu vực tập trung nhiều ngành công nghiệp lớn như : công nghiệp nặng, điện tử, chế tạo máy...
- Là vùng tập trung nhiều ngành nghề truyền thống lâu đời, dân cư có trình độ sản xuất cao.

- Là vùng có điều kiện thuận lợi cho phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và có hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật tương đối hoàn thiện. Là vùng có đầu mối giao thông của quốc gia và miền Bắc, thuận lợi cho phát triển mọi loại hình sản xuất kinh tế.

- Là vùng có tỷ lệ đô thị hoá cao (39,7%). Mật độ dân số cao (1008 người/km²)

Quỹ đất đai cho xây dựng ngày càng khan hiếm.

c. Vùng Bắc Trung bộ

- Là vùng bao gồm 6 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế.

- Là vùng có 3 khu vực khác biệt: 1- Khu vực trung du miền núi - địa hình chia cắt khá mạnh, không thuận lợi trong việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật, kinh tế còn đặc biệt khó khăn. 2- Khu vực đồng bằng - địa hình tương đối bằng phẳng, thuận lợi cho sản xuất và đầu tư. 3- Khu vực ven biển - địa hình thấp, khá bằng phẳng, lợi thế cho phát triển kinh tế du lịch, nuôi trồng thuỷ hải sản, kinh tế cảng và dịch vụ.

- Là vùng có khí hậu nóng, chịu ảnh hưởng của gió Lào, nhiệt độ có thể lên tới 40°C. Chịu ảnh hưởng nhiều của bão, lũ lụt hàng năm.

- Là vùng có trữ lượng nước mặt và nước ngầm khá phong phú.

- Kinh tế của vùng phát triển thấp so với bình quân cả nước trong giai đoạn 1990-2000. Trong giai đoạn hiện nay đã có bước chuyển biến mạnh mẽ về công nghiệp và dịch vụ, đặc biệt là công nghiệp nông thôn

- Là vùng có ngành nghề truyền thống khá đa dạng và phong phú. Các làng nghề truyền thống ra đời gắn với sự hình thành của đô thị, gắn với dòng sông, các vùng nguyên liệu đặc thù đá, cối, ceramic, dầu tầm.... Các cơ sở sản xuất chủ yếu tại gia đình, do đó không có khả năng mở rộng mặt bằng sản xuất, công nghệ thủ công lạc hậu, sản phẩm ít mẫu mã và thiếu sự tinh xảo, lao động tay nghề thấp, khả năng tiếp thị kém, quy mô sản xuất nhỏ không đáp ứng yêu cầu sử dụng nguồn lao động địa phương. Môi trường ở bị ô nhiễm.

- Là vùng có tỷ lệ đô thị hoá. 24,3%

- Là vùng có điều kiện hạ tầng kỹ thuật chưa đáp ứng cho nhu cầu sản xuất.

- Là vùng dân cư sinh sống lâu đời, có truyền thống văn hoá, nhưng đời sống còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt ở khu vực nông thôn

d. Vùng Duyên hải Nam Trung bộ

- Là vùng bao gồm 6 tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà.

- Là vùng có 2 khu vực địa hình cơ bản: 1- Khu vực trung du miền núi - địa hình phức tạp, bị chia cắt mạnh. 2- Khu vực ven biển - địa hình tương đối bằng phẳng, là các dải đồng bằng hẹp, các cồn cát, bãi cát lớn, kết hợp với các khu vực đồi núi sát biển tạo ra các vùng cảnh quan tự nhiên đẹp, có nhiều lợi thế cho phát triển du lịch.

- Là vùng có lượng mưa lớn, các dòng sông ngắn, dốc, thường gây úng lụt lớn về mùa mưa. Về mùa khô bị nước biển thâm nhập vào sâu gây nhiễm mặn nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm ven biển, gây hạn chế về nguồn nước phục vụ dân sinh

- Là vùng có tiềm năng về nuôi trồng hải sản, dịch vụ kinh tế biển. Tiềm năng về nông nghiệp không lớn do đất bị xói mòn mạnh và thoái hoá nhiều. Hệ sinh thái tự nhiên mỏng manh và dễ bị phá vỡ.

- Là một trong 6 vùng phát triển kinh tế công nghiệp của quốc gia, trong đó có 4 tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung. Kinh tế phát triển với các mũi nhọn về xây dựng cảng biển, khu lọc hoá dầu, khu kinh tế mở và sự phát triển của các đô thị lớn,

các khu du lịch biển, các vùng Di sản văn hoá Thế giới... Trong sản xuất nông nghiệp, mũi nhọn là sản xuất thủy hải sản. Trong sản xuất công nghiệp phát triển các ngành khai thác, chế biến, sản xuất hàng tiêu dùng... và ngành tiểu thủ công nghiệp phát triển thành các trung tâm công nghiệp gắn với địa bàn các đô thị lớn. Trong sản xuất dịch vụ, du lịch đang hướng tới là ngành mũi nhọn của vùng.

- Là vùng có nhiều làng nghề truyền thống lâu đời với ngành nghề đa dạng vẫn tiếp tục phát triển mạnh.

- Là vùng có điều kiện cơ sở hạ tầng xã hội- kĩ thuật và tỷ lệ đô thị hoá (13,2%) còn ở mức thấp so với hai vùng phía bắc và phía nam, ít hấp dẫn các nguồn đầu tư phát triển.

- Là vùng hội tụ nhiều luồng văn hoá, chứa đựng nhiều di tích lịch sử và văn hoá phong phú và đa dạng của đất nước. Là nơi người dân cần cù và giàu truyền thống cách mạng, là nơi hậu quả chiến tranh còn nặng nề, lao động ít việc làm, đời sống xã hội còn thấp, đặc biệt là khu vực nông thôn.

- Là vùng tập trung nhiều dân cư song quỹ đất đai có hiệu quả nông nghiệp thấp, vì vậy cần phát triển mạnh công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp nông thôn và các làng nghề.

e. Vùng Tây Nguyên

- Vùng bao gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng, có vị chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng đối với cả nước và khu vực Đông Dương.

- Nhìn chung địa hình bị chia cắt mạnh. Có 3 dạng địa hình chính: 1- Địa hình cao nguyên - có độ dốc từ 3-15°, chủ yếu là khu vực trồng cây công nghiệp như cà phê, cao su, tiêu... 2- Địa hình vùng núi - có độ dốc >25°, chủ yếu là khu vực rừng nguyên sinh và rừng đầu nguồn với nhiều loại động vật, thực vật quý hiếm. 3- Địa hình vùng trũng - có địa hình tương đối bằng phẳng, thích hợp cho phát triển cây lương thực.

- Khí hậu với biên độ nhiệt dao động trong ngày lớn 10°C -15°C, lượng mưa lớn và phân bố không đều, gây khô hạn về mùa khô. Nguồn nước ngầm có trữ lượng dồi dào nhưng phân bố không đều và chi phí khai thác lớn (mực nước sâu 80-100m)

- Có tiềm năng phát triển cây công nghiệp lâu năm như cà phê, cao su..., cây lâm nghiệp (chiếm 29,8% diện tích rừng cả nước), chăn nuôi đại gia súc, tiềm năng khoáng sản như bôxít, đá quý, vàng, kim loại, sản xuất VLXD..., tiềm năng về thủy điện và tiềm năng về du lịch (Đà Lạt, Bản Đôn ... và hệ thống danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử phân bố đều khắp vùng)

- Là vùng đầu nguồn của hầu hết các con sông ở miền Trung và Đông Nam bộ, vì vậy vấn đề bảo vệ môi trường rừng luôn được đặt ra trong mọi hoạt động phát triển.

- Điểm xuất phát chung của nền kinh tế thấp, nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng cao trong nền kinh tế. Quy mô nền kinh tế nhỏ, trình độ sản xuất thấp, trình độ công nghệ còn nhiều hạn chế, thị trường tiêu thụ sản phẩm chưa ổn định, còn hạn hẹp. Công nghiệp chế biến sản phẩm nông, lâm nghiệp, khoáng sản là mũi nhọn trong sản xuất công nghiệp.

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật của vùng chưa đồng bộ, đặc biệt là hạ tầng giao thông, chủ yếu hình thành mạng đường trục từ cấp xã trở lên, mạng lưới đường nhánh còn rất ít. Đường liên tỉnh và liên huyện đã được trải nhựa, đường xuống xã chủ yếu là đường cấp phối và đường đất.

- Tỷ lệ đô thị hoá ở mức 27,5%. Mật độ dân số thấp 72 người/km², vùng núi rất thấp, có nơi chỉ 5-10/km².

- Trong vùng có 45 dân tộc sinh sống, trong đó người Kinh chiếm khoảng 70%, người dân tộc chiếm 30%. Người dân tộc Tây Nguyên giàu truyền thống văn hoá bản địa, cần được gìn giữ và phát huy. Đây là cơ sở cho việc phát triển các ngành nghề thủ công với các sản phẩm mang tính văn hoá truyền thống.

f. Vùng Đông Nam bộ

- Vùng bao gồm 6 tỉnh, thành: TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước, Tây Ninh.

- Có địa hình tương đối bằng phẳng, dốc dần về phía biển. Khu vực phía Bắc và Tây vùng có độ cao 3 – 10m, khu vực đầm lầy ngập mặn ven sông, biển với độ cao 0,5 – 2,5m, khu vực ven biển có địa hình đa dạng, kết hợp giữa đồi núi thấp, bãi cát thoải và vùng đầm lầy, có lợi thế trong phát triển du lịch và kinh tế biển.

- Khí hậu mang tính chất nhiệt đới gió mùa cận xích đạo. Nền nhiệt độ cao và ít thay đổi, lượng mưa dồi dào, phân bố không đều.

- Nguồn nước mặt và nước ngầm của vùng khá phong phú. Tuy nhiên, do tình trạng xâm nhập mặn vào sâu trong sông Đồng Nai, Sài Gòn, gây bất lợi cho việc cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất. Nước ngầm ở một số khu vực ven biển bị nhiễm phèn, mặn. Hiện nay việc khai thác nước ngầm không được kiểm soát làm mực nước ngầm bị tụt, đất lún sụt, ảnh hưởng đến chất lượng nước và các tầng địa chất.

- Có tiềm năng về dầu khí và các sản phẩm từ dầu khí, kinh tế biển (vận tải, cảng, thủy sản, du lịch...). Tiềm năng đất cho sản xuất nông nghiệp không lớn, cần phải chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp - TTCN, dịch vụ.

- Là một trong khu vực kinh tế trọng điểm của cả nước với sự phát triển kinh tế năng động, là vùng có tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ cao nhất cả nước, là khu vực trọng điểm trong chiến lược phát triển du lịch của quốc gia, là vùng có cửa khẩu quan hệ quốc tế lớn nhất nước, thu hút nhiều dự án đầu tư lớn. Sản xuất nông nghiệp mang tính tổng hợp và theo hướng hình thành các vùng sản xuất chuyên canh. Là một trong các trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước với ngành nghề sản xuất đa dạng. Các làng nghề trong vùng được khôi phục và phát triển. Số lượng cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ vào hàng đầu cả nước.

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội khá đồng bộ, mặc dầu vậy ở các đô thị nhỏ và vùng nông thôn trong vùng cần phải nâng cao hơn nữa. Môi trường sinh thái bị ô nhiễm, đây là vấn đề phải lưu ý trong mọi hoạt động phát triển.

- Tỷ lệ đô thị hóa cao 59,51%. Mật độ dân số của vùng ở mức trung bình 480 người/km², dân cư tập trung chủ yếu ở TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu và Đồng Nai.

- Trình độ dân trí cao hơn các vùng khác trong cả nước, trình độ lao động còn thấp. Lao động thiếu việc làm hiện nay vẫn còn chiếm tỷ lệ lớn và một số chưa qua đào tạo. Đời sống của dân cư vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn. Sự phân hóa giàu nghèo diễn ra ngày cao, tạo khoảng cách lớn giữa các tầng lớp lao động trong xã hội.

g. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

- Vùng bao gồm 13 tỉnh, thành phố: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Bạc Liêu, An Giang, Đồng Tháp, TP. Cần Thơ, Hậu Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Kiên Giang, Cà Mau.

- Có địa hình thấp, tương đối bằng phẳng, cao trình phổ biến từ 0,2 – 1,0 m. Nhìn chung địa hình có dạng lòng chảo, vùng ven sông, đường xá thường cao hơn các khu vực khác (trừ khu vực gò, đồi), tạo nên tình trạng ngập úng kéo dài tại những khu vực nội đồng, đặc biệt là khu vực phía Bắc Sông Hậu. Đặc điểm này cùng với yếu tố giao thông thủy là nhân tố ảnh hưởng lớn đến việc tập trung dân cư ven các tuyến đường thủy (sông rạch) và tuyến đường bộ, tạo thành chuỗi liên hoàn. Còn khu vực nội đồng dân cư thưa thớt, tập trung thành những điểm dân cư tại những gò hay cù lao.

- Có mạng lưới sông, kênh, rạch chằng chịt với tổng chiều dài khoảng 28.000km, thuận lợi cho giao thông đường thủy. Nguồn nước mặt và nước ngầm dồi dào. Là vùng bị ngập định kỳ, mực nước ngập dao động từ 0,8 – 1,2 m, có nơi ngập sâu đến 1,5 m.

- Đất đai phì nhiêu, khí hậu ôn hoà tạo tiềm năng cho phát triển nông nghiệp. Đây là vùng vựa lúa lớn nhất cả nước. Có tiềm năng thủy sản, sản lượng chiếm khoảng 45% sản lượng của cả nước. Ngoài ra còn có các tiềm năng đáng kể khác như cảng sông và du lịch (miệt vườn, Phú Quốc...).

- Là vùng có nền đất yếu nên chi phí cao trong xây dựng nền móng công trình.

- Kinh tế đã có sự chuyển dịch rõ nét theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, nhưng sản xuất nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn (48,3%) trong cơ cấu kinh tế vùng. Trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và sản xuất lúa đóng vai trò chủ đạo. Trong sản xuất công nghiệp, công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến thủy sản là mũi nhọn, chiếm 51% sản lượng toàn quốc. Các ngành nghề truyền thống cũng khá phát triển như: Gốm sứ, đồ gỗ nội thất, đóng ghe xuồng... Công nghiệp vừa và nhỏ phát triển vào loại hàng đầu cả nước.

- Là vùng có hệ thống cơ sở hạ tầng ở mức trung bình, đặc biệt một số mặt còn yếu như: đường giao thông nông thôn, nước sạch..., vấn đề ô nhiễm môi trường đang tăng nhanh, vì vậy hạ tầng kỹ thuật đầu mối và bảo vệ môi trường là vấn đề cần phải lưu tâm trong phát triển các cụm công nghiệp vừa và nhỏ.

- Tỷ lệ đô thị hóa 32,54%. Mật độ dân số ở mức trung bình 437 người/km².

- Trình độ lao động không đồng đều, tỷ lệ lao động qua đào tạo thấp. Các ngành kỹ thuật và công nghệ cao còn thiếu nhiều nhân lực. Lao động thiếu việc làm còn ở mức cao so với bình quân cả nước. Tập quán lối sống của người dân phóng khoáng, gần gũi với thiên nhiên, có ảnh hưởng tới tập quán sản xuất của người dân, đại bộ phận người lao động đi làm mướn, một số người có đất đai rộng, có vốn thì tổ chức sản xuất với quy mô lớn.

1.2.1.2. Các vấn đề liên quan đến mô hình liên xã, liên khu vực

- Xã là đơn vị hành chính cơ sở của nông thôn Việt Nam. Thông thường, một xã bao gồm 3~5 xã khác và 1 trong các trung tâm xã của các xã này được chọn làm Trung tâm vùng liên xã. Cụm công nghiệp vừa và nhỏ vùng liên xã được hình thành tại các khu vực Trung tâm vùng liên xã, nhằm khai thác sử dụng các tiềm năng và nguồn lao động các xã trong vùng. Nó cũng là nơi thu hút các ngành nghề sản xuất phân tán trong vùng để tạo điều kiện cho các ngành nghề này phát triển. Khái niệm Trung tâm liên xã hiện nay chủ yếu áp dụng cho các khu vực thuộc vùng miền núi, kinh tế kém phát triển.

- Các khu vực có giáp ranh giữa hai hay nhiều khu vực hành chính, đồng thời là khu vực quan trọng trong phát triển kinh tế, có yêu cầu đặc điểm sử dụng, tổ chức các hoạt động kinh tế chung thì có thể gọi là các vùng liên khu vực. Các vùng liên khu vực thường được hình thành trên cơ sở yếu tố giao thông quan trọng (là ranh giới giữa các khu vực hành chính) và tiềm năng của các khu vực hành chính giáp nhau, Mức độ phát

triển cụm công nghiệp ở đây phụ thuộc vào loại quy mô khai thác tiềm năng của cấp xã hay huyện, phụ thuộc vào tính chất vùng chứa khu vực đó (vùng nông nghiệp, vùng ven đô...).

1.2.1.3. Các vấn đề liên quan đến mô hình cải tạo

- Hiện nay, các cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn đã hình thành và đang có nhu cầu cần cải tạo, đa số chỉ tập trung dưới các dạng các làng nghề (*làng nghề truyền thống và làng nghề mới*) và các điểm sản xuất công nghiệp nhỏ phân tán trong khu vực nông thôn.

- Các ngành nghề chủ yếu của công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn gồm có sản xuất thực phẩm, đồ uống (35.5%), sản xuất thủy tinh, gốm sứ, VLXD (11.5%), chế biến gỗ, lâm sản (8.9%), sản xuất các sản phẩm từ kim loại (6.2%), sản xuất đồ mộc nội ngoại thất (5.6%), nghề dệt may (3.6%)..... Các ngành nghề này đa phần đòi hỏi mặt bằng sản xuất lớn, tập trung và sử dụng nhiều công nghệ, máy móc thiết bị mới trong quá trình cải tạo.

- Hiện cả nước có 2017 làng nghề. Các khó khăn chính hiện nay về tổ chức không gian trong các làng nghề là khu sản xuất gắn liền với không gian ở của từng hộ gia đình, cộng với hạ tầng kỹ thuật yếu kém, quá tải không đáp ứng yêu cầu sản xuất, đặc biệt là giao thông, thoát nước thải và rác thải, gây ô nhiễm môi trường ở nghiêm trọng. Thiếu, không có hoặc hình thành nhưng không hiệu quả không gian tổ chức hoạt động để tôn vinh quảng cáo sản phẩm làng nghề. Vì vậy các làng nghề rất cần được nghiên cứu đầu tư cải tạo nhiều mặt để đáp ứng các nhu cầu mới.

1.2.2. Đặc điểm thực tại phát triển các mô hình công nghiệp vừa và nhỏ

a. Vùng Tây bắc Bắc bộ

- Công nghiệp vừa và nhỏ của vùng chưa phát triển, chiếm tỷ trọng 1% so với cả nước, trong đó công nghiệp chế biến là chủ yếu (chiếm 67,9% trong tổng số 78 doanh nghiệp) và sử dụng lực lượng lao động nhiều nhất. Các đơn vị sản xuất công nghiệp vừa và nhỏ trong vùng bao gồm các doanh nghiệp công nghiệp., hợp tác xã làng nghề và hộ gia đình trong làng nghề truyền thống và được tổ chức sản xuất chủ yếu dưới dạng cụm công nghiệp đa nghề. Làng nghề và cụm công nghiệp đơn ngành kém phát triển và không phổ biến.

- Năm 2003.toàn vùng có tổng số có 247 làng nghề, tập trung chủ yếu ở Sơn La (199 làng). Các làng nghề hiện hoạt động không rõ nét, có trên 90% làng nghề muốn được khôi phục nhưng rất khó khăn do vị trí địa lý, trình độ dân trí, công nghệ và khả năng tiêu thụ sản phẩm.

- Các ngành nghề công nghiệp vừa và nhỏ trong vùng phát triển tương đối đa dạng. Có thể chia thành 4 nhóm ngành gồm nhóm chế biến nông, lâm sản, nhóm xây dựng cơ khí và dịch vụ, nhóm khai thác khoáng sản và các làng nghề thủ công truyền thống với các nghề dệt, thêu ren, chế tác gỗ, mây tre đan.

- Công nghiệp đa ngành phân bố chủ yếu trên trục Quốc lộ, tỉnh lộ, tiệm cận với các thị trấn, thị tứ, gần với vùng nguyên liệu và gần các nguồn nước mặt. Các làng nghề

truyền thống phân bố ở các làng, bản xa các trục giao thông chính, điều kiện đi lại khó khăn.

- Trình độ công nghệ ở mức trung bình (chiếm 70,5%) đối với công nghiệp đa ngành/ đơn ngành. Đối với làng nghề còn mang nặng tính thủ công.

- Khả năng cạnh tranh thấp, thiếu thông tin thị trường, khả năng đầu tư thấp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật thấp kém, nhiều khu vực bị ô nhiễm về nước thải (cấp và thoát cùng một hệ thống sông suối, điều kiện xử lý còn chưa đảm bảo).

b. Vùng Đồng bằng Bắc bộ

- Phát triển mạnh (1732 doanh nghiệp, đứng thứ 3 cả nước) với nhiều loại hình: Công nghiệp đa ngành, đơn ngành, làng nghề truyền thống, làng nghề mới. Công nghiệp đa ngành phát triển ở những khu vực có trình độ sản xuất khá, có nguồn nhân lực dồi dào, tay nghề cao, có quỹ đất thuận lợi dành cho sản xuất công nghiệp, có hệ thống hạ tầng tốt. Công nghiệp đơn ngành chủ yếu ở những khu sản xuất tập trung của làng nghề truyền thống, được hình thành do nhu cầu mở rộng về quy mô và giải quyết vấn đề môi trường, hoặc ở khu công nghiệp mới của địa phương gắn với nguồn nguyên liệu sẵn có. Làng nghề thủ công truyền thống hoạt động cùng một loại nghề, mang tính chất sản xuất nhỏ hộ gia đình. Trong vùng hiện có khoảng trên 866 làng nghề. Làng nghề mới mang tính đa nghề và thường có mức độ ô nhiễm môi trường cao, (không khí và nguồn nước) do hệ thống hạ tầng và môi trường sản xuất cũ không thích ứng với ngành nghề mới.

- Ngành nghề chủ yếu là dệt may, chế biến nông sản, sản xuất giấy, xuất bản, in ấn, sản xuất sửa chữa cơ khí nông nghiệp, chế biến gỗ, tái chế phế thải, thiết bị viễn thông, văn phòng... Ngoài ra đây còn là khu vực sản xuất nhiều mặt hàng thủ công truyền thống như mây tre, sơn mài, gốm sứ, thêu ren, kim khí...

- Các cụm công nghiệp đa ngành chủ yếu phân bố trên các tuyến giao thông chính của vùng và của tỉnh, nằm trong các vùng nguyên liệu, gần các khu dân cư có trình độ lao động nhằm hạn chế chi phí sản xuất, vận chuyển đồng thời khai thác một cách hiệu quả nguồn nhân lực tại địa phương.

- Quy mô của công nghiệp vừa và nhỏ chưa nhất quán, có nơi rất lớn 53 ha, có nơi lại quá nhỏ 3-6ha, thường là 10-15ha đối với cụm công nghiệp đa, đơn ngành và 8-10ha đối với khu công nghiệp làng nghề. Quy mô nhà xưởng thường nhỏ, ít được đầu tư xây dựng kiên cố. Một cụm công nghiệp đa ngành thường có khoảng 7-10 loại ngành nghề tương ứng với 7-10 xí nghiệp sản xuất. Các ngành nghề có mức độ ảnh hưởng đến môi trường thấp và ít ảnh hưởng đến nhau. Tuy nhiên chưa có sự phối hợp để đạt hiệu quả sản xuất cao. Trong cụm công nghiệp chuyên ngành đa phần có khoảng 10-15 xí nghiệp. Thường là những ngành nghề có mức độ ảnh hưởng đến môi trường cao (dệt, thuộc da...). Các làng nghề truyền thống hầu hết đều dựa trên cơ sở ngành nghề có sẵn tại địa phương. Mức độ ô nhiễm môi trường trong các làng nghề là rất lớn do mật độ sản xuất chật hẹp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật thấp kém. Hiện có xu hướng tách phần sản xuất ra ngoài khu dân cư sinh sống. Các làng nghề mới có ngành nghề rất đa dạng.

- Mô hình tổ chức không gian đa dạng, nhưng đa phần giống mô hình KCN tập trung thu nhỏ với cơ cấu đất đai: đất XN công nghiệp 50 – 55 %, khu kỹ thuật 3 – 4 %, đất công cộng 3 – 4 %, đất cây xanh TDTT 12 - 15 %, đất giao thông, kho bãi 20 - 27

%. Đối với làng nghề, không gian sản xuất có xu hướng tách khỏi khu ở và tiếp cận với đường giao thông để tiếp thị.

- Trong sản xuất mức độ cơ khí hoá mới khoảng 40% đối với công nghiệp đa ngành/ đơn ngành. Đối với làng nghề còn mang nặng tính thủ công.

c. Vùng bắc Trung bộ

Đây là khu vực phát triển công nghiệp nông thôn và làng nghề khá phong phú với nhiều loại hình: Công nghiệp đa ngành, đơn ngành, làng nghề truyền thống, làng nghề mới. Công nghiệp đa ngành là chủ đạo do đặc thù điều kiện tự nhiên và đại lý kinh tế tạo cho vùng nguồn nguyên vật liệu và sản phẩm rất phong phú. Công nghiệp đơn ngành chủ yếu ở những khu sản xuất tập trung của làng nghề truyền thống, được hình thành do nhu cầu mở rộng về quy mô và giải quyết vấn đề môi trường, hoặc ở khu công nghiệp mới của địa phương gắn với nguồn nguyên liệu sẵn có. Làng nghề thủ công truyền thống hoạt động cùng một loại nghề, mang tính chất sản xuất nhỏ hộ gia đình. Trong vùng hiện có khoảng trên 350 làng nghề.

- Ngành nghề chủ yếu là Khai thác khoáng sản, chế biến nông sản, sản xuất giấy, sản xuất sửa chữa cơ khí nông nghiệp, chế biến gỗ, ... Ngoài ra đây còn là khu vực sản xuất nhiều mặt hàng thủ công truyền thống như mây tre, sơn mài, gốm sứ, thêu ren, kim khí, chế tác đá...

- Các cụm công nghiệp đa ngành chủ yếu phân bố trên các tuyến giao thông chính của vùng và của tỉnh, nằm trong các vùng nguyên liệu, gần các khu dân cư có trình độ lao động, có điều kiện hạ tầng thuận lợi nhằm hạn chế chi phí sản xuất, vận chuyển đồng thời khai thác một cách hiệu quả nguồn nhân lực tại địa phương.

- Quy mô của công nghiệp vừa và nhỏ chưa nhất quán, có nơi rất lớn 60 ha, có nơi lại quá nhỏ 3-6ha, thường là 5-20ha đối với cụm công nghiệp đa, đơn. Quy mô nhà xưởng thường nhỏ, ít được đầu tư xây dựng kiên cố. Một cụm công nghiệp đa ngành thường nhiều loại ngành nghề tương ứng với các cơ sở sản xuất. Tuy nhiên các cơ sở sản xuất trong cùng một cụm chưa có sự phối hợp để đạt hiệu quả sản xuất cao. Các làng nghề truyền thống hầu hết đều dựa trên cơ sở ngành nghề có sẵn tại địa phương. Mức độ ô nhiễm môi trường trong các làng nghề là rất lớn do mật độ sản xuất chật hẹp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật thấp kém. Hiện có xu hướng tách phần sản xuất ra ngoài khu dân cư sinh sống. Các làng nghề mới có ngành nghề rất đa dạng.

- Trong sản xuất mức độ cơ khí hoá mới khoảng 40% đối với công nghiệp đa ngành/ đơn ngành. Đối với làng nghề còn mang nặng tính thủ công.

- Một số nghề chế biến có vai trò chủ lực như thực phẩm, vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm sản, sản xuất hàng tiêu dùng. Nhiều cơ sở có thiết bị và công nghệ tiên tiến. Hiện trong Vùng có nhiều khu công nghiệp và nhiều cụm công nghiệp thu hút nhiều dự án đầu tư dự án đầu tư, Quy mô và số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, làng nghề trong Vùng phát triển rất nhanh, nhưng còn thiếu định hướng và tự phát.

- Ngoài trừ vùng trung du miền núi còn gặp nhiều khó khăn về hạ tầng. Còn lại đều rất thuận lợi về hạ tầng, lao động, nguyên vật liệu và chính sách cho phát triển công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp nông thôn. Vì vậy ở đây lựa chọn mô hình công nghiệp tập trung quy mô từ 10 – 30 ha đa ngành do nhà nước quản lý thu hút đầu tư.

d. Vùng Duyên hải Nam Trung bộ

- Nhìn chung mức độ phát triển công nghiệp vừa và nhỏ trong vùng ở mức trung bình, với 350 doanh nghiệp và 871 làng nghề thủ công. Số làng nghề tập trung chủ yếu ở

Quảng Nam và Bình Định. Các cơ sở công nghiệp nông thôn được tổ chức hoạt động thành nhiều dạng như hộ gia đình, làng nghề truyền thống, làng nghề mới, doanh nghiệp và đa số có quy mô nhỏ. Vì vậy hạn chế khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá cả và khả năng xuất khẩu còn thấp; hạn chế thông tin về thị trường tiêu thụ quảng bá sản phẩm, làm qui mô sản xuất chậm phát triển; khó khăn trong việc đầu tư mở rộng sản xuất, quản lí và sử dụng điều kiện hạ tầng kĩ thuật cũng như các chính sách hỗ trợ hoạt động.

- Các ngành nghề nông thôn phát triển rất đa dạng, gắn bó với sự phát triển của kinh tế- xã hội, các vùng nguyên liệu và đặc biệt gắn bó với các hoạt động làng nghề truyền thống. Có thể chia thành 3 nhóm ngành: Nhóm chế biến nông lâm hải sản, nhóm tiểu thủ công nghiệp- xây dựng và nhóm dịch vụ, trong đó nhóm chế biến nông, lâm, thủy sản có tỉ trọng cao nhất cũng như sử dụng lực lượng lao động nhiều nhất. Các cụm công nghiệp hoạt động chủ yếu các ngành nghề như chế biến hải sản, gỗ, khai thác, thực phẩm đồ uống, chế, SX thủy tinh, gốm sứ, VLXD, sản phẩm kim loại. Các làng nghề hoạt động sản xuất cói, mây tre đan, gốm sứ, sơn mài, thêu ren, dệt vải, đồ gỗ, chạm khắc đá, giấy thủ công, hàng kim khí....

- Các cơ sở hiện nay phân bố rải rác trên địa bàn và xen với các khu dân cư như phân bố ven đường giao thông, tiếp cận với các điều kiện hạ tầng kĩ thuật nông thôn sẵn có, phát triển trong khuôn viên hộ gia đình.

- Làm cho nhiều khu vực nông thôn và đất đai nông nghiệp bị ảnh hưởng ô nhiễm về nước thải, rác thải, không khí, tiếng ồn..., đặc biệt từ các hoạt động sản xuất như đúc đồng, chế biến hải sản, khai thác và chế biến vật liệu xây dựng.

- Trình độ và công nghệ chủ yếu ở mức trung bình (chiếm 77,9%).

e. Vùng Tây Nguyên

- So với các vùng kinh tế trong cả nước, Tây Nguyên là vùng mới phát triển, vì vậy kinh tế công nghiệp cũng nằm trong bối cảnh chung của vùng. Nhìn chung công nghiệp mới phát triển mạnh trong những năm gần đây, chủ yếu là công nghiệp vừa và nhỏ. Mặc dầu vậy, số lượng các cơ sở sản xuất công nghiệp vừa và nhỏ còn ở mức thấp so với cả nước (162 cơ sở, chiếm 2,1%). Tốc độ phát triển tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn vào mức trung bình khá so với cả nước và vùng có tiềm năng về phát triển các ngành nghề truyền thống (bản sắc dân tộc và du lịch), nhưng số làng nghề hầu như chưa phát triển (2 làng nghề). Ngành nghề TTCN truyền thống đa số phát triển tự phát, nhỏ lẻ tại các hộ gia đình. Đây là vấn đề cần khắc phục và đẩy mạnh phát triển các làng nghề truyền thống trong thời gian tới. Các cơ sở sản xuất của các doanh nghiệp chủ yếu dưới dạng điểm công nghiệp đơn ngành như chế biến cà phê, cao su

- Những lĩnh vực công nghiệp vừa và nhỏ được ưu tiên phát triển trong vùng là công nghiệp khai thác khoáng sản (bô xít, VLXD....), công nghiệp chế biến nông lâm sản (gỗ, giấy, sản phẩm cây CN..), công nghiệp nhẹ (dệt, may, giày da, thực phẩm-đồ uống), công nghiệp hoá chất (cao su, phân vi sinh..), công nghiệp cơ khí, điện tử, điện, nước. Các ngành nghề TTCN truyền thống mang tính đặc sắc của vùng như dệt vải, thêu ren, đồ gỗ, mây tre đan, ... và nhiều ngành nghề truyền thống lâu đời này đã thu hút nhiều lao động, có thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

- Hầu hết các xí nghiệp công nghiệp đều có quy mô nhỏ. Công nghệ thiết bị lạc hậu, không đồng bộ. Sản phẩm chất lượng chưa cao, tính cạnh tranh thấp.

- Cơ sở hạ tầng kĩ thuật yếu kém, đặc biệt là hạ tầng giao thông cấp cơ sở. Khả năng hấp dẫn đầu tư thấp (*kể cả đầu tư trong nước và nước ngoài*).

- Lực lượng lao động thu hút vào sản xuất công nghiệp chiếm tỷ trọng còn ở mức thấp 1,31%, trình độ lao động thấp.

f. Vùng Đông nam bộ

- Trong xu thế công nghiệp vùng ngày càng phát triển mạnh, công nghiệp vừa và nhỏ cũng tăng nhanh về mặt số lượng (1973 cơ sở), đứng vào hàng thứ 2 của cả nước, tập trung nhiều nhất ở TP. Hồ Chí Minh (56,55%), Đồng Nai (13,83%). Trong đó số cơ sở ngành chế biến nông lâm thủy sản, dệt may, da giày chiếm tỷ trọng cao nhất và sử dụng nhiều nhân công lao động nhất. Dạng phổ biến các cụm công nghiệp nông thôn trong vùng là cụm công nghiệp đa ngành do chủ đầu tư tự khai thác, có quy mô nhỏ. Toàn vùng có 47 làng nghề (năm 2002) và phân bố khá đều trong vùng. Các làng nghề truyền thống vẫn phát triển trên cơ sở làng nghề cũ, các làng nghề mới được phát triển gắn liền với vùng nguyên liệu và sử dụng lao động tại chỗ. Nhìn chung các làng nghề đều sản xuất theo kiểu sản xuất nhỏ

- Các ngành nghề trong cụm công nghiệp nông thôn trong vùng khá đa dạng bao gồm: chế biến nông, lâm, thủy sản, sơn mài, gốm sứ, SX đồ nhựa, dệt may, da giày..., một số nghề mới như SX hàng tiêu dùng, phục vụ du lịch, xuất khẩu và gia công chi tiết, tận dụng phế phụ phẩm để sản xuất từ các khu công nghiệp lớn trong vùng. Cụ thể các ngành nghề phân bố: 25% chế biến thực phẩm, đồ uống, 18% dệt may, da giày, 15% SX hàng tiêu dùng, 8% khai thác, VLXD, 7% hóa chất, 6% cơ khí, 21% các ngành khác (gốm sứ, gỗ mỹ nghệ, sơn mài, mây tre...). Các ngành nghề thủ công truyền thống chủ yếu là gốm sứ, sơn mài, mây tre đan, vải, gỗ, đá mỹ nghệ, hàng kim khí Nhiều ngành nghề sử dụng nhiều lao động, có thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

- Các cụm công nghiệp nông thôn phân bố phân tán, dọc theo Quốc lộ, tỉnh lộ, nơi có điều kiện thuận tiện về nguồn nguyên liệu, lao động, về giải phóng mặt bằng với mục đích thu hút đầu tư. Do có quy mô nhỏ, bố trí phân tán nên đầu tư kết cấu hạ tầng rất khó khăn.

- Đối với các cụm công nghiệp trình độ và công nghệ chủ yếu ở mức độ trung bình (chiếm 76%). Đối với làng nghề công nghệ ở mức lạc hậu, khả năng cạnh tranh hạn chế về cả chất lượng, số lượng.

- Các cụm công nghiệp ở nông thôn và làng nghề thường gây ô nhiễm môi trường về khói bụi, nguồn nước do không có hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn, dây chuyền công nghệ lạc hậu, xây dựng chắp vá, hạ tầng kỹ thuật quá tải.

- Các cụm công nghiệp phát triển thiếu quy hoạch, chưa quan tâm đến vấn đề xúc tiến thương mại. Phần lớn các cơ sở sản xuất có vốn ít, khả năng đầu tư mở rộng thấp.

g. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

- Công nghiệp vừa và nhỏ trong vùng phát triển năng động và mạnh nhất trong cả nước, với 2387 cơ sở sản xuất, trong đó chế biến thủy sản là mũi nhọn (chiếm 51% sản lượng toàn quốc) và tạo ra nhiều chỗ làm cho người lao động, đồng thời cũng gây ô nhiễm môi trường cao và đòi hỏi mặt bằng sản xuất lớn. Sau chế biến thủy sản là chế biến nông sản (lương thực, hoa quả...). Các doanh nghiệp vừa và nhỏ trung bình có mức vốn lưu động khoảng 3 tỷ đồng và 20 lao động thường xuyên. Toàn vùng có 221 làng nghề truyền thống có thời gian phát triển từ 100-200 năm, tập trung chủ yếu ở Vĩnh Long, Cần Thơ, Bạc Liêu và Tiền Giang. Hình thức sản xuất của các làng nghề là sản xuất tại hộ gia đình.

- Công nghiệp vừa và nhỏ trong vùng phát triển cả 2 dạng cụm công nghiệp đa ngành và đơn ngành và có cơ cấu như một khu công nghiệp tập trung thu nhỏ. Các cụm

đa ngành có quy mô tương đối lớn (>30ha), nằm tách khỏi khu dân cư từ 700 – 3000m để gần vùng cung cấp nguyên liệu. Cụm đơn ngành được hình thành do nhu cầu mở rộng sản xuất và đảm bảo điều kiện sinh môi trường nên thường gần với làng nghề hay điểm dân cư, thường khoảng cách giữa các cụm này tới các làng nghề thường từ 500-800m. Các cụm công nghiệp vừa và nhỏ phân bố chủ yếu ven các đường giao thông, ven sông rạch, tiếp cận với hệ thống hạ tầng kỹ thuật nông thôn sẵn có. Ngoài các cụm nói trên còn có dạng cơ sở TTCN phân tán đơn lẻ, sản xuất tại hộ gia đình, diện tích mỗi hộ sản xuất khoảng 1000m².

- Các ngành nghề công nghiệp vừa và nhỏ bao gồm chế biến thủy sản, lương thực, hoa quả, thức ăn gia súc, SX giấy, hàng mây tre đan, cối, mộc gia dụng, làm hương, đóng và sửa chữa ghe xuồng sửa chữa cơ khí nhỏ... Đối với làng nghề chủ yếu là sản xuất mây tre đan, dệt cối, đồ gỗ và kim khí, dệt, thêu.

- Trong tổ chức cụm công nghiệp còn nhiều bất cập như sử dụng nhiều lao động từ nơi khác đến nhưng chưa có quy hoạch khu ở cho công nhân; cơ cấu đất khu vực sản xuất lớn, đất cây xanh ít chưa giảm thiểu được những ảnh hưởng xấu từ khu vực sản xuất đến môi trường xung quanh; chưa có loại hình xây dựng cho thuê nhà xưởng trong cụm công nghiệp vừa và nhỏ.

- Đối với các cụm công nghiệp trình độ và công nghệ chủ yếu ở mức độ trung bình. Đối với làng nghề công nghệ ở mức lạc hậu, khả năng cạnh tranh hạn chế về cả chất lượng, số lượng.

- Các cụm công nghiệp ở nông thôn và làng nghề thường gây ô nhiễm môi trường về khói bụi, nguồn nước do không có hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn, dây chuyền công nghệ lạc hậu, xây dựng chắp vá, hạ tầng kỹ thuật quá tải.

- Các cụm công nghiệp phát triển thiếu quy hoạch, chưa quan tâm đến vấn đề xúc tiến thương mại. Phần lớn các cơ sở sản xuất có vốn ít, khả năng đầu tư mở rộng thấp.

1.2.3 Định hướng phát triển công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn toàn quốc

Trên cơ sở phương hướng phát triển của các cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn trong thời gian tới, một số định hướng phát triển công nghiệp vừa và nhỏ có liên quan đến xây dựng mô hình quy hoạch và tổ chức không gian cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn như sau:

- Phát triển công nghiệp, dịch vụ, các ngành nghề đa dạng, chú trọng công nghiệp chế biến, cơ khí phục vụ nông nghiệp, các làng nghề.

- Mở mang các làng nghề, phát triển các điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, đưa công nghiệp sơ chế và chế biến về nông thôn và vùng nguyên liệu; phát triển lĩnh vực dịch vụ cung ứng vật tư kỹ thuật, trao đổi nông sản hàng hoá ở nông thôn....

- Ưu tiên cho thuê đất với mức giá thuê đất thấp nhất đối với các cơ sở ngành nghề nông thôn có nhu cầu sử dụng đất để di dời các cơ sở sản xuất cũ chật hẹp, ô nhiễm môi trường...

- Các cụm công nghiệp phải được thiết kế, bố trí không gian phù hợp với cảnh quan môi trường nông thôn của từng vùng, từng địa phương:

- . Vùng Đồng bằng sông Hồng: Cần đẩy mạnh phát triển các cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ, ngành nghề nông thôn..... Các cụm công nghiệp vừa và nhỏ chỉ nhằm mục đích chủ yếu là di dời các cơ sở sản xuất gây ô

niêm của các làng nghề. Quy mô đất đai của các cụm công nghiệp chỉ nên ở mức 10-15ha.

. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Các cơ sở sản xuất nông thôn ở vùng này thường tập trung vào chế biến nông, thủy, hải sản có quy mô vừa với công nghệ hiện đại nhằm gia tăng giá trị xuất khẩu và tận dụng tối đa nguyên vật liệu địa phương.

. Đối với các vùng núi cao: Các cơ sở sản xuất công nghiệp còn ít, phân tán, dân cư sống thưa thớt. Chính vì vậy các vùng này cần cân nhắc khi xây dựng các cụm công nghiệp vừa và nhỏ.

. Đối với các vùng Trung du, Tây Nguyên, Đông Nam bộ: Hình thành các cụm công nghiệp vừa và nhỏ để khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực chế biến công nghiệp vừa và nhỏ với công nghệ và thiết bị hiện đại phục vụ cho xuất khẩu và nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước. Mặt khác các cụm công nghiệp này cũng sẽ thúc đẩy phát triển các cơ sở TTCN, dịch vụ và duy trì phát triển các ngành nghề truyền thống.

1.2.4 Quan điểm xây dựng mô hình quy hoạch và tổ chức không gian các cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn

- Đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường chung
- Phù hợp với nhu cầu phát triển của từng vùng
- Thúc đẩy nhanh quá trình đô thị hoá nông thôn
- Phù hợp với điều kiện đất đai từng vùng
- Đảm bảo cho việc đổi mới công nghệ, nâng cao tính cạnh tranh, nâng cao chất lượng sản phẩm, gắn với thị trường
- Tận dụng điều kiện hạ tầng kỹ thuật sẵn có
- Tạo điều kiện tốt cho quản lý

1.2.5 Phân loại mô hình công nghiệp vừa và nhỏ đặc trưng ở nông thôn theo các vùng kinh tế trên địa bàn cả nước

Trên cơ sở đặc điểm phát triển kinh tế, xã hội và thực tại phát triển công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn trên từng vùng kinh tế của cả nước, các mô hình công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn đặc trưng theo từng vùng kinh tế được xác định như sau

- Vùng Tây bắc Bắc bộ: 2 mô hình đặc trưng là Mô hình Cụm công nghiệp và Mô hình Điểm công nghiệp - TTCN.

- Vùng Đồng bằng Bắc bộ: 2 mô hình đặc trưng là Cụm công nghiệp đa ngành, đơn ngành và Điểm công nghiệp làng nghề

- Bắc Trung bộ : 1 mô hình đặc trưng là Cụm công nghiệp đa ngành.

- Vùng Duyên hải Nam Trung bộ : 2 mô hình đặc trưng là Cụm công nghiệp đa ngành và Điểm công nghiệp làng nghề

- Vùng Tây Nguyên : 2 mô hình đặc trưng là Cụm công nghiệp đa ngành và Làng nghề

- Vùng Đông Nam bộ : 2 mô hình đặc trưng là Cụm công nghiệp đa ngành và Điểm công nghiệp làng nghề

- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long : 2 mô hình đặc trưng là Cụm công nghiệp đa ngành và Điểm công nghiệp làng nghề

CHƯƠNG II

XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỦA CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN ĐIỂN HÌNH TRÊN TOÀN QUỐC

2.1. Mô hình công nghiệp vừa và nhỏ đặc trưng ở nông thôn vùng Tây bắc Bắc bộ

2.1.1. Nội dung mô hình.

a. Cụm công nghiệp đa ngành.

- Chủ yếu là công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Hạn chế các công nghiệp độc hại nhất và ảnh hưởng đến ô nhiễm nguồn nước..

- Bao gồm các khu chức năng: Khu trung tâm điều hành - dịch vụ công cộng, khu các cơ sở sản xuất và khu các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật. Trong các cụm công nghiệp đa ngành vùng Tây Bắc không bố trí các khu cây xanh và khu quảng cáo tiếp thị riêng biệt. Nên bố trí khu ở đi liền cụm công nghiệp trong trường hợp cần thiết

b. Điểm công nghiệp làng nghề.

có thể xây dựng nhà ở cho công nhân ngay tại khuôn viên của xí nghiệp

2.1.2. Yêu cầu về lựa chọn địa điểm.

a. Cụm công nghiệp đa ngành.

- Tiếp cận thuận lợi với các trục lộ chính, gần các đô thị và điểm dân cư tập trung để tạo cho cụm công nghiệp có sức hút đầu tư, lao động nhanh và tận dụng điều kiện hạ tầng sẵn có.

- Tránh gây ô nhiễm nguồn nước mặt

b. Điểm công nghiệp làng nghề.

- Gắn kết với làng nghề và các trục giao thông chính khu vực nhằm thuận tiện cho trưng bày, quảng bá sản phẩm và tham quan du lịch (điểm dừng chân).

2.1.3. Yêu cầu về tổ chức không gian

2.1.3.1 Quy mô.

a. Cụm công nghiệp. đa ngành

- 2 quy mô chủ yếu 10 - 15 ha và 15 - 25 ha

b. Điểm công nghiệp làng nghề.

- Quy mô 5 - 10ha, phù hợp với dạng sản xuất đơn ngành, trong phạm vi hẹp của gia đình, làng xóm, nhân công lao động không nhiều.

2.1.3.2 Cơ cấu sử dụng đất.

a. Cụm công nghiệp đa ngành.

- Khu xây dựng nhà xưởng sản xuất:	60-70%
- Khu trung tâm điều hành và dịch vụ:	3-5 %
- Đất cây xanh:	12-15%
- Đất giao thông:	12-15%
- Đất khu đầu mối kỹ thuật:	3-5 %

b. Điểm công nghiệp làng nghề.

- Đất xây dựng nhà máy:	65 - 70 %
- Đất hành chính dịch vụ:	3 - 5 %
- Đất cây xanh:	12 %
- Đường giao thông:	12 -15 %
- Đất đầu mối kỹ thuật:	3 %

2.1.3.3 Kiến trúc cảnh quan.

- Xây dựng công trình phối kết hợp với cảnh quan thiên nhiên như sông suối, địa hình, có thể xây dựng chênh cốt theo cấp địa hình.

- Nên tổ hợp công trình theo các khối chức năng sản xuất, dịch vụ, phụ trợ sản xuất. Các công trình dịch vụ công cộng hướng tới các thiết kế kiến trúc đẹp, có đặc thù riêng để tạo điểm nhấn cảnh quan cho khu vực.

- Kiến trúc công trình phải phù hợp với đặc thù khí hậu vùng Tây Bắc Bộ đảm bảo các điều kiện về vệ sinh công nghiệp (về nhiệt độ, ánh sáng...). Màu sắc công trình phải thống nhất hài hoà trong cụm công nghiệp

- Kết cấu nhà xưởng đảm bảo bền vững, đơn giản, dễ vận chuyển, lắp ráp thi công và có giá thành rẻ.

- Sử dụng các kiến trúc biểu tượng, điêu khắc, biển quảng cáo, đèn chiếu sáng kết hợp trang trí hỗ trợ cảnh quan chung, đặc biệt cần thiết cho các cụm điểm công nghiệp - làng nghề có kết hợp khai thác du lịch và quảng bá du lịch.

2.1.4. Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật.

- Tổ chức hệ thống giao thông đảm bảo hạn chế san lấp địa hình. Mạng lưới đường giao thông nên kết hợp giữa mạng xương cá và lưới ô vuông.

- San nền đảm bảo cân bằng đào đắp tại chỗ, không bị sạt lở do mưa lũ.
- Tận dụng tối đa hạ tầng cấp nước, cấp điện đầu mối sẵn có.
- Nước thải phải được xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh trước khi thoát ra ngoài, tránh gây ô nhiễm sông, suối. Khu xử lý rác thải phải lựa chọn mô hình có giá thành thấp, dễ thi công và vận hành. Có thể sử dụng chung cho khu dân cư và khu sản xuất.

2.2. Mô hình công nghiệp vừa và nhỏ đặc trưng vùng Đồng bằng Bắc bộ

2.2.1 Nội dung mô hình.

a. Cụm công nghiệp đa ngành, đơn ngành

- Bao gồm các khu chức năng: Khu trung tâm điều hành, dịch vụ công cộng (trưng bày, bán sản phẩm, dịch vụ), khu cây xanh, khu các cơ sở sản xuất, khu các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật. Với những cụm công nghiệp sử dụng nhiều lao động từ các địa phương khác, cách xa khu dân cư cần tổ chức thêm khu ở cho công nhân bên.

- Trong cụm công nghiệp đa ngành bố trí tối đa 3 nhóm ngành, gồm 10-15 loại ngành nghề. Trong cụm công nghiệp đơn ngành bố trí 1 nhóm ngành và tối đa 2 - 3 loại ngành nghề.

b. Điểm công nghiệp làng nghề

- Bao gồm các khu chức năng: Làng nghề hiện có, khu xây dựng các xí nghiệp công nghiệp, khu trưng bày sản phẩm, khu cây xanh, khu đầu mối kỹ thuật.

- Bố trí 1-2 nhóm ngành và tối đa 3-5 loại ngành nghề.

2.2.2. Yêu cầu về lựa chọn địa điểm.

a. Cụm công nghiệp đa ngành

- Là khu vực có năng suất canh tác thấp. Đảm bảo các yêu cầu xây dựng thuận lợi. Ngoài ra từng khu vực, tính chất cụm công nghiệp cần có những yêu cầu riêng.

b. Điểm công nghiệp làng nghề

- Là khu vực có năng suất canh tác thấp. Không ảnh hưởng đến việc mở rộng phát triển làng xóm. Đảm bảo các yêu cầu xây dựng thuận lợi.

- Cách làng nghề hiện có 100 - 200m, đảm bảo liên hệ thuận tiện với làng nghề hiện có.

2.2.3. Yêu cầu về tổ chức không gian

2.2.3.1 Quy mô.

a. Cụm công nghiệp đa ngành, đơn ngành

- Quy mô 15-20ha

b. Điểm công nghiệp làng nghề

- Quy mô 5-10 ha, quy mô lao động 300-500 người.

2.2.3.2 Cơ cấu sử dụng đất.

- | | |
|------------------------------|-----------|
| - Đất xây dựng xí nghiệp CN | : 60-65 % |
| - Đất khu điều hành, dịch vụ | : 2 % |
| - Đất cây xanh | : 5-10% |
| - Đất giao thông | : 15-20 % |
| - Đất khu đầu mối kỹ thuật | : 2-3 % |

2.2.3.3 Kiến trúc cảnh quan.

- Khu dịch vụ công cộng nên kết hợp với trung tâm làng nghề để thuận tiện trong việc quảng bá sản phẩm và tạo bộ mặt kiến trúc cảnh quan.

- Tổ chức không gian cụm công nghiệp cần chú ý tận dụng các điều kiện địa hình, mặt nước có sẵn để tạo các không gian mở và sinh động.

- Kết cấu nhà xưởng đảm bảo bền vững, đơn giản, dễ vận chuyển, lắp ráp thi công và có giá thành rẻ.

- Hình thức kiến trúc nhà xưởng cần phù hợp với điều kiện vệ sinh công nghiệp, phù hợp với khí hậu và kiến trúc truyền thống vùng Đồng bằng Bắc bộ. Với các công trình hành chính, dịch vụ công cộng cần có hình thức kiến trúc gần gũi với không gian làng xóm hiện có, thể hiện được nét đặc trưng của ngành nghề truyền thống của địa phương.

- Màu sắc, hình khối và chiều cao của các công trình cần lựa chọn đảm bảo an toàn, thuận lợi cho các hoạt động sản xuất đồng thời đóng góp vào thẩm mỹ chung của toàn khu vực và phù hợp với yêu cầu của công nghệ.

- Tổ chức chiếu sáng và các phương tiện thông tin thị giác trong cụm công nghiệp cần đáp ứng yêu cầu an toàn, tạo khả năng định hướng, có tính trang trí. Các công trình kiến trúc nhỏ như tượng đài, cổng vào... là nhân tố cảnh quan cần khai thác,

2.2.4 Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật

- Tổ chức mạng lưới đường đón được hướng gió tốt làm thay đổi vi khí hậu trong khu công nghiệp. Trong cụm công nghiệp cần bố trí bãi đỗ xe ô tô phục vụ việc bốc dỡ, vận chuyển hàng hoá và bãi đỗ xe cho người lao động, tỷ lệ chiếm đất khoảng 2-3%

- Chiều rộng tối thiểu của đường phải đảm bảo cho 2 tránh nhau. Kết cấu áo đường phải đủ cường độ chịu lực theo yêu cầu xe chạy của cụm công nghiệp

- Cao độ khống chế xây dựng phải đảm bảo công trình không bị ngập lụt. Độ dốc nền của khu đất sản xuất $\geq 0,004$, độ dốc dọc của các tuyến đường giao thông cho phép $i=0$.

- Thiết kế hệ thống thoát nước mưa riêng.

- Ngoài nguồn điện lưới cần bố trí nguồn dự phòng bằng máy phát điện diezen.

- Nước bẩn của mỗi phân xưởng hoặc của cụm phân xưởng phải xử lý cục bộ trước khi thoát vào hệ thống thoát nước bẩn của cụm công nghiệp.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình sản xuất và sinh hoạt trong các cụm công nghiệp phải được thu gom 100% và đưa về khu xử lý tập trung của vùng.

2.3. Mô hình công nghiệp vừa và nhỏ đặc trưng vùng Bắc Trung Bộ

2.3.1 Nội dung mô hình.

- Chủ yếu là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy hải sản và công nghiệp khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng (trừ các loại hình sản xuất có mức độ độc hại cao).

- Cụm công nghiệp đa ngành, bao gồm các khu chức năng: Khu trung tâm điều hành, dịch vụ công cộng (trưng bày, bán sản phẩm, dịch vụ), khu cây xanh, khu các cơ sở sản xuất, khu các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

2.3.2. Yêu cầu về lựa chọn địa điểm.

- Nên gần với vùng nguyên liệu, tiếp cận thuận lợi với các trục lộ chính trong tỉnh, gần các thị trấn trung tâm huyện để có điều kiện thu hút đầu tư, lao động nhanh và tận dụng được các điều kiện hạ tầng sẵn có.

- Có điều kiện thuận lợi về hạ tầng kỹ thuật đầu mối, đặc biệt là giải quyết được vấn đề nước thải, rác thải...

2.3.3. Yêu cầu về tổ chức không gian

2.3.3.1 Quy mô.

- Quy mô 10- 30ha

2.3.3.2 Cơ cấu sử dụng đất

- Đất xây dựng xí nghiệp CN : 60-70 %
- Đất khu điều hành, dịch vụ : 1-3%
- Đất cây xanh : 10-12%
- Đất giao thông : 12-15 %
- Đất khu đầu mối kỹ thuật : 2-4 %

2.3.3.3 Kiến trúc cảnh quan.

- Kiến trúc công trình phù hợp với khí hậu đặc thù của vùng Bắc Trung Bộ. Đảm bảo các điều kiện về vệ sinh công nghiệp (về nhiệt độ, ánh sáng...). Màu sắc công trình phải thống nhất hài hoà trong cụm công nghiệp. Hình khối, chiều cao công trình đảm bảo an toàn và thuận lợi cho các hoạt động sản xuất theo từng loại hình.

- Kết cấu nhà xưởng đảm bảo bền vững, đơn giản, dễ vận chuyển, lắp ráp thi công và có giá thành rẻ.

- Hình thức kiến trúc các công trình phải ăn nhập với khung cảnh nông thôn.

- Cây xanh tạo bóng mát phải đảm bảo một tỉ lệ chiếm đất hợp lý, kết hợp tốt với việc tạo không gian cảnh quan. Nên tổ chức mặt nước với nhiều chức năng (phục vụ sản xuất, tạo cảnh quan, tạo môi trường vi khí hậu tốt).

- Sử dụng các kiến trúc biểu tượng, điêu khắc, biển quảng cáo, đèn chiếu sáng kết hợp trang trí hỗ trợ cảnh quan chung, đặc biệt cần thiết cho các cụm có kết hợp khai thác du lịch và thương mại tiếp thị

2.3.4. Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật.

- Đảm bảo liên hệ hợp lý trong ngoài khu sản xuất, tiết kiệm đất đai, đường giao thông tiếp cận từng xí nghiệp và đủ điều kiện vận tải nguyên vật liệu, hàng hoá. Tổ chức bãi đỗ xe với diện tích chiếm 2,5-3,5%.

- Mạng lưới đường giao thông có thể áp dụng theo mạng xương cá, lưới ô vuông hoặc hỗn hợp phân tán là tùy thuộc vào vị trí khu vực xây dựng, tuyến giao thông bên ngoài và đặc thù của dây truyền công nghệ.

- Phải có các giải pháp tôn đắp nền để tránh bị úng ngập cục bộ trong các mùa mưa và đối với các vùng bị ảnh hưởng bởi lũ lụt.

- Tận dụng hạ tầng đầu mối điện sẵn có đầu xây dựng. Không nên chọn ở vị trí có chi phí lớn trong đầu tư xây dựng cấp điện

- Nguồn cấp nước nên kết hợp giữa 2 nguồn nước mặt và nước ngầm.

- Phải có giải pháp, công nghệ xử lý các chất thải (nước thải, khí thải và rác thải...) khi xây dựng công nghiệp. Có thể sử dụng chung hạ tầng đầu mối xử lý rác thải với khu dân cư.

- Ưu tiên sử dụng công nghệ mới tiên tiến thay cho các công nghệ cũ và lạc hậu trong các xí nghiệp ở nông thôn để giảm thiểu các chất thải, khí thải và tác động xấu về môi trường.

2.4. Mô hình công nghiệp vừa và nhỏ đặc trưng vùng Duyên hải Nam Trung bộ

2.4.1 Nội dung mô hình.

a. Cụm công nghiệp đa nghề

- Chủ yếu theo hướng đa nghề với nhu cầu sử dụng nhiều lao động phổ thông, có thể có dạng cụm công nghiệp chuyên ngành chế biến thủy hải sản. Loại trừ các ngành công nghiệp có mức độ độc hại cao vì đây không chỉ là vùng dân cư mà còn là vùng du lịch có giá trị.

- Bao gồm các khu chức năng: Khu các cơ sở sản xuất, khu cây xanh, khu các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

b. Điểm công nghiệp làng nghề.

- Là khu sản xuất tập trung của các làng nghề truyền thống như làng gốm, làng mộc, làng đúc đồng, các làng nghề ương tơ, dệt lụa, dệt chiếu... Các làng nghề mới với các sản phẩm thủ công mỹ nghệ mây tre, gỗ, chiếu cói.

- Bao gồm các khu chức năng: Làng nghề hiện có, khu xây dựng các xí nghiệp công nghiệp, khu trưng bày sản phẩm, khu cây xanh, khu đầu mối kỹ thuật.

2.4.2. Yêu cầu về lựa chọn địa điểm.

a. Cụm công nghiệp đa nghề

- Tiếp cận thuận lợi với các trục lộ chính trong tỉnh, gần các thị trấn trung tâm huyện. Đối với các cụm có công nghiệp chế biến hải sản cần gần với các khu vực có cảng cá, bến cá để thuận lợi cho cung cấp nguyên liệu.

- Cần cách xa bờ biển, các vùng cảnh quan và sông nước có khai thác du lịch; nơi có đủ điều kiện phát triển hạ tầng kỹ thuật, sử dụng chung nguồn điện nước của khu vực dân dụng và đặc biệt là giải quyết được vấn đề nước thải, rác thải...

b. Điểm công nghiệp làng nghề

- Có vị trí gần nhất cho phép đến làng nghề để vừa có nơi sản xuất mới vừa lưu giữ được không khí làng nghề. Vị trí dễ tiếp cận về giao thông tạo cơ hội phát triển thành điểm tham quan du lịch làng nghề, kèm theo các dịch vụ hỗ trợ có thể trở thành một điểm dừng chân trên tuyến du lịch.

2.4.3. Yêu cầu về tổ chức không gian

2.4.3.1 Quy mô.

a. Cụm công nghiệp đa nghề

- Quy mô từ 10- 30ha.

b. Điểm công nghiệp làng nghề

Quy mô nhỏ là phù hợp - dưới 10ha.

2.4.3.2 Cơ cấu sử dụng đất

a. Cụm công nghiệp đa ngành

- | | |
|-----------------------------|-----------|
| - Đất xây dựng xí nghiệp CN | : 75-80 % |
| - Đất cây xanh | : 8-11% |
| - Đất giao thông | : 10-12 % |
| - Đất khu đầu mối kỹ thuật | : 2% |

b. Điểm công nghiệp làng nghề

- | | |
|------------------------------|-----------|
| - Đất xây dựng xí nghiệp CN | : 70-75 % |
| - Đất khu điều hành, dịch vụ | : 2 % |
| - Đất cây xanh | : 8-11% |
| - Đất giao thông | : 10-12% |
| - Đất khu đầu mối kỹ thuật | : 2% |

2.4.3.3 Kiến trúc cảnh quan.

- Quy mô, loại hình kiến trúc công trình đảm bảo phù hợp với khí hậu đặc thù của vùng duyên hải miền Trung, đặc biệt là vấn đề ngập lụt hàng năm của khu vực này.

- Kết cấu nhà xưởng đảm bảo bền vững, đơn giản, dễ vận chuyển, lắp ráp thi công và có giá thành rẻ.

- Hình thức kiến trúc nhà xưởng đảm bảo các điều kiện về vệ sinh công nghiệp (về nhiệt độ, ánh sáng...). Màu sắc công trình phải thống nhất hài hoà trong cụm công

nghiệp. Hình khối, chiều cao công trình đảm bảo an toàn và thuận lợi cho các hoạt động sản xuất theo từng loại hình.

- Sử dụng giải pháp xây dựng tập trung theo các khối chủ đạo của công trình sản xuất, dịch vụ, phụ trợ sản xuất. Các công trình dịch vụ công cộng hướng tới các thiết kế kiến trúc đẹp để tạo điểm nhấn cảnh quan cho khu vực.

- Cây xanh đảm bảo một tỉ lệ chiếm đất hợp lý đủ để tạo bóng mát, đồng thời tạo không gian cảnh quan cho khu sản xuất.

- Sử dụng các kiến trúc biểu tượng, điêu khắc, biển quảng cáo, đèn chiếu sáng kết hợp trang trí hỗ trợ cảnh quan chung.

2.4.4. Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật.

- Đảm bảo liên hệ hợp lý trong ngoài khu sản xuất, tiết kiệm đất đai, đường giao thông tiếp cận từng xí nghiệp và đủ điều kiện vận tải nguyên vật liệu, hàng hoá. Mạng lưới đường giao thông có thể áp dụng theo mạng xương cá, lưới ô vuông hoặc hỗn hợp phân tán là tùy thuộc vào vị trí khu vực xây dựng, tuyến giao thông bên ngoài và đặc thù của dây truyền công nghệ.

- Địa điểm xây dựng cần được lựa chọn tại các khu vực cao hoặc có giải pháp tôn nền để hạn chế bị úng ngập trong mùa mưa lũ.

- Tận dụng hạ tầng đầu mối điện sẵn có đầu xây dựng. Không nên chọn ở vị trí có chi phí lớn trong đầu tư xây dựng cấp điện

- Nguồn cấp nước nên kết hợp giữa 2 nguồn nước mặt và nước ngầm. đặc biệt khi hình thành khu chế biến hải sản là loại hình sử dụng nhiều nước.

- Vị trí xây dựng cần gần sông suối và có địa hình thuận lợi cho việc thu gom nước thải. Vấn đề khu xử lý phải lựa chọn mô hình có giá thành thấp, dễ thi công và vận hành, có thể sử dụng chung cho khu dân cư và khu sản xuất.

- Ưu tiên sử dụng công nghệ mới tiên tiến thay cho các công nghệ cũ và lạc hậu trong các xí nghiệp ở nông thôn để giảm thiểu các chất thải, khí thải và tác động xấu về môi trường.

2.5. Mô hình công nghiệp vừa và nhỏ đặc trưng vùng Tây Nguyên

2.5.1 Nội dung mô hình.

a. Cụm công nghiệp đa ngành:

- Chủ yếu theo hướng đa nghề với nhu cầu sử dụng nhiều lao động phổ thông, có thể có dạng cụm công nghiệp chuyên ngành chế biến nông, lâm sản, nước giải khát, hoa tươi.

- Bao gồm các khu chức năng: Khu trung tâm điều hành, dịch vụ công cộng (trưng bày, bán sản phẩm, dịch vụ), khu các cơ sở sản xuất, khu cây xanh, khu các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

b. Làng nghề:

- Sản xuất gắn với sản phẩm mang bản sắc bản địa như dệt thổ cẩm, thêu ren.

- Bao gồm các khu chức năng: Khu hành chính+dịch vụ công cộng, khu vực các cụm làng sản xuất, khu tập kết-nhập nguyên liệu và phân phối sản phẩm.

2.5.2. Yêu cầu về lựa chọn địa điểm.

a. Cụm công nghiệp đa ngành:

- Nên gần với vùng nguyên liệu, tiếp cận thuận lợi với các trục lộ chính trong tỉnh, gần các thị trấn trung tâm huyện để có điều kiện thu hút đầu tư, lao động nhanh và tận dụng được các điều kiện hạ tầng sẵn có.

- Đảm bảo khoảng cách không có tác động xấu đến các khu vực cảnh quan, có khai thác du lịch và đầu nguồn các dòng sông.

b. Làng nghề:

- Nên nằm gần các buôn làng dân tộc đã và đang sản xuất các loại sản phẩm địa phương truyền thống để vừa có nơi sản xuất mới vừa lưu giữ được không khí làng nghề và tạo cơ hội phát triển thành điểm tham quan du lịch làng nghề.

2.5.3. Yêu cầu về tổ chức không gian

2.5.3.1 Quy mô.

a. Cụm công nghiệp đa nghề:

- Quy mô từ 10- 30ha.

b. Làng nghề:

- Quy mô từ 10-30ha.

2.5.3.2 Cơ cấu sử dụng đất

a. Cụm công nghiệp đa ngành:

- | | |
|------------------------------|-----------|
| - Đất xây dựng xí nghiệp CN | : 60-70 % |
| - Đất khu điều hành, dịch vụ | : 1-3% |
| - Đất cây xanh | : 10-12% |
| - Đất giao thông | : 12-15 % |
| - Đất khu đầu mối kỹ thuật | : 2-4 % |

b. Làng nghề:

- | | |
|-------------------------------------|-----------|
| - Đất xây dựng cụm làng sản xuất | : 70-75 % |
| - Đất hành chính, dịch vụ công cộng | : 3-5% |
| - Đất cây xanh | : 10-12 % |
| - Đất giao thông, bãi tập kết | : 12-13 % |

2.5.3.3 Kiến trúc cảnh quan.

- Bố cục mặt bằng quy hoạch làng nghề phải ăn nhập với cấu trúc quy hoạch các buôn làng truyền thống.

- Hình thức kiến trúc các công trình trong cụm công nghiệp phải mang nét đặc trưng của vùng Tây Nguyên nhưng vẫn đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật.

2.5.4. Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật.

- Đảm bảo liên hệ hợp lý trong ngoài khu sản xuất, tiết kiệm đất đai, đường giao thông tiếp cận từng xí nghiệp và đủ điều kiện vận tải nguyên vật liệu, hàng hoá. Mạng lưới đường giao thông có thể áp dụng theo mạng xương cá, lưới ô vuông hoặc hỗn hợp phân tán là tùy thuộc vào vị trí khu vực xây dựng, tuyến giao thông bên ngoài và đặc thù của dây truyền công nghệ. Đối với làng nghề, tổ chức mạng lưới giao thông theo mạng xương cá.

- Tôn trọng địa hình tự nhiên, chỉ san gạt cục bộ theo từng khu vực. Chú ý hệ thống tường, kê chắn đất tránh hiện tượng sạt lở vào mùa mưa.

- Thiết kế hệ thống thoát nước mưa riêng.

- Tận dụng hạ tầng đầu mối điện sẵn có đầu xây dựng. Không nên chọn ở vị trí có chi phí lớn trong đầu tư xây dựng cấp điện

- Nguồn cấp nước nên kết hợp giữa 2 nguồn nước mặt và nước ngầm, vì điều kiện hạ tầng chung của vùng chưa phát triển.

- Nước thải phải được xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh trước khi thoát ra ngoài, tránh gây ô nhiễm sông, suối. Khu xử lý rác thải phải lựa chọn mô hình có giá thành thấp, dễ thi công và vận hành. Có thể sử dụng chúng cho khu dân cư và khu sản xuất. Khuyến khích sử dụng các công nghệ tiên tiến trong xử lý thoát nước, thu gom rác và môi trường.

2.6. Mô hình công nghiệp vừa và nhỏ đặc trưng vùng Đông Nam Bộ

2.6.1 Nội dung mô hình.

a. Cụm công nghiệp đa nghề

- Chủ yếu là công nghiệp sản xuất thực phẩm, đồ uống, hóa chất, da giày, dệt may, cơ khí, nhựa, cao su chế biến. Có thể có dạng cụm công nghiệp chuyên ngành gốm sứ, sơn mài mỹ nghệ

- Bao gồm các khu chức năng: Khu trung tâm điều hành, dịch vụ công cộng (trung bày, bán sản phẩm, dịch vụ), khu cây xanh, khu các cơ sở sản xuất, khu các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật. Với những cụm công nghiệp sử dụng nhiều lao động từ các địa phương khác, cách xa khu dân cư cần tổ chức thêm khu ở cho công nhân.

b. Điểm công nghiệp làng nghề

- Chủ yếu sản xuất gốm sứ, sơn mài, điêu khắc, chế biến gỗ, chế biến nông sản... và ngành nghề khác như mây đan tre, tằm nhang.

- Bao gồm các khu chức năng: Làng nghề hiện có, khu xây dựng các xí nghiệp công nghiệp, khu trung bày sản phẩm, khu cây xanh, khu đầu mối kỹ thuật.

2.6.2. Yêu cầu về lựa chọn địa điểm.

a. Cụm công nghiệp đa nghề

- Nên gần với vùng nguyên liệu, tiếp cận thuận lợi với các trục lộ chính trong tỉnh, gần các thị trấn trung tâm huyện để có điều kiện thu hút đầu tư, lao động nhanh và tận dụng được các điều kiện hạ tầng sẵn có.

- Có điều kiện thuận lợi về hạ tầng kỹ thuật đầu mối, đặc biệt là giải quyết được vấn đề nước thải, rác thải...

b. Điểm công nghiệp làng nghề

- Có vị trí gần nhất cho phép đến làng nghề để vừa có nơi sản xuất mới vừa lưu giữ được không khí làng nghề.

2.6.3. Yêu cầu về tổ chức không gian

2.6.3.1 Quy mô.

a. Cụm công nghiệp đa nghề

- Quy mô từ 25 - 100ha.

b. Điểm công nghiệp làng nghề

- Quy mô 25 - 50 ha.

2.6.3.2 Cơ cấu sử dụng đất.

a. Cụm công nghiệp đa nghề

- | | |
|------------------------------|-----------|
| - Đất xây dựng xí nghiệp CN | : 60-70 % |
| - Đất khu điều hành, dịch vụ | : 1-3% |
| - Đất cây xanh | : 10-12% |
| - Đất giao thông | : 12-15 % |
| - Đất khu đầu mối kỹ thuật | : 2-4 % |

b. Điểm công nghiệp làng nghề

- | | |
|-----------------------------|-----------|
| - Đất xây dựng xí nghiệp CN | : 60-65 % |
|-----------------------------|-----------|

- | | |
|------------------------------|-----------|
| - Đất khu điều hành, dịch vụ | : 2 % |
| - Đất cây xanh | : 5-10% |
| - Đất giao thông | : 15-20 % |
| - Đất khu đầu mối kỹ thuật | : 2-3 % |

2.6.3.3 Kiến trúc cảnh quan.

- Quy mô, loại hình kiến trúc công trình phải phù hợp với khí hậu đặc thù của vùng Đông Nam Bộ. Tổ hợp kiến trúc công nghiệp dựa trên cơ sở tổ hợp những hình thái kiến trúc hiện đại, hợp khối công trình, kết hợp trồng cây xanh nhằm làm tăng vẻ đẹp của toàn cụm.

- Quy mô, loại hình kiến trúc công trình đảm bảo phù hợp với khí hậu đặc thù của vùng Đông Nam bộ.

- Kết cấu nhà xưởng đảm bảo bền vững, đơn giản, dễ vận chuyển, lắp ráp thi công và có giá thành rẻ. Vật liệu sử dụng chính là các loại kết cấu thép phổ biến ở các KCN trong nước.

- Hình thức kiến trúc nhà xưởng đảm bảo các điều kiện về vệ sinh công nghiệp (về nhiệt độ, ánh sáng...). Màu sắc công trình phải thống nhất hài hoà trong cụm công nghiệp. Hình khối, chiều cao công trình đảm bảo an toàn và thuận lợi cho các hoạt động sản xuất theo từng loại hình.

- Cây xanh đảm bảo một tỉ lệ chiếm đất hợp lý đủ để tạo bóng mát, đồng thời tạo không gian cảnh quan cho khu sản xuất.

- Sử dụng các kiến trúc biểu tượng, điêu khắc, biển quảng cáo, đèn chiếu sáng kết hợp trang trí hỗ trợ cảnh quan chung.

2.6.4. Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật.

- Mạng lưới đường giao thông trong cụm công nghiệp chủ yếu áp dụng mạng lưới ô vuông. Vùng địa hình đồi thấp có thể áp dụng mạng xương cá hoặc hỗn hợp phân tán. Đường giao thông phải đủ điều kiện vận tải nguyên vật liệu, hàng hoá.

- Phải có các giải pháp tôn đắp nền để tránh bị úng ngập cục bộ trong các mùa mưa. Thoát nước mưa được thiết kế mạng thoát riêng.

- Tận dụng hạ tầng đầu mối điện sẵn có đầu xây dựng. Không nên chọn ở vị trí có chi phí lớn trong đầu tư xây dựng cấp điện.

- Đối với cấp nước cụm công nghiệp cần phải có một trạm cung cấp nước chung cho toàn cụm với hệ thống trạm bơm, trạm xử lý và các đường ống cấp nước đến từng cơ sở.

- Phải có giải pháp, công nghệ xử lý các chất thải (nước thải, khí thải và rác thải...) khi xây dựng công nghiệp. Có thể sử dụng chung hạ tầng đầu mối xử lý rác thải với khu dân cư.

- Ưu tiên sử dụng công nghệ mới tiên tiến thay cho các công nghệ cũ và lạc hậu trong các xí nghiệp ở nông thôn để giảm thiểu các chất thải, khí thải và tác động xấu về môi trường.

2.7. Mô hình công nghiệp vừa và nhỏ đặc trưng vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long

2.7.1 Nội dung mô hình.

a. Cụm công nghiệp đa nghề

- Gồm các loại hình sản xuất như chế biến thuỷ sản, lương thực, hoa quả, thức ăn gia súc, SX giấy, hàng mây tre đan, cói, mộc gia dụng, làm hương, đóng và sửa chữa ghe xuồng sửa chữa cơ khí nhỏ...

- Các khu chức năng gồm có khu điều hành, giới thiệu sản phẩm và dịch vụ, khu xây dựng nhà xưởng sản xuất, kho, bãi, bến thuyền, cây xanh.

b. Điểm công nghiệp làng nghề

- Chủ yếu là sản xuất mây tre đan, dệt cói, đồ gỗ và kim khí, dệt, thêu

- Các khu chức năng gồm có khu điều hành, giới thiệu sản phẩm và dịch vụ, khu xây dựng nhà xưởng sản xuất, kho, bãi, bến thuyền, cây xanh.

2.7.2. Yêu cầu về lựa chọn địa điểm.

a. Cụm công nghiệp đa nghề

- Cách khu dân cư từ 700 – 5000m để đảm bảo khoảng cách ly bảo vệ môi trường và nằm gần hoặc trong vùng nguyên liệu.

- Thuận tiện giao thông thuỷ, bộ

b. Điểm công nghiệp làng nghề

- Đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường dân cư làng nghề và khoảng cách đến làng nghề nên < 800m.

- Thuận tiện giao thông thuỷ, bộ

2.7.3. Yêu cầu về tổ chức không gian

2.7.3.1 Quy mô.

Cụm công nghiệp đa nghề và điểm công nghiệp làng nghề có quy mô thích hợp từ 30 – 50 ha.

2.7.3.2 Cơ cấu sử dụng đất.

- Khu điều hành, dịch vụ:	3 - 4%
- Đất xây dựng nhà xưởng sản xuất:	55 - 65%
- Đất giao thông:	12 - 15%
- Kho, bãi, bến thuyền:	5 - 7%
- Cây xanh:	10 - 15%
- Đất hạ tầng đầu mối kỹ thuật:	2 - 4%

2.7.3.3 Kiến trúc cảnh quan.

- Bố cục mặt bằng phải đảm bảo các yêu cầu tránh ngập cho công trình và giảm thiểu chi phí cho việc tôn nền. Kiến trúc công trình phù hợp với khí hậu và đặc điểm vùng ngập nước định kỳ. Các công trình sản xuất, kho tàng nên xây dựng theo kiểu nhà trệt, các công trình khác có thể xây dựng theo kiểu nhà trên cọc.

- Kết cấu nhà xưởng đảm bảo bền vững, đơn giản, dễ vận chuyển, lắp ráp thi công, có giá thành rẻ và phù hợp với đặc điểm địa chất công trình của vùng.

- Hình thức kiến trúc nhà xưởng đảm bảo các điều kiện về vệ sinh công nghiệp (về nhiệt độ, ánh sáng...). Màu sắc công trình phải thống nhất hài hoà trong cụm công nghiệp. Hình khối, chiều cao công trình đảm bảo an toàn và thuận lợi cho các hoạt động sản xuất theo từng loại hình.

- Cây xanh cần đảm bảo tỷ lệ chiếm đất theo quy định nhằm cải tạo vi khí hậu đồng thời tạo cảnh quan cho khu sản xuất.

2.7.4. Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật.

- Mạng lưới đường giao thông chủ yếu áp dụng mạng lưới ô vuông. Kết hợp tốt giữa mạng lưới giao thông thuỷ và giao thông bộ. Đường giao thông phải đủ điều kiện vận tải nguyên vật liệu, hàng hoá. Phải dành quỹ đất bố trí bãi xe và nơi tập kết hàng hoá riêng. Hệ thống kho tàng phải được bố trí thuận tiện trong việc sử dụng cả giao thông thuỷ và giao thông bộ. Độ dốc dọc của các tuyến đường giao thông cho phép $i = 0$, nhưng phải thiết kế rãnh biên răng cưa để thoát nước tốt.

- Cao độ khống chế xây dựng phải tùy thuộc vào mức độ ngập lụt cho phép đối với từng loại chức năng và công trình, trên cơ sở giảm chi phí tôn nền đến mức có thể. Thiết kế hệ thống thoát nước mưa riêng.

- Tận dụng hạ tầng đầu mối điện sẵn có đầu xây dựng. Không nên chọn ở vị trí có chi phí lớn trong đầu tư xây dựng cấp điện.

- Đối với cấp nước cụm công nghiệp cần phải có một trạm cung cấp nước chung cho toàn cụm với hệ thống trạm bơm, trạm xử lý và các đường ống cấp nước đến từng cơ sở.

- Phải có giải pháp, công nghệ xử lý các chất thải (nước thải, khí thải và rác thải...) khi xây dựng công nghiệp. Có thể sử dụng chung hạ tầng đầu mối xử lý rác thải với khu dân cư.

- Ưu tiên sử dụng công nghệ mới tiên tiến thay cho các công nghệ cũ và lạc hậu trong các xí nghiệp ở nông thôn để giảm thiểu các chất thải, khí thải và tác động xấu về môi trường.

2.8. Mô hình công nghiệp vừa và nhỏ đặc trưng vùng Liên xã, Liên khu vực

2.8.1 Nội dung mô hình.

Công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn vùng liên xã, liên khu vực là tập hợp các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp vừa và nhỏ gắn với địa bàn huyện, cụm xã do huyện hoặc cụm xã quản lý, là cụm công nghiệp đa ngành hoặc đơn ngành và làng nghề (truyền thống và mới)

2.8.2 Yêu cầu về lựa chọn địa điểm.

- Đối với cụm công nghiệp vừa và nhỏ liên xã, nên chọn vị trí tại trung tâm cụm xã, thuận tiện về giao thông.

2.8.3. Yêu cầu về tổ chức không gian

2.8.3.1 Quy mô và cơ cấu sử dụng đất

a. Cụm công nghiệp tại khu vực giáp ranh thuộc vùng sản xuất nông nghiệp

<i>Loại đất</i>	<i>Vùng</i>	<i>Vùng đồng bằng và trung du</i>	<i>Vùng núi</i>	<i>Vùng duyên hải ven biển</i>
Đất xây dựng cơ sở sản xuất		75%	72%	75%
Đất hành chính, giao dịch, dịch vụ		3%	2%	2%
Đất giao thông		10%	12%	12%
Đất cây xanh		8%	10%	8%
Đất đầu mối KT, kho bãi		3%	3%	2%
Đất ở phục vụ cụm CN		1%	< 1%	< 1%
Diện tích TB (ha):				
- Cụm CN làng nghề		15	10	12
- Cụm CN liên xã		18	12	15
- Cụm CN liên huyện		20	15	18

b. Cụm công nghiệp tại khu vực giáp ranh giữa các xã làm dịch vụ thương mại.

Vùng Loại đất	Vùng đồng bằng và trung du	Vùng núi	Vùng duyên hải ven biển
Đất xây dựng cơ sở sản xuất.	75%	72%	75%
Đất hành chính, giao dịch, dịch vụ	3%	2%	2%
Đất giao thông	10%	12%	12%
Đất cây xanh	8%	10%	8%
Đất đầu mối KT, kho bãi	3%	3%	2%
Đất ở phục vụ cụm CN	1%	< 1%	< 1%
Diện tích TB (ha):			
- Cụm CN làng nghề	15	10	12
- Cụm CN liên xã	18	12	15
- Cụm CN liên huyện	20	15	18

c. Cụm công nghiệp tại khu vực giáp ranh giữa các xã sản xuất TTCN

Vùng Loại đất	Vùng đồng bằng và trung du	Vùng núi	Vùng duyên hải ven biển
Đất xây dựng cơ sở sản xuất, chế biến	70%	72%	72%
Đất hành chính, giao dịch, dịch vụ	4%	3%	3%
Đất giao thông	14%	11%	12%
Đất cây xanh	10%	12%	10%
Đất đầu mối KT, kho bãi	2%	2%	2%
Đất ở phục vụ cụm CN	1%	< 1%	< 1%
Diện tích TB (ha):			
- Cụm CN làng nghề	22	12	15
- Cụm CN liên xã	28	18	24
- Cụm CN liên huyện	40	25	28

2.8.3.2 Kiến trúc cảnh quan.

- Tổ chức không gian cụm công nghiệp về một phía của khu dân cư, bám sát trục giao thông liên thôn, liên xã, liên huyện. Đối với cụm công nghiệp tại khu vực giáp ranh giữa các xã làm dịch vụ, buôn bán có thể nằm về 2 phía của khu dân cư

- Khu vực giao dịch, hành chính được tổ chức vào một khu, bám dọc theo trục giao thông và trở thành một bộ phận trong không gian kiến trúc trước khi tiếp cận không gian làng xóm, tạo ra mặt phố mới cho khu vực.

- Tạo hệ thống cây xanh thống nhất trong cụm, tránh tình trạng manh mún. Ngoài cây xanh cách ly, nên tập trung cây xanh vào một khu vực.

2.8.4 Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật

- Tổ chức hệ thống hạ tầng kỹ thuật phải đảm bảo yêu cầu thống nhất chung trong cụm và thiết kế sử dụng chung cho toàn cụm.

2.9. Mô hình công nghiệp vừa và nhỏ đặc trưng trong cải tạo

2.9.1 Nội dung mô hình.

- Loại hình cải tạo gồm hai dạng chính: Cải tạo do nhu cầu Bảo tồn nghề truyền thống và do nhu cầu thay đổi công nghệ sản xuất.

a. Đối với cải tạo bảo tồn nghề

- Tập trung phát triển khu dân cư mới ra bên ngoài, dành không gian cũ cho việc sản xuất và xen kẽ tỷ lệ ở rất nhỏ. Xây dựng trung tâm dịch vụ công cộng tập trung nối liền khu phát triển dân cư mới và khu vực bảo tồn sản xuất. Tổ chức giao thông liên hệ xuyên qua khu trung tâm dịch vụ mới này làm đầu mối giới thiệu sản phẩm.

b. Đối với cải tạo thay đổi công nghệ SX

- Do các yêu cầu về thay đổi các chỉ tiêu môi trường, chỉ tiêu công nghệ và các nhu cầu cải thiện môi trường xen kẽ khu SX với khu ở. Hướng cải tạo theo 2 hướng:

. Có thể không gian sinh hoạt cũ mở rộng từng phần có xen kẽ cây xanh. Khu vực sản xuất do thay đổi công nghệ sẽ thu hẹp lại và chuyển đổi dần thành các khu trưng bày sản phẩm ngay tại khu vực sản xuất.

. Có thể tổ chức khu sản xuất được đầu tư công nghệ mới ra bên ngoài và chuyển đổi toàn bộ các cơ sở tập trung tại đây. Không gian sản xuất cũ chuyển đổi thành không gian ở thuần túy để đảm bảo môi trường sinh hoạt. Hình thành khu dịch vụ công cộng. Khu sản xuất mới đảm bảo thu hút 80% lao động nghề hiện trạng.

2.9.2. Đối tượng có nhu cầu cải tạo.

Là các cụm công nghiệp đa nghề, đơn nghề - làng nghề đã có và nằm trong quy hoạch phát triển kinh tế xã hội có yêu cầu được cải tạo và phát triển. Trong đó cần đặc biệt chú trọng đến các làng nghề truyền thống.

2.9.3. Yêu cầu về tổ chức không gian

2.9.3.1 Quy mô.

- Khu sản xuất mới được hình thành do nhu cầu thay đổi công nghệ SX có quy mô từ 10 - 25 ha tùy thuộc loại hình sản xuất. Quy mô lao động bình quân từ 1500 - 2000 LĐ/khu

2.9.3.2 Kiến trúc cảnh quan.

- Khu dịch vụ công cộng phát triển gắn với trục giao thông và nối liền khu sản xuất mới với khu dân cư đã chuyển đổi

- Kiến trúc xây dựng mới phải phù hợp với kiến trúc hiện có để tạo thành một quần thể kiến trúc thống nhất

- Các yêu cầu khác về kiến trúc cảnh quan được quy định theo yêu cầu kiến trúc cảnh quan trong 7 vùng kinh tế đặc trưng.

2.9.4. Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật.

- Đối với cải tạo bảo tồn nghề và cải tạo môi trường xen kẽ khu SX với khu ở do thay đổi công nghệ sản xuất cần đặc biệt chú ý
 - . Hình thành một số đường trục, bãi đỗ xe để đảm bảo giao thông thuận tiện cho các hộ sản xuất trong việc tiếp thị.
 - . Xây dựng mạng lưới thoát nước thải đủ năng lực thoát cả về lượng và chất. Nên xây dựng theo mạng thoát nử riêng.
- Các yêu cầu khác về hạ tầng kỹ thuật được quy định theo yêu cầu hạ tầng kỹ thuật trong 7 vùng kinh tế đặc trưng.

CHƯƠNG III

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Kết luận.

Do các loại hình Công nghiệp vừa và nhỏ ở nước ta vẫn đang trong quá trình tự vận động để tìm ra các bước đi hợp lý trong quá trình phát triển chung nên việc xây dựng các mô hình tổ chức hoạt động là vô cùng cần thiết. Tuy nhiên, các mô hình đưa ra rất cần được tiến hành thử nghiệm từng bước và tiếp tục rút ra các bài học cụ thể để ngày càng hoạt động bám sát thực tế và các điều kiện của từng địa phương.

Trong khuôn khổ của nghiên cứu này, các mô hình đã định hướng được sơ bộ các dạng cụm, điểm Công nghiệp vừa và nhỏ cho các dạng vùng đặc thù. Các đề xuất của nghiên cứu này dựa trên các số liệu thống kê, điều tra của Tổng cục thống kê, của Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn..., các tài liệu nghiên cứu khoa học có liên quan và các kết luận của các đề tài nhánh đã nghiệm thu.

Các mô hình được xây dựng sẽ tiếp tục được nghiên cứu cụ thể và chi tiết hơn ở các nghiên cứu và triển khai sau trên cơ sở từng bước rút ra các bài học từ thực tiễn.

Quy hoạch phát triển công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp vừa và nhỏ trên vùng kinh tế đặc thù nhằm thực hiện chiến lược phát triển công nghiệp chung của cả nước. Việc xây dựng mô hình quy hoạch và tổ chức không gian các cụm công nghiệp vừa và nhỏ sẽ giúp cho các cơ quan quản lý của các Tỉnh chỉ đạo thực hiện thành công quá trình phát triển công nghiệp của trong giai đoạn đến năm 2010 theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá như Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã đề ra và để đến năm 2010, các tỉnh, các vùng có thể trở thành các tỉnh công nghiệp, đời sống nhân dân được nâng cao, chính trị ổn định.

Do lợi thế của mỗi Tỉnh khác nhau, nên việc xây dựng mô hình chỉ có ý nghĩa tổng quát, mỗi Tỉnh cần dựa vào thế mạnh riêng của mình để lựa chọn các bước đi cho phù hợp với nhu cầu phát triển và phù hợp với thực tiễn của địa phương trong từng thời kỳ.

3.2. Kiến nghị.

Để thực hiện được có hiệu quả theo các mô hình đã xây dựng, kiến nghị cần nhanh chóng xây dựng các cơ chế quản lý các cụm, điểm CN vừa và nhỏ. Các cơ quan quản lý này sẽ là đầu mối đầu tiên và rất quan trọng cho việc triển khai các hoạt động thực tế cho các địa phương. Các cơ quan này cũng sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt trong việc triển khai phổ biến và khuyến khích xây dựng theo các mô hình đã đề ra cũng như toàn bộ các hoạt động sản xuất và phát triển doanh nghiệp.

Ngoài ra, chính quyền các địa phương cũng cần có các chính sách hỗ trợ khác về thủ tục, về đất đai các chi phí cho doanh nghiệp khi đăng ký vào hoạt động trong cụm Công nghiệp vừa và nhỏ địa phương. Có như vậy thì công tác phát triển các cụm Công nghiệp vừa và nhỏ mới có thể được kiểm soát theo các mô hình quy hoạch được áp dụng.

Mô hình tổ chức không gian cho các cụm công nghiệp vừa và nhỏ trên cả nước thuộc Đề tài nhánh 4: *Xây dựng mô hình quy hoạch và tổ chức không gian các cụm công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn* - với mục tiêu góp phần phát triển bền vững ngành công nghiệp nông thôn, đáp ứng các yêu cầu về tổ chức sản xuất vừa đảm bảo tính thẩm mỹ

của không gian cụm công nghiệp hài hoà với cảnh quan nông thôn truyền thống và sinh thái nông nghiệp nông thôn. Thúc đẩy sự phát triển đồng bộ giữa công nghiệp- nông nghiệp - dịch vụ. Tạo sự hấp dẫn thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn.

Việc nghiên cứu và đề xuất mô hình cụm công nghiệp vừa và nhỏ dựa vào tình hình thực tế từng vùng, xu thế phát triển công nghiệp nông thôn và đảm bảo sự hình thành cụm công nghiệp gắn bó chặt chẽ với yếu tố ảnh hưởng đến phát triển mô hình (hạ tầng kỹ thuật, nguồn nguyên liệu và lao động tại chỗ, thị trường tiêu thụ...) và có tác động tương hỗ, vừa tạo sức hấp dẫn đầu tư phát triển công nghiệp vừa tạo điều kiện đô thị hóa các vùng nông thôn.

Để thực hiện tốt các mục tiêu đã đề ra, ngoài những nỗ lực của các doanh nghiệp công nghiệp và việc thực hiện đúng quy hoạch của các ban quản lý xây dựng các cụm công nghiệp vừa và nhỏ, trong phạm vi nghiên cứu này nhóm nghiên cứu có một số kiến nghị sau:

Có chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp địa phương có nhu cầu đầu tư, bao tiêu sản phẩm của cụm công nghiệp.

Có chính sách đào tạo lao động, tăng thêm cơ hội việc làm cho người dân tại địa phương

Tiếp thị sản phẩm, xây dựng thương hiệu cho các ngành nghề đặc trưng của địa phương đồng thời thu hút du lịch.

Các cụm công nghiệp vừa và nhỏ hiện nay đang gặp phải những vấn đề bất hợp lý làm hạn chế sự phát triển như: Cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ, Quy mô và cơ cấu phân khu chức năng chưa hợp lý, Chưa chú ý tới mối liên hệ với vùng nguyên liệu là dân cư nông thôn

Về vị trí và mối quan hệ với không gian nông nghiệp, nông thôn: các cụm công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn bố trí ven các sông rạch, kênh sá có khả năng đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hoá, tiếp cận với đường giao thông liên huyện, xã... Các cụm công nghiệp nằm ngay trong vùng cây nguyên liệu hay gần các làng nghề thủ công truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu đầu ra cho sản xuất nông nghiệp và mở rộng của các cơ sở sản xuất TTCN. Không nên xây dựng tràn lan và số lượng nhiều các cụm công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn, chỉ nên dự kiến xây dựng cụm công nghiệp tại những vị trí thuận lợi có điều kiện phát triển công nghiệp vừa và nhỏ địa phương. Những địa phương gần nhau có dự kiến xây dựng cụm công nghiệp vừa và nhỏ có thể bố trí theo dạng tập trung nên kết hợp với nhau thành cụm có quy mô lớn, xác định mô hình cụm công nghiệp vừa và nhỏ hợp lý sẽ góp phần đưa sự nghiệp công nghiệp hóa nước ta phát triển công nghiệp quá hiện đại hóa đất nước.

Về ngành nghề: Các địa phương cần có chiến lược phát triển phù hợp với sự phát triển ngành nghề. Ưu tiên phát triển các ngành chế biến lương thực, thực phẩm, chế biến thủy sản, sản xuất thức ăn chăn nuôi, cơ khí nông nghiệp, phục vụ phát triển công nghiệp hoá nông thôn, khai thác lực lượng lao động và tạo ra giá trị hàng hoá cao. . Hạn chế số lượng các loại ngành nghề khác nhau trong cùng một cụm, điểm công nghiệp.

Về quy mô: các cụm công nghiệp vừa và nhỏ tại địa phương, nghiên cứu đề xuất quy mô các cụm công nghiệp vừa và nhỏ phù hợp với đặc điểm vùng và xu hướng phát triển công nghiệp của vùng miền đặc trưng. Việc xác định quy mô phải dựa trên nhu cầu, khả năng đáp ứng về hạ tầng và khả năng quản lý của từng địa phương.

Về quy hoạch và tổ chức không gian: cụm công nghiệp vừa và nhỏ không phải là KCN thu nhỏ, cơ cấu sử dụng đất đai có những đặc thù riêng, có thể bố trí khu nhà ở công nhân trong cụm công nghiệp nếu có nhu cầu. Tổ chức không gian chú ý đến đặc điểm tự nhiên đặc thù của vùng và địa phương. Khuyến khích đầu tư cơ sở hạ tầng một cách đồng bộ để môi trường lao động được cải thiện. Để tạo được hình ảnh một quần thể sản xuất công nghiệp đẹp và phù hợp với hình ảnh nông thôn, đáp ứng với yêu cầu về quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Về bảo vệ môi trường: Cần có sự đầu tư để cải tạo môi trường các cơ sở sản xuất công nghiệp, các làng nghề nằm trong khu dân cư nông thôn để không phát triển tự phát và không quản lý theo quy định của nhà nước.

Về vấn đề quản lý đầu tư:

- Tiếp sau những đề xuất về mô hình cụm công nghiệp vừa và nhỏ cần thiết có những hướng dẫn lập quy hoạch để các địa phương dễ dàng áp dụng trong thực tế quy hoạch xây dựng. Các vấn đề liên quan đến quản lý vận hành sẽ được đề xuất khi lập quy hoạch xây dựng cho từng trường hợp cụ thể.
- Cần đặc biệt chú trọng việc tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận được với các nguồn vốn tín dụng trung và dài hạn để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất và nâng cấp công nghệ sản xuất tăng tính cạnh tranh của hàng hoá.
- Hỗ trợ công tác xử lý môi trường trong các cụm công nghiệp vừa và nhỏ nhằm giúp các cụm công nghiệp vừa và nhỏ giải quyết tốt vấn đề ô nhiễm môi trường tạo điều kiện phát triển bền vững.
- Các địa phương cần mở rộng quy mô các trường dạy nghề và xã hội hoá công tác đào tạo nghề cho người lao động nhằm cung cấp nguồn nhân lực có tay nghề cho các cụm công nghiệp vừa và nhỏ.
- Tiếp sau những đề xuất về mô hình mang tính khái quát cần thiết có những tài liệu hướng dẫn lập qui hoạch để chuyển hoá những mô hình vào thực tế qui hoạch xây dựng.
- Các vấn đề liên quan đến việc quản lý vận hành cụm điểm công nghiệp nông thôn trong vùng nghiên cứu sẽ được đề xuất khi lập qui hoạch xây dựng cho từng trường hợp cụ thể.

Để được sự hấp dẫn và có sức thuyết phục để các hộ sản xuất trong địa bàn huyện dịch chuyển ra mặt bằng mới để sản xuất tập trung thì cần có các chính sách khuyến khích về đất đai, về sử dụng các cơ sở hạ tầng, về vốn và cả về công nghệ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Báo cáo thực trạng tình hình hoạt động các cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn và ngành nghề nông thôn. Đề tài KC 07.23
2. Báo cáo đánh giá thực trạng và phương hướng phát triển các cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn hiện có. Đề tài KC 07.23
3. Đặng Đức Quang. Thị tứ làng xã. Nhà xuất bản xây dựng 2000
4. Nguyễn Nam. Kiến trúc cảnh quan xí nghiệp công nghiệp. Nhà xuất bản Xây dựng 2003
5. Nguyễn Thế Tài. Giáo trình Tổ chức không gian xí nghiệp công nghiệp. Khoa đào tạo sau đại học. Đại học Kiến trúc Hà nội
6. Nhiều tác giả. Địa lý lãnh thổ Việt nam. Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật 2001
7. Phạm Ngọc Đăng. Ô nhiễm môi trường không khí đô thị và khu công nghiệp. Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật 1992.
8. Thành lập tiêu chí các loại hình cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn. Đề tài KC 07.23
9. Tổng mặt bằng XNCN. Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4514-88
10. Quy hoạch, quản lý và phát triển các khu công nghiệp ở Việt nam. Nhà xuất bản Xây dựng 1998.
11. Quy chuẩn xây dựng Việt nam tập 1,2



VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ NÔNG THÔN - BỘ XÂY DỰNG

37 Lê Đại Hành - Hà Nội; Tel: 976 0691 - Fax: 976 4339 Email: niurp@hn.vnn.vn

CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC
GIAI ĐOẠN 2001 - 2005: KHOA HỌC CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP HOÁ VÀ HIỆN ĐẠI
HOÁ NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN; KC 07

Đề tài Nghiên cứu Khoa học Cấp Nhà nước, KC 07.23

**NGHIÊN CỨU CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN
CÁC LOẠI HÌNH CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN THEO
HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA**

ĐỀ TÀI NHÁNH 4

**MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÁC
CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN**

MÔ HÌNH VÙNG TÂY BẮC BẮC BỘ

CƠ QUAN THỰC HIỆN:

VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ-NÔNG THÔN, BỘ XÂY DỰNG

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI:

KTS TRẦN NGỌC CHÍNH

HÀ NỘI, THÁNG 3 NĂM 2005

MỤC LỤC

PHẦN 1. MỞ ĐẦU	1
1.1 MỤC TIÊU:	1
1.2 NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:	2
PHẦN II : XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN VÙNG TÂY BẮC	2
2.1. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN KINH TẾ XÃ HỘI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TRONG VÙNG.	2
2.1.1 Các đặc điểm tự nhiên	2
2.1.2 Đặc điểm kinh tế	3
2.1.3 Đặc điểm xã hội	4
2.2. THỰC TẠİ PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TRONG VÙNG	4
2.2.1 Thực trạng phát triển làng nghề thủ công	4
2.2.2 Thực trạng phát triển của các doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn	5
2.2.3 Các loại hình tổ chức công nghiệp nông thôn	5
2.2.4 Khó khăn và hạn chế	5
PHẦN III: XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN VÙNG TÂY BẮC	6
3.1 CÁC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHUNG:	6
3.1.1 Các chủ trương chính sách đặc thù của vùng liên quan đến phát triển mô hình công nghiệp vừa và nhỏ	6
3.1.2 Định hướng phát triển công nghiệp nông thôn vùng Tây Bắc:	6
3.2 CƠ SỞ ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỤM ĐIỂM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN VÙNG TÂY BẮC:	7
3.2.1 Đặc điểm và các yêu cầu phát triển:	7
3.2.2 Hệ thống tiêu chí qui hoạch tổ chức không gian cụm công nghiệp nông thôn:	8
3.3 MÔ HÌNH QUI HOẠCH TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN VÙNG TÂY BẮC:	11
3.3.1 Mô hình cụm công nghiệp:	11
3.3.2 Mô hình điểm công nghiệp - TTCN:	15
3.3.3 Các yêu cầu về kiến trúc cảnh quan:	16
3.3.4 Các yêu cầu về tổ chức hạ tầng kỹ thuật:	17
3.3.4.1 Tổ chức đường giao thông	17
3.3.4.2 San nền và thoát nước	17
3.3.4.3 Cấp nước, cấp điện	17
3.3.4.4 Thoát nước bẩn, vệ sinh môi trường cụm công nghiệp	17
3.3.5 Các yêu cầu về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật	18
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	19

PHẦN 1. MỞ ĐẦU

Chương trình Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá nông thôn theo tinh thần Nghị quyết trung ương V là Nhà nước khuyến khích phát triển mạnh các ngành công nghiệp ở nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông lâm sản và các ngành sử dụng nguyên liệu tại chỗ, cần lao động nhân công như sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp khai thác mỏ, dệt may, da giày, cơ khí lắp ráp, sửa chữa để thu hút và thực hiện phân công lao động ngay trên địa bàn. Hình thành các khu công nghiệp ở nông thôn, gắn kết ngay từ lợi ích kinh tế giữa người sản xuất, nguyên liệu với các nhà máy chế biến công nghiệp. Chính phủ đã ban hành các nghị định, quy định về các trợ giúp phát triển ngành nghề nông thôn nhằm tạo điều kiện xây dựng công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn.

Vị trí vai trò của cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ và ngành nghề nông thôn được xác định là một bộ phận cấu thành của công nghiệp nông thôn. Hình thành và phát triển ở nông thôn, công nghiệp nông thôn với các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tồn tại dưới nhiều hình thức, thuộc nhiều thành phần kinh tế, qui mô vừa và nhỏ, hoạt động trong nhiều ngành nghề khác nhau phù hợp với hướng phát triển kinh tế của địa phương và gắn bó mật thiết với sản xuất nông nghiệp và kinh tế xã hội nông thôn do địa phương quản lý về mặt nhà nước.

Các nghiên cứu đặc điểm của công nghiệp nông thôn là:

- Gắn với kinh tế - xã hội nông thôn, trước hết là với sản xuất nông nghiệp, khai thác nguyên liệu tại chỗ và ngành nghề truyền thống.
- Mang tính chất đặc thù của địa phương,
- Phát triển ngành nghề, sản phẩm, các hình thức tổ chức gắn với vị trí địa lý.

Mô hình đặc trưng cho vùng là xác định mô hình chung áp dụng phù hợp với sự thay đổi các điều kiện riêng của khu vực lập qui hoạch xây dựng cụm điểm công nghiệp nông thôn.

Vùng Tây Bắc có vị trí địa lý, điều kiện kinh tế xã hội riêng vì vậy việc hình thành cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ có đặc trưng riêng

1.1 MỤC TIÊU:

Nghiên cứu đề xuất mô hình qui hoạch và tổ chức không gian cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn vùng Tây Bắc nhằm mục tiêu sau:

- Tạo lập cơ sở khoa học quan trọng để các nhà qui hoạch- quản lý xây dựng lựa chọn mô hình hình thành và phát triển cụm công nghiệp nông thôn trên địa bàn vùng Tây Bắc cho phù hợp với đặc trưng riêng biệt của địa phương, thể hiện mối quan hệ của cụm công nghiệp khi hình thành với các khu chức năng xung quanh bối cảnh phát triển công nghiệp, mối quan hệ không gian công nghiệp với khu dân cư nông thôn, các dịch vụ công cộng và dịch vụ sản xuất, các hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và mối quan hệ tương đồng với sinh thái nông nghiệp địa phương.
- Hướng tới tổng thể qui hoạch hoàn chỉnh, thúc đẩy sự phát triển của cụm điểm công nghiệp, đồng thời đảm bảo không gian kiến trúc phát triển hợp lý, đẹp và bảo vệ được cảnh quan đặc trưng của địa phương là nông thôn vùng Tây Bắc.

- Mô hình qui hoạch và tổ chức không gian cho công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn là đề xuất mang tính hướng dẫn, có thể vận dụng để phù hợp với đặc thù phát triển đa dạng của từng địa bàn, các loại hình ngành nghề, qui mô phát triển và các vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường, mô hình quản lí... đặt ra để lựa chọn hình thành cụm công nghiệp tại nông thôn.

1.2 NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:

- Khảo sát tình hình thực tiễn hoạt động của các cụm điểm công nghiệp và các làng nghề truyền thống.
- Đánh giá chất lượng và hiệu quả của các qui hoạch công nghiệp nông thôn đã lập và xem xét một số qui hoạch áp dụng cho một số địa bàn cụ thể trong vùng.
- Thu thập tổng hợp các qui chuẩn, qui phạm Việt Nam về xây dựng công nghiệp, các yêu cầu tổ chức không gian và sử dụng đất công nghiệp.
- Tổng hợp các cơ sở để đề xuất tổ chức không gian công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn và các tiêu chí chủ yếu tổ chức không gian cụm điểm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn.
- Đề xuất các mô hình đặc trưng cho vùng Tây Bắc.

PHẦN II : XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN VÙNG TÂY BẮC

2.1. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN KINH TẾ XÃ HỘI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TRONG VÙNG.

Tổng diện tích tự nhiên vùng Tây Bắc là: 35.637km², chiếm 10,8% diện tích cả nước. Trong đó đất nông nghiệp chiếm 11,6%, đất lâm nghiệp có rừng chiếm 32,1%, đất chuyên dùng chiếm 1,7%, đất ở chiếm 0,4%.

Dân số 2390,2 nghìn dân, dân số đô thị là 309,3 nghìn dân, có tỷ lệ đô thị hoá là 12,9%.

Vùng Tây Bắc có đặc trưng về tự nhiên, kinh tế xã hội quan trọng sau đây:

2.1.1 Các đặc điểm tự nhiên

- + Với vị trí ở phía Tây Bắc của cả nước bao gồm lãnh thổ của các tỉnh: Hoà Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu
 - Phía Bắc giáp CHND Trung Hoa.
 - Phía Đông giáp vùng lãnh thổ phía Bắc Bắc bộ.
 - Phía Tây giáp CHDCN Lào.
 - Phía Nam giáp vùng lãnh thổ Bắc Trung bộ.
- + Là vùng núi cao, địa hình bị chia cắt, nhiều sông suối rất phức tạp. Diện tích đất nông nghiệp rất hạn chế.
- + Diện tích rừng và cây lâm nghiệp chiếm một tỷ trọng lớn.

- + Vùng Tây Bắc chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, mang tính chất lục địa với những đặc trưng khu Tây Bắc Việt Nam, một năm có hai mùa là mùa khô và mùa mưa. Lượng mưa lớn và phân bố không đều trong năm.
- + Vùng Tây Bắc có hệ thống sông suối khá dày đặc, có độ dốc lớn, nhiều thác ghềnh.
- + Có một số hiện tượng thời tiết đặc biệt như lũ quét, mưa đá, sương muối, thời tiết khô nóng do hiệu ứng Föhn của gió mùa tây nam.
- + Có một số vùng cao nguyên như Mộc Châu, Mường Thanh, Nà Sản tạo nên vùng kinh tế quan trọng của khu vực.

2.1.2 Đặc điểm kinh tế

*** Cơ cấu kinh tế của vùng:**

- Cơ cấu kinh tế: nông lâm nghiệp, công nghiệp và dịch vụ chủ yếu nông lâm nghiệp.
- Có tiềm năng sản xuất cây công nghiệp, nguyên liệu phục vụ sản xuất công nghiệp như cây chè, sắn, cà phê, sản xuất chăn nuôi chế biến nông sản thực phẩm như chăn nuôi bò thịt, bò sữa, chăn nuôi lợn.
- giá trị sản xuất công nghiệp tăng hàng năm 10%, năm 2003 là: 13,7%
- Tốc độ tăng trưởng GDP 5%/năm. Tại năm 2000 tăng 7,2%.

*** Một số lợi thế tích cực cho phát triển công nghiệp vừa và nhỏ:**

- Là vùng trồng cây công nghiệp làm nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp.
- Là vùng có sản xuất chế biến nông sản thực phẩm tương đối phát triển. Có một số làng nghề truyền thống lâu đời, có đặc thù văn hoá riêng.
- Vùng Tây Bắc có một số cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng như thủy điện Hoà Bình, thủy điện Sơn La, Quốc lộ 6 vừa được nâng cấp cải tạo, sân bay Điện Biên, sân bay Nà Sản
- Là vùng có chính sách ưu tiên đặc biệt của Đảng và nhà nước.

*** Một số hạn chế:**

- Là vùng có nhiều tác động của thiên nhiên, hệ sinh thái tự nhiên chưa được quản lý chặt chẽ và dễ bị phá vỡ.
- Cơ sở hạ tầng xã hội - kĩ thuật và đô thị hoá còn ở mức thấp so với cả nước.
- Công nghiệp và thương mại - du lịch có chiều hướng phát triển song tốc độ còn chậm, vì vậy kinh tế nông nghiệp vẫn là chủ đạo.
- Nền kinh tế nhìn chung chưa có sự tích lũy, điều kiện hạ tầng thấp, ít hấp dẫn các nguồn đầu tư phát triển.
- Vấn đề xã hội còn nhiều bức xúc, lao động còn ở trình độ thấp, đặc biệt là lao động nông thôn, do vậy đời sống xã hội còn thấp.

2.1.3 Đặc điểm xã hội

- Theo số liệu thống kê năm 2003 dân số là: 2390,3 nghìn dân, trong đó dân số thành thị là 309,3 nghìn dân, dân số nông thôn là 2080,9 nghìn dân, tổng số lao động là 79,2 nghìn người. Tỷ lệ đô thị hoá là 12,9%.
- Là vùng có nhiều dân tộc anh em sinh sống như dân tộc Thái, Mường, Mông... có truyền thống văn hoá đa dạng phong phú.
- Có nhiều danh lam thắng cảnh, tiềm năng du lịch.
- Di tích lịch sử văn hoá như nhà tù Sơn La, Điện Biên Phủ, có tuyến du lịch quốc gia.
- Có vị trí an ninh quốc phòng quan trọng của quốc gia.

2.2. THỰC TẠİ PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TRONG VÙNG.

- Theo các số liệu điều tra của ngành công nghiệp, trong những năm gần đây số lượng các cơ sở sản xuất phân theo loại hình sản xuất thì ngành công nghiệp chế biến có tỉ trọng cao nhất cũng như sử dụng lực lượng lao động nhiều nhất.
- Thực tại phát triển công nghiệp vừa và nhỏ trong vùng trên địa bàn nông thôn vùng Tây Bắc mang những đặc điểm phát triển có thể khái quát như sau:
- Các ngành nghề nông thôn phát triển tương đối đa dạng, gắn bó với sự phát triển kinh tế xã hội của các vùng nguyên liệu nông lâm sản . Có thể chia thành 4 nhóm ngành gồm nhóm chế biến nông lâm sản, nhóm xây dựng cơ khí và dịch vụ, nhóm khai thác khoáng sản và các làng nghề thủ công truyền thống .

2.2.1 Thực trạng phát triển làng nghề thủ công.

Tổng số làng nghề thủ công theo thống kê năm 2003.

- Tổng số có 247 làng nghề, trong đó Sơn La Là 199, Điện Biên Lai Châu là 22, Hoà Bình là 34.
- Có 333 mặt hàng, mặt hàng chủ yếu là dệt và thêu ren chiếm 78%, chế tác gỗ chiếm 7%, mây tre đan chiếm 6,3%, chỉ có 3 doanh nghiệp, 3 hợp tác xã trong khu vực làng nghề.
- Hướng đi của việc khôi phục làng nghề có hiệu quả nhất là cần có chính sách đầu tư tổ chức lại gắn kết với các cụm công nghiệp đa ngành làm tâm điểm và vệ tinh kích thích các làng nghề khác phát triển.
- Hạn chế: Có trên 90% làng nghề muốn được khôi phục nhưng cực kỳ khó khăn do vị trí địa lý, trình độ dân trí, trình độ công nghệ, khả năng tiêu thụ sản phẩm.
- Khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá cả và khả năng xuất khẩu còn thấp, mẫu mã, thiếu thông tin thị trường, thiếu sự đầu tư, cơ sở hạ tầng thấp

kém... là những khó khăn mà hiện nay hoạt động làng nghề vùng Tây Bắc phải giải quyết.

2.2.2 Thực trạng phát triển của các doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn.

- Công nghiệp vừa và nhỏ phát triển toàn diện đa dạng, đa ngành nghề
- Công nghiệp đơn ngành bao gồm khai khoáng, lọc và phân phối nước chiếm 32%, phân bố phân tán theo vùng nguyên liệu và yêu cầu đặc biệt khác.
- Công nghiệp đa ngành bao gồm: chế biến và sản xuất chế tạo chiếm 67,9% phân bố chủ yếu trên trục Quốc lộ, tỉnh lộ, tiệm cận với các thị trấn thị xã.
- Có một số cụm công nghiệp đã và đang hình thành: Cụm Công nghiệp MuKit 12ha, cụm công nghiệp Sông Mã 50ha, Thuận Châu 30ha, Mường Bú Mường La 150ha, Phù Yên 20ha....

*** Đánh giá đặc điểm phát triển công nghiệp vừa và nhỏ của vùng.**

- Chiếm 1% so với cả nước (tỷ trọng thấp).
- Có 78 doanh nghiệp công nghiệp, trong đó khai khoáng 22 doanh nghiệp chiếm 28,2%, doanh nghiệp chế biến và sản xuất chế tạo gồm 53 doanh nghiệp chiếm 67,9%, doanh nghiệp lọc và phân phối nước chiếm 3,8%.
- Trình độ kỹ thuật của doanh nghiệp công nghiệp: Trong tổng số 78 doanh nghiệp có 7 cơ sở tiên tiến chiếm 9%, 55 cơ sở trung bình chiếm 70,5%, 13 cơ sở lạc hậu chiếm 16,7%, có 3 cơ sở không xếp hạng chiếm 3,8%.
- Tổng số lao động trong các doanh nghiệp: 4053 (2001) người lao động.

2.2.3 Các loại hình tổ chức công nghiệp nông thôn.

- + Các cơ sở công nghiệp nông thôn vùng Tây Bắc tổ chức thành các dạng:
 - Hộ gia đình trong làng nghề truyền thống.
 - Hợp tác xã làng nghề (chỉ có 3 HTX trong 247 làng nghề).
 - Các doanh nghiệp công nghiệp.
- + Phân bố:
 - Các làng nghề truyền thống phân bố ở các làng, bản vùng nông thôn.
 - Các cơ sở sản xuất chế biến chủ yếu tập trung vùng nguyên liệu gần đường Quốc lộ, tỉnh lộ, gần thị xã, thị trấn, thị tứ và gần các nguồn nước mặt.
 - Các cơ sở sản xuất về khai thác khoáng sản tập trung ở vùng nguyên liệu.
 - Có một số cụm công nghiệp tập trung nằm ở các thị trấn, thị xã.

2.2.4 Khó khăn và hạn chế.

- Địa hình không bằng phẳng nên không tạo được mặt bằng có qui mô lớn
- Nhiều khu vực bị ô nhiễm về nước thải (cấp và thoát cùng một hệ thống sông suối, điều kiện xử lý còn chưa đảm bảo).
- Vị trí địa lý, điều kiện hạ tầng kỹ thuật còn thấp kém.
- Hạn chế về thông tin thị trường, công nghệ, quảng bá sản phẩm.

- Thiếu đầu tư thoả đáng, bất cập.
- Chưa có qui hoạch hoàn chỉnh đồng bộ gắn với khả năng phát triển kinh tế của địa phương.

PHẦN III: XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN VÙNG TÂY BẮC.

3.1 CÁC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHUNG:

3.1.1 Các chủ trương chính sách đặc thù của vùng liên quan đến phát triển mô hình công nghiệp vừa và nhỏ.

Trong những năm gần đây Đảng và Chính phủ đã rất quan tâm đến việc CNH – HĐH nông nghiệp nông thôn và đã có những chỉ đạo chiến lược thông qua các chính sách về phát triển ngành nghề nông thôn như:

- Nghị quyết Trung ương 5 khoá IX về đẩy nhanh CNH- HĐH nông nghiệp nông thôn thời kỳ 2000-2020 chỉ rõ: “ Nhà nước khuyến khích phát triển mạnh các ngành công nghiệp ở nông thôn nhất là các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và các ngành sử dụng nguyên liệu tại chỗ, cần nhân công lao động như sản xuất VLXD, công nghiệp khai thác mỏ, dệt may, da giày, cơ khí lắp ráp, sửa chữa... để thu hút và thực hiện phân công lao động ngay tại đại bàn.
- Nghị quyết 132/2000/ QĐ- TTg ngày 34/11/2000 về một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn. Trong đó những nội dung chính về ngành nghề nông thôn được xác định như sau:
 - + Ngành nghề nông thôn bao gồm: Chế biến nông, lâm, thủy sản, sản xuất VLXD, đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, cơ khí nhỏ, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, xây dựng, vận tải.
 - + Nhà nước khuyến khích tiêu thụ và sử dụng các sản phẩm ngành nghề nông thôn nhất là các sản phẩm sử dụng nguồn nguyên liệu tự nhiên trong nước. (gỗ, mây tre lá...) nhằm hạn chế một phần tác hại đến môi trường.
 - + Nhà nước khuyến khích tạo điều kiện có chính sách bảo vệ quyền lợi các cơ sở sản xuất ở nông thôn, thu hút lao động, giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo, giữ gìn phát huy giá trị văn hoá dân tộc.
- Nghị định 90/2001/NĐ-CP ngày 23/11/2001 về trợ giúp phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Luật khuyến khích đầu tư trong nước và nghị định 51/1999/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện.
- Quyết định 46/2001/QĐ/TTg về quản lý hàng hoá xuất nhập khẩu.

3.1.2 Định hướng phát triển công nghiệp nông thôn vùng Tây Bắc:

- Tập trung phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản, chế biến nông lâm sản, cây công nghiệp, chế tạo máy nông nghiệp. Tập trung phát triển cụm

công nghiệp vừa và nhỏ tại khu vực thị trấn thị tứ có điều kiện hạ tầng thuận lợi không phát triển tràn lan.

- Ưu tiên ngành công nghiệp chế biến nông lâm sản, phát triển trong các giai đoạn.
- Tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế vùng 30 – 35%, tăng trưởng công nghiệp từ 10 – 12%.

3.2 CƠ SỞ ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỤM ĐIỂM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN VÙNG TÂY BẮC:

Mô hình tổ chức không gian cụm điểm công nghiệp nông thôn vùng Tây Bắc được nghiên cứu đề xuất dựa trên 2 cơ sở quan trọng là đặc điểm phát triển của địa bàn nông thôn và hệ thống tiêu chí cơ bản hình thành và phát triển cụm điểm công nghiệp vừa và nhỏ.

3.2.1 Đặc điểm và các yêu cầu phát triển:

- Hiện nay, các cụm công nghiệp vừa và nhỏ khu vực Tây Bắc bộ đã và đang hình thành, phát triển, xuất phát từ nhu cầu thực tế của việc phát triển công nghiệp địa phương và việc giải quyết những bất cập do việc xây dựng tự phát, không có qui hoạch, yêu cầu về giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường. Dự kiến hình thành và phát triển một số cụm điểm công nghiệp, đơn ngành, chủ yếu là đa ngành với các loại hình tổ chức phù hợp với nguồn nguyên liệu địa phương và sử dụng được nguồn lao động phổ thông của nông thôn. Địa điểm lựa chọn gắn với khu vực thị trấn, thị tứ có dân cư tập trung, gần đường giao thông chính như tỉnh lộ, quốc lộ.
- Thực tại các cụm công nghiệp hình thành chủ yếu mang tính tự phát hoặc chỉ là những bước đi ban đầu, chứa đựng rất nhiều tồn tại cần giải quyết, đặc biệt là trong tổ chức không gian qui hoạch.
- Yếu tố địa lý là cơ sở quan trọng nhất chi phối đến việc nghiên cứu mô hình đề xuất tổ chức không gian cụm điểm công nghiệp vừa và nhỏ phù hợp với địa bàn nông thôn vùng Tây Bắc đặc biệt là yếu tố địa hình. Với các đặc điểm phát triển thực trạng hiện nay cho thấy bước đầu các địa phương trong vùng đã có những xúc tiến quan trọng phù hợp với các định hướng phát triển lâu dài của toàn vùng.

*** Các yêu cầu phát triển:**

- Vị trí để có đủ điều kiện về đường giao thông tỉnh lộ, quốc lộ và cung cấp hạ tầng: cấp điện, cấp nước, đáp ứng được yêu cầu của các hộ sản xuất là gần với nơi cư trú và gần với hoạt động nông nghiệp, làng nghề.
- Sử dụng được nguồn lao động phổ thông và nguồn nguyên liệu tại chỗ.
- Gắn việc giải quyết cho mở rộng phát triển công nghiệp, củng cố các làng nghề truyền thống- trong mô hình tổng hợp cụm công nghiệp kết hợp với tiểu thủ công nghiệp. Việc kết hợp giữa công nghiệp với tiểu thủ công nghiệp có khả năng tương tác hỗ trợ.

- Có cơ sở hoạt động giới thiệu quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại, đặc biệt đối với các làng nghề truyền thống, tạo hiệu quả kinh tế tương xứng với tiềm năng truyền thống của làng nghề biến đổi thành cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp gắn với cụm công nghiệp.
- Các cụm công nghiệp hướng theo mô hình tổ chức không gian tiên tiến phù hợp với điều kiện thực tế.
- Yêu cầu nhà ở đề cập cùng với việc lập qui hoạch công nghiệp.
- Yêu cầu giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường đặc biệt là môi trường nước.

3.2.2 Hệ thống tiêu chí qui hoạch tổ chức không gian cụm công nghiệp nông thôn:

Việc lựa chọn phát triển công nghiệp nông thôn và đề xuất mô hình tổ chức không gian qui hoạch của vùng Tây Bắc bộ căn cứ trên nhiều tiêu chí, cơ sở khoa học trọng yếu.

a- Lãnh thổ đất đai:

Lãnh thổ đất đai là một bối cảnh quan trọng cho việc nghiên cứu qui hoạch tổ chức không gian, đề cập đến các vấn đề sau :

- + Tài nguyên :
 - Tài nguyên thiên nhiên : tài nguyên rừng, cây công nghiệp, cây nguyên liệu phục vụ cho chế biến nông lâm sản, những đặc sản về lâm thổ sản.
 - Các làng nghề truyền thống đặc thù như dệt, thêu, chế biến nông lâm sản.
- + Bối cảnh kinh tế xã hội :
 - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ một vùng sản xuất nông lâm nghiệp với tỉ trọng công nghiệp thấp sang cơ cấu mới có tỉ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ cao hơn, đặc biệt là khai thác tài nguyên rừng, cây công nghiệp, chế biến nông sản thực phẩm.
 - Tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp, tăng trưởng công nghiệp dưới 10%/năm.
 - Tỉ lệ đô thị hoá thấp so với cả nước (12,9%).
- + Khả năng cung cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Giao thông, nguồn nước, nguồn năng lượng, thông tin liên lạc đủ điều kiện để xây dựng cụm công nghiệp vừa và nhỏ tại các khu vực thị trấn, thị tứ. Địa hình không bằng phẳng, đồi núi cao bị chia cắt nhiều tạo nên những không gian kiến trúc khác nhau, không có mặt bằng rộng để bố trí cụm công nghiệp có qui mô lớn.
- + Hạ tầng xã hội: giáo dục, đào tạo nghề, dịch vụ công cộng phát triển chậm so với cả nước.
- + Sinh thái môi trường: Thiên nhiên rừng với nhiều hệ sinh thái khác nhau khi khai thác nguyên liệu cần được vạch ra kế hoạch cụ thể để bảo vệ và cân bằng sinh thái.

- + Khả năng hấp dẫn đầu tư nước ngoài thấp vì xa các trung tâm lớn song lại có lợi thế về du lịch sinh thái với những đặc thù về văn hoá dân tộc, làng nghề truyền thống đặc trưng tạo nên khả năng khai thác và đầu tư nước ngoài.

Bối cảnh kinh tế xã hội và đặc điểm tự nhiên là căn cứ để tạo lập các dự báo phát triển mạng lưới công nghiệp nông thôn cho vùng, nhận dạng vai trò tính chất của các khu vực là những gợi mở cho qui hoạch tổ chức không gian công nghiệp nông thôn hướng tới phù hợp với không gian nông thôn vùng Tây bắc bộ.

b- Ngành nghề:

Cần phát triển theo hướng chung là:

- Phù hợp với định hướng phát triển CN- TTCN của từng địa phương và của vùng Tây Bắc.
- Các ngành nghề tận dụng được lợi thế sẵn có và dựa trên vùng nguyên liệu nông lâm nghiệp nổi trội là chế biến nông sản thực phẩm gắn kết với các tổ chức kinh tế tập thể làm chỗ dựa cho việc khôi phục các ngành nghề truyền thống.
- Giải quyết các vấn đề kinh tế lao động nông thôn, đánh thức và khai thác các vùng nguyên liệu và vùng nông nghiệp ít thuận lợi.
- Hướng tới một số ngành nghề có khả năng hỗ trợ công nghiệp lớn tại các khu công nghiệp tập trung.

Loại hình công nghiệp là cơ sở để lựa chọn giải pháp tổ chức không gian cho cụm công nghiệp vừa và nhỏ trong đó có các yếu tố xác định vị trí xây dựng mối quan hệ với khu dân cư, vùng nguyên liệu, cơ cấu sử dụng khu đất sản xuất. Việc lựa chọn phát triển công nghiệp làng nghề gắn liền với các tổ chức dân cư, với các khu mang tính đô thị, quảng bá sản phẩm, tiếp cận được với các không gian dịch vụ du lịch.

c- Qui mô:

- Qui mô khu công nghiệp vừa và nhỏ vùng nông thôn được xác định trên nguyên tắc chung phù hợp với tính chất của ngành nghề địa phương, khả năng dung nạp đất xây dựng, đáp ứng được nhu cầu phát triển sản xuất của địa phương, phù hợp với năng lực quản lý của địa phương.
- Qui mô phát triển tương đồng với các yếu tố cấu thành là các hộ sản xuất trong cụm công nghiệp, đó là qui mô vốn đầu tư, số lao động, yêu cầu sử dụng đất sản xuất...
- Qui mô công nghiệp và đặc điểm sử dụng lao động là căn cứ để xác định mô hình xây dựng công nghiệp kèm theo khu ở và mức độ đầu tư dịch vụ công cộng trong mối quan hệ tận dụng các điều kiện hạ tầng xã hội của dân cư nông thôn địa phương.

- Sau khi nghiên cứu vùng Tây Bắc có thể phân thành 3 loại hình để xác định cơ cấu sử dụng đất và tổ chức không gian căn cứ vào qui mô diện tích.
 - Cụm công nghiệp nông thôn: có thể phân ra 2 loại qui mô, loại qui mô 10-15ha và qui mô từ 15-25ha – loại công nghiệp đa ngành (có thể kết hợp giữa các cơ sở công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp), có thể là cụm công nghiệp phát triển theo mô hình tiểu khu kinh tế, qui mô lao động tối đa là 2000 người, lô đất xí nghiệp tối thiểu là 0,1ha, đạt chỉ số 20 cơ sở sản xuất trở lên trong một cụm.
 - Điểm công nghiệp nông thôn qui mô từ 5-10ha, có thể sử dụng cho loại hình công nghiệp – TTCN (thay thế cho làng nghề), có khả năng khai thác yếu tố lao động.
- Qui mô công nghiệp là căn cứ để lựa chọn vị trí và giải pháp tổ chức không gian công nghiệp trong đó cần nhắc đến chuyển hoá quỹ đất nông lâm nghiệp, khả năng khai thác điều kiện hạ tầng kỹ thuật, lựa chọn nhà ở cho công nhân. Cụm điểm công nghiệp nông thôn có qui hoạch tổ chức không gian phù hợp với điều kiện tự nhiên môi trường sản xuất tiên tiến và tiết kiệm đất xây dựng.
- Qui mô công nghiệp và đặc điểm sử dụng lao động là căn cứ để xác định mô hình xây dựng công nghiệp kèm theo khu ở và mức độ đầu tư các công trình công cộng.

d. Quản lý công nghiệp nông thôn và các yêu cầu bảo vệ môi trường:

Cũng là tiêu chí cần thiết đối với vùng Tây Bắc sẽ được xem xét cho từng địa điểm. Vấn đề môi trường của vùng Tây Bắc là bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái, đặc biệt là bảo vệ các nguồn nước do công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm.

e. Tổ chức không gian:

Qui hoạch tổ chức không gian cụm công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn bao gồm: Khu ở, khu trung tâm hành chính và dịch vụ công cộng, khu các công trình sản xuất và phụ trợ, khu cây xanh, khu các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Xác định một không gian công nghiệp nông thôn bao gồm:
- Xác định vị trí mối quan hệ không gian công nghiệp và không gian nông nghiệp nông thôn, xác định cấu trúc tổ chức không gian khu ở và sản xuất công nghiệp.
- Xác định cơ cấu sử dụng đất công nghiệp.
- Xác định qui hoạch cây xanh cảnh quan cụm công nghiệp.
- Xác định kiến trúc công trình công nghiệp.

*Nghiên cứu tổ chức không gian cần đạt những yêu cầu sau:

- Lựa chọn vị trí phù hợp với đặc điểm địa hình tự nhiên với đặc điểm sản xuất của địa bàn. Xác định sự gắn kết quan hệ giữa không gian sản xuất và không gian ở.
- Khả năng gắn kết với bối cảnh địa phương của cụm điểm công nghiệp dự kiến hình thành. Đặc trưng lối sống truyền thống, cấu trúc qui hoạch làng xã và kiến trúc nông thôn, đặc biệt là đối với các khu vực dự kiến phát triển nghề truyền thống.
- Mức độ đô thị hoá, hình thái dịch vụ hạ tầng xã hội và kĩ thuật, tạo môi trường làm việc mới là một trong các yếu tố tác động đến mức độ đô thị hoá nông thôn và thúc đẩy sự phát triển của các dịch vụ hạ tầng xã hội và kĩ thuật ở nông thôn. Đối với các làng nghề thực tế đã có sự phân tách dần giữa không gian ở và sản xuất gia đình.

3.3 MÔ HÌNH QUI HOẠCH TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN VÙNG TÂY BẮC:

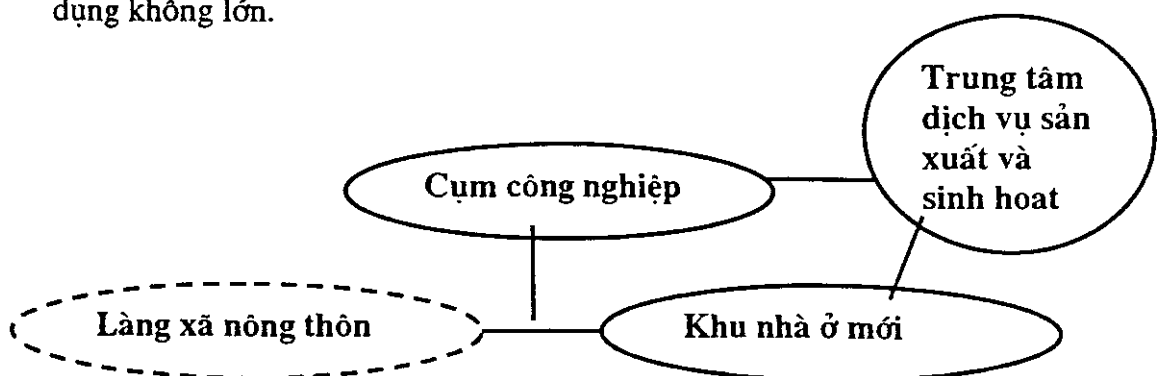
Có thể đề xuất 2 mô hình qui hoạch tổ chức không gian công nghiệp nông thôn vùng Tây Bắc tương ứng với 2 loại hình có nhiều khả năng hình thành phát triển phù hợp với địa bàn có đặc trưng của địa hình trong bối cảnh kinh tế xã hội là vùng phát triển kinh tế phân tán với các đô thị nhỏ, không có khả năng xây dựng các khu công nghiệp tập trung qui mô lớn. Hai mô hình đã khắc phục được là mô hình đặc trưng phù hợp với khả năng đầu tư, tổ chức sản xuất khắc phục được những tồn tại và kích thích, khôi phục các ngành nghề truyền thống.

3.3.1 Mô hình cụm công nghiệp:

- Cụm công nghiệp sẽ chủ yếu theo hướng đa nghề với nhu cầu sử dụng nhiều lao động phổ thông, như vậy sẽ thu hút được từ các địa bàn nông thôn lân cận. Có thể có dạng cụm công nghiệp chuyên ngành chế biến nông lâm sản gắn với các cơ sở tiểu thủ công nghiệp được chuyển đổi từ các làng nghề truyền thống (được tổ chức theo hình thức hợp tác xã và doanh nghiệp).
- Về qui mô có thể lựa chọn ở mức độ vừa phải, 10 – 15ha và 15 - 25ha là phù hợp với vùng qui hoạch là nơi có quỹ đất tương đối hạn hẹp do sự chia cắt về địa hình, hạn chế các công nghiệp độc hại nhất là loại công nghiệp ảnh hưởng đến nguồn nước.
- Vị trí xây dựng các cụm công nghiệp tiếp cận thuận lợi với các trục lộ chính của vùng tỉnh như là QL6, QL4D, QL279, QL32, QL12, TL109, TL110, gần các thị trấn trung tâm huyện để vừa tạo cho cụm công nghiệp có sức hút đầu tư và lao động nhanh, đồng thời dựa vào các điều kiện hạ tầng ban đầu của điểm đô thị đã có, hệ thống các thị trấn huyện của vùng Tây Bắc.
- Vị trí của khu vực xây dựng cần gắn kết với khu dân cư và các vùng cảnh quan một cách hợp lí, tùy nhiên địa điểm cần lựa chọn để có đủ điều kiện

phát triển hạ tầng kỹ thuật, sử dụng chung nguồn điện nước của khu vực dân dụng và đặc biệt là giải quyết được vấn đề nước thải, rác thải...

- Vấn đề lao động và nhà ở cần thiết được đặt ra trong qui hoạch cụm công nghiệp nông thôn, đáp ứng nhu cầu ở của một bộ phận lao động với 2 hướng: hoặc gắn liền với địa điểm sản xuất mới hoặc gắn với thị trấn, làng xã địa phương.
- Hướng xây dựng khu ở theo hướng gắn với cộng đồng dân cư theo hướng đô thị hoá và khai thác khu ở đã có tác động vào khu nông thôn theo hướng hiện đại phù hợp với các cụm công nghiệp qui mô nhỏ, trong đó chủ yếu là nguồn lao động tại chỗ, có thể sử dụng các điều kiện hạ tầng sẵn có tại cộng đồng thị trấn, thị tứ, các điểm dân cư nông thôn mới.
- Trong trường hợp cụm công nghiệp có qui mô nhỏ có thể xây dựng nhà ở cho công nhân ngay tại khuôn viên của xí nghiệp nhưng phải đảm bảo điều kiện môi trường sinh hoạt, đây là điểm khác biệt với khu công nghiệp có qui mô lớn.
- Xây dựng khu dân cư mới, khu nhà ở cho công nhân gắn với địa điểm xây dựng cụm công nghiệp hoặc gắn với khu vực thị trấn là rất cần thiết để tạo ra cụm công nghiệp phát triển theo mô hình tiểu khu kinh tế.
- Khu ở cần có qui mô ở tối thiểu cho 300 người, cùng với việc hình thành các dịch vụ công cộng. Mô hình này sẽ có điều kiện phát triển tốt tại các vị trí gắn với các điểm đô thị trong huyện hoặc tại các thị tứ trung tâm cụm xã, như một hạt nhân hình thành và thúc đẩy đô thị hoá khu vực.
- Trung tâm dịch vụ hình thành giữa cụm công nghiệp và khu ở, đôi khi trung tâm dịch vụ nằm trong thị trấn, thị tứ vừa có chức năng dịch vụ công cộng cho khu ở vừa đáp ứng dịch vụ sản xuất, quảng bá giới thiệu sản phẩm và các xúc tiến thương mại.
- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được sử dụng chung với khu dân cư như trạm cấp điện, cấp nước, xử lý nước và rác thải.... để vừa đảm bảo cho sản xuất vừa không phải chi phí quá lớn cho xây dựng hạ tầng khi công suất sử dụng không lớn.



- Như vậy một hình ảnh mới được tạo lập, là sự hình thành một tổng thể qui hoạch cụm công nghiệp – trung tâm dịch vụ – khu nhà ở như một tiểu khu

kinh tế công nghiệp – dịch vụ xuất hiện tại địa bàn nông thôn vùng Tây Bắc, tạo tụ điểm hạt nhân phát triển và đô thị hoá. Đây là một yêu cầu bức thiết để đẩy nhanh mức độ đô thị hoá và phân bố hệ thống đô thị trong vùng.

- Xác định cấu trúc không gian sản xuất và qui hoạch sử dụng đất cụm công nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn nông thôn vùng Tây Bắc là phân nghiên cứu để hướng tới hình ảnh của một không gian công nghiệp qui mô nhỏ và vị trí xây dựng tại nông thôn có tổ chức không gian qui hoạch hoàn chỉnh.

**Cụm công nghiệp phát triển theo mô hình tiểu khu kinh tế:*

(có thể xây dựng tại huyện Mai Sơn, Phù Yên, Mộc Châu, tỉnh Sơn La, thành phố Điện Biên.....)

Đây là mô hình đặc trưng nhất cần được phát triển, mô hình này góp phần thúc đẩy khả năng đô thị hoá góp phần tác động đến sự phát triển nông thôn vùng phụ cận, tạo thành các tụ điểm, trọng điểm kinh tế của một tiểu vùng, hay một khu vực, là cơ sở quan trọng để mở rộng nâng cấp và phát triển đô thị.

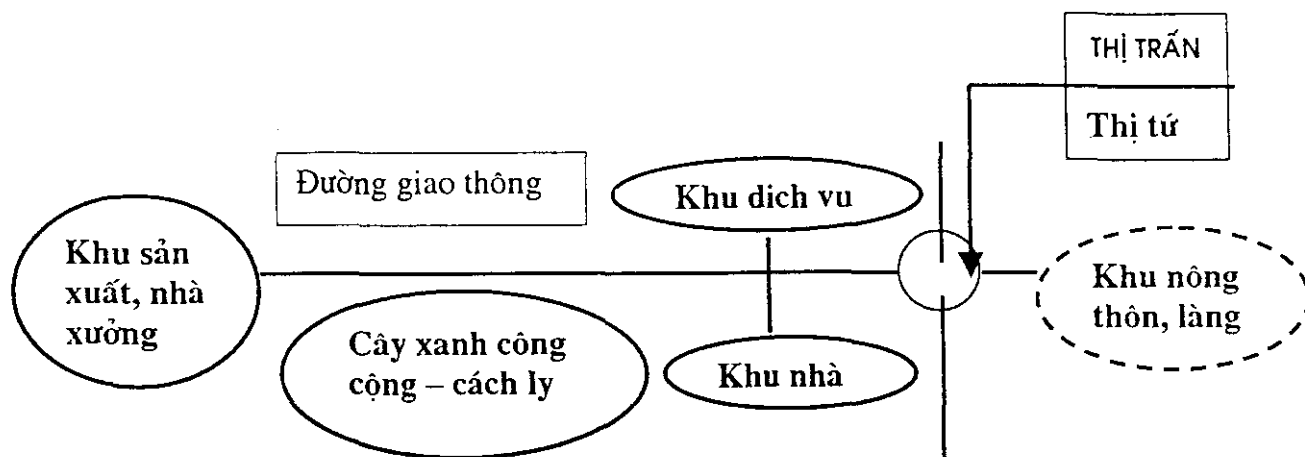
Mô hình tiểu khu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - dân cư là cơ sở hình thành phát triển đô thị trong tương lai.

Cụm công nghiệp phát triển theo mô hình tiểu khu kinh tế có các khu chức năng:

- Khu xây dựng nhà xưởng sản xuất: Là khu chức năng chính của cụm công nghiệp.
- Khu ở công nhân.
- Khu dịch vụ công cộng, giới thiệu và bán sản phẩm, dịch vụ sản xuất, công trình hạ tầng phụ trợ... (phục vụ chung cho sản xuất và sinh hoạt)
- Đường giao thông trong cụm công nghiệp.
- Cây xanh công cộng và cách ly.

Cơ cấu sử dụng đất cụm công nghiệp có tỉ lệ khác với khu công nghiệp của các đô thị hoặc khu công nghiệp tập trung do tận dụng đường giao thông sẵn có, do địa hình thiên nhiên chia cắt, không bằng phẳng có thể phân bố diện tích như sau:

Khu xây dựng nhà xưởng sản xuất:	60-65%
Khu ở công nhân:	12-15%
Khu dịch vụ:	3-5%
Đường giao thông:	10-12%
Cây xanh:	12-15%



**Cụm công nghiệp có loại hình qui mô nhỏ:*

Có sự chuyển dịch cấu trúc khu chức năng, khu nhà ở nằm ngoài cụm công nghiệp gần với khu dân cư của thị trấn, thị tứ, khu nông thôn làng bản, khu dịch vụ có thể gần với trung tâm thị trấn, thị tứ, có thể phân bố tỉ lệ đất sản xuất như sau:

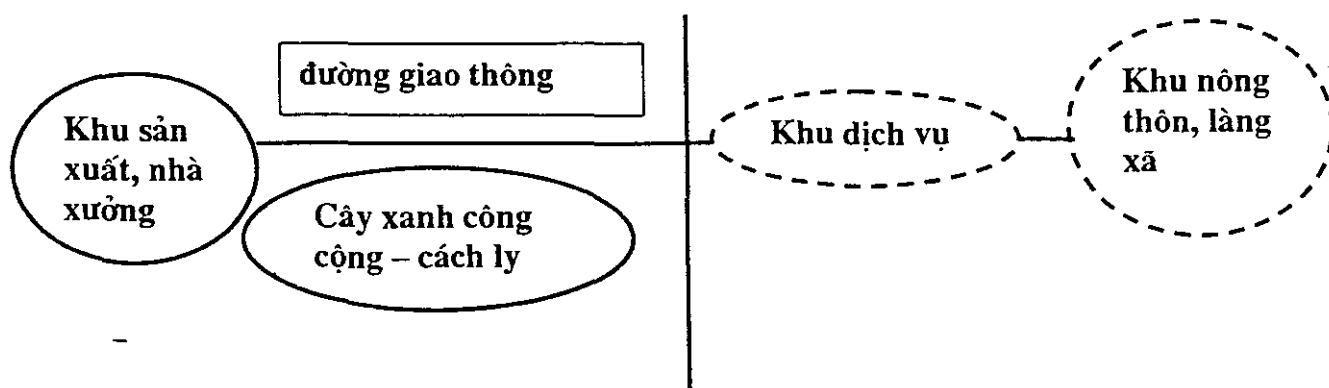
Khu xây dựng nhà xưởng sản xuất: 70 -75%

Khu ở công nhân: (gần với khu ở thị trấn, thị tứ)

Khu dịch vụ: (gần với TT thị trấn, thị tứ)

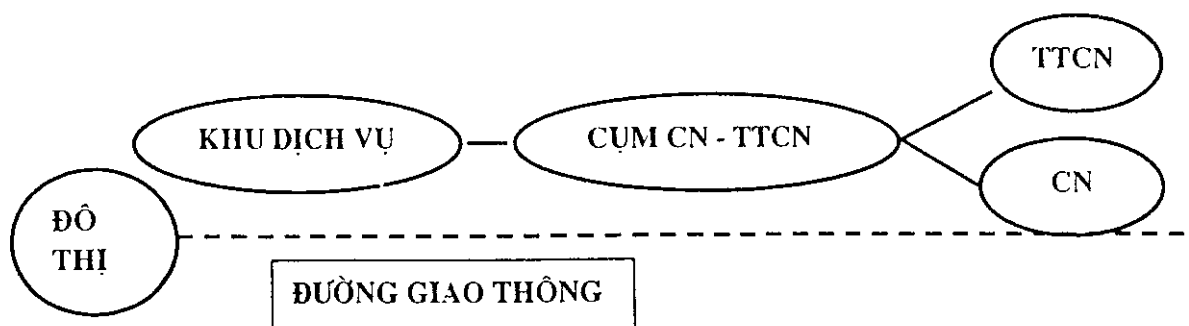
Đường giao thông: 10-12%

Cây xanh: 12-15%



3.3.2 Mô hình điểm công nghiệp - TTCN:

- Bối cảnh phát triển của các ngành nghề truyền thống, các làng nghề trong vùng Tây Bắc tạo thành một hệ thống các điểm phân bố không đều trong vùng. Hệ thống làng nghề chủ yếu tập trung tại tỉnh Sơn La.
- Hiện nay có nhiều chính sách khuyến khích để khôi phục và phát triển các làng nghề trong việc mở rộng và nâng cao công nghệ song việc phát triển làng nghề vẫn có những tồn tại riêng do điều kiện địa lí, hạ tầng kỹ thuật nhất là hệ thống giao thông khó khăn và thấp kém, khả năng chuyển giao công nghệ... làm cho hệ thống làng nghề khó có thể theo kịp với tốc độ phát triển chung.
- Có nhiều giải pháp, trong đó việc dịch chuyển địa điểm sản xuất từ các làng nghề truyền thống có cơ sở hạ tầng thấp kém, không có điều kiện chuyển giao công nghệ vào khu công nghiệp – TTCN tạo cơ hội phát triển mới, tạo cho công nghiệp – làng nghề có thể phát huy vai trò trong kinh tế công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp để chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, giải quyết lao động nông nhàn, phát triển văn hoá truyền thống và hướng tới các hoạt động du lịch đang phát triển mạnh theo hướng hiện đại khắc phục được những hạn chế gặp phải hiện nay.
- Qui mô nhỏ là phù hợp (5 - 10ha), phù hợp với dạng sản xuất sản phẩm chuyên ngành mới phục vụ nhu cầu nội vùng như chế biến nông phẩm, các hợp tác xã TTCN, vật liệu xây dựng địa phương.
- Về lao động, do qui mô mang tính chất chuyên ngành, tính truyền thống trong phạm vi hẹp của gia đình, làng xóm nên nhân công lao động trong cụm công nghiệp không nhiều và chủ yếu nguồn tại chính trong làng xã.
- Trong trường hợp cụm công nghiệp có qui mô nhỏ có thể xây dựng nhà ở cho công nhân ngay tại khuôn viên của xí nghiệp nhưng phải đảm bảo điều kiện môi trường sinh hoạt, đặc biệt đối với tâm lí và phương thức sản xuất gia đình của các làng nghề truyền thống.
- Điểm công nghiệp, đặc biệt đối với vùng làng nghề có vị trí gần nhất cho phép để vừa có nơi sản xuất mới vừa lưu giữ được không khí làng nghề là vấn đề cần chú trọng khi dự kiến phát triển thành điểm tham quan du lịch làng nghề. Việc hình thành không gian công cộng kết hợp trưng bày, bán sản phẩm tại vị trí dễ tiếp cận về giao thông, có các dịch vụ hỗ trợ như một điểm dừng chân trên tuyến du lịch là cần thiết.
- Phát triển điểm du lịch làng nghề là một loại hình đặc thù của công nghiệp nông thôn, một số phương thức sản xuất sản phẩm mang tính truyền thống cao và có giá trị thẩm mỹ cần hướng tới mô hình sản xuất kết hợp điểm tham quan du lịch.



3.3.3 Các yêu cầu về kiến trúc cảnh quan:

a. Kiến trúc công trình.

- Các yêu cầu cụ thể để xác định được qui mô công trình, loại hình kiến trúc của các công trình nhà xưởng, các công trình dịch vụ công cộng và phụ trợ sản xuất liên quan cụ thể đến phần thiết kế và xây dựng công trình, đảm bảo phù hợp với khí hậu đặc thù của vùng Tây Bắc bộ.
- Kết cấu nhà xưởng sản xuất cần đảm bảo công trình bền vững, đơn giản, dễ vận chuyển, lắp ráp thi công và có giá thành rẻ, phù hợp với các doanh nghiệp nông thôn trong vùng.
- Hình thức kiến trúc nhà xưởng cần đảm bảo cho môi trường sản xuất đủ các điều kiện về vệ sinh công nghiệp, về nhiệt độ, ánh sáng, màu sắc và đóng góp cho thẩm mỹ kiến trúc toàn khu vực với hình khối, chiều cao công trình đảm bảo an toàn và thuận lợi cho các hoạt động sản xuất theo từng loại hình.
- Sử dụng giải pháp xây dựng tập trung theo các khối chủ đạo của công trình sản xuất, dịch vụ, phụ trợ sản xuất. Các công trình dịch vụ công cộng hướng tới các thiết kế kiến trúc đẹp, có đặc thù riêng để tạo điểm nhấn cảnh quan cho khu vực.
- Khu văn phòng, trưng bày quảng bá sản phẩm và các dịch vụ khu sản xuất xây dựng theo sắc thái văn hoá của vùng Tây Bắc, bám sát địa hình thiên nhiên bố trí sát đường giao thông chính của khu vực và nằm trong không gian khu vực trung tâm dịch vụ.

b. Cảnh quan.

- Xây dựng công trình phối kết hợp với cảnh quan thiên nhiên như sông suối, lợi dụng địa hình có thể xây dựng chênh cốt theo cấp địa hình phù hợp với dây truyền công nghệ cho phép.
- Sử dụng các kiến trúc biểu tượng, điêu khắc, biển quảng cáo, đèn chiếu sáng kết hợp trang trí hỗ trợ cảnh quan chung, đặc biệt cần thiết cho các cụm điểm công nghiệp – làng nghề có kết hợp khai thác du lịch và thương mại tiếp thị.

- Cảnh quan công nghiệp là một yếu tố quan trọng tạo môi trường sản xuất có chất lượng tốt, thẩm mỹ kiến trúc cảnh quan cao và đặc biệt là không gây ảnh hưởng hạn chế đến môi trường nông nghiệp – nông thôn và các khu du lịch.
- Cây xanh đảm bảo một tỷ lệ chiếm đất hợp lý đủ để tạo bóng mát, đồng thời tạo không gian cảnh quan cho khu sản xuất, tổ chức dưới dạng vườn cây, thảm cỏ trang trí, có thể khai thác các khu mặt nước tự nhiên hay bể cảnh.

3.3.4 Các yêu cầu về tổ chức hạ tầng kỹ thuật:

3.3.4.1 Tổ chức đường giao thông

- Tổ chức hệ thống giao thông theo đặc thù của địa hình, theo đường đồng mức để tạo ra các cảnh quan đặc thù.
- Đảm bảo liên hệ hợp lý trong ngoài khu sản xuất, tiết kiệm đất đai, đường giao thông tiếp cận từng xí nghiệp và đủ điều kiện vận tải nguyên vật liệu, hàng hoá. Cấu trúc trục và nhánh sẽ là một cấu trúc ưu thế phù hợp với công nghiệp nông thôn có qui mô đất đai và yêu cầu hoạt động không lớn.
- Mạng lưới đường giao thông và phân bố lô đất xí nghiệp trong cụm công nghiệp lựa chọn theo các mô hình trục và nhánh xương cá, lưới ô vuông, hoặc hỗn hợp phân tán, tùy thuộc vào vị trí khu vực xây dựng, tuyến giao thông bên ngoài và địa hình thiên nhiên.

3.3.4.2 San nền và thoát nước

Địa điểm xây dựng cần được lựa chọn tại các khu vực có độ dốc vừa phải, tương đối bằng phẳng, cân bằng đào đắp, không bị sạt lở do mưa lũ, cấp thoát nước dễ.

3.3.4.3 Cấp nước, cấp điện

Vấn đề cung cấp nước, cấp điện cho cụm điểm công nghiệp nông thôn vùng Tây Bắc là những điều kiện cần và có cơ sở ban đầu để tạo tính khả thi cho khu vực xây dựng. Vì vậy vị trí các cụm có xu thế chọn gần với thị trấn, khu dân cư tập trung để có điều kiện cấp nước, cấp điện ngay cho giai đoạn đầu tư xây dựng.

3.3.4.4 Thoát nước bẩn, vệ sinh môi trường cụm công nghiệp.

- Đối với cụm công nghiệp nông thôn, vấn đề xử lý các chất thải (nước thải, khí thải và rác thải...) không chỉ là việc đảm bảo môi trường sản xuất và còn là việc bảo vệ các vùng dân cư và vùng nông nghiệp xung quanh, thường có vị trí cận kề.
- Vị trí xây dựng cần gần sông suối và có địa hình thuận lợi cho việc thu gom nước thải. Vấn đề khu xử lý thường là rất cần thiết song phải lựa chọn mô hình có giá thành thấp, dễ thi công và vận hành, có thể sử dụng chung cho khu dân cư và khu sản xuất.

- Tuy nhiên công nghệ mới tiên tiến thay cho các công nghệ cũ và lạc hậu trong các xí nghiệp ở nông thôn là vấn đề cần phải quan tâm để giảm thiểu các chất thải.
- Đặc biệt vùng Tây Bắc phải chú ý nước thải của công nghiệp chế biến nông sản ra các khu vực sông suối (khi xây dựng nhà máy chế biến để đạt tiêu chuẩn cấp I).

3.3.5 Các yêu cầu về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

* Kiến nghị về các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

+ Tiêu chuẩn cấp nước

- Nước công nghiệp: 30 – 40m³/ha/ngày
- Nước sinh hoạt công nhân: 100l/ng.ngđ.
- Nước công cộng: 8% QSH
- Nước tưới cây, rửa đường: 10%QSH

+ Chỉ tiêu cấp điện

- Lô đất xí nghiệp: 150KV/ha
- Khu dịch vụ SX: 150KV/ha
- Cây xanh công cộng và cách ly: 20KV/ha

+ Chỉ tiêu về đất

- Đất xây dựng nhà ở công nhân 10 – 12% (đối với cụm công nghiệp)
- Đất cây xanh: 10-12%
- Đất đầu mối kỹ thuật: 2%
- Đất hành chính dịch vụ: 3-5%
- Đất xây dựng nhà máy: 60 – 65%
- Đường giao thông: 10 – 12%
- Cây xanh: 10 – 12%
- Tiếng ồn: 70DBA
- Nước thải theo tiêu chuẩn TCVN 6981, 6980 – 2001
- Chất thải rắn thu gom: 100%.

* Chọn mô hình đặc trưng, đa ngành:

3 loại quy mô: 5-10ha, 10-15ha, 15-25ha

- Cách khu thị trấn thị tứ dưới 3km
 - Gần với đường giao thông chính không quá 1km
 - Cách khu làng dân cư dưới 1km
 - Khu công nhân cách cụm CN dưới 500m.
 - Gần vùng cung cấp nước mặt (150 – 300m)
 - Đất đai xây dựng thuận lợi
 - Thoát nước VSMT thuận lợi
 - Đa dạng hoá hình thức tổ chức sản xuất
- (Hộ sản xuất cá thể HTX làng nghề, các cơ sở sản xuất công nghiệp).

PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.

Đề xuất các mô hình tổ chức không gian cụm điểm công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn vùng Tây Bắc, một vùng có nhiều đặc trưng địa lý và bối cảnh phát triển kinh tế xã hội và nông thôn là một nghiên cứu cần thiết để có cơ sở định hướng cho việc lựa chọn địa điểm, qui mô, loại hình sản xuất mang tính đặc thù riêng. Tuy nhiên, để thực sự có hiệu quả cho việc lập qui hoạch cụm điểm công nghiệp, trong phạm vi nghiên cứu này cần có một số kiến nghị sau:

- Nghiên cứu có tính mở để có thể vận dụng linh hoạt thích ứng với từng trường hợp địa phương cụ thể do tính chất của vùng Tây Bắc Bộ mang lại cho mỗi địa phương trong vùng có những yêu cầu phát triển khác nhau.
- Tiếp sau những đề xuất về mô hình mang tính khái quát cần thiết có những tài liệu hướng dẫn lập qui hoạch để chuyển hoá những mô hình vào thực tế qui hoạch xây dựng.
- Các vấn đề liên quan đến việc quản lý vận hành cụm điểm công nghiệp nông thôn trong vùng nghiên cứu sẽ được đề xuất khi lập qui hoạch xây dựng cho từng trường hợp cụ thể.
- Trong sự phát triển kinh tế xã hội của vùng Tây Bắc, việc phát triển kinh tế nông thôn thông qua việc đầu tư các khu công nghiệp trọng điểm lớn kết hợp với các cụm công nghiệp vừa và nhỏ là nhu cầu bức thiết góp phần khai thác hiệu quả các tiềm năng về lao động và nguyên vật liệu ở nông thôn.
- Để được sự hấp dẫn và có sức thuyết phục để các hộ sản xuất trong địa bàn huyện dịch chuyển ra mặt bằng mới để sản xuất tập trung thì cần có các chính sách khuyến khích về đất đai, về sử dụng các cơ sở hạ tầng, về vốn và cả về công nghệ.



VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ NÔNG THÔN - BỘ XÂY DỰNG

37 Lê Đại Hành - Hà Nội; Tel: 976 0691 - Fax: 976 4339 Email: niurp@hn.vnn.vn

CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC
GIAI ĐOẠN 2001 - 2005: KHOA HỌC CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP HOÁ VÀ HIỆN ĐẠI
HOÁ NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN; KC 07

Đề tài Nghiên cứu Khoa học Cấp Nhà nước, KC 07.23

**NGHIÊN CỨU CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN
CÁC LOẠI HÌNH CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN THEO
HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA**

ĐỀ TÀI NHÁNH 4

**MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÁC
CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN**

MÔ HÌNH VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

CƠ QUAN THỰC HIỆN:

VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ-NÔNG THÔN, BỘ XÂY DỰNG

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI:

KTS TRẦN NGỌC CHÍNH

HÀ NỘI, THÁNG 3 NĂM 2005

MỤC LỤC

Phần I: Mở đầu.....	2
1. Mục tiêu.....	2
2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu	2
Phần II: Xu hướng phát triển công nghiệp vừa và nhỏ vùng đồng bằng Bắc bộ	3
1.1. Khái quát các đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội trong vùng	3
1.2. Thực trạng phát triển công nghiệp vừa và nhỏ vùng đồng bằng Bắc bộ	6
1.2.1. Các loại hình công nghiệp trong vùng	6
1.2.2. Loại ngành nghề trong vùng	7
1.2.3. Các đặc điểm chủ yếu của mô hình	7
1.2.4. Một số nhận xét về sự phát triển công nghiệp vừa và nhỏ vùng đồng bằng Bắc bộ	11
1.2.5. Xu thế phát triển	12
Phần III. Xây dựng mô hình quy hoạch và tổ chức không gian cụm công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ.....	13
3.1. Các cơ sở hình thành và phát triển mô hình đặc trưng trong địa bàn vùng.....	13
3.1.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển mô hình	13
3.1.2. Định hướng phát triển công nghiệp nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ.....	17
3.2. Mô hình quy hoạch và tổ chức không gian công nghiệp nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ.....	20
3.2.1. Các loại hình công nghiệp nông thôn	20
3.2.2. Các loại hình công nghiệp và cơ cấu ngành nghề vùng đồng bằng Bắc bộ	29
3.2.3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu.....	30
3.2.4. Hình thái tổ chức không gian.....	31
3.3. Các yêu cầu chủ yếu về hạ tầng kỹ thuật	36
Phần kết luận và kiến nghị	40
1. Kết luận.....	40
2. Kiến nghị.....	40
Phụ lục	42
Tài liệu tham khảo	46

PHẦN I: MỞ ĐẦU

Với đường lối đổi mới, môi trường kinh doanh của nước ta ngày càng được cải thiện, tạo điều kiện cho khu vực kinh tế tư nhân có những bước phát triển mạnh mẽ cả về số lượng lẫn chất lượng, đặc biệt là sự khôi phục và phát triển sản xuất của các doanh nghiệp, hộ gia đình ở các làng nghề đã phần nào thúc đẩy sự phát triển kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, giải quyết được nhiều công ăn việc làm cho lao động tại các địa phương. Đặc điểm sản xuất công nghiệp nông thôn là gắn bó chặt chẽ với sản xuất nông nghiệp, quy mô sản xuất nhỏ, trang thiết bị công nghệ còn lạc hậu, cơ cấu ngành nghề đa dạng trong khi yêu cầu cuộc sống và phát triển sản xuất ngày càng cao thì sự hình thành các cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn là một tất yếu. Để xây dựng các cụm công nghiệp đạt được hiệu quả cao thì việc nghiên cứu mô hình quy hoạch và tổ chức không gian theo đặc trưng từng vùng miền là rất cần thiết.

1. Mục tiêu

Nghiên cứu đề xuất mô hình quy hoạch và tổ chức không gian cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ nhằm các mục tiêu sau:

- Lập cơ sở khoa học để lựa chọn mô hình sản xuất công nghiệp nông thôn phù hợp trên địa bàn vùng đồng bằng Bắc bộ. Thể hiện mối quan hệ giữa cụm công nghiệp với các khu dân cư nông thôn; với hệ thống dịch vụ công cộng, dịch vụ sản xuất; với hệ thống hạ tầng xã hội và kỹ thuật, với vùng sinh thái nông nghiệp địa phương.
- Mô hình đề xuất mang tính hướng dẫn về cơ cấu ngành nghề, loại hình công nghiệp, quy mô phát triển, bảo vệ môi trường và tổ chức quản lý.
- Hướng tới tổng thể quy hoạch hoàn chỉnh, đảm bảo sự phát triển hợp lý của cụm công nghiệp, không phá vỡ cảnh quan đặc trưng của địa phương là nông thôn vùng đồng bằng châu thổ.

2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu :

- Điều tra khảo sát thực tế hoạt động của các cụm, điểm công nghiệp, các làng nghề truyền thống trong vùng.
- Đánh giá hiệu quả và khả năng áp dụng trên thực tế của một số quy hoạch công nghiệp nông thôn đã lập tại một số địa bàn cụ thể trong vùng.
- Thu thập, tổng hợp các quy chuẩn, quy phạm, các yêu cầu về xây dựng và tổ chức không gian công nghiệp Việt nam.
- Tổng hợp các tiêu chí xây dựng cụm, điểm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn.
- Đề xuất các mô hình đặc trưng cho vùng đồng bằng Bắc bộ.

PHẦN II: XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

1.1. Khái quát các đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội trong vùng

a. Sự phân hoá không gian và tổ chức lãnh thổ

Đồng bằng Bắc bộ nằm ở trung tâm miền Bắc Việt nam, diện tích 18.448 km², gồm 13 tỉnh thành phố, là một trong hai vùng kinh tế phát triển nhất toàn quốc. Đây là vùng có thổ nhưỡng phì nhiêu được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống sông Hồng và sông Thái bình.

Địa hình tương đối bằng phẳng, nghiêng ra biển theo hướng tây bắc - đông nam. Với địa hình này, vùng đồng bằng Bắc bộ có thể chia thành 3 khu vực lớn:

- **Vùng sát trung du:** là vùng đất tương đối cao, gồm đồi núi thấp xen lẫn thung lũng thấp chạy theo dải từ nam Thái nguyên, nam Bắc Giang xuống Hà tây. Vùng này có tính chất chuyển tiếp giữa miền núi và miền đồng bằng, diện tích đất nông nghiệp ít, năng suất thấp. Đây là khu vực tập trung nhiều ngành công nghiệp lớn như : công nghiệp nặng, điện tử, chế tạo máy... Sản xuất nông nghiệp chủ yếu là chăn nuôi gia súc, trồng cây ăn quả, cây công nghiệp...

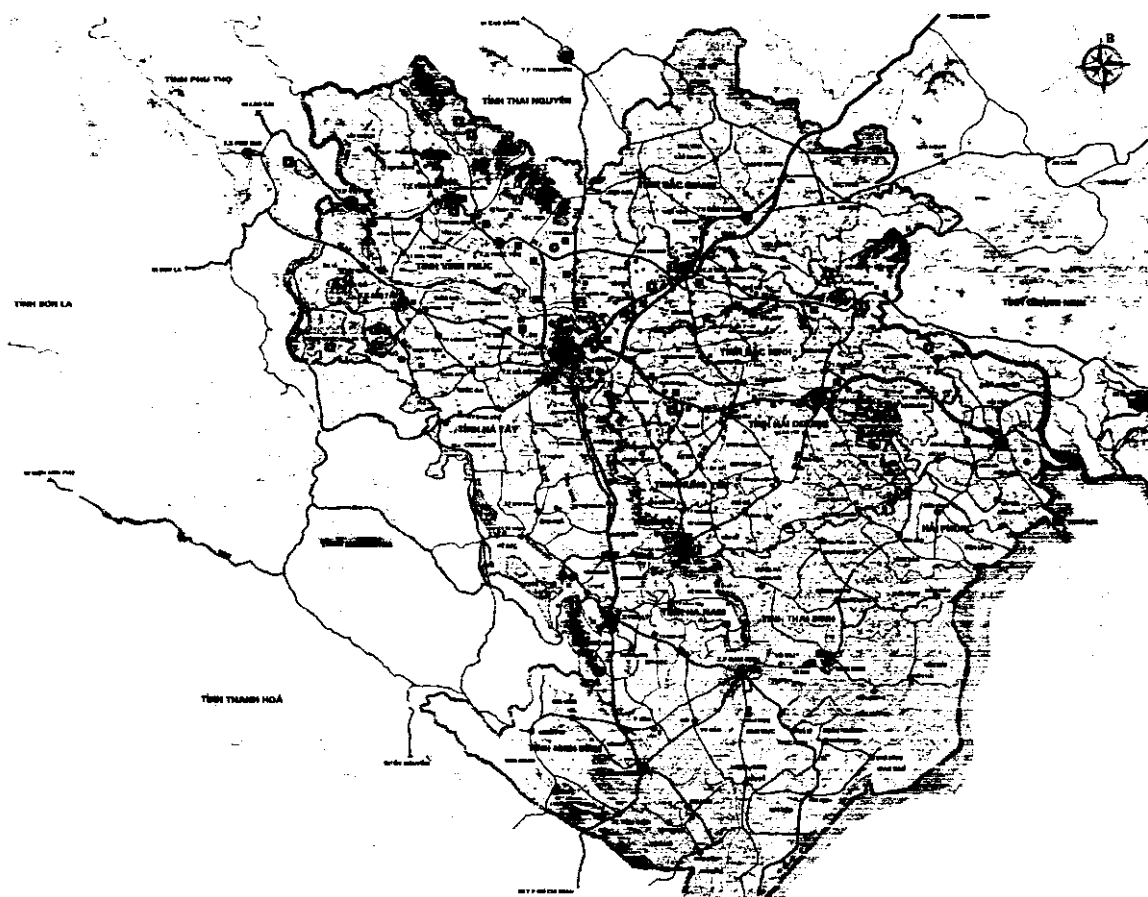
Cư dân khu vực này phân bố tập trung thành những thôn xóm, làng xã bám tựa vào những gò đồi thoải, xung quanh là ruộng thấp xen các bãi hoặc tập trung dọc ven sông. Ngoài ra dân cư còn rải rác thành những làng nhỏ trên các tuyến đường chính.

- **Vùng đồng bằng ven biển:** Khác với vùng trung du, vùng đồng bằng ven biển có địa hình thấp, bằng phẳng, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và cây trồng phục vụ cho thủ công nghiệp. Khu vực này bao gồm các huyện thuộc phía nam và đông nam của tỉnh Ninh Bình, Thái bình, Nam Định, Hải Phòng. Ngoài ra đây cũng là vùng có điều kiện thuận lợi để khai thác và nuôi trồng thủy hải sản và một số ngành khai khoáng nhờ các tiềm năng về khoáng sản phi kim loại.

- **Vùng trung tâm đồng bằng Bắc bộ:** bao gồm khu vực Hà Nội, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, phía đông Hà Tây, phía bắc Thái Bình và Nam Định. Đây là vùng đồng bằng châu thổ khá ổn định, cao độ thay đổi từ 3m đến 15m, xa bờ biển, có diện tích rộng, bằng phẳng. Đây là khu vực tập trung nhiều ngành nghề truyền thống lâu đời, dân cư có trình độ sản xuất cao. Các sản phẩm nông nghiệp phong phú, đa dạng rất thuận lợi cho phát triển các ngành nghề công nghiệp vừa và nhỏ.

Vùng trung tâm đồng bằng Bắc bộ cũng như vùng đồng bằng giáp ven biển là nơi có đất đai phì nhiêu, màu mỡ, rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Chính vì điều kiện thuận lợi đó mà mật độ cư dân sống tập trung ở vùng này rất cao (mật độ trung bình khoảng 1008người/km²), đất đai sản xuất trở nên quý hiếm.

Dân cư vùng trung tâm đồng bằng và đồng bằng giáp ven biển sống quy tụ thành những làng, xóm rải rác hoặc nhiều làng xóm quy tụ liên hoàn với nhau, tạo thành chuỗi, điểm dọc trục giao thông hoặc bám theo địa hình sông, kênh, mương. Điểm nổi bật ở các làng xóm cư dân là sự phân bố tự nhiên gần như rải đều trên mặt bằng canh tác.



Sơ đồ vị trí vùng đồng bằng Bắc bộ

b. Đặc điểm tài nguyên môi trường:

Đồng bằng Bắc bộ là vùng đất được thiên nhiên ưu đãi mang lại nguồn lợi thông qua việc trồng lúa màu và cây công nghiệp khác. Đây là vùng có hệ thống sông hồ muông cùng các đập, kè cừ nhân tạo, tạo nguồn nước và phù sa tương đối dồi dào, thuận lợi cho việc trồng trọt nông nghiệp, chăn nuôi, làm thủy sản, cung cấp lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp, tạo điều kiện phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống và công nghiệp chế biến.

Ngoài các tài nguyên về đất đai thổ nhưỡng phục vụ phát triển nông nghiệp, đồng bằng Bắc bộ không có nhiều các khoáng sản quý, chỉ giàu về khoáng sản phi kim loại, chủ yếu là sét, đá vôi, cát cuội, than đá và khí đốt. Tuy nhiên, ở các vùng tiếp giáp với đồng bằng Bắc bộ lại rất giàu khoáng sản, là điều kiện tốt để phát triển nhiều ngành nghề trong vùng.

c. Cơ sở hạ tầng:

Đồng bằng Bắc bộ là khu vực có hệ thống hạ tầng tương đối hoàn thiện. Hà nội là tụ điểm của các trục giao thông chính yếu cấp quốc gia của miền bắc, điểm hoà trộn

Nhánh 4: Xây dựng mô hình quy hoạch và tổ chức không gian của các cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn- Vùng đồng bằng Bắc bộ

các mối quan hệ tương tác của các lưu vực sông lớn, bao gồm cả hệ thống cửa khẩu biên giới, vành đai công nghiệp trung du và các cảng biển xuất nhập khẩu, với hai hành lang cầu nối của Hà nội ra biển theo QL5 và QL18.

Bên cạnh sự phát triển của mạng lưới giao thông đường bộ thì giao thông đường thủy chưa được khai thác triệt để, biển Bắc bộ là biển nông, khó bố trí cảng biển nước sâu.

Nhìn chung, đồng bằng Bắc bộ là khu vực có hệ thống hạ tầng cơ sở tương đối tốt để phát triển công nghiệp vừa và nhỏ.

d. Sự phát triển các ngành công nghiệp trong vùng:

Sự phát triển của công nghiệp nông thôn phụ thuộc rất lớn vào số lượng các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động tại các vùng lãnh thổ.

Với điều kiện địa hình và đặc điểm kinh tế như trên, đồng bằng Bắc bộ là vùng có lực lượng lao động có trình độ cao, là khu vực có nhiều điều kiện đã và đang phát triển nhiều ngành công nghiệp mới như : điện tử, cơ khí chính xác, sản xuất, sửa chữa máy móc nông nghiệp... Sự phát triển mạnh của nhiều khu công nghiệp lớn cũng là một cơ hội để công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn hình thành, phát triển. Các sản phẩm của công nghiệp vừa và nhỏ có thể trở thành nguyên liệu đầu vào cho các khu công nghiệp lớn.

Tại vùng đồng bằng Bắc bộ trong những năm gần đây các làng nghề thủ công nghiệp phát triển rất mạnh. Đây cũng là một đặc điểm riêng của khu vực này (với số lượng làng nghề truyền thống chiếm hơn 40% lượng làng nghề truyền thống trên toàn quốc). Các làng nghề đang mở rộng quy mô sản xuất nhằm đáp ứng yêu cầu mới của xã hội và phát triển kinh tế địa phương.

Nhận xét:

Đồng bằng Bắc bộ là một trong những vùng phát triển năng động nhất trên toàn quốc, có nhiều tiềm năng để phát triển công nghiệp với nhiều ngành nghề đa dạng.

- Là vùng đất màu mỡ, sản xuất nông nghiệp phát triển.
- Hệ thống giao thông, hệ thống thủy lợi thuận lợi cho phát triển sản xuất.
- Nguồn nhân lực dồi dào, có trình độ cao, giá nhân công rẻ, là môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư.
- Là vùng tập trung nhiều khu công nghiệp lớn, là cơ hội tốt để công nghiệp vừa và nhỏ phát triển.
- Các làng nghề truyền thống có số lượng lớn nhất trên cả nước và ngày càng mở rộng.
- Là vùng có mật độ dân số cao nhất toàn quốc, đất canh tác hạn chế, trung bình 500m²/người, đất thổ cư chật hẹp do đó việc tìm một khu đất dành cho việc xây dựng công nghiệp vừa và nhỏ cạnh làng xóm thường khó khăn.

1.2. Thực trạng phát triển công nghiệp vừa và nhỏ vùng đồng bằng Bắc bộ

1.2.1. Các loại hình công nghiệp trong vùng

Hiện nay, tại các tỉnh vùng đồng bằng Bắc bộ đang phát triển nhiều loại hình công nghiệp vừa và nhỏ:

- Công nghiệp đa ngành
- Công nghiệp đơn ngành
- Làng nghề truyền thống
- Làng nghề xây mới

+ Công nghiệp đa ngành: là một hình thái công nghiệp quy mô nhỏ mới xuất hiện và phát triển nhanh chóng trong vài năm gần đây. Tập trung chủ yếu ở các tỉnh, thành phố như Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên, Nam Định, Hà Tây, Bắc Giang, Vĩnh Phúc,... Đây là những khu vực có trình độ sản xuất khá, có nguồn nhân lực dồi dào, tay nghề cao, có quỹ đất thuận lợi dành cho sản xuất công nghiệp, có hệ thống hạ tầng tốt, đặc biệt là hệ thống giao thông liên tỉnh, liên vùng thuận lợi.

+ Công nghiệp đơn ngành: Trong vùng đồng bằng Bắc bộ, công nghiệp đơn ngành được hình thành theo 2 dạng:

- Hình thành trên cơ sở các làng nghề truyền thống được phát triển mở rộng về quy mô. Do những yêu cầu về mặt bằng sản xuất, về vệ sinh môi trường nên khu sản xuất được tách ra khỏi làng xóm tạo nên những khu công nghiệp đơn nghề. Đặc điểm chủ yếu của loại hình này là phát triển trên cơ sở thế mạnh của nghề truyền thống địa phương. Ví dụ như công nghiệp giấy Phong Khê, công nghiệp cơ khí Đa hội (Bắc Ninh);
- Hình thành trên cơ sở nhu cầu phát triển công nghiệp mới của từng địa phương, thu hút doanh nghiệp và lao động từ các nơi khác đến đầu tư và làm việc. Đặc điểm của loại hình này là phát triển trên cơ sở khai thác quỹ đất, hạ tầng cơ sở và nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương. Ví dụ : công nghiệp Đồng Vàng (Bắc Giang).

+ Làng nghề thủ công truyền thống : Vùng đồng bằng Bắc bộ hiện nay có khoảng trên 866 làng nghề ví dụ như Dương ổ, Đa hội, Đồng ky, Đa Sĩ, Vạn phúc, Triều khúc... tập trung chủ yếu tại các tỉnh Hà Tây (409 làng); Bắc Ninh (26 làng); Nam Định (77 làng); Hà Nội (40 làng). Các làng nghề hiện nay vẫn đang sản xuất theo công nghệ cũ, lạc hậu và mang tính chất hộ gia đình sản xuất nhỏ. Đặc điểm chủ yếu của làng nghề là cả làng cùng hoạt động cùng một loại nghề; mỗi hộ sản xuất đều lo từ khâu nguyên liệu, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và chỉ kết hợp với các hộ khác thông qua trao đổi kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh. Trong làng nghề không có sự chuyên môn hoá sản xuất theo các bước công nghệ giữa các hộ nghề với nhau.

+ Làng nghề mới: Hình thành chủ yếu do ngành nghề ban đầu không phát triển trong khi nhu cầu địa phương đòi hỏi các sản phẩm khác. Ví dụ như làng Triều Khúc (Hà Đông); Các làng nghề mới thường có mức độ ô nhiễm môi trường cao, đặc biệt là ô nhiễm không khí và nguồn nước do hệ thống hạ tầng và môi trường sản xuất cũ không thích ứng với ngành nghề mới.

1.2.2. Loại ngành nghề trong vùng:

Trong vùng đồng bằng Bắc bộ chủ yếu tập trung các ngành nghề sau: Dệt may, chế biến nông sản, sản xuất giấy, xuất bản, in ấn, sản xuất sửa chữa cơ khí nông nghiệp, chế biến gỗ, tái chế phế thải, thiết bị viễn thông, văn phòng... Ngoài ra đây còn là khu vực sản xuất nhiều mặt hàng thủ công truyền thống như mây tre, sơn mài, gốm sứ, thêu ren, kim khí...

Hiện nay trong loại hình công nghiệp đa ngành chủ yếu tập trung các ngành nghề sau: May mặc, sản xuất thiết bị viễn thông, thiết bị văn phòng, in ấn, sản xuất bao bì, chế biến thực phẩm. Trong 1 cụm công nghiệp đa ngành thường có khoảng 7-10 loại ngành nghề tương ứng với 7-10 xí nghiệp sản xuất. Các ngành nghề trong một cụm công nghiệp đa ngành thường có mức độ ảnh hưởng đến môi trường thấp và ít ảnh hưởng đến nhau. Tuy nhiên do điều kiện về khả năng đầu tư hiện nay tại các địa phương nên sự tương hỗ giữa các ngành nghề trong một cụm công nghiệp chưa cao. Các doanh nghiệp đầu tư sản xuất mới tính đến yêu cầu về mặt bằng sản xuất để thuê đất, chưa quan tâm đến lợi ích trong mối quan hệ với các ngành nghề khác trong cụm nên hiệu quả sản xuất chưa cao. Ví dụ cụm công nghiệp Tân trường (Hải dương), cụm công nghiệp Song Khê Nội Hoàng (Bắc Giang)

Đối với loại hình công nghiệp chuyên ngành : Chủ yếu tập trung vào các ngành nghề sau: Dệt, thuộc da, vật liệu xây dựng, chế biến gỗ... là những ngành nghề có mức độ ảnh hưởng đến môi trường cao. Trong cụm công nghiệp chuyên ngành hiện nay đa phần có 1 loại ngành nghề với nhiều xí nghiệp sản xuất(khoảng 10-15 xí nghiệp). Ví dụ : cụm công nghiệp sản xuất thép Châu Khê (Bắc ninh), cụm công nghiệp chế biến gỗ Hoà xá (Nam Định). Các cụm công nghiệp chuyên ngành mặc dù đã được tách ra khỏi các khu dân cư song việc xử lý môi trường không được làm tốt nên môi trường thường bị ô nhiễm nặng nề.

Với các làng nghề truyền thống : Hầu hết cơ cấu ngành nghề đều dựa trên cơ sở ngành nghề có sẵn tại địa phương. Trong mỗi làng nghề thường chỉ có một nghề chính và nằm đan xen trong khu vực làng xóm. Trong vùng đồng bằng Bắc bộ chủ yếu còn tồn tại là các làng nghề sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ như mây tre, cói , sơn mài, gốm sứ, chạm khắc, dệt. Mức độ ô nhiễm môi trường trong các làng nghề là rất lớn do các điểm sản xuất chế biến phân tán, mặt bằng sản xuất chật hẹp, an toàn công nghiệp không được đảm bảo, vệ sinh môi trường bị xem nhẹ. Ô nhiễm môi trường nặng nề đã ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và đời sống nhân dân trong vùng. Ví dụ làng sản xuất giấy Dương Ổ, làng đúc đồng chì nhôm kẽm Mẫn Xá (Bắc Ninh); làng lụa Vạn Phúc (Hà Đông)...

Với các làng nghề mới : Các loại ngành nghề rất đa dạng như : chế biến nông sản, cơ khí nông nghiệp, tái chế phế thải...

1.2.3. Các đặc điểm chủ yếu của mô hình

a. Sự phân bố :

Nhánh 4: Xây dựng mô hình quy hoạch và tổ chức không gian của các cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn- Vùng đồng bằng Bắc bộ

Các cụm công nghiệp đa ngành chủ yếu phân bố trên các tuyến giao thông chính của vùng và của tỉnh. Do tính chất của các cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn chủ yếu là các ngành sản xuất phục vụ nông nghiệp, mang tính chất thủ công nghiệp nên đa phần các cụm công nghiệp đa ngành đều nằm trong các vùng nguyên liệu, gần các khu dân cư có trình độ lao động nhằm hạn chế chi phí sản xuất, vận chuyển đồng thời khai thác một cách hiệu quả nguồn nhân lực tại địa phương.

Đối với công nghiệp làng nghề, chủ yếu phát triển trên cơ sở các làng nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống. Hiện nay công nghiệp làng nghề đang có xu hướng tách khu sản xuất ra ngoài khu dân cư sinh sống, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường dân cư vùng làng nghề.

b. Quy mô của công nghiệp vừa và nhỏ:

Qua khảo sát của Viện nghiên cứu quản lý kinh tế TW trong năm 2002 về cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở một số địa phương có thể nhận thấy:

- Quan điểm về cụm, điểm, khu công nghiệp làng nghề giữa các địa phương trong vùng chưa nhất quán. Quy mô xây dựng một cụm có nơi rất lớn, 53 ha như ở Hà Tây, Bắc ninh, song có nơi lại quá nhỏ: 3-6ha như ở Nam Định. Với mô hình công nghiệp đa ngành/ chuyên ngành quy mô đất xây dựng thường là 10 - 15ha; Với mô hình công nghiệp làng nghề, quy mô thường chỉ 8-10ha.

- Số lượng các doanh nghiệp vừa và nhỏ khu vực nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ đứng thứ 3 toàn quốc (1732 doanh nghiệp), sau đồng bằng sông Cửu Long và miền đông Nam bộ.

- Quy mô nhà xưởng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn thường nhỏ, ít được đầu tư xây dựng kiên cố. Các doanh nghiệp chủ yếu đầu tư vào sản xuất, không tập trung nhiều dành cho xây dựng cơ bản mặc dù đây là vùng có vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp cao nhất toàn quốc : đạt 3540 tỷ đồng, trung bình khoảng 2tỷ đồng/ doanh nghiệp. Tình hình tiêu thụ của các doanh nghiệp đứng thứ 3 toàn quốc, doanh thu năm 2001 đạt trên 9.462 tỷ đồng.

- Lực lượng lao động trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ rất lớn, tính đến cuối năm 2001 là 104.098 người, đứng thứ 2 trên toàn quốc (sau vùng Đông Nam bộ),chiếm 29% lực lượng lao động trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn của cả nước. Lao động nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ phần lớn có văn hoá khá song ít được đào tạo về chuyên môn.

c. Quy hoạch không gian

Thực trạng phát triển công nghiệp trên địa bàn nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ hiện nay cho thấy việc tổ chức không gian sản xuất có nhiều hình thức khác nhau, có thể nhận dạng khái quát như sau:

- Mô hình công nghiệp đa ngành/đơn ngành: sản xuất các sản phẩm phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp địa phương, hình thành trên cơ sở sử dụng nguồn nguyên vật liệu, nông phẩm có tại chỗ, dựa vào một vị trí khu đất có lợi thế ban đầu về đường

giao thông. Không gian đa phần giống mô hình khu công nghiệp tập trung thu nhỏ với đầy đủ các chỉ tiêu thành phần đất đai : công cộng dịch vụ, cây xanh thể thao, đầu mối, sản xuất, giao thông...

Tỷ lệ cơ cấu đất đai trong một cụm công nghiệp hiện nay có thể xác định như sau:

+ Đất xí nghiệp công nghiệp	:	50 – 55 %
+ Đất khu kỹ thuật	:	3 – 4 %
+ Đất trung tâm công cộng	:	3 – 4 %
+ Đất cây xanh TDTT	:	12 - 15 %
+ Đất giao thông, kho bãi	:	20 - 27 %

Tại một số nơi đã hình thành nên những khu phố nhà xưởng, xây dựng hỗn hợp văn phòng, nhà ở, nhà xưởng. Cạnh khu vực sản xuất thường mọc lên các khu ở, khu đô thị với loại nhà lô phố, biệt thự dẫn đến vấn đề quản lý các khu ở, khu sản xuất gặp nhiều khó khăn. Tổ chức không gian trong các cụm công nghiệp thường đơn điệu, chủ yếu theo dạng tuyến, dải... Cây xanh cảnh quan thiếu, chủ yếu là trồng cây và xếp chậu cảnh ở mặt trước công trình. Các khu vực sinh hoạt công cộng như khu thể dục thể thao ít được quan tâm đầu tư mà thường được tận dụng dành cho sản xuất. Tổng mặt bằng các xí nghiệp sản xuất thường sử dụng giải pháp phân khu phân tán theo yêu cầu của công nghệ cũ (trong từng khu vực chức năng, các công trình vẫn được bố trí đơn lẻ, độc lập nhau) nên hiệu quả sử dụng đất chưa cao, không tạo được điều kiện tập trung đầu tư nâng cao các điều kiện tiện nghi và thẩm mỹ của xí nghiệp. Hình thức của các xí nghiệp đa phần còn nghèo nàn, đơn giản, không tạo được những hình ảnh hấp dẫn trong các khu công nghiệp.

- Mô hình công nghiệp làng nghề truyền thống và làng nghề mới : không gian sản xuất được tổ chức theo 2 cách:

+ Xu hướng truyền thống : Không gian sản xuất nằm trong khuôn viên nhà ở đồng thời có xu hướng tiếp cận với đường giao thông, nơi có thể giới thiệu, bán sản phẩm. (Hải dương, Hà tây...)

+ Xu hướng mới : Tách khu sản xuất ra ngoài khu dân cư sinh sống để giảm ô nhiễm môi trường, thuận lợi cho mở rộng phát triển sản xuất (Bắc ninh, Hà nội).

Đi kèm với phương thức sản xuất còn lạc hậu, công nghệ cũ nên không gian sản xuất trong các làng nghề còn tạm bợ, thiếu tiện nghi và không đảm bảo an toàn công nghiệp.

d. Phương thức sản xuất và công nghệ:

Với mô hình công nghiệp đa ngành/ đơn ngành chủ yếu sản xuất theo phương thức tập trung. Đa số các ngành công nghiệp nông thôn có trình độ công nghệ lạc hậu, trình độ cơ khí hoá thấp (cơ khí hoá mới được sử dụng khoảng 40%), thiết bị phần lớn cũ, thải ra từ công nghiệp thành thị. Theo đánh giá thì đầu tư thiết bị của ngành nghề nông thôn chỉ bằng 40-60% so với công nghiệp cùng ngành hàng của thành thị.

Với công nghiệp làng nghề, phương thức sản xuất hiện nay khá đa dạng và linh hoạt, không bó gọn trong khuôn khổ một không gian nào. Do đặc thù sản xuất, đa số công nghệ sản xuất trong làng nghề chủ yếu vẫn sử dụng các công cụ truyền thống, mang nặng tính thủ công. Các thiết bị kỹ thuật này không đáp ứng được yêu cầu về năng suất, chất lượng cũng như những yêu cầu về môi trường hiện nay.

Theo báo cáo số liệu về công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn, vùng đồng bằng Bắc bộ hiện có 9,2% cơ sở sản xuất có kỹ thuật tiên tiến; 73,3 cơ sở có kỹ thuật trung bình và còn lại là lạc hậu. Sự yếu kém về công nghệ như hiện nay, công nghiệp nông thôn đồng bằng Bắc bộ đang gặp khó khăn lớn trong việc cạnh tranh với sản phẩm cùng loại của công nghiệp thành thị cũng như hàng ngoại nhập.

e. Tổ chức quản lý :

Tổ chức đầu tư xây dựng công nghiệp vừa và nhỏ rất đa dạng giữa các địa phương. Ví dụ với Bắc ninh, Hà tây chủ yếu xây dựng công nghiệp vừa và nhỏ với phương châm thu hút vốn của các doanh nghiệp và các hộ kinh doanh; Với Nam định , xây dựng trên cơ sở 50% vốn đầu tư xây dựng hạ tầng do ngân sách của Tỉnh và 50% còn lại huy động từ doanh nghiệp và hộ kinh doanh.

Hiện nay nhờ những chính sách cơ chế của Đảng và nhà nước, với việc cụ thể hoá các chính sách này tại địa phương đã tạo điều kiện hình thành nên nhiều mô hình công nghiệp vừa và nhỏ ở vùng đồng bằng Bắc bộ. Tuy nhiên công tác quản lý hiện nay chưa đồng bộ. Các ban quản lý dự án xây dựng chỉ hoạt động cho đến khi cụm công nghiệp được xây dựng xong và giao mặt bằng cho các doanh nghiệp, chủ đầu tư. Vì vậy khi cụm công nghiệp đi vào hoạt động cũng đồng nghĩa với việc không có một tổ chức nào quản lý hoạt động của cụm công nghiệp đó.

f. Các vấn đề về hạ tầng kỹ thuật và môi trường.

** Giao thông :*

Vùng đồng bằng Bắc bộ có giao thông liên tỉnh, liên vùng thuận lợi song hệ thống giao thông nông thôn còn có nhiều khó khăn. Đặc biệt trong các làng nghề truyền thống, sự phát triển công nghiệp tự phát đan xen trong khu dân cư, không có sự đầu tư thích đáng cho hệ thống giao thông phục vụ sản xuất nên hầu như các đường làng ngõ xóm đều bị quá tải, xuống cấp, các bến bãi đỗ thiếu gây cản trở sản xuất và không đảm bảo an toàn trong sinh hoạt.

** Cấp điện :*

Nguồn điện cung cấp cho các tỉnh vùng đồng bằng Bắc bộ do nguồn điện của mạng lưới quốc gia cung cấp thông qua các nhà máy thủy điện nhiệt điện

Nguồn điện cung cấp cho các tỉnh đồng bằng Bắc bộ tương đối đảm bảo, tuy nhiên chất lượng điện trong các làng xóm chưa cao, hệ thống điện sản xuất và sinh hoạt chung, mạng điện chưa được đầu tư đúng mức và đồng bộ.

** Cấp nước :* Hệ thống cấp nước cho nông thôn hiện nay đã được cải thiện đáng kể tuy nhiên nước phục vụ cho sản xuất công nghiệp ở nông thôn chưa được đầu tư

thích đáng, tại các khu sản xuất công nghiệp đa số vẫn còn sử dụng nước lấy trực tiếp từ giếng khoan, chất lượng nước chưa đảm bảo để phát triển sản xuất công nghiệp.

*** Thoát nước và VSMT**

Mặc dù các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ đã có sự phát triển mạnh mẽ các loại hình công nghiệp vừa và nhỏ như đã phân tích ở trên, nhưng bên cạnh đó vẫn có nhiều các tồn tại đáng lo ngại, đặc biệt là việc ô nhiễm môi trường sống. Sự phát triển của các khu công nghiệp, đặc biệt là các làng nghề, vẫn mang tính tự phát, thiếu quy hoạch đồng bộ, trình độ công nghệ còn thấp, lao động chủ yếu là giản đơn không qua đào tạo, tổ chức sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ, khép kín. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của các khu công nghiệp, làng nghề hầu như chưa được đầu tư xây dựng, đặc biệt là hệ thống cấp thoát nước, xử lý nước thải, xử lý khí thải. Chính vì nguyên nhân này mà ô nhiễm môi trường của các khu công nghiệp, làng nghề đang thực sự đáng lo ngại, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe của người dân.

Theo một nghiên cứu của của Viện Khoa học công nghệ môi trường (trường đại học Bách khoa Hà Nội) , 100% mẫu nước thải ở các làng nghề có các thông số vượt tiêu chuẩn quy định. Nước mặt nước ngầm có dấu hiệu ô nhiễm nặng. Ở các làng nghề chế biến nông sản, thực phẩm, dệt nhuộm, nước thải chứa hàm lượng BOD 5 (nhu cầu ô xi sinh hoá) rất cao, có khi lên tới 2003 mg/l . Có nơi hàm lượng COD (nhu cầu ô xi hoá học) cao gấp nhiều lần so với tiêu chuẩn cho phép. Ô nhiễm không khí còn tập trung ở các làng nghề sản xuất vật liệu xây dựng như gốm, sứ, nhựa do đốt than. Ở làng nghề Bát Tràng (Hà Nội) nồng độ khí độc hại lớn hơn tiêu chuẩn cho phép đến 2 lần, nước sông hồ xung quanh bị nhiễm bẩn bởi nước thải sinh hoạt và sản xuất với nồng độ nhiễm bẩn cao. Tại Hà Nội, có hàng trăm cơ sở sản xuất, gia công làm đủ mọi thứ hàng hoá nằm xen kẽ trong các gia đình , trong các khu dân cư đông đúc. Còn ở làng Minh Khai (Văn Lâm, Hưng Yên), chuyên thu gom và chế biến phế liệu nhựa đang phải đối mặt với nạn ô nhiễm môi trường, mùi hôi thối bốc ra từ hàng nghìn tấn phế liệu được bọc trong bao tải xếp chồng chất ngoài đường; hằng ngày người dân còn phải hít thở nguồn khí độc từ mùi nhựa đốt từ các máy tái chế và sản xuất nhựa. Theo thống kê, có tới 50% số dân ở các làng nghề mắc bệnh hô hấp, 15% mắc bệnh ngoài da.

1.2.4. Một số nhận xét về sự phát triển công nghiệp vừa và nhỏ vùng đồng bằng Bắc bộ

Các cơ chế chính sách của Đảng và nhà nước trong chủ trương phát triển ngành nghề nông thôn cùng với việc cụ thể hoá các chính sách tại các địa phương đã tạo một môi trường thông thoáng, thuận lợi cho việc phát triển công nghiệp vừa và nhỏ. Sự phát triển của loại hình công nghiệp này đã thu hút nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hộ ngành nghề , tạo thêm việc làm tại các địa phương, khuyến khích sự đầu tư của mọi thành phần kinh tế. Với một tiềm năng về các làng nghề thủ công truyền thống, sự phát triển tốt của nhiều ngành nghề nông thôn trong vùng đã góp phần giữ gìn, phát huy được các giá trị văn hoá dân tộc, đáp ứng một phần nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Nhiều địa phương trong vùng đã quy hoạch, bố trí đất đai để xây dựng các khu, cụm tiểu thủ công nghiệp tập trung như Hà nội, Hà tây, Bắc ninh, Nam định, nhằm

tạo điều kiện về mặt bằng, nhà xưởng cho các cơ sở ngành nghề nông thôn phát triển, sản xuất hàng hoá với quy mô ngày càng lớn, bước đầu đã tách dần sản xuất ra khỏi khu vực dân cư đang sinh sống ở các làng nghề, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đang trở nên bức xúc.

Các sản phẩm của ngành nghề nông thôn trong vùng ngày càng phong phú, đa dạng. Thị trường xuất khẩu chưa lớn, thị trường trong nước chủ yếu tập trung vào các thành phố lớn. Nhiều địa phương đã có ý thức bảo tồn, phát triển các sản phẩm truyền thống gắn với du lịch văn hoá như du lịch sông Hồng, làng gốm Bát tràng, Phù lã, lụa Vạn phúc- Hà đông.

Để khuyến khích và thu hút đầu tư vào công nghiệp vừa và nhỏ, một số địa phương đã có những chính sách cụ thể:

- Hỗ trợ xây dựng nhà xưởng cho các doanh nghiệp và cho phép họ trả dần với lãi suất thấp.

- Tư vấn, hỗ trợ các đơn vị trong việc tận dụng các điều kiện để miễn giảm thuế.

- Thành lập quỹ khuyến nông hoặc dành các nguồn ngân sách để hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho cụm công nghiệp, quy hoạch giải phóng mặt bằng.

Tuy nhiên, qua thực trạng phát triển công nghiệp vừa và nhỏ ở một số địa phương vùng đồng bằng Bắc bộ cho thấy tiến độ xây dựng và phát triển cụm công nghiệp vừa và nhỏ rất chậm, đặc biệt khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng, chưa đáp ứng được nhu cầu về mặt bằng cho các doanh nghiệp và các hộ sản xuất. Thị trường tiêu thụ của hầu hết các ngành hàng không ổn định, nhất là các mặt hàng xuất khẩu. Thông tin thị trường còn thiếu. Vốn đầu tư phục vụ sản xuất kinh doanh thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu, chủ yếu là vốn tự có, vốn vay còn hạn chế. Lực lượng lao động trong vùng đồng bằng Bắc bộ tuy dồi dào về số lượng nhưng chất lượng chưa cao, trình độ quản lý còn thấp. Kỹ thuật và công nghệ áp dụng trong ngành nghề nông thôn lạc hậu. Đó là những nguyên nhân chính làm chất lượng sản phẩm thấp, giá thành cao, giảm tính cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại của công nghiệp thành thị và hàng ngoại nhập. Bên cạnh đó tình trạng ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn ngày càng nghiêm trọng, nhất là các cơ sở nhuộm, tẩy, ương tơ, cơ khí, sơn mài... Hệ thống hạ tầng cơ sở ở nông thôn yếu kém, chất lượng thấp, không đáp ứng được yêu cầu mở rộng sản xuất theo hướng CNH-HĐH. Ngoài ra, hiện nay các chính sách phát triển ngành nghề nông thôn còn chưa nhất quán, các cơ sở ngành nghề không được cung cấp đầy đủ thông tin. Việc lập dự án đầu tư xây dựng công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn hiện tại vẫn mong chờ vào huyện, tỉnh cấp kinh phí mà chưa có giải pháp cụ thể nào huy động sức dân và phát huy nội lực của các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh.

1.2.5. Xu thế phát triển

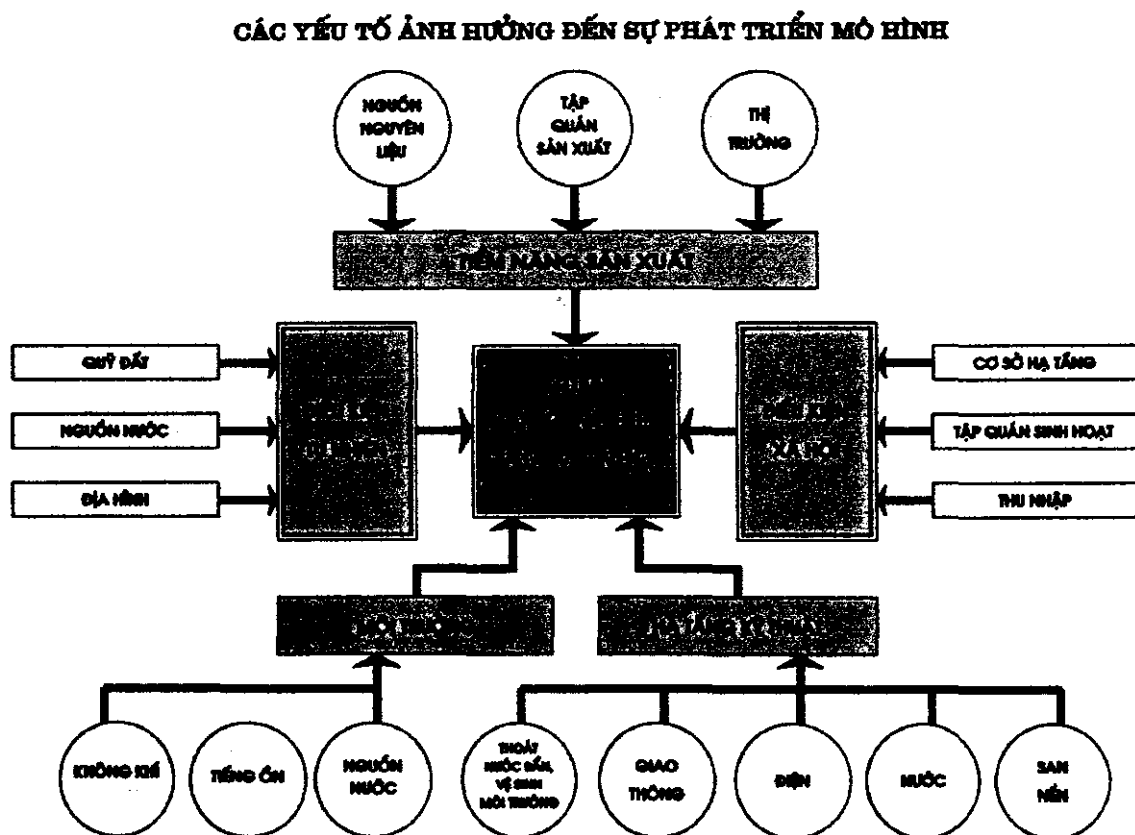
Hiện nay tại các địa phương vùng đồng bằng Bắc bộ đang có xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động rõ rệt. Công nghiệp, dịch vụ phát triển, các ngành nghề đa dạng, lao động nông nghiệp đang chuyển dần sang khu vực công nghiệp và dịch vụ, tạo nhiều việc làm mới, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện đời sống nông dân và dân

cư nông thôn. Chính quyền các địa phương cũng đang mở rộng các chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư của mọi thành phần kinh tế, nhất là các nhà đầu tư tư nhân trong nước và nước ngoài vào việc phát triển công nghiệp và dịch vụ nông thôn. Bên cạnh đó, các địa phương cũng đặc biệt chú trọng mở mang các làng nghề, phát triển các điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, đưa công nghiệp sơ chế và chế biến về nông thôn và vùng nguyên liệu; phát triển lĩnh vực dịch vụ cung ứng vật tư kỹ thuật, trao đổi nông sản hàng hoá ở nông thôn.

PHẦN III. XÂY DỰNG MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

3.1. Các cơ sở hình thành và phát triển mô hình đặc trưng trong địa bàn vùng

3.1.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển mô hình



a. Tiềm năng sản xuất:

* Nguồn nguyên liệu:

Nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ chủ yếu từ các sản phẩm nông nghiệp và khoáng sản.

- Đồng bằng Bắc bộ là vùng có sản xuất nông nghiệp rất phát triển. Các sản phẩm nông nghiệp phong phú, đa dạng, năng suất cao. Ngoài các nông sản thiết yếu, các tỉnh trong vùng còn có các sản phẩm đặc trưng như nhãn Hưng Yên; vải Thanh Hà, Lục Ngạn... Các mặt hàng nông sản có đặc điểm chủ yếu là mang tính mùa vụ cao do đó việc đầu tư công nghiệp chế biến nông sản tại vùng đồng bằng Bắc bộ là rất cần thiết nhằm phát huy các sản phẩm truyền thống của địa phương đồng thời tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp.

- Ngoài các sản phẩm từ nông nghiệp, đồng bằng Bắc bộ còn có nhiều các sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp từ cây công nghiệp như đay, cói, mây tre... Đây là nguồn nguyên liệu để sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống và các mặt hàng tiêu dùng khác.

- Đồng bằng Bắc bộ là vùng rất giàu có về các khoáng sản phi kim loại như cao lanh, than đá... là những nguyên liệu để phát triển nhiều ngành công nghiệp như gốm sứ, vật liệu xây dựng, khai thác than...

* Thị trường tiêu thụ:

Thị trường tiêu thụ cũng là một trong những yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển mô hình công nghiệp. Đồng bằng Bắc bộ là vùng có thị trường tiêu thụ rộng lớn. Với số dân cao thứ hai cả nước, trung tâm là thủ đô Hà Nội, đây là vùng có khả năng tiêu thụ sản phẩm lớn nhất, đa dạng nhất.

Ngoài ra, từ đồng bằng Bắc bộ, việc mở rộng thị trường sang các vùng khác cũng rất thuận tiện nhờ mạng lưới giao thông liên vùng thuận lợi. (Các tuyến quốc lộ đi vùng Đông Bắc, Tây Bắc và Bắc trung bộ được đầu tư nâng cấp mở rộng, xây dựng nhiều tuyến. Các tuyến đường sắt, đường thủy phát triển, sân bay Nội Bài mở rộng, là cảng quốc tế lớn nhất cả nước.)

Như vậy có thể nhận thấy đồng bằng Bắc bộ là một trong những vùng có thị trường tiêu thụ lớn nhất trong cả nước bởi vừa có những nhu cầu rất lớn của vùng, vừa là đầu mối trung chuyển thuận lợi đến các vùng khác.

* Tập quán sản xuất:

Đồng bằng Bắc bộ là vùng có số lượng làng nghề lớn nhất trên toàn quốc và có nhiều làng nghề đã tồn tại trên 100 năm. Điều đó chứng tỏ sản xuất công nghiệp ra đời sớm và trình độ phát triển sản xuất công nghiệp ở nông thôn đồng bằng Bắc bộ tương đối tốt so với các vùng khác. Mô hình sản xuất chủ yếu mang tính chất hộ gia đình, khu vực sản xuất đan xen hoặc nằm ngay trong nơi sinh hoạt gia đình do các yêu cầu về bí quyết nghề nghiệp và tập quán sản xuất nhỏ lẻ.

Công nghệ và kỹ thuật áp dụng trong ngành nghề nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ là những công nghệ cổ truyền, lạc hậu, năng suất thấp. Đây là một trong những nguyên nhân chính làm cho chất lượng sản phẩm thấp. Giá thành cao, làm giảm tính cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại của công nghiệp thành thị và hàng ngoại nhập. Do đó đối với các ngành nghề truyền thống cần thay đổi tập quán sản xuất bằng cách chọn lựa công nghệ thích hợp, quy mô nhỏ, vừa phải, trang thiết bị hiện đại ở một số khâu

cần thiết nhằm nâng cao năng suất, tiết kiệm đất đai dành cho sản xuất, bảo vệ môi trường.

b. Điều kiện tự nhiên:

Đất đai, địa hình, nguồn nước là những yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến việc xây dựng các cụm công nghiệp. Đồng bằng Bắc bộ có diện tích không lớn, dân số đông, đất canh tác nông nghiệp cần được giữ gìn để phát triển sản xuất nông nghiệp do đó quỹ đất dành cho sản xuất công nghiệp không nhiều, chủ yếu lựa chọn xây dựng trên các vùng đất xấu, năng suất thấp.

Tuy quỹ đất xây dựng không nhiều song đồng bằng Bắc bộ có địa hình rất thuận lợi để xây dựng công nghiệp. Đồng thời đây cũng là vùng có nhiều nguồn nước nhờ hệ thống sông ngòi tự nhiên và hệ thống thủy lợi tốt.

Nhìn chung về điều kiện tự nhiên, đồng bằng Bắc bộ là vùng đất thuận lợi để phát triển nhiều ngành nghề công nghiệp nông thôn với quy mô vừa và nhỏ.

c. Điều kiện xã hội:

Tập quán sinh hoạt và thu nhập người dân:

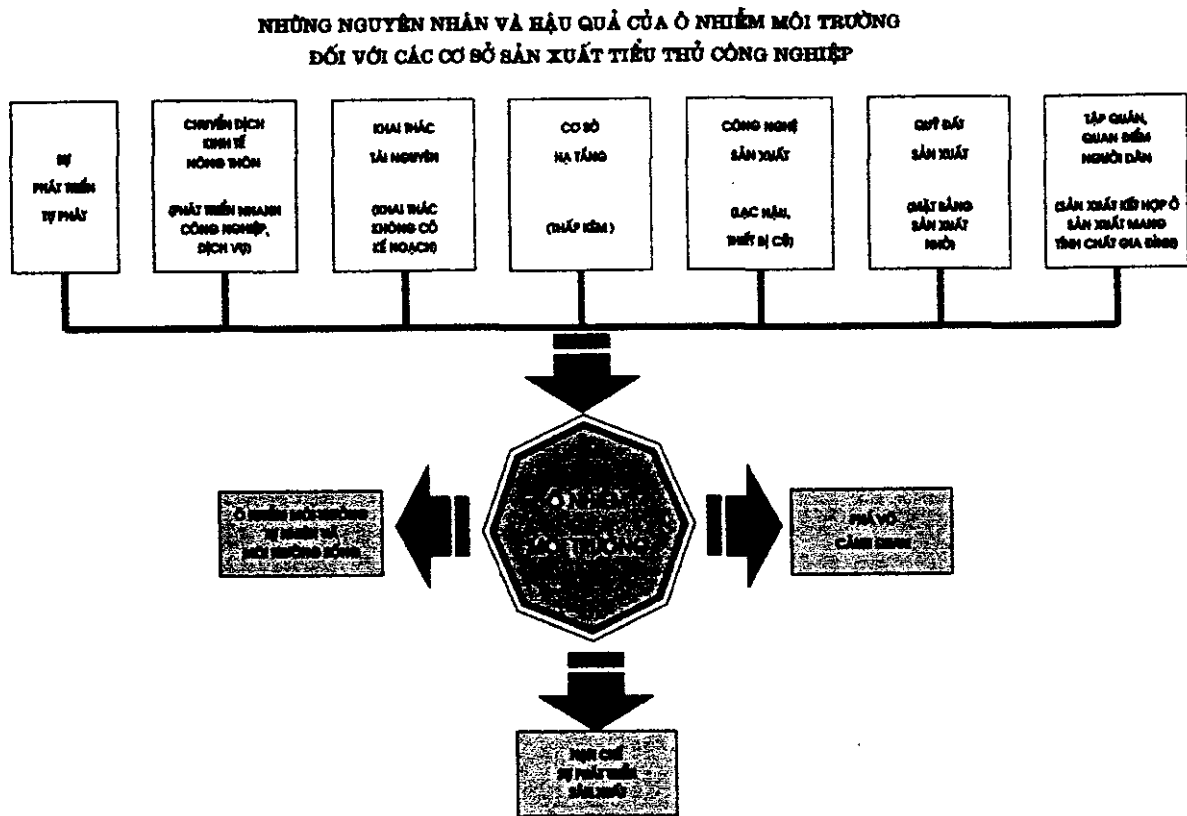
Vùng đồng bằng Bắc bộ là vùng đất chật, người đông, người dân nông thôn chủ yếu sinh hoạt và sản xuất theo cách tự cung tự cấp, ít mở rộng phát triển ra ngoài khuôn khổ làng xóm. Với thu nhập chủ yếu dựa vào nông nghiệp, sản xuất phụ thuộc vào thời tiết nên thu nhập ở những hộ thuần nông là không cao. Các làng có nghề phụ, nghề truyền thống có thu nhập cao hơn song vẫn ảnh hưởng tập quán của lối sống tiểu nông, khó đưa sản xuất lên thành công trường thủ công lớn. Với tập quán và thu nhập người dân như vậy thì việc đầu tư xây dựng công nghiệp ở nông thôn đồng bằng Bắc bộ đa phần mang tính chất hộ gia đình, sản xuất nhỏ.

d. Điều kiện môi trường:

Công nghiệp vừa và nhỏ hiện nay đang áp dụng chung các tiêu chuẩn chất lượng môi trường của các khu công nghiệp lớn (là các khu vực có công nghệ tiên tiến, việc xử lý môi trường được quan tâm đầu tư) nên thực tế xây dựng tại các cơ sở sản xuất vừa và nhỏ còn nhiều bất hợp lý. Do đó để xây dựng mô hình tổ chức không gian cụm công nghiệp vừa và nhỏ cần có những tiêu chí môi trường cụ thể phù hợp với sự phát triển của loại hình công nghiệp này.

Các cơ sở sản xuất công nghiệp vừa là nguyên nhân, vừa chịu tác động của ô nhiễm môi trường. Sự phát triển nhanh chóng và chuyển đổi của làng nghề từ các nhóm thợ thủ công trở thành cụm công nghiệp nhỏ một cách tự phát dẫn đến sự quá tải hệ thống hạ tầng nông thôn sẵn có làm môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng. Các cơ sở sản xuất kinh doanh dựa vào sức người là chính, sử dụng nguyên liệu rẻ tiền, độc hại, không quan tâm đến sức khỏe người lao động và cộng đồng. Hầu hết người lao động không được phổ biến đầy đủ các kiến thức về pháp luật, đặc biệt là Luật Lao động, luật Bảo vệ môi trường.

Ô nhiễm môi trường cũng gây ra những hạn chế không nhỏ đối với sự phát triển mở rộng các cơ sở sản xuất, môi trường sống và cảnh quan xung quanh



e. Điều kiện hạ tầng kỹ thuật

Cơ sở hạ tầng nông thôn: Cơ sở hạ tầng nông thôn yếu kém là một cản trở lớn cho việc phát triển ngành nghề nông thôn nói riêng và phát triển nông thôn nói chung. Cơ sở hạ tầng nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ như giao thông, điện, nước sạch., thông tin liên lạc chưa được đầu tư đúng mức, chất lượng của cơ sở hạ tầng chưa tốt. Để phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn cần có những đầu tư thích đáng xây dựng cơ sở hạ tầng đồng thời huy động sự tham gia đóng góp của mọi thành phần kinh tế.

*** Giao thông:**

Các khu làng nghề ở đồng bằng Bắc bộ hiện nay sản xuất chủ yếu theo từng hộ gia đình, khu vực sản xuất đan xen với khu dân cư, tận dụng mạng lưới giao thông nông thôn hiện có nên chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất hiện nay, ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường sống của người dân trong khu vực.

Các khu công nghiệp có vị trí gần các đường giao thông chính như quốc lộ, tỉnh lộ có cổng chính mở ra quốc lộ, tỉnh lộ, không đảm bảo khoảng cách ly bảo vệ đường bộ nên gây ảnh hưởng rất lớn đến việc đảm bảo an toàn giao thông tại các khu vực này.

*** Chuẩn bị kỹ thuật**

Hiện nay các khu công nghiệp, làng nghề ở đồng bằng Bắc Bộ, mô hình sản xuất chủ yếu mang tính chất hộ gia đình, khu vực sản xuất đan xen hoặc nằm cạnh các khu dân cư đã ổn định từ lâu, phần lớn nằm trong đê. Do vậy, cao độ nền cũng như địa chất công trình phần lớn là thuận lợi, không bị ngập lụt. Hệ thống thủy lợi trong vùng tương đối hoàn chỉnh, được đầu tư xây dựng và tu bổ thường xuyên.

*** Cấp nước.**

Vùng đồng bằng Bắc Bộ là một trong những vùng có nguồn cung cấp nước dồi dào, phong phú cả nước mặt và nước ngầm.

- Nước mặt: Chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi lưu vực sông Hồng và hệ thống sông Thái bình cùng với các hệ thống sông nội đồng. Bảng sau thể hiện một số thông số của các sông:

	Đơn vị	Sông Đà	Sông Hồng	Sông Lô	Sông Bùi	Sông Tích	Sông Đáy	Sông Cầu
Diện tích lưu vực	Km ²	52600	51750	39000	33			6000
Lưu lượng	M ³ /S							
- Qmax		4413	3800	14000	3.95	146	798	3500
- Qmin		250	460	192	0,053	0,6	2.59	51.1
- Qtb		1645	1542	1030	1,16			

- Nước ngầm: Nguồn nước ngầm có khả năng khai thác hàng triệu m³ để cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp, tuy nhiên có một số tỉnh như tỉnh Hưng Yên là khả năng khai thác nước ngầm hạn chế.

Tuy nhiên vấn đề ô nhiễm môi trường nước đặc biệt là nước mặt đang đến mức báo động.

*** Thoát nước**

Hệ thống mương tiêu thoát nước thủy lợi, hệ thống sông nội đồng trong vùng tương đối hoàn chỉnh, do vậy nước thải sản xuất và sinh hoạt của các khu công nghiệp, làng nghề sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường sẽ dễ dàng xả ra môi trường bên ngoài. Tuy nhiên hiện trạng hệ thống thoát nước tại các khu công nghiệp, làng nghề phần lớn chưa được đầu tư xây dựng mới.

3.1.2. Định hướng phát triển công nghiệp nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ

Với đặc điểm tự nhiên, xã hội như đã nêu ở trên thì ngành nghề của các cụm công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ cần phát triển đa dạng.

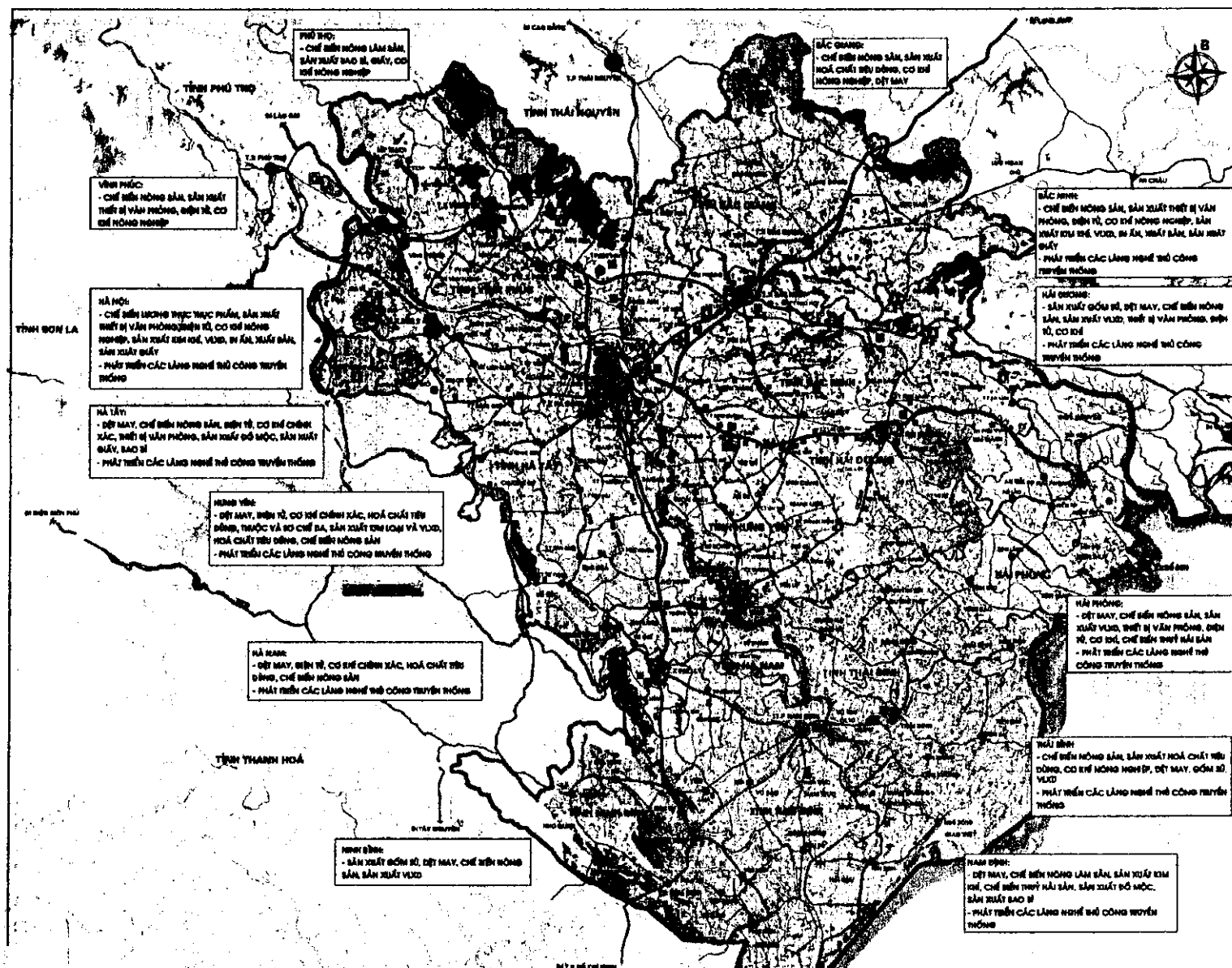
- **Vùng trung tâm đồng bằng Bắc bộ:** là vùng tập trung nhiều khu công nghiệp lớn, dân cư có trình độ sản xuất cao, các sản phẩm nông nghiệp phong phú, hệ thống hạ tầng tương đối hoàn chỉnh. Cần hướng tới các ngành nghề có công nghệ cao, sản phẩm có giá trị gia tăng lớn; hướng tới các ngành nghề có khả năng sản xuất hỗ trợ hoặc làm vệ tinh cho các xí nghiệp lớn. Tập trung chủ yếu vào các ngành nghề : Dệt, may mặc, chế biến nông sản, thiết bị văn phòng, viễn thông, sản xuất giấy và xuất bản, cơ khí nông nghiệp, sản xuất kim loại, VLXD cao cấp, sản xuất hoá chất phục vụ đời sống.

- **Vùng sát trung du:** Là những vùng nguyên liệu dồi dào, cần ưu tiên phát triển các ngành nghề như chế biến thực phẩm, chế biến nông lâm sản, sản xuất giấy, sản xuất bao bì, sửa chữa, cơ khí nông nghiệp.

- **Vùng đồng bằng ven biển:** là vùng có điều kiện thuận lợi để khai thác và nuôi trồng thuỷ hải sản và một số ngành khai khoáng nhờ các tiềm năng về khoáng sản phi kim loại. Các ngành nghề chủ yếu : chế biến thuỷ hải sản, chế biến nông lâm sản, sản xuất kim loại, dệt may...

Đối với các làng nghề cần ưu tiên phát triển các nghề có thị trường lớn, đặc biệt phát triển các làng nghề tiểu thủ công nghiệp có truyền thống lâu đời như cối, sơn mài, mây tre đan, mộc, gốm sứ, thêu ren, dệt, gỗ đá, giấy, tranh dân gian, kim khí tại các địa phương có thế mạnh như Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Bắc Ninh, Hà Tây...

Sơ đồ các ngành nghề ưu tiên phát triển tại các địa phương



3.2. Mô hình quy hoạch và tổ chức không gian công nghiệp nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ

3.2.1. Các loại hình công nghiệp nông thôn

Tại vùng đồng bằng Bắc bộ có thể đề xuất 2 mô hình quy hoạch tổ chức không gian công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn ứng với 2 loại hình công nghiệp có khả năng phát triển phù hợp với vùng có đặc trưng của địa hình đồng bằng châu thổ, hệ thống đô thị phát triển, nhiều các khu công nghiệp lớn, kinh tế nông nghiệp chủ yếu là chế biến nông lâm sản và phát triển ngành nghề truyền thống của địa phương.

3.2.1.1. Mô hình cụm công nghiệp:

- Cụm công nghiệp phát triển chủ yếu theo hướng đa ngành và đơn ngành. Sử dụng chủ yếu là lao động địa phương và vùng nông thôn lân cận.
- Quy mô lựa chọn: 15-20ha, phù hợp với đặc điểm vùng có mật độ dân số cao, cần tiết kiệm đất canh tác nông nghiệp. Trong cụm công nghiệp đa ngành bố trí tối đa 3 nhóm ngành, gồm 10-15 loại ngành nghề. Trong cụm công nghiệp đơn ngành bố trí 1 nhóm ngành và tối đa 2-3 loại ngành nghề.
- Vị trí xây dựng cụm công nghiệp:

Cần đảm bảo các yêu cầu chung : Là khu vực có năng suất canh tác thấp, phù hợp với định hướng ngành nghề của địa phương có điều kiện tự nhiên thuận lợi, đảm bảo yêu cầu xây dựng công nghiệp, không sạt lở, địa chất tốt, địa hình bằng phẳng, có nguồn nước thuận lợi cho sản xuất công nghiệp. Ngoài ra đối với từng địa điểm, từng tính chất cụm công nghiệp cần có những yêu cầu riêng

a. Cụm công nghiệp đa ngành nằm trong vùng cây trồng trọng điểm:

Tại các địa phương có sản xuất nông nghiệp năng suất cao, có cây trồng đặc trưng cần hình thành cụm công nghiệp đa ngành phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đặc điểm nổi bật của các địa phương có thế mạnh về nông sản là sản phẩm mang tính thời vụ cao, việc chế biến phụ thuộc nhiều vào thời gian sau thu hoạch do đó trong vùng nguyên liệu rộng lớn có thể hình thành nhiều cụm công nghiệp phân tán nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất hiệu quả nhất.

Yêu cầu lựa chọn địa điểm :

- Là khu vực có năng suất canh tác thấp, ít ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất và đất nông nghiệp.
- Ngành nghề trong cụm công nghiệp : Bố trí các ngành nghề tận dụng được lợi thế sẵn có và dựa trên vùng nguyên liệu nông phẩm địa phương. Các ngành nghề chủ yếu là chế biến nông sản đặc trưng của địa phương kết hợp sản xuất bao bì, cơ khí sửa chữa nông nghiệp...
- Khoảng cách cụm công nghiệp và khu dân cư : 300-500m nhằm hạn chế ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường về đất, nguồn nước và không khí.
- Tổ chức không gian công nghiệp gắn với không gian cộng đồng dân cư làng xã đã có nhằm tận dụng lao động sẵn có tại địa phương.

Yêu cầu môi trường:

- Khoảng cách ly vệ sinh từ hàng rào cụm công nghiệp tới khu dân cư từ 300-500m

- Địa điểm xây dựng cụm công nghiệp nên chọn nơi cuối hướng gió chính, cuối nguồn nước so với khu dân cư.

Yêu cầu về giao thông:

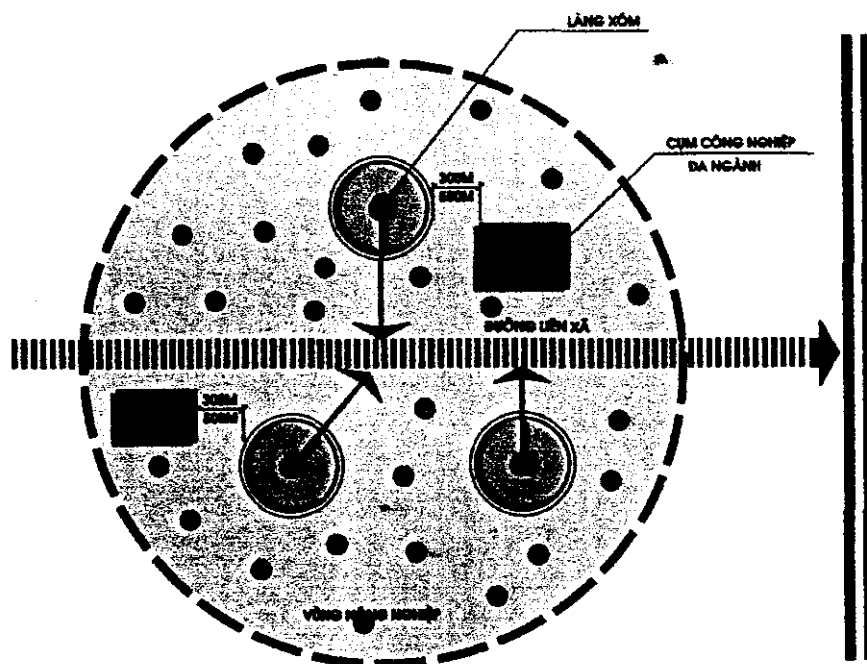
- Khai thác, tận dụng được các tuyến giao thông liên huyện, liên xã phục vụ vận chuyển nguyên liệu và phân phối sản phẩm một cách hiệu quả.

Ưu điểm:

Nằm trong vùng nguyên liệu, gần các tuyến đường liên huyện liên xã, thuận tiện cho sản xuất. Khoảng cách công nghiệp – dân cư 300-500m thuận lợi cho việc sử dụng lao động địa phương.

Nhược điểm:

Các cụm công nghiệp phân tán trong vùng nguyên liệu, khả năng mở rộng sản xuất hạn chế. Kinh phí xử lý môi trường lớn.



VỊ TRÍ CỤM CÔNG NGHIỆP ĐA NGÀNH NẸM TRONG VÙNG NÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM

b. Cụm công nghiệp đơn ngành nằm trong vùng nguyên liệu hoặc tách ra từ làng nghề truyền thống:

Vùng đồng bằng Bắc bộ là khu vực giàu khoáng sản phi kim loại, có nhiều làng nghề truyền thống như cơ khí, gốm sứ, chế biến gỗ... Đặc điểm của sản xuất công nghiệp

khai thác khoáng sản là có độ ô nhiễm môi trường cao, yêu cầu mặt bằng sản xuất lớn do đó cần hình thành các cụm công nghiệp cách ly khỏi các khu dân cư, nằm trong vùng nguyên liệu sẵn có của địa phương. Các ngành nghề chủ yếu là các ngành sản xuất gốm sứ, vật liệu xây dựng, khai thác than, thuộc da, sản xuất giấy, sản xuất hoá chất...

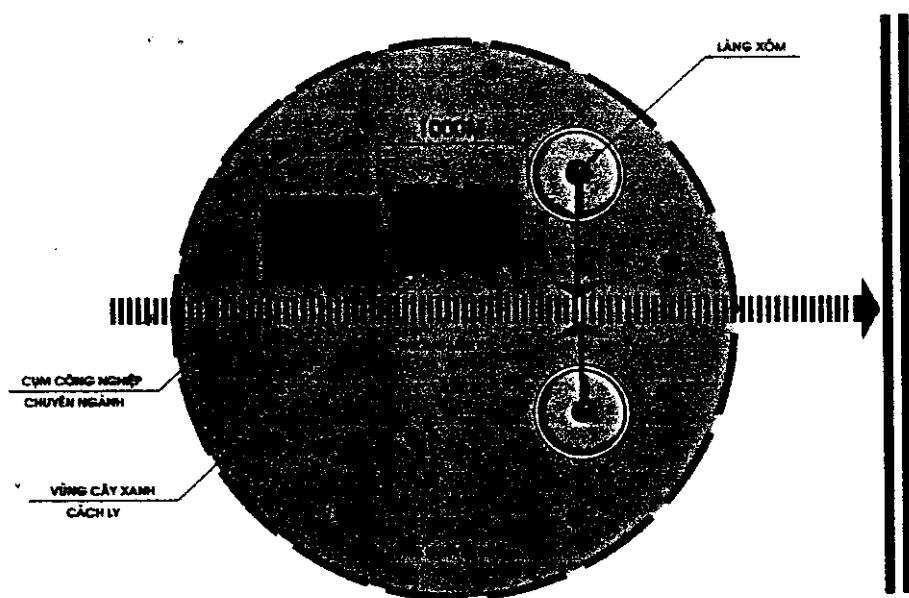
Yêu cầu lựa chọn địa điểm:

- Nằm trong vùng nguyên liệu, gần các khu dân cư để tận dụng được lao động địa phương.
- Khoảng cách ly vệ sinh từ hàng rào cụm công nghiệp tới khu dân cư từ 500-1000 m. Đặc biệt ngành công nghiệp khai khoáng phải đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh 1000m.
- Địa điểm xây dựng cụm công nghiệp nên chọn nơi cuối hướng gió chính, cuối nguồn nước so với khu dân cư.

Yêu cầu về giao thông

- Có mối liên hệ thuận tiện với mạng giao thông liên xã, liên huyện đảm bảo vận chuyển lưu thông một cách nhanh chóng, an toàn.

CỤM CÔNG NGHIỆP ĐƠN NGÀNH



* Ưu điểm: Nằm trong vùng nguyên liệu, kế thừa được ngành nghề từ các làng nghề truyền thống. Khoảng cách công nghiệp – dân cư 500-1000m thuận lợi cho việc sử dụng lao động địa phương và vệ sinh môi trường. Cơ sở sản xuất tập trung, có điều kiện để xử lý chất thải công nghiệp.

c. Cụm công nghiệp tại các vùng ven đô thị:

Với các vùng gần các đô thị lớn có nguồn nhân lực dồi dào, chất lượng lao động tốt cần hình thành mô hình cụm công nghiệp đa ngành hỗ trợ sản xuất công nghiệp đô thị. Ngành nghề phù hợp với định hướng phát triển ngành nghề của địa phương : Các ngành điện tử, dệt may, cơ khí chính xác, cơ kim khí, ...

Yêu cầu lựa chọn địa điểm:

- Bố trí cụm công nghiệp tại vùng ven các đô thị, gần trung tâm huyện, khoảng cách dân cư- công nghiệp : 300-500m song đảm bảo được các yêu cầu mở rộng sản xuất, mở rộng phát triển khu dân cư

- Địa điểm xây dựng cụm công nghiệp nên chọn nơi cuối hướng gió chính, cuối nguồn nước so với khu dân cư.

Yêu cầu về giao thông

- Bố trí gần các tuyến đường liên xã, liên huyện đảm bảo vận chuyển lưu thông hàng hoá, nguyên liệu một cách nhanh chóng, an toàn.

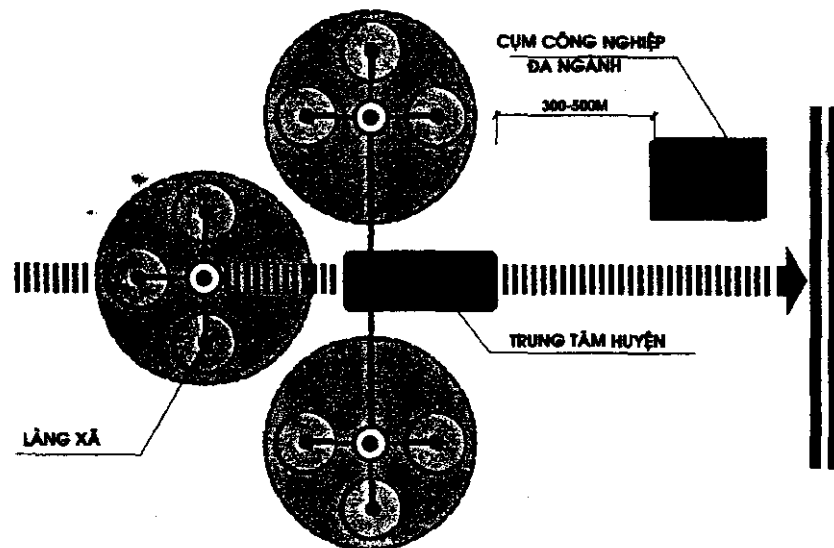
* Ưu điểm:

- Khoảng cách công nghiệp – dân cư thuận tiện cho việc sử dụng lao động địa phương

- Cơ sở sản xuất tập trung, xử lý môi trường thuận lợi

* Nhược điểm:

- Quy mô công nghiệp lớn, quản lý khó khăn.



Cụm công nghiệp tại vùng ven các đô thị

d. Cụm công nghiệp ven các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ:

Hình thành cụm công nghiệp ven các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ nhằm tận dụng lợi thế về giao thông sẵn có để phát triển. Đây là mô hình rất phổ biến tại các địa phương vùng đồng bằng Bắc bộ.

Yêu cầu lựa chọn địa điểm:

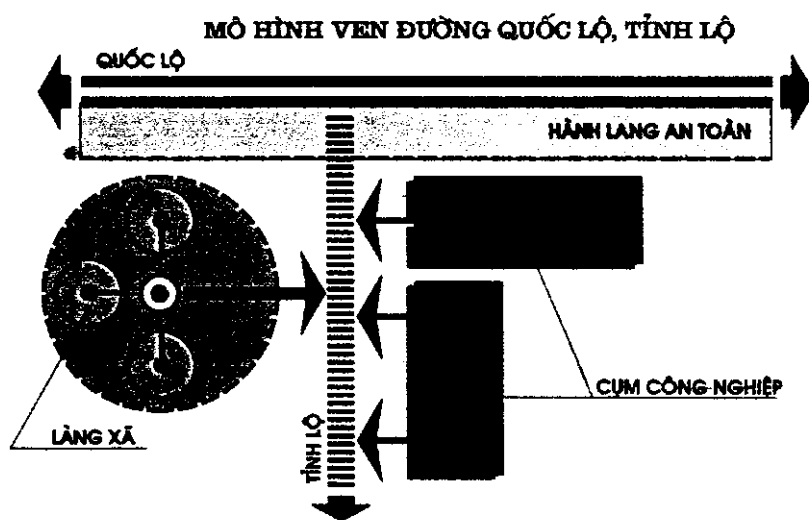
- Gần các tuyến giao thông liên vùng phải đảm bảo hành lang an toàn cho các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ.
- Gần các khu dân cư
- Tổ chức không gian phải khai thác được lợi thế về vị trí “cận lộ” đồng thời góp phần tạo cảnh quan cho tuyến quốc lộ, tỉnh lộ.

Yêu cầu môi trường:

- Khoảng cách ly vệ sinh từ hàng rào cụm công nghiệp tới khu dân cư từ 300-1000m, tùy theo từng loại hình công nghiệp.
- Địa điểm xây dựng cụm công nghiệp nên chọn nơi cuối hướng gió chính, cuối nguồn nước so với khu dân cư.

Yêu cầu về giao thông

- Bố trí giáp với các tuyến giao thông quốc lộ, tỉnh lộ nhưng phải đảm bảo hành lang an toàn đường bộ. Hành lang an toàn đối với quốc lộ là 20m, với tỉnh lộ là 10m tính từ chân taluy đắp hay đỉnh taluy đào.



* Ưu điểm: Khai thác được lợi thế về giao thông liên tỉnh liên vùng để phát triển sản xuất

*Nhược điểm: Quản lý hành lang đường bộ, đảm bảo an toàn giao thông và sản xuất

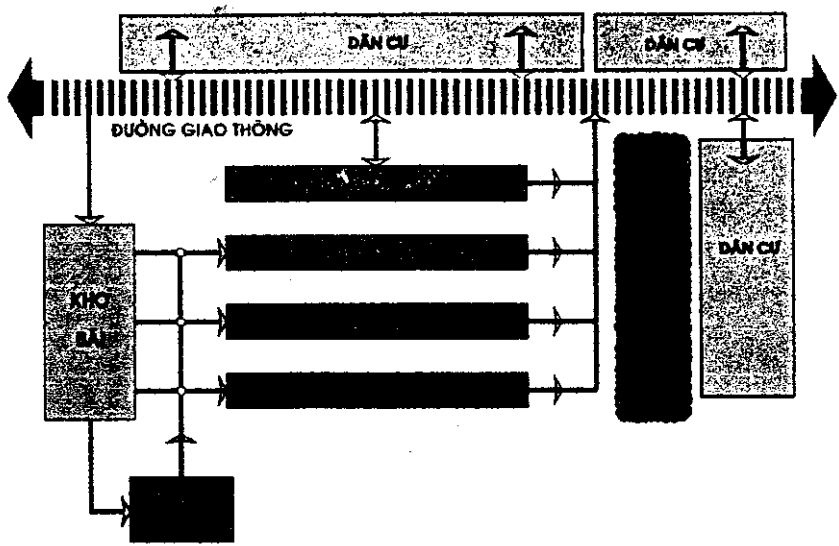
Nhánh 4: Xây dựng mô hình quy hoạch và tổ chức không gian của các cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn- Vùng đồng bằng Bắc bộ

- Các khu chức năng chính trong cụm công nghiệp
 - Khu xây dựng các xí nghiệp công nghiệp
 - Khu điều hành, dịch vụ công nghiệp (trung bày, bán sản phẩm, dịch vụ)
 - Khu cây xanh.
 - Khu đầu mối kỹ thuật (trạm xử lý).
 - Đường giao thông, bãi đỗ, sân

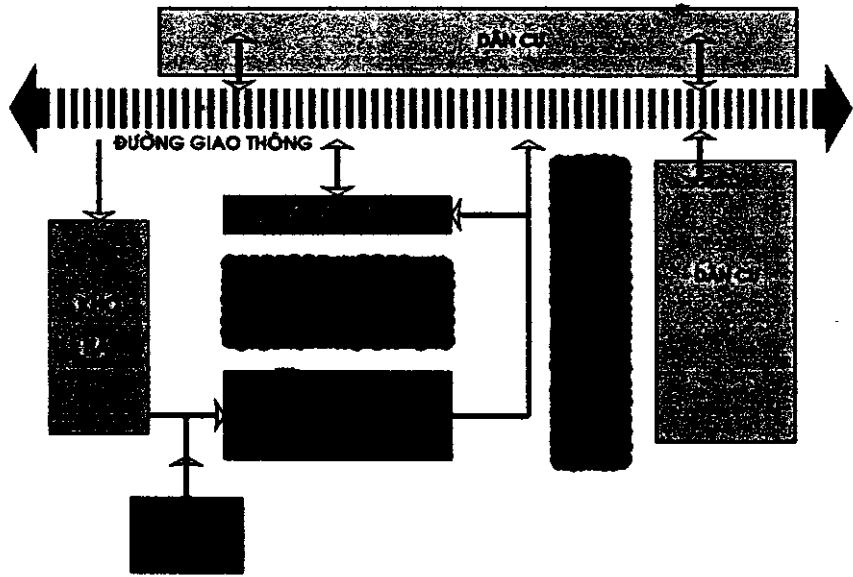
Với những cụm công nghiệp sử dụng nhiều lao động từ các địa phương khác, cách xa khu dân cư cần tổ chức thêm khu ở cho công nhân bên cạnh cụm công nghiệp.

- Tổ chức các khu chức năng:
 - Trung tâm hành chính, dịch vụ công cộng, trung tâm đào tạo nghề nên bố trí tiếp giáp với đường giao thông ngoài khu công nghiệp để vừa tạo cảnh quan mặt phố, hoà nhập với cảnh quan chung ngoài cụm công nghiệp, vừa giảm ảnh hưởng của công nghiệp ra bên ngoài.
 - Khu sản xuất : Đối với cụm công nghiệp đa ngành, khu sản xuất cần phân tách ngành nghề, có thể tổ chức từ ngoài vào trong theo mức độ ô nhiễm tăng dần. Với cụm công nghiệp đơn ngành, khu sản xuất cần có khoảng xanh hợp lý với các khu sinh hoạt công cộng.
 - Kho bãi công nghiệp: Bố trí cuối hướng gió, trên các tuyến giao thông chính, gần khu đầu mối hạ tầng để thuận tiện xuất nhập hàng, hạn chế ô nhiễm.
 - Khu cây xanh : Cây xanh nghỉ ngơi giải trí tổ chức thành các vườn hoa nhỏ kết hợp với khu hành chính, công cộng. Trong các vườn hoa cây xanh cần tổ chức các tiểu cảnh, các sân chơi thể thao nhỏ phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi tại chỗ của lao động trong cụm công nghiệp.
 - Khu đầu mối hạ tầng: Bố trí cuối hướng gió, thuận tiện cho việc xây dựng mạng lưới xử lý và vệ sinh công nghiệp.
- Tại vùng đồng bằng Bắc bộ, do những đặc điểm về điều kiện đất đai, mật độ nên bên trong cụm công nghiệp không tổ chức khu ở. Đối với các cụm công nghiệp không tận dụng được lao động địa phương, phải huy động nhiều lao động từ nơi khác đến làm việc thì mô hình ở có thể tổ chức kết hợp với khu hành chính dịch vụ và mang tính chất ở tập thể, không có hộ gia đình.

Tổ chức các khu chức năng cụm công nghiệp đa ngành



Tổ chức các khu chức năng cụm công nghiệp đơn ngành



3.2.1.2. Mô hình điểm công nghiệp làng nghề:

Đồng bằng Bắc bộ là vùng có số lượng làng nghề truyền thống lớn nhất trên toàn quốc với các ngành nghề rất đa dạng như: chạm khắc, kim khí, gốm, mộc, dệt... Các làng

nghề sản xuất mặt hàng thủ công truyền thống hiện nay ngày càng có xu hướng mở rộng, sản phẩm của các làng nghề ngày càng được thị trường ưa chuộng. Cùng với việc mở rộng sản xuất, những yêu cầu về điều kiện sống, chất lượng môi trường ở của người dân làng nghề cũng cần được nâng lên. Để đảm bảo yêu cầu phát triển sản xuất, bảo đảm vệ sinh môi trường sống, có nhiều giải pháp trong đó quan trọng nhất là hình thành điểm công nghiệp để dịch chuyển khu sản xuất ra ngoài khu vực dân cư sinh sống. Các điểm công nghiệp này sẽ tạo điều kiện để làng nghề phát huy được thế mạnh, tận dụng được lao động trong thời kỳ nông nhàn, phát triển văn hoá truyền thống và hướng tới các hoạt động du lịch văn hoá gắn với làng nghề. Tại các làng nghề có thể hình thành các điểm công nghiệp bố trí ở rìa các làng xóm hiện có, một số công đoạn sản xuất gây ô nhiễm được đưa ra ngoài, một số công đoạn gia công đơn giản, không gây ô nhiễm có thể tiếp tục kết hợp trong khuôn viên nhà ở.

- Yêu cầu lựa chọn địa điểm

- Có điều kiện tự nhiên thuận lợi, đảm bảo yêu cầu xây dựng công nghiệp : không sạt lở, địa chất tốt, địa hình bằng phẳng, có nguồn nước thuận lợi cho sản xuất công nghiệp.

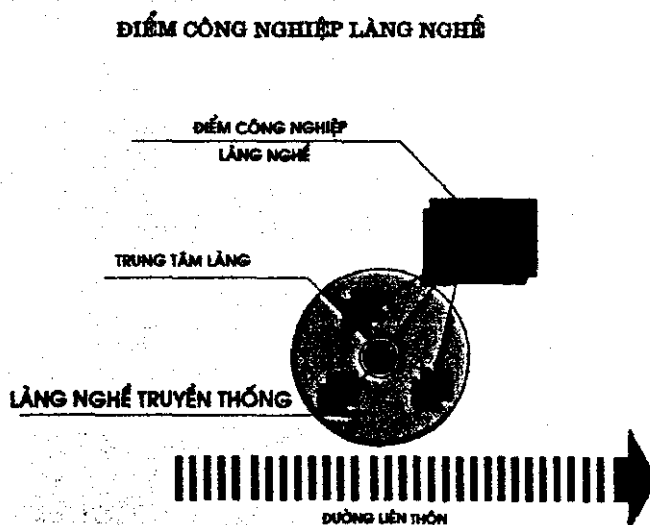
- Là khu vực có năng suất canh tác thấp không ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, và việc mở rộng phát triển làng xóm, phù hợp với định hướng ngành nghề của địa phương.

- Khoảng cách điểm công nghiệp – làng xóm 100 – 200m, đảm bảo liên hệ thuận tiện với làng nghề hiện có.

- Khu dịch vụ công cộng kết hợp với trung tâm làng nghề để tạo tuyến du lịch liên hoàn.

Yêu cầu môi trường:

- Địa điểm xây dựng điểm công nghiệp nên chọn nơi cuối hướng gió chính, cuối nguồn nước so với khu dân cư.



Nhánh 4: Xây dựng mô hình quy hoạch và tổ chức không gian của các cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn- Vùng đồng bằng Bắc bộ

*** Ưu điểm:**

- Bảo đảm được các điều kiện vệ sinh môi trường và thuận lợi trong việc mở rộng sản xuất

- Tận dụng được các lao động trong hộ gia đình.
- Giữ gìn được bí quyết gia truyền của nghề nghiệp
- Kết hợp phát triển du lịch dịch vụ

*** Nhược điểm:**

- Quản lý môi trường và sản xuất khó khăn.

- Quy mô lựa chọn: Điểm công nghiệp làng nghề phù hợp với loại quy mô nhỏ : 5-10 ha, bố trí 1-2 nhóm ngành và tối đa 3-5 loại ngành nghề. Quy mô lao động 300-500 người.
- Do đặc thù sản xuất quy mô nhỏ, mang tính chất hộ gia đình nên lao động trong điểm công nghiệp làng nghề chủ yếu là lao động trong làng xã.
- Trong điểm công nghiệp làng nghề không xây dựng nhà ở mà vấn đề nhà ở chủ yếu được nghiên cứu theo hướng cải tạo làng xã hiện có sau khi sản xuất được di chuyển ra bên ngoài.
- Các khu chức năng chính trong điểm công nghiệp

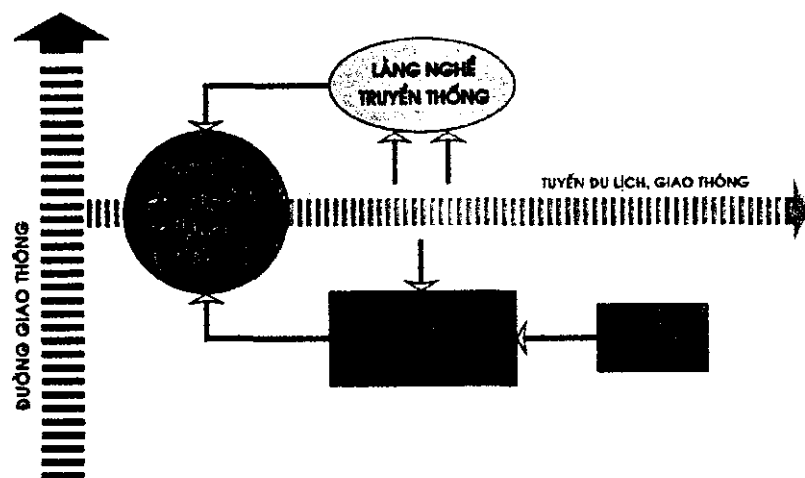
Phát triển công nghiệp làng nghề gắn liền với các làng xã là một loại hình đặc thù của công nghiệp nông thôn vì vậy cấu trúc các khu chức năng điểm công nghiệp không thể tách rời làng nghề truyền thống hiện có.

Các khu chức năng bao gồm:

- Làng nghề hiện có
- Khu xây dựng các xí nghiệp công nghiệp
- Khu trưng bày, bán và giới thiệu sản phẩm
- Khu cây xanh.
- Khu đầu mối kỹ thuật (trạm xử lý).
- Đường giao thông, bãi đỗ

- Tổ chức các khu chức năng:

Khu trưng bày, bán và giới thiệu sản phẩm cần tiếp cận với tuyến giao thông chính khâu nối khu sản xuất và làng nghề cũ. Khu cây xanh trong điểm công nghiệp cần kết nối với không gian văn hoá truyền thống của làng tạo cơ hội phát triển thành tuyến du lịch làng nghề.

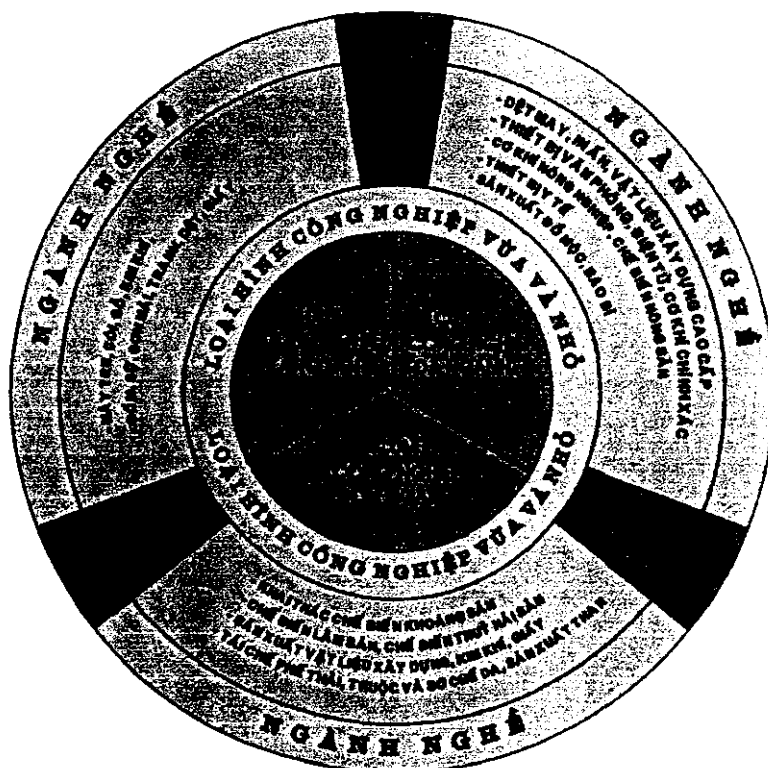


Tổ chức các khu chức năng trong điểm công nghiệp làng nghề

3.2.2. Các loại hình công nghiệp và cơ cấu ngành nghề vùng đồng bằng Bắc bộ

Theo tiêu chí ngành nghề trong cụm công nghiệp ở đề tài nhánh 2, với những ngành nghề khuyến khích phát triển tại các địa phương ở trong vùng thì tại đồng bằng Bắc bộ có thể xây dựng các loại hình công nghiệp theo cơ cấu ngành nghề sau:

CƠ CẤU NGÀNH NGHỀ CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ



Nhánh 4: Xây dựng mô hình quy hoạch và tổ chức không gian của các cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn- Vùng đồng bằng Bắc bộ

Trong một cụm công nghiệp đa ngành có thể bố trí 10-15 loại hình ngành nghề. Đối với cụm công nghiệp đơn ngành bố trí 1-2 loại ngành nghề. Đối với điểm công nghiệp làng nghề, cơ cấu ngành nghề phụ thuộc ngành nghề sẵn có tại địa phương.

3.2.3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

Đối với công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn, chỉ tiêu cây xanh tập trung cần nhỏ và hạn chế để tiết kiệm đất cho xây dựng công nghiệp, hệ thống cây xanh cách ly trong các lô đất (chỉ giới xây dựng) phải đảm bảo tối thiểu các tiêu chí về môi trường.

a. Các chỉ tiêu sử dụng đất:

- Diện tích đất cho cụm công nghiệp đa ngành/ đơn ngành : 15-20 ha.
- Diện tích đất cho điểm công nghiệp làng nghề : 8-10 ha
- Đất xây dựng xí nghiệp CN : 60-65 %
- Đất khu đầu mối kỹ thuật : 2-3 %
- Đất khu điều hành, dịch vụ : 2 %
- Đất cây xanh : 5-10%
- Đất giao thông : 15-20 %

b. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

• Giao thông:

- Tỷ lệ diện tích mạng lưới đường và các công trình đầu mối giao thông chiếm 15-20%. Trong đó tỷ lệ diện tích bãi đỗ xe chiếm 2,5-3,5%.
- Mật độ mạng lưới đường: 2,2-2,4 km/km².
- Độ dốc dọc đường lớn nhất: 3%.
- Bán kính đường cong bằng nhỏ nhất: $R_{\min}=125m$.
- Chiều rộng một làn xe ô tô: 3,75m.
- Kết cấu áo đường yêu cầu phải có đủ cường độ chịu lực, có độ ổn định theo thời gian, có đủ các tính chất bề mặt. Môđun đàn hồi yêu cầu của đường khu công nghiệp và kho tàng tối thiểu là 1500 daN/cm².

• Cấp điện:

- Thủ công nghiệp: 100÷150 kw/ha.
- Công nghiệp nhẹ: 200 kw/ha.
- Công nghiệp chế biến: 250 kw/ha.
- Công nghiệp cơ khí: 350÷400 kw/ha.

• Cấp nước : Tiêu chuẩn cấp nước cho sản xuất công nghiệp: 40 m³/ha.ngđ

• Thoát nước bản và VSMT:

- Tiêu chuẩn thoát nước công nghiệp: $36\text{m}^3/\text{ha.ngđ}$ (chiếm 90% tiêu chuẩn cấp nước)

- Tiêu chuẩn chất thải rắn công nghiệp: $0,5\text{tấn}/\text{ha.ngđ}$

3.2.4. Hình thái tổ chức không gian:

3.2.4.1. Các dạng bố cục các khu chức năng trong một cuml điểm công nghiệp vừa và nhỏ

a. Bố cục kiểu ô cờ:

Thích hợp với cụm công nghiệp đa ngành/ đơn ngành có các ngành nghề tương đồng nhau về yêu cầu mặt bằng sản xuất, dây chuyền công nghệ, mức độ tập trung cao. Các tuyến giao thông vuông góc nhau theo hướng bắc nam- đông tây, tuyến chính song song với hướng gió chủ đạo.



* Ưu điểm:

- Các khu chức năng bố trí linh hoạt
- Thuận lợi cho việc tổ chức giao thông và bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

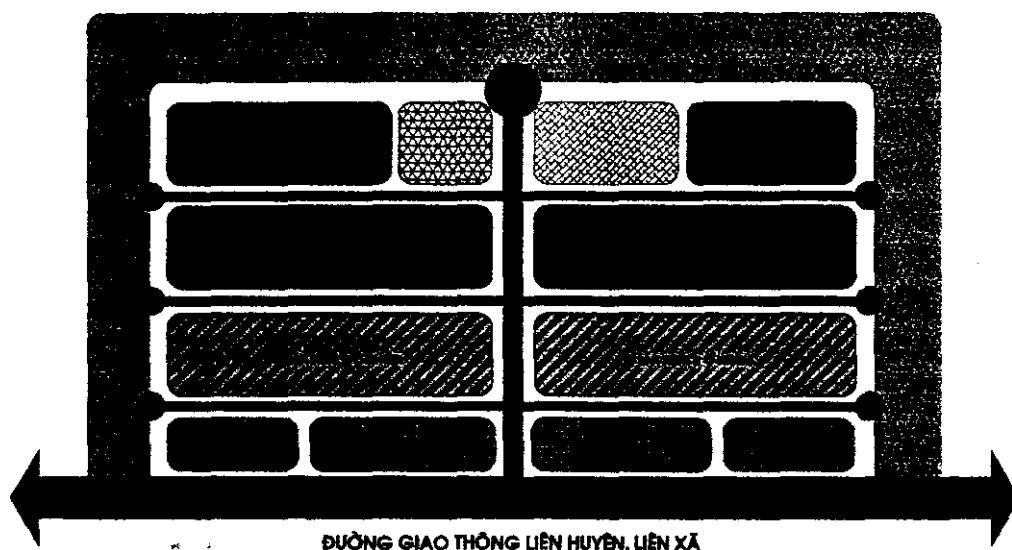
* Nhược điểm:

- Diện tích giao thông lớn.
- Không gian bị chia cắt nhỏ
- Các công trình chỉ được tổ hợp riêng biệt trong từng lô đất, ít có khả năng liên kết với nhau.
- Hình thức tổng thể không gian kiến trúc đơn điệu.

b. Bố cục kiểu dải tuyến:

Thích hợp với cụm công nghiệp đa ngành / điểm công nghiệp làng nghề. Các khu chức năng được bố trí thành tuyến, thuận tiện để tổ chức sản xuất theo mức độ ô nhiễm của các ngành nghề đồng thời tiết kiệm được diện tích.

LOẠI HÌNH 2: BỐ CỤC KIỂU DÀI, TUYẾN



*** Ưu điểm:**

- Không gian được mở theo hai chiều, dễ kết nối được không gian
- Thông gió khu vực tốt
- Tiết kiệm diện tích giao thông

*** Nhược điểm:**

- Tổ chức không gian đơn điệu
- Tầm nhìn hạn chế.

c. Bố cục kiểu đường vòng:

Thích hợp với cụm công nghiệp đa ngành mà trong đó có ngành nghề ưu tiên nổi trội.

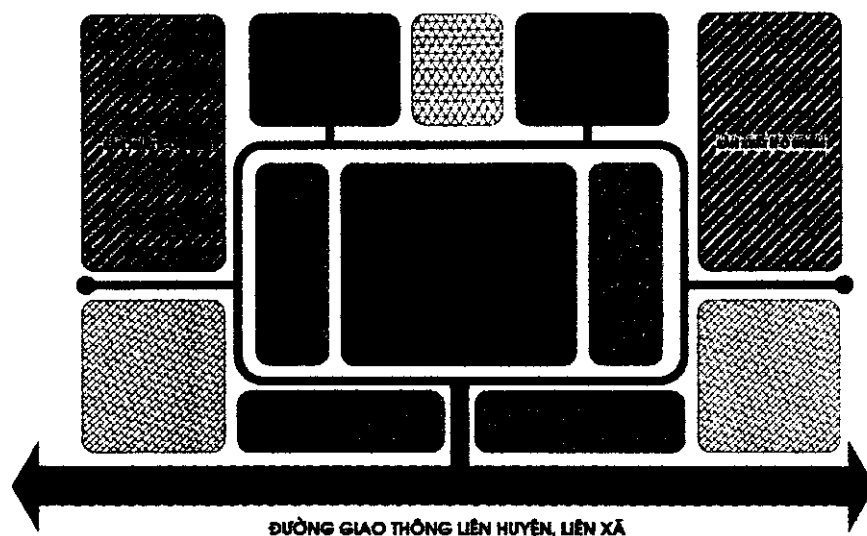
*** Ưu điểm:**

- Tạo không gian linh hoạt
- Giao thông khu vực tốt

*** Nhược điểm:**

- Các khu chức năng cần được xây dựng đồng bộ ngay từ ban đầu.

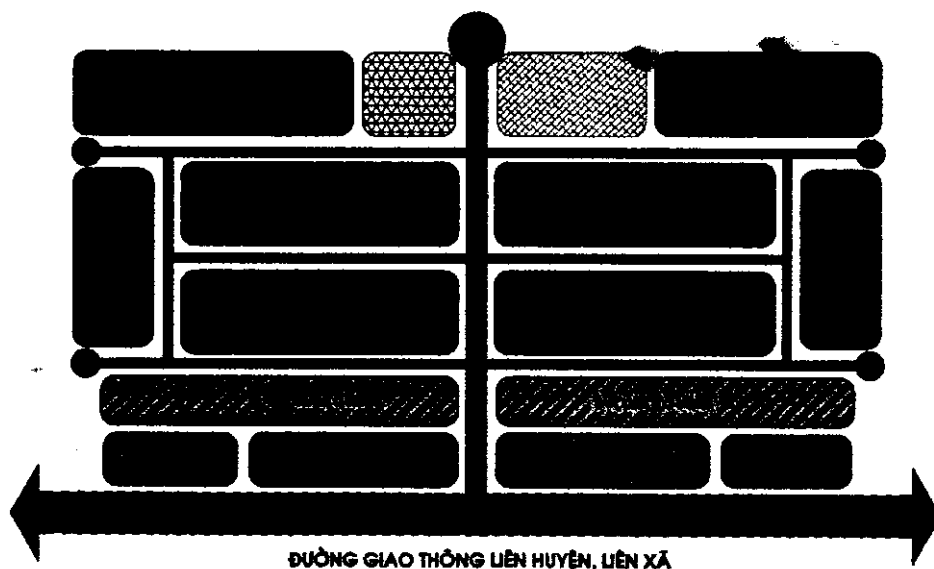
LOẠI HÌNH 3: BỐ CỤC KIỂU ĐƯỜNG VÒNG



d. Bố cục kiểu kết hợp ô cờ - dải:

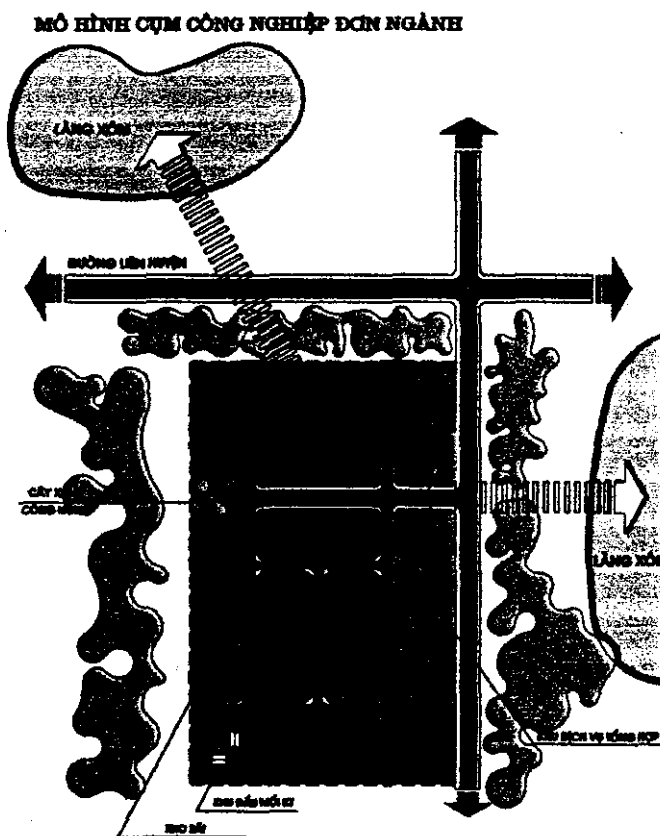
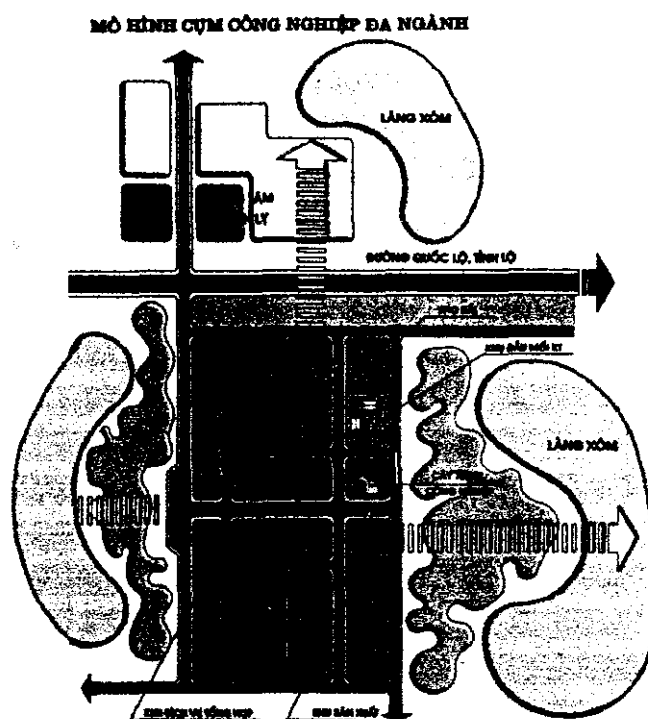
Thích hợp với cụm công nghiệp đa ngành/ chuyên ngành/ điểm công nghiệp làng nghề bởi khả năng kết nối các khu chức năng rất linh hoạt và tiết kiệm đất xây dựng.

LOẠI HÌNH 4: BỐ CỤC KIỂU KẾT HỢP Ô CỜ - DẢI



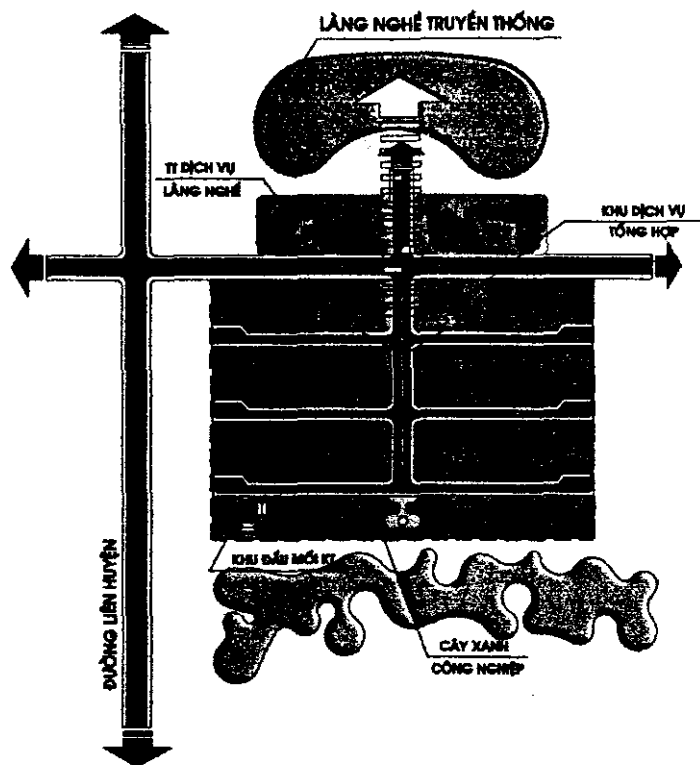
* Ưu điểm:

- Tổ chức không gian linh hoạt
- Kết nối các khu chức năng thuận lợi



Nhánh 4: Xây dựng mô hình quy hoạch và tổ chức không gian của các cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn- Vùng đồng bằng Bắc bộ

MÔ HÌNH ĐIỂM CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ



3.2.4.2. Yêu cầu tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan trong cụm/ điểm công nghiệp:

a. Kiến trúc công trình :

- Kết cấu công trình : Đối với công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn, khi thiết kế các hạng mục công trình cần lựa chọn các giải pháp thiết kế đơn giản, gọn nhẹ, dễ vận chuyển, dễ lắp ráp thi công song cần có giá thành rẻ, phù hợp với điều kiện phát triển của nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ.

- Hình thức kiến trúc : Hình thức kiến trúc nhà xưởng cần phù hợp với điều kiện vệ sinh công nghiệp, phù hợp với khí hậu và kiến trúc truyền thống vùng đồng bằng Bắc bộ. Đa số các công trình có hình thức đơn điệu do khối tích kéo dài do đó trên mặt đứng cần tổ chức các phân vị đồng thời tổ chức các yếu tố tạo cảnh dọc theo công trình theo kiểu kết hợp nhịp điệu. Để phân vị công trình có thể sử dụng màu sắc, cây xanh, phương tiện chiếu sáng... Ngoài ra, hình thức mái trong nhà công nghiệp cũng đóng vai trò rất quan trọng trong việc tạo thẩm mỹ trong cụm công nghiệp. Với những nhà sản xuất một tầng, không yêu cầu cao về vi khí hậu có thể tổ chức nhiều dạng mái răng cưa, vòng cung, hình thang...

Màu sắc, hình khối và chiều cao của các công trình cần lựa chọn đảm bảo an toàn, thuận lợi cho các hoạt động sản xuất đồng thời đóng góp vào thẩm mỹ chung của

- toàn khu vực.

Với các công trình hành chính, dịch vụ công cộng, bán và giới thiệu sản phẩm cần hướng tới những hình thức kiến trúc đa dạng, phong phú, tạo điểm nhấn cảnh quan cho khu vực, tăng tính hấp dẫn của sản phẩm. Đặc biệt các công trình dịch vụ trong các điểm công nghiệp làng nghề cần có hình thức kiến trúc gắn gũi với không gian làng xóm hiện có, thể hiện được nét đặc trưng của ngành nghề truyền thống của địa phương.

b. Tổ chức cảnh quan:

- Cảnh quan tự nhiên: Bao gồm các yếu tố: mặt nước, địa hình, cây xanh. Tổ chức không gian cụm công nghiệp cần chú ý tận dụng các điều kiện địa hình, mặt nước có sẵn để tạo các không gian mở đa dạng trong cụm. Cây xanh ngoài việc thoả mãn các yêu cầu về vi khí hậu còn được sử dụng tạo cảnh quan trong cụm công nghiệp. Cây xanh có thể bố trí thành dải để liên kết không gian, bố trí thành cụm để tạo điểm nhấn, tạo thành mảng theo yêu cầu làm nền, phong.
- Cảnh quan nhân tạo : bao gồm hình thức các công trình kiến trúc, tổ chức chiếu sáng, các công trình kiến trúc nhỏ và vật liệu bề mặt.

Tổ chức chiếu sáng và các phương tiện thông tin thị giác trong cụm công nghiệp cần đáp ứng yêu cầu an toàn, tạo khả năng định hướng, có tính trang trí.

Các công trình kiến trúc nhỏ như tượng đài, cổng vào... là nhân tố cảnh quan cần khai thác, đặc biệt là chỗ tập trung đông người như lối vào, tạo đặc trưng không gian riêng cho cụm công nghiệp

Vật liệu bề mặt sử dụng trong cụm công nghiệp cần kết hợp hài hoà giữa vật liệu tự nhiên và nhân tạo, tạo hình thức trang trí hấp dẫn, không sử dụng vật liệu có khả năng hấp thụ nhiệt cao

3.3. Các yêu cầu chủ yếu về hạ tầng kỹ thuật:

*** Giao thông:**

Thiết kế mạng lưới giao thông cần kết hợp với thiết kế quy hoạch phát triển không gian. Để mạng lưới đường đáp ứng cả hai yêu cầu về giao thông, hạ tầng kỹ thuật và yêu cầu về kiến trúc cảnh quan cần đảm bảo một số yêu cầu cơ bản:

- Phải tạo được mạng lưới đường hợp lý phục vụ tốt cho việc liên hệ vận chuyển của người lao động, vận chuyển hàng hoá trong khu vực và với các khu vực khác.

- Phù hợp với điều kiện địa hình.

- Mạng lưới đường còn là nơi để tổ chức thoát nước mặt cho khu vực nên cao độ đường phải kết hợp chặt chẽ với cao độ nền của các khu vực xung quanh, hướng dốc của đường phải phù hợp với hướng dốc của địa hình.

- Cần thiết kế, tổ chức để mạng lưới đường đón được hướng gió tốt làm thay đổi vi khí hậu trong khu công nghiệp, điều hoà khí hậu đảm bảo môi trường thông thoáng cho khu vực.

- Phân cấp mạng lưới đường trong khu vực để thiết kế mặt cắt ngang phù hợp với từng cấp hạng đường.

Kết hợp với mỗi hình thái tổ chức không gian khác nhau ta có một sơ đồ mạng lưới giao thông khác nhau.

- Với hình thức tổ chức không gian dạng ô cờ có mạng lưới đường hình ô cờ.
- Với hình thức tổ chức không gian dạng dải tuyến có mạng lưới đường hình xương cá.
- Với hình thức tổ chức không gian bố cục kiểu đường vòng có mạng lưới đường dạng mạch vòng kết hợp hình tia.
- Với hình thức tổ chức không gian bố cục kiểu kết hợp ô cờ - dải có mạng lưới đường hỗn hợp.

Tổ chức hệ thống giao thông tĩnh bao gồm bến bãi đỗ xe, quảng trường giao thông. Trong khu công nghiệp cần bố trí bãi đỗ xe ô tô phục vụ việc bốc dỡ, vận chuyển hàng hoá và bãi đỗ xe cho người lao động.

- Với bãi đỗ xe chuyên chở hàng hoá bố trí gần kho bãi để thuận tiện cho việc bốc dỡ.

- Với bãi đỗ xe cho người lao động bố trí gắn kết với khu vực cây xanh cách ly trong khu. Bãi đỗ xe có thể bố trí theo các hình thức như:

- + Bố trí song song với đường xe chạy.
- + Bố trí thẳng góc với đường xe chạy.
- + Bố trí chéo góc với đường xe chạy.

*** Chuẩn bị kỹ thuật:**

- San nền:

- + Cao độ khống chế xây dựng cụm công nghiệp: xác định phụ thuộc vào điều kiện thủy văn công trình của từng địa phương.

- + Độ dốc nền của khu đất sản xuất: $\geq 0,004$.

- + Độ dốc dọc của các tuyến đường giao thông cho phép $i = 0$ nhưng phải thiết kế rãnh biên rãnh cửa để thoát nước tốt.

- + Khi đắp nền phải đảm bảo quy trình đắp đất và độ đầm chặt.

- Thoát nước mưa:

- + Thiết kế hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn (tách riêng nước bản và nước mưa).

- + Kích thước các tuyến cống thoát nước mưa được xác định dựa vào tính toán thủy lực.

*** Cấp nước**

- Nguồn nước: Tùy điều kiện của từng vùng mà lựa chọn nguồn nước mặt hoặc nguồn nước ngầm.

- Công nghệ xử lý nước: Phụ thuộc loại nguồn nước, từng loại hình công nghiệp mà yêu cầu chất lượng nước khác nhau, do đó công nghệ xử lý nước khác nhau.

Nhánh 4: Xây dựng mô hình quy hoạch và tổ chức không gian của các cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn- Vùng đồng bằng Bắc bộ

*** Cấp điện:**

Đảm bảo cung cấp điện an toàn tuyệt đối, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các nhà máy xí nghiệp.

+ Nguồn điện:

Xác định nguồn điện cung cấp. Nguồn điện có thể được cung cấp từ nhà máy nhiệt điện, thủy điện hoặc trạm biến áp khu vực gần nhất. Đối với từng loại hình công nghiệp quan trọng có thể bố trí nguồn dự phòng bằng máy phát điện diesel.

+ Lưới điện:

Mạng lưới điện cung cấp cho khu công nghiệp vừa và nhỏ phải đảm bảo an toàn nhất. Đường dây bên ngoài khu công nghiệp bố trí đi nổi, dùng dây bọc cách điện. Đường dây trong khu vực khu công nghiệp, trong nhà máy bố trí đi ngầm.

+ Trạm biến áp:

Trên cơ sở xác định được chỉ tiêu và loại hình công nghiệp định ra được nhu cầu dùng điện của từng khu vực, lựa chọn công suất máy biến áp cho phù hợp. Máy biến áp dùng loại 3 pha.

*** Thoát nước bẩn - vệ sinh môi trường**

a/ Thoát nước bẩn.

Trong quá trình sản xuất, các cụm công nghiệp thường tạo thành hai loại nước bẩn:

- Nước bẩn sản xuất: là nước đã được sử dụng trong quá trình sản xuất.
- Nước bẩn sinh hoạt: là nước được tạo ra từ các khu vệ sinh, nhà tắm của các phân xưởng, nước rửa nền nhà ...

Đặc điểm nổi bật của nước bẩn là nó rất đa dạng về thành phần và số lượng.

Số lượng và chế độ thải nước, thành phần và tính chất nước bẩn tùy thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó chủ yếu là:

- + Nguyên liệu và các hoá chất sử dụng trong quá trình sản xuất.
- + Dây chuyền công nghệ sản xuất.
- + Chất lượng nước tiêu thụ cho các nhu cầu sản xuất.
- + Điều kiện địa phương.

Người ta phân biệt thành hai nhóm nước bẩn sản xuất:

- Nước bẩn sản xuất quy ước sạch: chủ yếu tạo ra khi làm nguội máy móc và trong các quá trình ngưng tụ máy hơi nước, trạm lạnh.
- Nước bẩn sản xuất: là nước đã bị ô nhiễm sau quá trình sản xuất, có chứa nhiều chất độc hại khác nhau.

Khi thiết kế hệ thống thoát nước cho các cụm công nghiệp phải xem xét phân tích đầy đủ các chỉ tiêu hoá lý của nước thải sản xuất từng phân xưởng, từ đó làm sáng tỏ về số lượng thành phần tính chất các chất bẩn. Đặc biệt phải lưu ý đến các chất bẩn điển hình như phenol, hợp chất sunfua, dầu mỡ, tetraetyl chì, đồng xianua... Như vậy

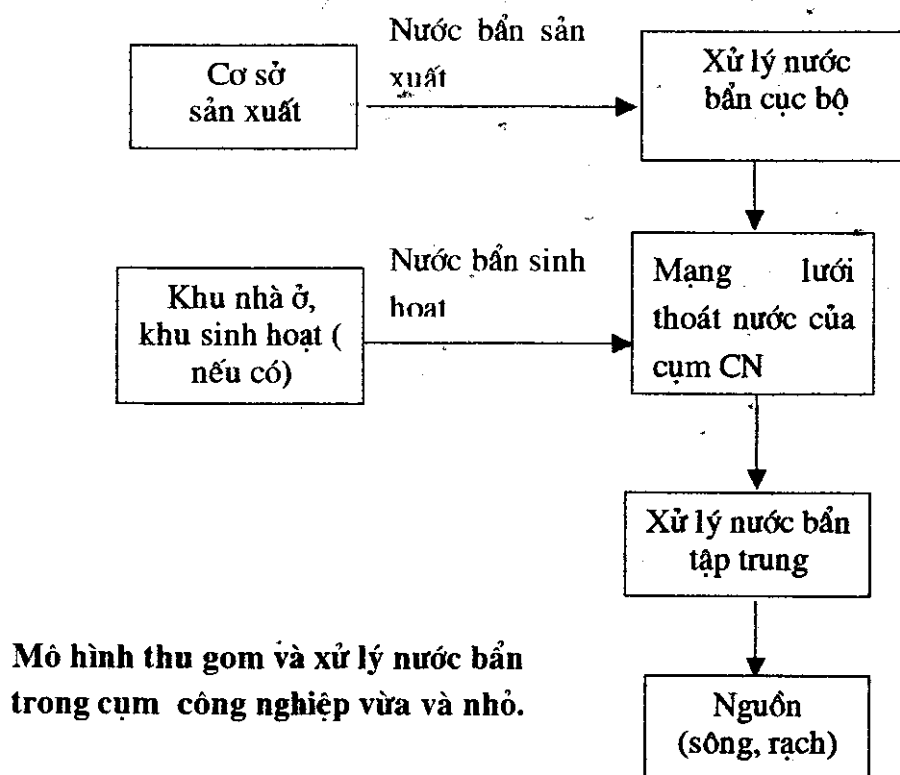
mới đề ra và chọn sơ đồ hệ thống thoát nước, công nghệ xử lý một cách hợp lý (như thu gom nhiều loại nước bẩn sản xuất vào một mạng lưới hay tách ra nhiều mạng lưới; công nghệ xử lý sử dụng phương pháp sinh học hay hoá lý...).

Trong cụm công nghiệp đa ngành, tính chất của nước bẩn của mỗi ngành là khác nhau, do đó nước bẩn của mỗi phân xưởng hoặc của cụm phân xưởng cùng ngành phải xử lý cục bộ trước khi thoát vào hệ thống thoát nước bẩn của cụm công nghiệp và tối thiểu phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Không chứa những chất ăn mòn vật liệu làm cống và công trình xử lý của cụm công nghiệp.
- + Không chứa những chất dễ làm tắc cống, dễ tạo thành hơi hoặc dễ tạo thành hỗn hợp chất gây cháy nổ.
- + Nhiệt độ nước thải không vượt quá 40 °C.
- + Không chứa những chất làm ảnh hưởng xấu tới quá trình làm sạch sinh học của trạm xử lý tập trung.
- + Nước bẩn có pH = 6,5-8,5

b/ Vệ sinh môi trường.

Chất thải rắn phát sinh từ quá trình sản xuất và sinh hoạt trong các cụm công nghiệp phải được thu gom 100% và đưa về khu xử lý tập trung của vùng. Để giảm lượng chất thải rắn phát sinh, việc phân loại và tái sử dụng chất thải rắn cần được quan tâm.



PHÂN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Đồng bằng Bắc bộ là vùng có nhiều tiềm năng để phát triển công nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là tại các làng nghề truyền thống.

Trong vùng đồng bằng Bắc xây dựng các loại hình công nghiệp sau:

- *Cụm công nghiệp đa ngành :*

- + Ngành nghề : Tập trung chủ yếu các ngành nghề : dệt may, in ấn, thiết bị văn phòng, cơ khí chính xác, chế biến nông sản, chế biến lương thực thực phẩm.
- + Quy mô: 15-20ha.
- + Vị trí: Nằm trong vùng cây trồng trọng điểm, gần các điểm dân cư, các tuyến giao thông chính, phát triển trên cơ sở các điều kiện hạ tầng có sẵn.
- + Mô hình quy hoạch: Tổ chức theo dạng tuyến, dạng ô cờ, dạng đường vòng hoặc hỗn hợp theo từng điều kiện khu vực song thuận tiện cho việc phân tách các khu sản xuất theo mức độ ô nhiễm

- *Cụm công nghiệp đơn ngành:*

- + Ngành nghề : Tập trung chủ yếu các ngành nghề : chế biến lâm sản, thủy hải sản, sản xuất vật liệu xây dựng, kim khí, tái chế phế thải, thuộc và sơ chế da...
- + Quy mô: 15-20ha.
- + Vị trí: Nằm trong vùng nguyên liệu hoặc tách ra từ các làng nghề theo yêu cầu phát triển ngành nghề, gần các tuyến giao thông chính, phát triển trên cơ sở các điều kiện hạ tầng có sẵn. Khoảng cách với dân cư cần đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường.
- + Mô hình quy hoạch: Tổ chức theo dạng, dạng ô cờ, hoặc hỗn hợp .

- *Điểm công nghiệp làng nghề :*

- + Ngành nghề : phát triển trên cơ sở ngành nghề truyền thống của địa phương.
- + Vị trí: Nằm rìa các làng nghề truyền thống. Tổ chức sản xuất theo dạng phân tán. Một số công đoạn sản xuất gây ô nhiễm được đưa ra ngoài khu dân cư, tập trung vào trong điểm công nghiệp.
- + Quy mô: 5-10ha.
- + Mô hình quy hoạch : Tổ chức theo dạng dải tuyến hoặc hỗn hợp. Không gian điểm công nghiệp cần gắn kết chặt chẽ với không gian làng nghề truyền thống.

2. Kiến nghị:

Để xây dựng các cụm công nghiệp vừa và nhỏ hoạt động có hiệu quả cao, xin kiến nghị một số nội dung sau:

- Các địa phương cần có chiến lược phát triển phù hợp với sự phát triển ngành nghề.

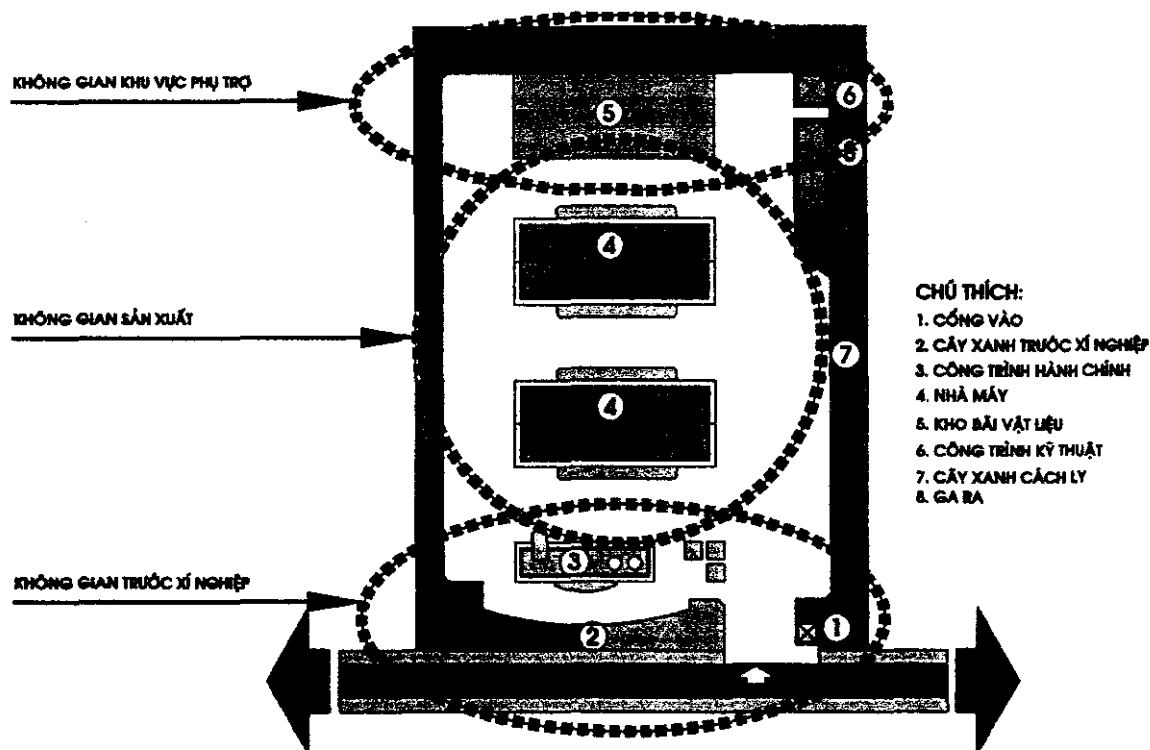
- Khuyến khích đầu tư cơ sở hạ tầng một cách đồng bộ để môi trường lao động được cải thiện
- Có chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp địa phương có nhu cầu đầu tư, bao tiêu sản phẩm của cụm công nghiệp.
- Có chính sách đào tạo lao động, tăng thêm cơ hội việc làm cho người dân tại địa phương
- Tiếp thị sản phẩm, xây dựng thương hiệu cho các ngành nghề đặc trưng của địa phương đồng thời thu hút du lịch.

PHỤ LỤC

Tổ chức không gian trong lô xí nghiệp công nghiệp:

a. Tổ chức phân khu trong xí nghiệp

Trong một lô xí nghiệp công nghiệp, trục chính là tuyến có luồng người lớn nhất, kết nối giao thông bên trong và ngoài xí nghiệp. Các trục phụ kết hợp với trục chính tạo ra các khu chức năng trong xí nghiệp. Trong một xí nghiệp có thể chia làm 3 không gian chức năng chính :



SƠ ĐỒ PHÂN KHU CHỨC NĂNG TRONG XNCN

- Không gian trước xí nghiệp: Bố trí các công trình có chất lượng thẩm mỹ cao như nhà hành chính, tiểu cảnh, vườn hoa nhỏ, cổng, biểu tượng nhằm liên kết hài hoà với cảnh quan bên ngoài, tạo sự thống nhất cảnh quan xí nghiệp công nghiệp và cảnh quan chung, đồng thời là nơi kết hợp nghỉ ngơi của người lao động. Các khu vực không gian khu trước xí nghiệp công nghiệp có thể tổ chức như sau:

+ Khu vực kề cận xí nghiệp công nghiệp: Có tính chất hạn chế ảnh hưởng của sản xuất công nghiệp ra bên ngoài, tạo điều kiện chuyển tiếp hài hoà cảnh quan trong và ngoài xí nghiệp. Với công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn, phần không gian này thường không lớn do đó có thể tổ chức thành dải cây xanh trang trí, không che chắn và hạn chế tầm nhìn.

+ Khu vực hành chính: Bố trí tại góc hoặc phía trước nhà sản xuất. Phía trước công trình hành chính cần có khoảng không để tổ chức giao thông, bố trí sân bãi và các điều kiện thụ cảm thị giác công trình. Cây xanh lựa chọn các loại cây trang trí, không che khuất công trình, hình thức thích hợp tham gia vào bố cục chung của công trình. Bề mặt địa hình sử dụng vật liệu lát có chất lượng thẩm mỹ cao, không trơn trượt, màu sắc phù hợp với sản xuất công nghiệp. Tăng cường các thảm cỏ xanh nhằm làm mát các bề mặt đồng thời có tác dụng nhấn mạnh công trình. Các kiến trúc nhỏ và thiết bị đô thị như chiếu sáng, cổng vào cần kết hợp hài hoà với công trình.

- Không gian sản xuất : Bao gồm các khu vực giao thông và không gian kế cận nhà máy.

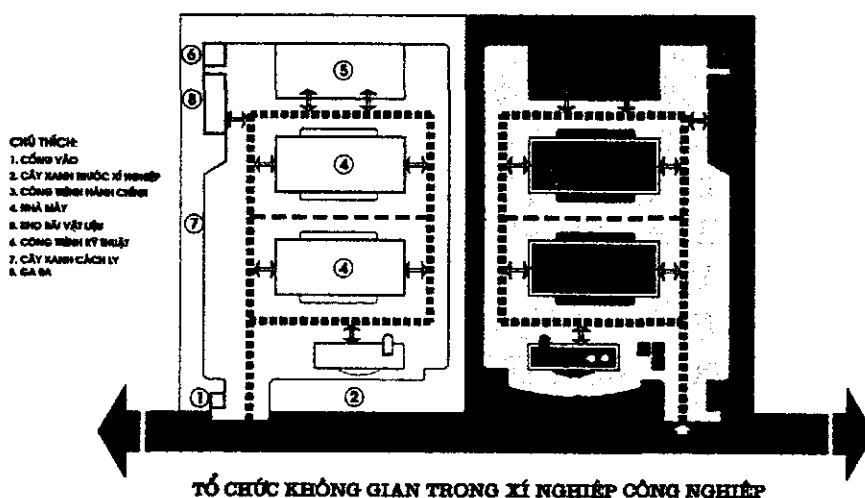
+ Khu vực giao thông: Yêu cầu tổ chức trên các tuyến luồng hàng, luồng người là tạo tiện nghi vì khí hậu, kết nối các chức năng, an toàn.

Với giao thông luồng hàng được bố trí sâu bên trong khu xí nghiệp, kết nối với cổng vào, tiếp xúc giao thông bên ngoài. Giao thông luồng hàng chủ yếu phát triển tại khu vực phụ trợ và kho bãi do đó yêu cầu về độ an toàn và tiện nghi sử dụng cao. Tại khu vực này cần được chú trọng tạo các điều kiện vi khí hậu, hạn chế ô nhiễm và an toàn trong lưu thông. Trên các tuyến giao thông cần bố trí các cây bóng mát, tránh hạn chế tầm nhìn tại các vị trí chuyển hướng nhằm giảm bức xạ, chống nóng, giảm ô nhiễm.

Với giao thông đi bộ(luồng người) tập trung phát triển ở gần công trình sản xuất và khu hành chính có thể tổ chức thành dạng hành lang cầu.

+ Khu vực kế cận nhà máy: Nhấn mạnh các lối ra, vào nhà máy bằng các thảm xanh và các vật liệu lát bề mặt. Tổ chức chắn nắng công trình bằng hệ thống cây xanh hợp lý.

- Không gian khu vực phụ trợ : bao gồm các trạm kỹ thuật và kho bãi. Yêu cầu chủ yếu tại đây là đảm bảo sử dụng thuận tiện, an toàn lao động, hạn chế ô nhiễm.

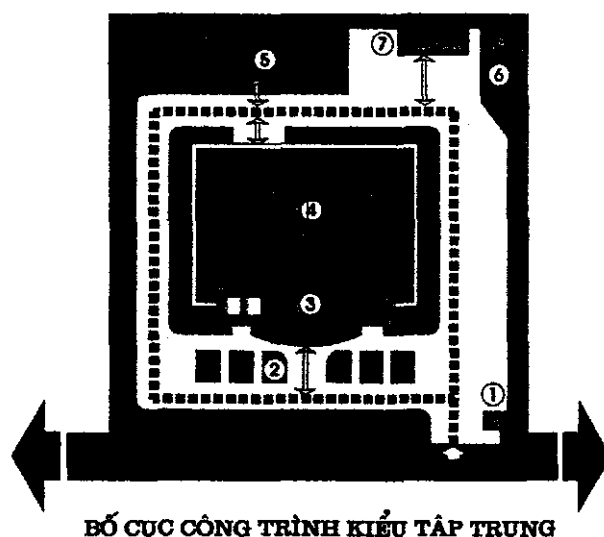


Nhánh 4: Xây dựng mô hình quy hoạch và tổ chức không gian của các cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn- Vùng đồng bằng Bắc bộ

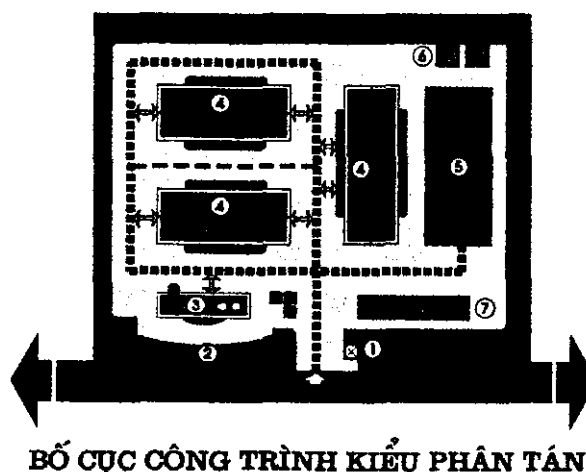
b. Tổ hợp không gian các công trình trong xí nghiệp

Hình thái không gian trong một lô xí nghiệp công nghiệp được hình thành bởi các nhà sản xuất chính, phụ, kho bãi, công trình hành chính, các công trình kỹ thuật. Các công trình này vừa có chức năng giới hạn không gian, định hướng không gian, tạo điểm nhấn, vừa ảnh hưởng đến khả năng thông gió. Trong xí nghiệp công nghiệp, các công trình có thể đứng độc lập, hợp nhóm hoặc phân tán dưới nhiều hình thức để tạo các đặc điểm không gian khác nhau. Trong điều kiện nóng ẩm của Việt nam, các xí nghiệp công nghiệp loại nhỏ có thể tổ hợp theo các dạng sau:

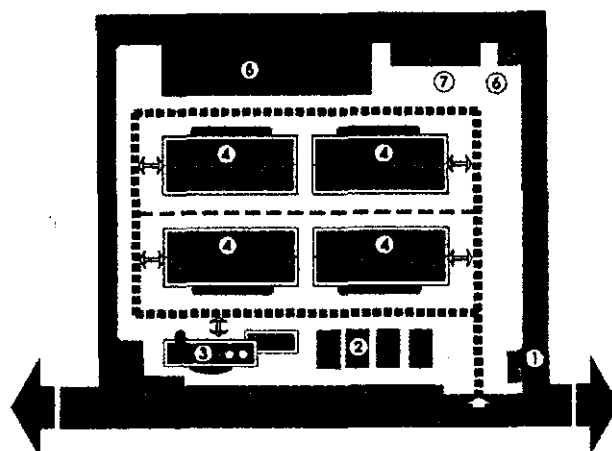
* Không gian tập trung: Với một số ngành nghề như may mặc, điện tử... một số loại công trình được hợp khối nhằm tiết kiệm diện tích, tạo điểm nhấn trong xí nghiệp công nghiệp.



* Không gian phân tán: Với các ngành nghề không yêu cầu mặt bằng sản xuất lớn như kim khí, mộc gia dụng, dệt..., các công trình thường có kích thước nhỏ, có thể tổ chức phân tán theo các khu chức năng theo các tuyến giao thông nội bộ. Không gian phân tán có hình thức đa dạng, các công trình được bố trí linh hoạt song không gian bị chia cắt nhỏ, mật độ xây dựng lớn.



* Không gian tuyến: Với các ngành nghề có công nghệ sản xuất đơn giản có thể tổ chức theo dạng tuyến. Không gian tuyến vừa là kênh dẫn gió, giao thông do đó không gian tuyến của luồng hàng nên bố trí ở cuối hướng gió và cách ly với khu vực khác bằng kho, công trình kỹ thuật. Các tuyến khác nên bố trí song song với hướng gió chủ đạo tạo thông thoáng trong khu vực



BỐ CỤC CÔNG TRÌNH KIỂU TUYẾN

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Báo cáo thực trạng tình hình hoạt động các cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn và ngành nghề nông thôn. Đề tài KC 07.23
2. Báo cáo đánh giá thực trạng và phương hướng phát triển các cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn hiện có. Đề tài KC 07.23
3. Đặng Đức Quang. Thị tứ làng xã. Nhà xuất bản xây dựng 2000
4. Nguyễn Nam. Kiến trúc cảnh quan xí nghiệp công nghiệp. Nhà xuất bản Xây dựng 2003
5. Nguyễn Thế Tài. Giáo trình Tổ chức không gian xí nghiệp công nghiệp. Khoa đào tạo sau đại học. Đại học Kiến trúc Hà nội
6. Nhiều tác giả. Địa lý lãnh thổ Việt nam. Nhà xuất bản khoa học kỹ thuật 2001
7. Phạm Ngọc Đăng. Ô nhiễm môi trường không khí đô thị và khu công nghiệp. Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật 1992.
8. Thành lập tiêu chí các loại hình cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn. Đề tài KC 07.23
9. Tổng mặt bằng XNCN. Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4514-88
10. Quy hoạch, quản lý và phát triển các khu công nghiệp ở Việt nam. Nhà xuất bản Xây dựng 1998.
11. Quy chuẩn xây dựng Việt nam tập 1.2



VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ NÔNG THÔN - BỘ XÂY DỰNG

37 Lê Đại Hành - Hà Nội; Tel: 976 0691 - Fax: 976 4339 Email: niurp@hn.vnn.vn

CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC
GIAI ĐOẠN 2001 - 2005: KHOA HỌC CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP HOÁ VÀ HIỆN ĐẠI
HOÁ NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN; KC 07

Đề tài Nghiên cứu Khoa học Cấp Nhà nước, KC 07.23

***NGHIÊN CỨU CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN
CÁC LOẠI HÌNH CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN THEO
HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA***

ĐỀ TÀI NHÁNH 4

**MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÁC
CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN**

MÔ HÌNH VÙNG BẮC TRUNG BỘ

CƠ QUAN THỰC HIỆN:

VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ-NÔNG THÔN, BỘ XÂY DỰNG

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI:

KTS TRẦN NGỌC CHÍNH

HÀ NỘI, THÁNG 3 NĂM 2005

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.

CHƯƠNG I: CƠ SỞ NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỦA CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN VÙNG BẮC TRUNG BỘ.

1.1. Khái quát các đặc điểm của vùng có liên quan đến phát triển công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn.

1.1.1. Đặc điểm tự nhiên.

1.1.2. Đặc điểm kinh tế.

1.1.3. Đặc điểm xã hội.

1.1.4. Đặc điểm khác.

1.2. Xu hướng phát triển công nghiệp và nhỏ trong vùng Bắc Trung Bộ.

1.2.1 Thực tại phát triển mô hình công nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.2. Các chủ trương các chính sách đặc thù của vùng liên quan đến phát triển mô hình công nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.3. Mô hình đặc trưng trong vùng.

+ Phân loại mô hình công nghiệp vừa và nhỏ trong vùng.

+ Xác định mô hình đặc trưng trong vùng.

1.3. Cơ sở hình thành và phát triển các mô hình đặc trưng trong vùng.

1.3.1 Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển các mô hình đặc trưng.

1.3.2. Xác định loại quy mô.

1.3.3. Xác định dây truyền sản xuất đặc trưng theo các loại mô hình công nghiệp đặc trưng.

1.4. Cơ sở đề xuất mô hình tổ chức không gian

1.4.1. Đặc điểm và các yêu cầu phát triển.

1.4.2. Hệ thống tiêu chí qui hoạch tổ chức không gian cụm công nghiệp nông thôn.

CHƯƠNG II: XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỦA CÁC CUỘM CÔNG NGHIỆP VÀ NHỎ NÔNG THÔN ĐẶC TRƯNG VÙNG BẮC TRUNG BỘ.

2.1. Mô hình phân bố.

2.2. Mô hình tổ chức không gian.

2.3. Các yêu cầu chủ yếu về hạ tầng kỹ thuật.

CHƯƠNG III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.

3.1. Kết luận.

3.2. Kiến nghị.

PHẦN PHỤ LỤC VÀ BẢNG BIỂU MINH HOẠ.

PHẦN MỞ ĐẦU.

Vùng Bắc Trung Bộ bao gồm 6 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Phía Bắc giáp vùng Bắc Bộ (Hoà Bình, Ninh Bình và Sơn La) phía Nam Giáp Nam Trung Bộ (Quảng Nam, Đà Nẵng), phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp Lào. Dân số hơn 10.41 triệu người, diện tích đất tự nhiên là 5151.3 km². Dân cư chủ yếu sống ở nông thôn, sản xuất nông nghiệp là chủ yếu. Trên địa bàn nông thôn Vùng Bắc Trung Bộ hiện nay có nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề đang hoạt động, đặt ra một yêu cầu bức thiết là phát huy được các lợi thế đó để phát triển nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hoá trong đó có việc khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống.

Vùng Bắc Trung Bộ là vùng kinh tế còn gặp nhiều khó khăn so với các vùng khác trên cả nước. Kinh tế còn nghèo nàn lạc hậu, thu nhập bình quân đầu người thấp. Tuy nhiên tiềm năng và nguồn lực của các Tỉnh trong vùng là rất lớn, đặc biệt tiềm năng lao động và vùng nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất công nghiệp chế biến và công nghiệp khai thác. Cùng với sự phát triển của cả nước, trong những năm qua kinh tế các tỉnh trong Vùng đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp được mở ra khắp nơi tạo ra giá trị hàng hoá cho tiêu dùng và xuất khẩu. Các cơ sở này cùng với những cơ sở công nghiệp hiện có đã tạo nên bức tranh phát triển công nghiệp đa dạng nhưng còn tự phát, thiếu định hướng về quy hoạch và tổ chức quản lý đầu tư. Điều này đã ảnh hưởng không tốt tới quá trình khai thác sản xuất và môi trường tự nhiên ở những khu vực bố trí công nghiệp.

Trong khung cảnh phát triển công nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ, vai trò của cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ và ngành nghề nông thôn được xác định là một bộ phận cấu thành của công nghiệp nông thôn và là bộ phận đóng vai trò quan

trọng trong phát triển công nghiệp Vùng. Hình thành và phát triển ở nông thôn, công nghiệp nông thôn với các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tồn tại dưới nhiều hình thức, thuộc nhiều thành phần kinh tế, qui mô vừa và nhỏ, hoạt động trong nhiều ngành nghề khác nhau phù hợp với hướng phát triển kinh tế của địa phương và gắn bó mật thiết với sản xuất nông nghiệp và kinh tế xã hội nông thôn do địa phương quản lý về mặt nhà nước.

Các nghiên cứu đã nhận dạng rõ đặc điểm của công nghiệp nông thôn chủ yếu là:

- Luôn phát triển gắn bó với kinh tế- xã hội nông thôn, trước hết là với sản xuất nông nghiệp và ngành nghề truyền thống.
- Mang tính chất địa phương, quy mô vừa và nhỏ, vốn ít, trang thiết bị công nghệ sản xuất lạc hậu và tính cạnh tranh hạn chế.
- Phát triển phong phú và đa dạng về ngành nghề, sản phẩm, hình thức tổ chức, vị trí địa lý.

1. Mục tiêu.

Nghiên cứu đề xuất mô hình quy hoạch và tổ chức không gian cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn Vùng Bắc Trung bộ nhằm mục tiêu sau:

- Tạo lập cơ sở khoa học quan trọng để các nhà qui hoạch - quản lý xây dựng lựa chọn mô hình hình thành và phát triển một cụm điểm công nghiệp nông thôn trên địa bàn Vùng Bắc Trung bộ cho phù hợp với đặc trưng riêng biệt của địa phương, thể hiện mối quan hệ của cụm công nghiệp khi hình thành với các khu chức năng xung quanh trong bối cảnh phát triển công nghiệp; mối quan hệ không gian công nghiệp với khu dân cư nông thôn, các dịch vụ công cộng và dịch vụ sản xuất, các hệ thống hạ tầng xã hội và kỹ thuật và mối quan hệ tương đồng với sinh thái nông nghiệp địa phương.

- Hướng tới tổng thể qui hoạch hoàn chỉnh, thúc đẩy sự phát triển của cụm điểm công nghiệp, đồng thời bảo đảm không gian kiến trúc phát triển hợp lý, đẹp và bảo vệ được cảnh quan đặc trưng của địa phương là nông thôn duyên hải.
- Mô hình qui hoạch và tổ chức không gian cho công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn là đề xuất mang tính hướng dẫn, có thể vận dụng để phù hợp với đặc thù phát triển đa dạng của từng địa bàn, các loại hình ngành nghề, qui mô phát triển và các vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường, mô hình quản lý... đặt ra để lựa chọn hình thành cụm công nghiệp tại nông thôn.

2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu.

- Khảo sát tình hình thực tiễn hoạt động của các cụm điểm công nghiệp và các làng nghề truyền thống- làng nghề trong vùng.
- Đánh giá chất lượng và hiệu quả của các qui hoạch công nghiệp nông thôn đã lập và xem xét một số qui hoạch áp dụng cho một số địa bàn cụ thể trong vùng.
- Thu thập tổng hợp các qui chuẩn, qui phạm Việt nam về xây dựng công nghiệp, các yêu cầu tổ chức không gian và sử dụng đất công nghiệp và tham khảo một số quy chuẩn và mô hình nước ngoài.
- Tổng hợp các cơ sở để đề xuất tổ chức không gian công nghiệp nông thôn Việt Nam và các tiêu chí chủ yếu tổ chức không gian cụm điểm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn.

Vì vậy việc nghiên cứu xác lập mô hình cho công tác quy hoạch và tổ chức không gian các cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn vùng Bắc Trung Bộ là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông thôn.

CHƯƠNG I: CƠ SỞ NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỦA CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN VÙNG BẮC TRUNG BỘ.

1.1. Khái quát các đặc điểm của vùng có liên quan đến phát triển công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn.

1.1.1.Đặc điểm tự nhiên.

+ Vị trí địa lý:

Vùng Bắc Trung Bộ nằm ở vị trí cầu nối giữa hai đầu đất nước. Vùng bao gồm 6 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế.

- Phía Bắc giáp các tỉnh Ninh Bình, Hoà Bình và Sơn La
- Phía Nam Giáp Quảng Nam, Đà Nẵng.
- Phía Tây giáp CHDCN Lào.
- Phía Đông giáp Biển Đông

Vùng Bắc Trung Bộ là vùng hẹp nhất của đất nước chúng ta. Trong những năm qua kinh tế phát triển không cao nhưng với vị trí là cầu nối giữa hai đầu đất nước và cửa ngõ thông thương với quốc tế và khu vực đã tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc phát triển kinh tế vùng.

+ Địa hình địa mạo:

Địa hình khu vực được phân chia thành 3 vùng đại hình đặc trưng như sau :

- Vùng trung du miền núi.
- Vùng đồng bằng.
- Vùng ven biển.

Vùng trung du miền núi có núi rừng dày đặc, hiểm trở, nằm ở phần tiếp giáp với nước bạn Lào. Khu vực này rất khó khăn đầu tư hạ tầng kỹ thuật và kinh tế còn đặc biệt khó khăn. Trong những năm gần đây với sự đầu tư tuyên dương Hồ Chí Minh đã góp phần thúc đẩy kinh tế và hạ tầng nông thôn và đô thị ở khu vực này.

Vùng đồng bằng là dải đất giàu tài nguyên chạy dọc từ Bắc xuống Nam, bám dọc quốc lộ 1 A, địa hình tương đối bằng phẳng thuận lợi cho sản xuất và đầu tư.

Vùng ven biển là lợi thế đặc biệt của Vùng Bắc Trung Bộ cho phát triển kinh tế du lịch, nuôi trồng thủy hải sản, kinh tế cảng và thương mại dịch vụ. Tuy nhiên vùng này cũng chịu ảnh hưởng mạnh của thiên tai lũ lụt hằng năm.

+ Đặc điểm khí hậu:

* **Nắng:** Hàng năm có 1700 giờ nắng trong đó tháng 7 có nắng nhiều nhất, tháng 2 là tháng ít nhất.

*** Nhiệt độ không khí**

Trong năm chia làm 2 mùa rõ rệt.

Mùa lạnh từ tháng 12 - tháng 3 nhiệt độ trung bình 20°C

Mùa nóng từ tháng 5 - tháng 9 nhiệt độ trung bình 25°C

Khu vực chịu ảnh hưởng của chế độ khí hậu gió mùa Đông Bắc giao động có thể hạ đột ngột trong 24 giờ khoảng 5°C - 6°C .

Mùa nóng chịu ảnh hưởng gió Tây khô nóng (gió Lào) nhiệt độ có thể lên tới 40°C .

Đánh giá cả năm nhiệt độ như sau:

Nhiệt độ trung bình năm 23°C

*** Độ ẩm**

Độ ẩm của không khí 85% bình quân cả năm cao nhất vào tháng 3 là 90 %, thấp nhất vào tháng 7 là 81%.

*** Gió bão:**

Vùng Bắc Trung Bộ mang đặc thu khí hậu của đồng bằng ven biển chịu tác động của gió bão từ Biển Đông thổi vào, tốc độ gió khá mạnh, gió chủ đạo vẫn là gió Đông Nam, tốc độ trung bình 1,8 m/s.

*** Mưa :**

Tổng lượng mưa trung bình khoảng 1700 - 1800 mm nhưng biến động rất nhiều. Năm ít mưa chỉ đạt 1000 mm, năm nhiều mưa có thể đạt 3000 mm, trong năm chia làm 2 mùa rõ rệt: Mùa ít mưa từ tháng 12 - tháng 4 tổng lượng mưa chiếm 15 % cả năm , mùa nhiều mưa (tháng 5 - tháng 11) Tháng 8 nhiều mưa nhất thường đạt tới 896 mm, trong 24 giờ có thể đạt tới 700 mm. Nửa sau mùa lạnh thường có mưa phùn .

+ Điều kiện thủy văn:

Vùng Bắc Trung Bộ với hệ thống các sông lớn chảy qua được đánh giá là vùng có trữ lượng nước mặt và nước ngầm khá phong phú.

+ Đặc điểm địa chất khu vực:

Có thể khẳng định địa chất của Vùng rất tốt cho các công trình xây dựng. Cường độ đất đạt từ 1,5 - 2,0 kg/ cm².

1.1.2.Đặc điểm kinh tế

Ngành nghề truyền thống ở Vùng Bắc Trung Bộ hiện nay phát triển rất đa dạng và phong phú. Đặc biệt là ở 2 tỉnh Thanh Hoá và Nghệ An có số lượng các cơ sở công nghiệp làng nghề là rất lớn và rải khắp trên địa bàn tỉnh. Các tài liệu khảo sát tại Vùng cho thấy hiện nay rất nhiều cụm điểm công nghiệp, làng nghề đang hoạt động thu hút lượng lớn lao động tham gia.

Các làng nghề truyền thống ra đời gắn với sự hình thành của đô thị, gắn với dòng sông, các vùng nguyên liệu đặc thù của Vùng như chế tác đá, mây tre đan, làng mộc, làng gốm sứ, ương tơ, mây tre, dệt lụa, dệt chiếu... Các ngành nghề mới với các sản phẩm thủ công mỹ nghệ phát triển gắn với các cụm công nghiệp, tạo thành những vùng nghề hoạt động sầm uất, bước đầu đã có những sản phẩm hấp dẫn du khách và được thị trường ưa chuộng.

Với nhiều chính sách khuyến khích để khôi phục và phát triển các cụm công nghiệp của các tỉnh trong vùng trong việc mở rộng và nâng cao công nghệ, song thực tế đã bộc lộ nhiều tồn tại

- Cơ sở sản xuất chủ yếu tại gia đình, do đó không có khả năng mở rộng mặt bằng sản xuất, công nghệ thủ công lạc hậu, sản phẩm ít mẫu mã và thiếu sự tinh xảo, lao động tay nghề thấp.
- Thiếu thông tin về thị trường, ít khả năng cơ hội quảng cáo tiếp thị sản phẩm, do vậy sức tiêu thụ không ổn định.
- Nguồn nguyên liệu sản xuất không ổn định do ảnh hưởng của các hoạt động nông nghiệp biến động.
- Quy mô sản xuất nhỏ và thiếu vốn đầu tư phát triển nên không đáp ứng yêu cầu sử dụng nguồn lao động địa phương.
- Điều kiện hạ tầng kỹ thuật kém, không đáp ứng cho sản xuất.
- Môi trường bị ô nhiễm.

Các tồn tại trên cần được giải quyết trong nhiều giải pháp, trong đó quan trọng nhất là việc hình thành cụm công nghiệp để dịch chuyển địa điểm sản xuất đã có và tạo cơ hội phát triển mới.

Trong sự phát triển kinh tế xã hội của khu vực, đặc biệt là khu vực nông thôn đã ghi nhận sự đóng góp lớn lao của các cụm công nghiệp, không chỉ về kinh tế

công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp để chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, giải quyết lao động nông nhân mà còn là sự phát triển văn hoá truyền thống và có thể hướng tới các hoạt động du lịch hấp dẫn trên địa bàn nông thôn, bên cạnh các hoạt động du lịch tham quan các vùng di sản văn hoá đang phát triển mạnh tại khu vực.

1.1.3. Đặc điểm xã hội

Vùng Bắc Trung Bộ là vùng dân cư có nhiều thành phần dân tộc sinh sống lâu đời đã tạo nên nét truyền thống văn hoá in đậm trong đời sống con người của vùng này.

Trình độ tay nghề của các lao động trong các cụm điểm công nghiệp hiện còn thấp. Chủ yếu là các lao động phổ thông.

Kinh tế - xã hội Vùng có nhiều chuyển biến tích cực nhất là giai đoạn giai đoạn 1996 - 2000. Tốc độ tăng trưởng nói chung bám sát chỉ tiêu của cả nước. Cơ cấu kinh tế và Thu nhập bình quân đầu người chậm dịch chuyển và còn thấp so với cả nước. Các xuất phát điểm của Vùng BTB (1990,1995,2000) đều thấp so với bình quân cả nước trong 10 năm tới chỉ là chỉ tiêu khó khăn đối với Vùng.

Bước sang giai đoạn 2000 - 2005 với định hướng chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn và tăng độ phát triển đô thị hoá theo các vùng, động lực phát triển đã và đang đưa kinh tế xã hội Vùng Bắc Trung Bộ sang những bước chuyển mình mạnh mẽ và bền vững. Kinh tế công nông nghiệp dịch chuyển từ sản xuất hàng hoá giá trị thấp sang hàng hoá giá trị cao, từng bước nâng cao hiệu quả lao động và giá trị tài nguyên.

1.1.4. Đặc điểm khác.

Trong những năm gần đây lãnh đạo và chính quyền các tỉnh trong Vùng đã có những chính sách, những kế hoạch hành động cho phát triển kinh tế nông thôn, chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, công nghiệp hoá, hiện đại hoá sản xuất và coi

trọng việc đầu tư và phát triển công nghiệp đã tạo nên sức phát triển cho kinh tế Vùng.

Với đặc điểm địa hình và vị trí địa lý kinh tế thuận lợi như kinh tế biển, kinh tế du lịch dịch vụ (có các khu du lịch lớn giàu tiềm năng ở hầu hết các Tỉnh trong vùng) đang được chú trọng đầu tư khai thác.

1.2. Xu hướng phát triển công nghiệp và nhỏ trong vùng.

1.2.1 Thực tại phát triển mô hình công nghiệp vừa và nhỏ.

Theo số liệu nghiên cứu tại các Tỉnh thuộc Vùng trong 5 năm qua công nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao, đóng góp rất quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá. Chủ trương cân đối lại sự phát triển không đồng đều trước đây là chủ yếu tập trung tại khu vực trong đó thị đầu tư trọng tâm vào các ngành chế biến nông lâm thủy sản trên cơ sở nguồn nguyên liệu địa phương và các ngành có lợi thế, sử dụng được nhiều lao động, 5 năm qua đã có nhiều sản phẩm công nghiệp có chất lượng và tính cạnh tranh cao.

Một số nghề chế biến có vai trò chủ lực như thực phẩm, vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm sản, sản xuất hàng tiêu dùng. Nhiều cơ sở có thiết bị và công nghệ tiên tiến. Hiện trong Vùng có nhiều khu công nghiệp và nhiều cụm công nghiệp thu hút nhiều dự án đầu tư dự án đầu tư, Quy mô và số lượng cơ sở sản xuất công nghiệp tiểu thủ công nghiệp, làng nghề trong Vùng phát triển rất nhanh, nhưng còn thiếu định hướng và tự phát.

+ Các nguồn lực phát triển

Vùng Bắc Trung Bộ có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng của cả nước. Bên cạnh các nguồn tài nguyên rừng, biển, vùng Bắc Trung Bộ có nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh đang ngày càng thu hút du khách tới.

Trong những năm qua, các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ được đầu tư phát triển mạnh về đô thị, là nguồn động lực để phát triển kinh tế Vùng, hệ thống hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế mở...bước đầu hình thành các khu vực trọng điểm trong của các tỉnh trong Vùng.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá với các vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến. Mức tăng trưởng GDP bình quân 8%/năm.

Tuy nhiên Bắc Trung Bộ vẫn là vùng nông nghiệp với 75% lao động nông nghiệp, tỷ trọng kinh tế nông nghiệp chiếm 42%. Đặc điểm đất đai là diện tích đồi núi và nằm trong vùng thường có nhiều thiên tai, là những nguyên nhân ảnh hưởng đến nông nghiệp. Do vậy lực lượng lao động nông thôn và miền núi rất thiếu việc làm

1.2.2. Các chủ trương các chính sách đặc thù của vùng liên quan đến phát triển mô hình công nghiệp vừa và nhỏ.

- + Chính sách về phát triển kinh tế đồi rừng, khuyến khích phát triển trồng cây nguyên liệu phục vụ cho phát triển công nghiệp.
- + Chính sách ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.
- + Chính sách ưu tiên đầu tư đào tạo phát triển nguồn nhân lực.
- + Chính sách thu hút và ưu tiên đầu tư.
- + Và các chính sách ưu tiên khác như ưu tiên phát triển cơ sở hạ tầng xã hội....

1.2.3. Mô hình đặc trưng trong vùng.

- + Phân loại mô hình công nghiệp vừa và nhỏ trong vùng.
 - Phân loại theo quy mô.
 - Phân loại theo ngành nghề
 - Phân loại theo tổ chức quản lý

- Phân loại theo mức độ ô nhiễm môi trường.
 - Phân loại theo hình thức đầu tư.
- + Xác định mô hình đặc trưng trong vùng.

Ngoại trừ vùng trung du miền núi còn gặp nhiều khó khăn về hạ tầng. Còn lại đều rất thuận lợi về hạ tầng, lao động, nguyên vật liệu và chính sách cho phát triển công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp nông thôn. Vì vậy ở đây lựa chọn mô hình công nghiệp tập trung quy mô từ 10 - 30 ha đa ngành do nhà nước quản lý thu hút đầu tư.

1.3. Cơ sở hình thành và phát triển các mô hình đặc trưng trong vùng.

1.3.1. *Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển các mô hình đặc trưng.*

- + Khả năng khai thác vùng nguyên liệu như: nông sản, lâm sản, chăn nuôi, khoáng sản.
- + Quy mô các loại hình
 - Chế biến nông sản thực phẩm phục vụ trong nước và xuất khẩu.
 - Sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ xây dựng.
- + Hệ thống cơ sở hạ tầng
 - Nguồn cung cấp điện nước.
 - Xử lý vệ sinh môi trường
- + Khí hậu thủy văn.
- + Nguồn lao động phục vụ cho sản xuất công nghiệp.
- + Đất đai, địa hình, địa chất.
- + Khả năng tiêu thụ sản phẩm
 - Sản phẩm đa dạng độc đáo.
 - Có khả năng xuất nhập khẩu

- Phục vụ cho địa phương
- + Chính sách phát triển vùng, địa phương

1.3.2. Xác định loại quy mô.

Do ảnh hưởng của địa hình thiên nhiên, quỹ đất miền núi có hạn nên đề xuất quy mô mô hình công nghiệp vừa và nhỏ đặc trưng sau:

- Quy mô từ 10 - 30ha

1.3.3. Xác định dây truyền sản xuất đặc trưng theo các loại mô hình công nghiệp đặc trưng.

Thực hiện dây chuyền khép kín

Sản xuất nguyên liệu - Sản xuất chế biến sản phẩm - Giới thiệu sản phẩm - Tiêu thụ sản phẩm tại chỗ và phân phối ra thị trường.

1.4. Cơ sở đề xuất mô hình tổ chức không gian

Mô hình tổ chức không gian cụm điểm công nghiệp nông thôn Vùng Bắc Trung bộ được nghiên cứu đề xuất dựa trên 2 cơ sở quan trọng là đặc điểm phát triển của địa bàn nông thôn và hệ thống tiêu chí cơ bản hình thành và phát triển cụm điểm công nghiệp vừa và nhỏ.

1.4.1. Đặc điểm và các yêu cầu phát triển.

- Hiện nay, các cụm công nghiệp vừa và nhỏ vùng Bắc Trung Bộ đã và đang hình thành, phát triển, xuất phát từ nhu cầu thực tế của các cơ sở kinh doanh trong việc giải quyết mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh, giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường. Đã có hình thành và phát triển một số cụm điểm công nghiệp, chủ yếu là đa nghề với các loại hình phù hợp với nguồn nguyên liệu địa phương và sử dụng được nguồn lao động phổ thông của nông thôn. Địa điểm lựa chọn gần với khu vực nông thôn có dân cư tập trung, gần đường giao thông chính của địa bàn hoặc gần với thị trấn trung tâm huyện.

- Tuy nhiên, các cụm CN hình thành chủ yếu mang tính tự phát hoặc chỉ là những bước đi ban đầu, còn rất nhiều tồn tại cần giải quyết, đặc biệt là trong tổ chức không gian qui hoạch.
- *Yếu tố địa lý* là cơ sở quan trọng nhất chi phối đến việc nghiên cứu mô hình đề xuất tổ chức không gian cụm điểm công nghiệp vừa và nhỏ phù hợp với địa bàn nông thôn duyên hải Nam Trung bộ. Với các đặc điểm phát triển thực trạng hiện nay cho thấy bước đầu các địa phương trong vùng đã có những xúc tiến quan trọng phù hợp với các định hướng phát triển lâu dài của toàn vùng.
- *Các yêu cầu phát triển.*
 - Vị trí để có đủ điều kiện về đường giao thông và cung cấp hạ tầng, đáp ứng được mong muốn của các hộ sản xuất là gần với nơi cư trú và gần với hoạt động nông nghiệp, làng nghề.
 - Sử dụng được nguồn lao động phổ thông và nguồn nguyên liệu tại chỗ.
 - Hướng giải quyết cho việc mở rộng sản xuất, phát triển công nghiệp làng nghề và hướng tới các dịch vụ các sản phẩm du lịch.
 - Có cơ sở hoạt động giới thiệu, quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại, đặc biệt đối với các làng nghề truyền thống, tạo hiệu quả kinh tế tương xứng với tiềm năng thực sự của làng nghề.
 - Các cụm công nghiệp hướng theo mô hình tổ chức không gian tiên tiến.
 - Yêu cầu nhà ở để cập cùng với việc lập qui hoạch công nghiệp.
 - Yêu cầu giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường đối với các khu vực bờ biển, khu du lịch, khu dân cư và sinh thái nông nghiệp.

1.4.2. Hệ thống tiêu chí qui hoạch tổ chức không gian cụm công nghiệp nông thôn.

Việc lựa chọn phát triển công nghiệp nông thôn và đề xuất mô hình tổ chức không gian qui hoạch của vùng Bắc Trung Bộ căn cứ trên nhiều tiêu chí- cơ sở khoa học trọng yếu.

a. Lãnh thổ- đất đai.

Lãnh thổ đất đai nông thôn vùng Bắc Trung bộ với các đặc trưng riêng khác biệt với các vùng khác là một bối cảnh quan trọng :

- Tài nguyên: tài nguyên biển- ven biển và tính truyền thống lịch sử, di sản văn hoá và sự phát triển các làng nghề là những nét nổi bật nhất của vùng.
- Bối cảnh kinh tế- xã hội: hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ một vùng nông nghiệp nghèo sang một vùng dịch vụ kinh tế du lịch biển và các vùng di sản và công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp mới, nổi bật là mũi nhọn ngành chế biến thủy hải sản và công nghiệp- làng nghề
- Khả năng cung cấp hệ thống hạ tầng kĩ thuật: giao thông, nguồn nước, nguồn năng lượng, thông tin liên lạc...và khả năng cung cấp hạ tầng xã hội: giáo dục, đào tạo nghề, dịch vụ công cộng...chưa phát triển mạnh. Đặc điểm là một dải địa hình kéo dài với các điểm đô thị lớn- các thị trường tiêu thụ có cự li lớn là một khó khăn của vùng. Do vậy khả năng hấp dẫn đầu tư trong ngoài nước không cao.
- Sinh thái môi trường duyên hải là một vấn đề phải chú trọng để cân bằng giữa phát triển công nghiệp nông thôn và sinh thái du lịch.
- Bối cảnh kinh tế- xã hội và đặc điểm tự nhiên là căn cứ để tạo lập các dự báo phát triển mạng lưới công nghiệp nông thôn cho vùng, nhận dạng vai trò tính chất của các khu vực, sự liên quan tương hỗ giữa đô thị và nông thôn trong phát triển không gian vùng. Các đặc trưng văn hoá làng xã nông thôn, đặc biệt là các vùng làng nghề truyền thống sẽ là những gợi mở cho qui hoạch tổ chức không gian công nghiệp nông thôn hướng tới phù hợp với không gian nông thôn duyên hải và với vùng du lịch ven biển.

b. Ngành nghề.

- Đối với nông thôn vùng nghiên cứu, công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn cần phát triển theo hướng chung là:

- Phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp của từng địa phương và của vùng duyên hải Nam Trung bộ.
- Các ngành nghề tận dụng được lợi thế sẵn có và dựa trên vùng nguyên liệu nông ngư phẩm- nổi trội là hải sản và vùng có ngành nghề truyền thống.
- Giải quyết vấn đề kinh tế và lao động nông thôn của vùng nông nghiệp ít thuận lợi.
- Hướng tới một số ngành nghề có khả năng hỗ trợ công nghiệp lớn tại các khu công nghiệp tập trung trong vùng có thị trường lớn đô thị và dịch vụ cho loại hình du lịch biển.
- Loại hình công nghiệp là cơ sở để lựa chọn giải pháp tổ chức không gian cho cụm công nghiệp, trong đó có các yếu tố xác định vị trí xây dựng, mối quan hệ với khu dân cư nông thôn, vùng sinh thái nông nghiệp, vùng du lịch ven biển, cơ cấu sử dụng đất khu sản xuất. Đặc biệt việc lựa chọn phát triển công nghiệp- làng nghề đòi hỏi nghiên cứu không gian sản xuất gắn kết hài hoà với không gian nông thôn- làng nghề cũ và tiếp cận được với các không gian dịch vụ du lịch.

c. Quy mô.

- Quy mô công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn được xác định dựa trên các nguyên tắc chung là: Phù hợp với tính chất ngành nghề của địa phương; Khả năng dung nạp của đất đai xây dựng; Đáp ứng được nhu cầu phát triển sản xuất của địa phương; Phù hợp với năng lực quản lý của địa phương.
-
- Quy mô phát triển tương đồng với các yếu tố cấu thành là các hộ sản xuất trong cụm công nghiệp, đó là quy mô vốn đầu tư, số lao động, yêu cầu sử dụng đất sản xuất...
- Quy mô công nghiệp và đặc điểm sử dụng lao động là căn cứ để xác định mô hình xây dựng công nghiệp kèm theo khu ở và mức độ đầu tư dịch vụ công

cộng trong mối quan hệ tận dụng các điều kiện hạ tầng xã hội của dân cư nông thôn địa phương.

d. Quản lý công nghiệp nông thôn và các yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Cùng là những tiêu chí cần thiết đối với vùng nông thôn duyên hải, sẽ được xem xét cụ thể cho từng địa điểm lựa chọn phát triển công nghiệp. Nổi bật của vấn đề môi trường là bảo vệ sinh thái đặc trưng của vùng duyên hải và các vùng có giá trị nông nghiệp hiệu quả.

e. Tổ chức không gian

Qui hoạch nông thôn bao gồm các khu chức năng chủ yếu là Khu nhà ở, khu trung tâm hành chính và dịch vụ công cộng, khu các công trình sản xuất và phụ trợ, khu các công trình hạ tầng kỹ thuật. Trong các qui chuẩn xây dựng Việt nam chưa đề cập rõ nét về công nghiệp nông thôn.

- Xu hướng hình thành mạng lưới công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn với yêu cầu phát triển không chỉ bó hẹp trong phạm vi nông nghiệp- nông thôn địa phương, đòi hỏi tổ chức không gian đề cập đến các tiêu chí xác định một không gian công nghiệp nông thôn gồm:
- Xác định vị trí và mối quan hệ không gian công nghiệp và không gian nông nghiệp- nông thôn.
- Xác định cấu trúc tổ chức không gian khu ở nông thôn và sản xuất công nghiệp.
- Xác định cơ cấu qui hoạch sử dụng đất công nghiệp.
- Xác định qui hoạch cây xanh- cảnh khu công nghiệp.
- Xác định kiến trúc công trình công nghiệp.
- Vì vậy nghiên cứu tổ chức không gian cần đạt được các yêu cầu sau:
- Lựa chọn vị trí phù hợp với đặc điểm tự nhiên và đặc điểm sản xuất nông nghiệp của địa bàn, thể hiện được đặc trưng của không gian qui hoạch nông thôn khác biệt với đô thị là sản xuất gắn kết với không gian ở.

- Khả năng gắn kết với bối cảnh địa phương của cụm- điểm công nghiệp dự kiến hình thành. Đặc trưng lối sống truyền thống, cấu trúc qui hoạch làng xã và kiến trúc nông thôn đặc biệt là đối với các khu vực dự kiến phát triển nghề truyền thống.
- Mức độ đô thị hóa, hình thái dịch vụ hạ tầng xã hội và kĩ thuật, tạo một môi trường làm việc mới là một trong các yếu tố tác động đến mức độ đô thị hoá nông thôn và thúc đẩy sự phát triển của các dịch vụ hạ tầng xã hội và kĩ thuật ở nông thôn, vấn đề ở của người nông dân dần dần tiệm cận với các tiện nghi sinh hoạt văn minh hiện đại. Đối với các làng nghề thực tế đã có sự phân tách dần giữa không gian ở và sản xuất gia đình.

CHƯƠNG II: XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỦA CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ NHỎ NÔNG THÔN ĐẶC TRƯNG VÙNG BẮC TRUNG BỘ.

2.1. Mô hình phân bố.

2.1.1. Đánh giá về hiện trạng phân bố:

Các nhà máy đứng độc lập, phân tán khó quản lý, không có hiệu quả, không thuận lợi cho việc bố trí các cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

Các cụm công nghiệp tập trung có ưu điểm: Thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo vệ cảnh quan môi trường, thu hút đầu tư, dễ quản lý.

Xây dựng các cụm công nghiệp nằm trong vùng nguyên liệu gắn với khu dân cư hiện có, xây dựng khu dân cư mới thuận lợi.

2.1.2. Yêu cầu lựa chọn địa điểm xây dựng theo hình thức phân bố

+ Yêu cầu về điều kiện tự nhiên:

Vị trí: Nằm trên trục Quốc lộ 1A và các đường Tỉnh lộ, có địa hình tương đối bằng phẳng, có quỹ đất đủ để xây dựng cụm công nghiệp sát với khu sản xuất của nông thôn.

Đất đai: Có địa hình tương đối bằng phẳng không phải san lấp nhiều.

Thủy văn: Gần nguồn nước.

+ Yêu cầu về môi trường:

Loại hình có mức độ ô nhiễm không khí nước thải nhỏ và xử lý tốt.

+ Yêu cầu về tổ chức không gian:

Bố trí tận dụng địa hình tự nhiên, theo trục giao thông.

Có cách ly giữa các nhà máy, khu nhà máy với văn phòng.

Mật độ xây dựng đảm bảo tối thiểu.

Tầng cao xây dựng nhà máy 1 - 2 tầng, văn phòng 2 - 3 tầng.

+ Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật:

Hạ tầng kỹ thuật phải được thiết kế đồng bộ.

2.2 Mô hình tổ chức không gian:

2.2.1 Đặc điểm phân bố

- + Xây dựng cụm công nghiệp tập trung: do lợi thế về đặc điểm khu đất, vùng nguyên liệu phong phú, lợi thế về giao thông
- + Xây dựng cụm công nghiệp tập trung có ưu điểm:
 - Xây dựng cơ sở hạ tầng thuận lợi.
 - Bảo đảm cảnh quan môi trường.
 - Dễ quản lý.

2.2.2 Mô hình cấu trúc:

- Loại hình công nghiệp: dựa trên sự phân bố tài nguyên, vùng nguyên liệu, đặc điểm kinh tế xã hội. Cụm công nghiệp được bố trí chủ yếu là công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm như: chế biến chè, sữa, thịt bò, chế biến tinh bột sắn
- Cụm công nghiệp gắn với khu dân cư, đô thị mới.
- Bố trí đồng bộ khu xây dựng nhà máy, khu hành chính dịch vụ, giới thiệu sản phẩm, hệ thống cấp thoát nước, cấp điện, bảo đảm cảnh quan, vệ sinh môi trường, cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly.

2.2.3 Mô hình quy hoạch:

Do Vùng khá thuận lợi về điều kiện quỹ đất, về hạ tầng cơ sở vì vậy việc tổ chức quy hoạch có thể sử dụng hầu hết các thủ pháp quy hoạch như quy hoạch theo tuyến, mạng ô cờ hay hỗn hợp phụ thuộc vào yêu cầu cụ thể của dây truyền công nghệ và định hướng khai thác quỹ đất sao cho hiệu quả và đảm bảo cho việc phát triển bền vững lâu dài. Đồng thời giải pháp quy hoạch phải đáp ứng yêu cầu về môi trường và thẩm mỹ kiến trúc quy hoạch đối với các khu chức năng kế cận và môi trường tự nhiên.

- + Cụm công nghiệp sẽ chủ yếu theo hướng đa nghề với nhu cầu sử dụng nhiều lao động phổ thông, như vậy sẽ được thu hút từ các địa bàn nông thôn lân cận. Có thể có dạng cụm công nghiệp chuyên ngành chế biến thủy hải sản, chế biến nông lâm sản và điểm công nghiệp làng nghề.
- + Về qui mô có thể lựa chọn ở mức độ vừa phải, 10- 30ha là phù hợp với vùng qui hoạch. Loại trừ các ngành công nghiệp có mức độ độc hại cao vì đây không chỉ là vùng dân cư mà còn là vùng có nhiều tiềm năng về phát triển du lịch.
- + Vị trí xây dựng cụm công nghiệp tiếp cận thuận lợi với các trục lộ chính của vùng tỉnh, gần các thị trấn trung tâm huyện để vừa tạo cho cụm công nghiệp có sức thu hút đầu tư và lao động nhanh, đồng thời dựa vào các điều kiện hạ

tầng ban đầu của điểm đô thị đã có; hệ thống các thị trấn huyện của vùng duyên hải miền Trung phần lớn nằm dọc theo trục QL1 là tuyến xương sống nối kết các tỉnh huyện trong vùng. Đối với các cụm công nghiệp chế biến hải sản cần gắn với các khu vực có cảng cá, bến cá để thuận lợi cho cung cấp nguyên liệu.

- + Vị trí của khu vực xây dựng cần cách xa bờ biển và các vùng cảnh quan, sông nước có khai thác du lịch; tuy nhiên địa điểm cần lựa chọn để có đủ điều kiện phát triển hạ tầng kỹ thuật, sử dụng chung nguồn điện nước của khu vực dân dụng và đặc biệt là giải quyết được vấn đề nước thải, rác thải...
- + Vấn đề lao động và nhà ở cần thiết được đặt ra trong qui hoạch cụm công nghiệp nông thôn, đáp ứng nhu cầu ở của một bộ phận lao động với 2 hướng: hoặc gắn liền với địa điểm sản xuất mới hoặc gắn với thị trấn, làng xã địa phương như một phần mở rộng. Hướng xây dựng khu ở theo hướng gắn với cộng đồng dân cư đã có như một phần mở rộng khu nông thôn hiện hữu là hướng phù hợp với các cụm công nghiệp qui mô nhỏ (10- 30ha), trong đó chủ yếu là nguồn lao động tại chỗ, có thể sử dụng các điều kiện hạ tầng sẵn có tại cộng đồng.
- + Trong điều kiện qui mô nhỏ có thể xây dựng nhà ở cho công nhân ngay trong khuôn viên xí nghiệp nhưng phải đảm bảo điều kiện môi trường sinh hoạt, đây là điểm khác biệt với khu công nghiệp qui mô lớn.
- + Trong trường hợp cụm công nghiệp có qui mô lớn hơn (có thể 30ha trở lên) cần đề cập đến vấn đề nhà ở cho công nhân do nguồn lao động của cụm công nghiệp sẽ từ các làng xã với phạm vi bán kính rộng hơn. Vì vậy hướng xây dựng khu dân cư mới- khu nhà ở công nhân gắn với địa điểm xây dựng cụm công nghiệp hoặc gắn với khu vực ngoại vi thị trấn là cần thiết.

- + Khu ở cần có qui mô ở tối thiểu cho 300 người, cùng với việc hình thành các dịch vụ công cộng. Mô hình này sẽ có điều kiện phát triển tốt tại các vị trí gần với các điểm đô thị trong huyện hoặc tại các thị tứ trung tâm cụm xã, như một hạt nhân thúc đẩy đô thị hoá khu vực.
- + Trung tâm dịch vụ hình thành giữa cụm công nghiệp và khu ở vừa có chức năng dịch vụ công cộng cho khu ở vừa đáp ứng dịch vụ sản xuất, quảng bá giới thiệu sản phẩm và các xúc tiến thương mại, có thể có cả các dịch vụ du lịch nếu loại hình sản phẩm có đặc thù riêng, hoặc địa điểm nằm trong vùng phát triển du lịch.
- + Hệ thống hạ tầng kĩ thuật được sử dụng chung với khu dân cư: Trạm cấp điện, cấp nước, xử lí nước và rác thải... để vừa đảm bảo cho sản xuất vừa không phải chi phí quá lớn cho xây dựng hạ tầng khi công suất sử dụng không lớn.

2.2.4 Mô hình tổ chức không gian kiến trúc.

- Tổ chức không gian kiến trúc công trình.
- Tổ chức không gian cảnh quan.
- Tổ chức môi trường.

a. Kiến trúc công trình.

- + Các yêu cầu cụ thể để xác định được qui mô công trình, loại hình kiến trúc của các công trình nhà xưởng, các công trình dịch vụ công cộng và phụ trợ sản xuất liên quan cụ thể đến phần thiết kế và xây dựng công trình, đảm bảo phù hợp với khí hậu đặc thù của vùng Bắc Trung Bộ, đặc biệt là vấn đề ngập lụt hàng năm và ảnh hưởng của gió Lào khô nóng ở khu vực này.
- + Kết cấu nhà xưởng sản xuất cần đảm bảo công trình bền vững, đơn giản, dễ vận chuyển, lắp ráp thi công và có giá thành rẻ, phù hợp với các doanh nghiệp nông thôn trong vùng.

- + Hình thức kiến trúc nhà xưởng, mặc dù là tại vùng nông thôn vẫn cần đảm bảo cho môi trường sản xuất đủ các điều kiện về vệ sinh công nghiệp, về nhiệt độ, ánh sáng, màu sắc và đóng góp cho thẩm mỹ kiến trúc của toàn khu vực với hình khối, chiều cao công trình đảm bảo an toàn và thuận lợi cho các hoạt động sản xuất theo từng loại hình.
- + Sử dụng giải pháp xây dựng tập trung theo các khối chủ đạo của công trình sản xuất, dịch vụ, phụ trợ sản xuất. Các công trình dịch vụ công cộng hướng tới các thiết kế kiến trúc đẹp để tạo điểm nhấn cảnh quan cho khu vực.
- + Khu văn phòng, trưng bày quảng bá sản phẩm và các dịch vụ khu sản xuất bố trí sát đường giao thông chính của khu vực và nằm trong không gian khu vực trung tâm dịch vụ.
- + Kiến trúc các công trình khuyến khích khai thác các hình thức kiến trúc ở địa phương để tạo bản sắc kiến trúc và không phá vỡ khung cảnh nông thôn khi hình thành các cụm công nghiệp ở nông thôn.

b. Cảnh quan

- + Cảnh quan công nghiệp là một yếu tố quan trọng tạo một môi trường sản xuất có chất lượng tốt, thẩm mỹ kiến trúc cảnh quan cao và đặc biệt là không gây ảnh hưởng hạn chế đến môi trường nông nghiệp- nông thôn và các khu vực kế cận của địa phương:
- + Cây xanh đảm bảo một tỉ lệ chiếm đất hợp lý đủ để tạo bóng mát, đồng thời tạo không gian cảnh quan cho khu sản xuất, tổ chức dưới dạng vườn cây- thảm cỏ trang trí, có thể khai thác các khu mặt nước tự nhiên hay bể cảnh.
- + Sử dụng các kiến trúc biểu tượng, điêu khắc, biển quảng cáo, đèn chiếu sáng kết hợp trang trí hỗ trợ cảnh quan chung, đặc biệt cần thiết cho các cụm điểm công nghiệp- làng nghề có kết hợp khai thác du lịch và thương mại tiếp thị

2.3. Các yêu cầu chủ yếu về hạ tầng kỹ thuật.

2.3.1. Tổ chức đường giao thông

- + Đảm bảo liên hệ hợp lý trong ngoài khu sản xuất, tiết kiệm đất đai, đường giao thông tiếp cận từng xí nghiệp và đủ điều kiện vận tải nguyên vật liệu, hàng hoá. Cấu trúc trục và nhánh sẽ là một cấu trúc ưu thế phù hợp với công nghiệp nông thôn có qui mô đất đai và yêu cầu hoạt động không lớn.
- + Mạng lưới đường giao thông và phân bố lô đất xí nghiệp trong cụm công nghiệp lựa chọn theo các mô hình trục và nhánh xương cá, lưới ô vuông, hoặc hỗn hợp phân tán, tùy thuộc vào vị trí khu vực xây dựng, tuyến giao thông bên ngoài và đặc thù của dây truyền công nghệ các sơ sở công nghiệp trong nhà máy.

2.3.2. San nền và thoát nước

- + Địa điểm xây dựng cần lựa chọn ở các khu vực cao và sử dụng các giải pháp tôn đắp nền để tránh bị úng ngập cục bộ trong các mùa mưa và các vùng bị ảnh hưởng bởi lũ lụt như vùng Bắc Trung Bộ.

2.3.3. Cấp nước và cấp điện.

- + Vấn đề cung cấp hạ tầng điện nước cho cụm điểm công nghiệp nông thôn là những điều kiện cần và có cơ sở ban đầu để tạo tính khả thi cho khu vực xây dựng. Vì vậy vị trí các cụm có xu thế chọn gần với đô thị, khu dân cư tập trung để có điều kiện cấp điện nước ngay cho giai đoạn đầu xây dựng. Không nên chọn ở vị trí có yêu cầu đầu tư xây dựng lớn.
- + Bắc Trung có một số vùng như khu vực đồi núi hạn chế về điều kiện cung cấp nước nên cần có khảo sát thêm về nguồn nước ngầm cục bộ để hỗ trợ, đặc biệt khi hình thành khu chế biến nông sản và thủy, hải sản là loại hình sử dụng nhiều nước.

2.3.4. Thoát nước bản và vệ sinh môi trường

- + Đối với cụm công nghiệp nông thôn, vấn đề xử lý các chất thải (nước thải, khí thải và rác thải...) không chỉ là việc đảm bảo môi trường sản xuất và còn là việc bảo vệ các vùng dân cư và vùng nông nghiệp xung quanh, thường có vị trí cận kề.
- + Vị trí xây dựng cần gần sông suối và có địa hình thuận lợi cho việc thu gom nước thải. Vấn đề khu xử lý thường là rất cần thiết song phải lựa chọn mô hình có giá thành thấp, dễ thi công và vận hành, có thể sử dụng chung cho khu dân cư và khu sản xuất.
- + Ưu tiên sử dụng công nghệ mới tiên tiến thay cho các công nghệ cũ và lạc hậu trong các xí nghiệp ở nông thôn để giảm thiểu các chất thải, khí thải và tác động về môi trường đối với môi trường chung.

2.3.5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu.

- Cấp điện: 200 - 300 kw/ha
- Cấp nước: 45 m³/ha.ngđ
- Đất XD nhà máy 60 - 70%
- Giao thông: 12 - 15%
- Cây xanh: 10 - 12%
- Đầu mỗi kỹ thuật: 2 - 4%
- Đất khu HCDV: 1 - 3%

CHƯƠNG III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.

3.1. Kết luận.

- + Trong sự phát triển kinh tế xã hội của vùng Bắc Trung Bộ, việc phát triển kinh tế nông thôn thông qua việc đầu tư các khu công nghiệp trọng điểm lớn kết hợp với các cụm công nghiệp vừa và nhỏ là nhu cầu bức thiết góp phần khai thác hiệu quả các tiềm năng về lao động và nguyên vật liệu ở nông thôn.

3.2. Kiến nghị.

Đề xuất các mô hình tổ chức không gian cụm điểm công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn vùng Bắc Trung bộ, một vùng có nhiều đặc trưng địa lí và bối cảnh phát triển kinh tế- xã hội và nông thôn là một nghiên cứu cần thiết. Tuy nhiên, để thực sự có hiệu quả cho việc lập qui hoạch cụm điểm công nghiệp, trong phạm vi nghiên cứu này cần có một số kiến nghị sau:

- + Để được sự hấp dẫn và có sức thuyết phục để các hộ sản xuất trong địa bàn huyện dịch chuyển ra mặt bằng mới để sản xuất tập trung thì cần có các chính sách khuyến khích về đất đai, về sử dụng các cơ sở hạ tầng, về vốn và cả về công nghệ.
- + Để tạo được hình ảnh một quần thể sản xuất công nghiệp đẹp và phù hợp với hình ảnh nông thôn, đáp ứng với yêu cầu về quản lý xây dựng theo quy hoạch.
- + Cần có sự đầu tư để cải tạo môi trường các cơ sở sản xuất công nghiệp, các làng nghề nằm trong khu dân cư nông thôn để không phát triển tự phát và không quản lý theo quy định của nhà nước.
- + Có hướng dẫn thị trường sản phẩm đa dạng chất lượng cao, có lựa chọn theo nhu cầu thị trường.

- + Nghiên cứu có tính mở để có thể vận dụng linh hoạt thích ứng với từng trường hợp địa phương cụ thể do tính chất trải dài về địa hình của vùng duyên hải Nam Trung bộ mang lại cho mỗi địa phương trong vùng có những yêu cầu phát triển khác nhau với những vùng nông thôn mang những nét riêng biệt.
- + Tiếp sau những đề xuất về mô hình mang tính khái quát cần thiết có những tài liệu hướng dẫn lập qui hoạch để chuyển hoá những mô hình vào thực tế qui hoạch xây dựng.
- + Các vấn đề liên quan đến việc quản lí vận hành cụm điểm công nghiệp nông thôn trong vùng nghiên cứu sẽ được đề xuất khi lập qui hoạch xây dựng cho từng trường hợp cụ thể.

PHẦN PHỤ LỤC VÀ BẢNG BIỂU MINH HOẠ.



VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ NÔNG THÔN - BỘ XÂY DỰNG

37 Lê Đại Hành - Hà Nội; Tel: 976 0691 - Fax: 976 4339 Email: niurp@hn.vnn.vn

CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC
GIAI ĐOẠN 2001 - 2005: KHOA HỌC CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP HOÁ VÀ HIỆN ĐẠI
HOÁ NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN; KC 07

Đề tài Nghiên cứu Khoa học Cấp Nhà nước, KC 07.23

***NGHIÊN CỨU CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN
CÁC LOẠI HÌNH CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN THEO
HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA***

ĐỀ TÀI NHÁNH 4

**MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÁC
CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN**

MÔ HÌNH VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

CƠ QUAN THỰC HIỆN:

VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ-NÔNG THÔN, BỘ XÂY DỰNG

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI:

KTS TRẦN NGỌC CHÍNH

HÀ NỘI, THÁNG 3 NĂM 2005

MỤC LỤC

PHẦN I. MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu
2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu.

PHẦN II. XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ.

1. Khái quát các đặc điểm tự nhiên, kinh tế- xã hội của vùng.

- 1.1 Các đặc điểm tự nhiên.
- 1.2 Các đặc điểm kinh tế- xã hội

2. Thực tại phát triển công nghiệp vừa và nhỏ trong vùng.

- 2.1 Thực trạng phát triển làng nghề thủ công.
- 2.2 Thực trạng phát triển của các doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn.
- 2.3 Các loại hình tổ chức công nghiệp nông thôn
- 2.4 Khó khăn và hạn chế.

PHẦN 3. XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH QUI HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN NAM TRUNG BỘ.

1. Các định hướng phát triển chung.

- 1.1 Định hướng phát triển của công nghiệp toàn quốc theo vùng lãnh thổ.
- 1.2 Định hướng phát triển công nghiệp nông thôn vùng duyên hải Miền Trung.

2. Cơ sở đề xuất mô hình tổ chức không gian cụm điểm công nghiệp nông thôn Vùng Duyên hải Nam Trung bộ

- 2.1 Đặc điểm và các yêu cầu phát triển.
- 2.2 Hệ thống tiêu chí qui hoạch tổ chức không gian cụm công nghiệp nông thôn.

3. Mô hình qui hoạch tổ chức không gian công nghiệp nông thôn duyên hải Nam Trung bộ

- 3.1 Mô hình cụm công nghiệp
- 3.2 Mô hình điểm công nghiệp- làng nghề
- 3.3 Các yêu cầu về kiến trúc- cảnh quan
- 3.4 Các yêu cầu về tổ chức hạ tầng kỹ thuật.

PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

-

PHẦN I. MỞ ĐẦU

Vị trí vai trò của cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ và ngành nghề nông thôn được xác định là một bộ phận cấu thành của công nghiệp nông thôn. Hình thành và phát triển ở nông thôn, công nghiệp nông thôn với các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tồn tại dưới nhiều hình thức, thuộc nhiều thành phần kinh tế, qui mô vừa và nhỏ, hoạt động trong nhiều ngành nghề khác nhau phù hợp với hướng phát triển kinh tế của địa phương và gắn bó mật thiết với sản xuất nông nghiệp và kinh tế xã hội nông thôn do địa phương quản lý về mặt nhà nước.

Các nghiên cứu đã nhận dạng rõ đặc điểm của công nghiệp nông thôn chủ yếu là:

1. Luôn phát triển gắn bó với kinh tế- xã hội nông thôn, trước hết là với sản xuất nông nghiệp và ngành nghề truyền thống.
2. Mang tính chất địa phương, qui mô nhỏ và vừa, vốn ít, trang thiết bị công nghệ sản xuất và tính cạnh tranh hạn chế.
3. Phát triển phong phú và đa dạng về ngành nghề, sản phẩm, hình thức tổ chức, vị trí địa lý.

Bởi vậy nghiên cứu tổ chức không gian công nghiệp vừa và nhỏ của nông thôn Việt nam bao gồm hai phần đề xuất là đề xuất những mô hình phát triển chung và đề xuất các mô hình đặc trưng cho từng vùng địa lý- là yếu tố chi phối rất quan trọng đến sự hình thành và phát triển cụm điểm công nghiệp nông thôn. Mô hình đặc trưng cho từng vùng miền là bước tiệm cận của mô hình chung áp dụng phù hợp với sự thay đổi các điều kiện riêng của mỗi khu vực lập qui hoạch xây dựng cụm điểm công nghiệp nông thôn.

1. Mục tiêu.

Nghiên cứu đề xuất mô hình đề xuất mô hình qui hoạch và tổ chức không gian cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn Vùng Duyên hải Nam Trung bộ nhằm mục tiêu sau:

- Tạo lập cơ sở khoa học quan trọng để các nhà qui hoạch- quản lý xây dựng lựa chọn mô hình hình thành và phát triển một cụm điểm công nghiệp nông thôn trên địa bàn Vùng Duyên hải Nam Trung bộ cho phù hợp với đặc trưng riêng biệt của địa phương, thể hiện mối quan hệ của cụm công nghiệp khi hình thành với các khu chức năng xung quanh- bối cảnh phát triển công nghiệp; mối quan hệ không gian công nghiệp với khu dân cư nông thôn, các dịch vụ công cộng và dịch vụ sản xuất, các hệ thống hạ tầng xã hội và kỹ thuật và mối quan hệ tương đồng với sinh thái nông nghiệp địa phương.
- Hướng tới tổng thể qui hoạch hoàn chỉnh, thúc đẩy sự phát triển của cụm điểm công nghiệp, đồng thời bảo đảm không gian kiến trúc phát triển hợp lý, đẹp và bảo vệ được cảnh quan đặc trưng của địa phương là nông thôn duyên hải.
- Mô hình qui hoạch và tổ chức không gian cho công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn là đề xuất mang tính hướng dẫn, có thể vận dụng để phù hợp với đặc thù phát triển đa dạng của từng địa bàn, các loại hình ngành nghề, qui

mô phát triển và các vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường, mô hình quản lí... đặt ra để lựa chọn hình thành cụm công nghiệp tại nông thôn.

2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu.

- Khảo sát tình hình thực tiễn hoạt động của các cụm điểm công nghiệp và các làng nghề truyền thống- làng nghề mới.
- Đánh giá chất lượng và hiệu quả của các qui hoạch công nghiệp nông thôn đã lập và xem xét một số qui hoạch áp dụng cho một số địa bàn cụ thể trong vùng.
- Thu thập tổng hợp các qui chuẩn, qui phạm Việt nam về xây dựng công nghiệp, các yêu cầu tổ chức không gian và sử dụng đất công nghiệp và tham khảo một số qui chuẩn và mô hình nước ngoài.
- Tổng hợp các cơ sở để đề xuất tổ chức không gian công nghiệp nông thôn Việt nam và các tiêu chí chủ yếu tổ chức không gian cụm điểm công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn.
- Đề xuất các mô hình đặc trưng cho địa bàn nghiên cứu.

PHẦN II.

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ.

1. Khái quát các đặc điểm tự nhiên, kinh tế- xã hội của vùng.

- Vùng Duyên hải Nam Trung bộ có tổng diện tích tự nhiên là 3306 km², dân số 3.5282 triệu người (*Theo Niên giám thống kê năm 2003*), gồm Thành phố Đà Nẵng và các tỉnh Quảng nam, Quảng Ngãi, Bình định, Phú yên, Khánh hoà.
- Theo tài liệu nghiên cứu của dự án QHTT phát triển các ngành công nghiệp theo vùng lãnh thổ của Bộ Công nghiệp lập. các tỉnh ven biển miền Trung bao gồm lãnh thổ của 10 tỉnh, thành phố- được gọi là Vùng 3, một trong 6 vùng phát triển kinh tế công nghiệp của quốc gia, từ Quảng bình cho đến Khánh hoà, trong đó có 4 tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung. Do vậy khu vực nghiên cứu đề xuất mô hình nằm trong Vùng 3.
- Vùng Duyên hải Nam Trung bộ là một dải địa hình kéo dài dọc theo bờ biển của Miền Trung và có một số các đặc trưng về tự nhiên, kinh tế- xã hội quan trọng sau:

1.1 Các đặc điểm tự nhiên.

- Với vị trí trung độ của cả nước, các tỉnh miền Trung nằm trong vùng lãnh thổ hẹp với dãy núi Trường sơn gần ra sát biển, tạo ra các vùng đất có địa hình phức tạp và có độ chia cắt mạnh, đồi núi dốc về phía tây và dải đồng bằng hẹp về phía đông dọc bờ biển với hướng thấp dần từ đông bắc xuống tây nam là chủ yếu.
- Vùng duyên hải miền Nam Trung bộ là vùng địa hình tương đối bằng phẳng, địa hình ít biến đổi và thường bị chia cắt và nhỏ hẹp, là sản phẩm tích tụ của phù sa cổ, hồng tích và phù sa bồi đắp của biển và sông suối.
- Bờ biển miền Nam Trung bộ có nhiều cồn cát và bãi cát lớn, kết hợp với các khu vực đồi núi sát biển tạo ra các vùng cảnh quan tự nhiên đẹp, có nhiều lợi thế cho phát triển đô thị và du lịch.
- Khí hậu của vùng duyên hải miền Nam Trung bộ với đặc điểm về lượng mưa lớn và phân bố không đều trong năm, các dòng sông ngắn, dốc, nhiều thác ghềnh nên thường gây úng lụt lớn về mùa mưa, xói mòn mạnh đối với đất đai những vùng che phủ ít và độ dốc lớn và gây khô hạn về mùa khô, do vậy đất nông nghiệp vùng miền Trung dần bị thoái hoá, hiệu quả nông nghiệp thấp.
- Bờ biển có nhiều vũng vịnh, vùng đầm phá và các dòng sông hẹp chạy dọc theo bờ biển là những đặc điểm riêng của duyên hải miền Nam Trung bộ. Các vũng vịnh có thể phát triển các cơ sở dịch vụ kinh tế biển. Hệ thống đầm phá ven biển là những vùng nuôi trồng hải sản song về mùa khô bị nước biển thâm nhập vào sâu gây nhiễm mặn nguồn nước mặt của các sông và nguồn nước ngầm ven biển, do vậy vùng duyên hải là vùng hạn chế về nguồn nước phục vụ dân sinh. Các sông nhỏ hẹp nhưng kéo dài dọc theo bờ biển là những yếu tố hỗ trợ cho thủy lợi và giao thông địa phương.

1.2 Các đặc điểm kinh tế- xã hội

Duyên hải miền Nam Trung bộ nói riêng và các tỉnh miền Trung nói chung là vùng lãnh thổ có ít những ưu đãi của tự nhiên, đất đai phát triển hạn hẹp, thường xuyên bị thiên tai song đây là vùng hội tụ nhiều luồng văn hoá, chứa đựng nhiều di tích lịch sử và văn hoá phong phú và đa dạng của đất nước, là nơi người dân cần cù và giàu truyền thống cách mạng. Bởi vậy, mỗi địa phương trong vùng đều vượt lên những khó khăn về điều kiện địa lí, sử dụng các lợi thế riêng để phát triển kinh tế- xã hội. Có thể khái quát tình hình phát triển kinh tế xã hội của vùng duyên hải miền Nam Trung bộ như sau:

- *Một số lợi thế phát triển.*
 - Là vùng có lợi thế phát triển của các trung tâm kinh tế trong Vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung: sự tập trung đầu tư phát triển đều chủ yếu là tại vùng duyên hải với các mũi nhọn về xây dựng cảng biển, khu lọc hoá dầu, khu kinh tế mở và sự phát triển của các đô thị lớn, các khu du lịch biển, các vùng Di sản văn hoá Thế giới...
 - Là vùng có nền kinh tế phát triển đa dạng: công nghiệp- nông lâm ngư nghiệp- dịch vụ thương mại, du lịch, trong đó vùng nông thôn có nhiều làng nghề truyền thống lâu đời và vẫn tiếp tục phát triển mạnh, đóng góp quan trọng cho cơ cấu kinh tế nông thôn.
- *Một số hạn chế.*
 - Là vùng có nhiều tác động của thiên nhiên, hệ sinh thái tự nhiên mỏng manh và dễ bị phá vỡ, hạn chế phát triển nền kinh tế nông nghiệp;
 - Cơ sở hạ tầng xã hội- kĩ thuật và đô thị hoá còn ở mức thấp so với hai vùng phía bắc và phía nam;
 - Công nghiệp và thương mại- du lịch đang có chiều hướng phát triển song tốc độ còn chậm; vì vậy kinh tế nông nghiệp vẫn là chủ đạo.
 - Nền kinh tế nhìn chung chưa có sự tích lũy, điều kiện hạ tầng thấp, ít hấp dẫn các nguồn đầu tư phát triển.
 - Vấn đề xã hội còn nhiều bức xúc, lao động ít việc làm, đặc biệt là lao động nông thôn. Hậu quả chiến tranh còn nặng nề. Do vậy đời sống xã hội còn thấp.
 - Vùng duyên hải là vùng tập trung nhiều dân cư song quỹ đất đai có hiệu quả nông nghiệp thấp, đặt ra vấn đề phát triển mạnh kinh tế công nghiệp- dịch vụ, trong đó có vấn đề công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp nông thôn và các làng nghề.
 - Vùng miền Trung đã được đầu tư nhiều nguồn vốn để phát triển kinh tế xã hội. Do vậy trong những năm qua kinh tế có sự tăng trưởng và cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển biến với tỉ trọng ngành công nghiệp ngày một tăng lên.
- *Cơ cấu kinh tế của vùng.*
 - Sản xuất công nghiệp với các ngành khai thác, chế biến, sản xuất hàng tiêu dùng... và ngành tiểu thủ công nghiệp phát triển thành các trung tâm công nghiệp gắn với địa bàn các đô thị lớn như Đà Nẵng, Nha Trang và phân bố trong các tỉnh khác: luyện thép tại Đà Nẵng, ô tô tại Đà Nẵng và Nha Trang.

1.2 Các đặc điểm kinh tế- xã hội

Duyên hải miền Nam Trung bộ nói riêng và các tỉnh miền Trung nói chung là vùng lãnh thổ có ít những ưu đãi của tự nhiên, đất đai phát triển hạn hẹp, thường xuyên bị thiên tai song đây là vùng hội tụ nhiều luồng văn hoá, chứa đựng nhiều di tích lịch sử và văn hoá phong phú và đa dạng của đất nước, là nơi người dân cần cù và giàu truyền thống cách mạng. Bởi vậy, mỗi địa phương trong vùng đều vượt lên những khó khăn về điều kiện địa lí, sử dụng các lợi thế riêng để phát triển kinh tế- xã hội. Có thể khái quát tình hình phát triển kinh tế xã hội của vùng duyên hải miền Nam Trung bộ như sau:

- *Một số lợi thế phát triển.*
- Là vùng có lợi thế phát triển của các trung tâm kinh tế trong Vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung: sự tập trung đầu tư phát triển đều chủ yếu là tại vùng duyên hải với các mũi nhọn về xây dựng cảng biển, khu lọc hoá dầu, khu kinh tế mở và sự phát triển của các đô thị lớn, các khu du lịch biển, các vùng Di sản văn hoá Thế giới...
- Là vùng có nền kinh tế phát triển đa dạng: công nghiệp- nông lâm ngư nghiệp- dịch vụ thương mại, du lịch, trong đó vùng nông thôn có nhiều làng nghề truyền thống lâu đời và vẫn tiếp tục phát triển mạnh, đóng góp quan trọng cho cơ cấu kinh tế nông thôn.
- *Một số hạn chế.*
- Là vùng có nhiều tác động của thiên nhiên, hệ sinh thái tự nhiên mỏng manh và dễ bị phá vỡ, hạn chế phát triển nền kinh tế nông nghiệp;
- Cơ sở hạ tầng xã hội- kĩ thuật và đô thị hoá còn ở mức thấp so với hai vùng phía bắc và phía nam;
- Công nghiệp và thương mại- du lịch đang có chiều hướng phát triển song tốc độ còn chậm; vì vậy kinh tế nông nghiệp vẫn là chủ đạo.
- Nền kinh tế nhìn chung chưa có sự tích lũy, điều kiện hạ tầng thấp, ít hấp dẫn các nguồn đầu tư phát triển.
- Vấn đề xã hội còn nhiều bức xúc, lao động ít việc làm, đặc biệt là lao động nông thôn. Hậu quả chiến tranh còn nặng nề. Do vậy đời sống xã hội còn thấp.
- Vùng duyên hải là vùng tập trung nhiều dân cư song quỹ đất đai có hiệu quả nông nghiệp thấp, đặt ra vấn đề phát triển mạnh kinh tế công nghiệp- dịch vụ, trong đó có vấn đề công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp nông thôn và các làng nghề.
- Vùng miền Trung đã được đầu tư nhiều nguồn vốn để phát triển kinh tế xã hội. Do vậy trong những năm qua kinh tế có sự tăng trưởng và cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển biến với tỉ trọng ngành công nghiệp ngày một tăng lên.
- *Cơ cấu kinh tế của vùng.*
- Sản xuất công nghiệp với các ngành khai thác, chế biến, sản xuất hàng tiêu dùng... và ngành tiểu thủ công nghiệp phát triển thành các trung tâm công nghiệp gắn với địa bàn các đô thị lớn như Đà Nẵng, Nha Trang và phân bố trong các tỉnh khác: luyện thép tại Đà Nẵng, ô tô tại Đà Nẵng và Nha Trang.

vật liệu xây dựng tại các vùng phía bắc và nam, dệt may, giày da tại Đà Nẵng, Nha Trang, chế biến nông lâm hải sản tại Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định...với nhiều vùng công nghiệp mía đường, chế biến hải sản xuất khẩu, sản xuất đồ uống...

- Sản xuất nông lâm ngư nghiệp theo hướng hình thành các vùng sản xuất tập trung trồng cây công nghiệp, chăn nuôi. Sản xuất thủy hải sản đang trở thành ngành mũi nhọn của các tỉnh miền Trung, các vùng nuôi trồng phân bố dọc hầu hết các tỉnh, đặc biệt ở các tỉnh nam Trung bộ.
- Thương mại- dịch vụ- du lịch gắn với các đô thị lớn là Đà Nẵng, Nha Trang, trong đó du lịch đang hướng tới là ngành mũi nhọn của vùng.

2. Thực tại phát triển công nghiệp vừa và nhỏ trong vùng.

- Theo các số liệu điều tra của ngành công nghiệp, trong những năm gần đây số lượng các cơ sở sản xuất phân theo loại hình sản xuất thì ngành chế biến nông lâm thủy sản có tỉ trọng cao nhất cũng như sử dụng lực lượng lao động nhiều nhất.
- Thực tại phát triển công nghiệp vừa và nhỏ trong vùng trên địa bàn nông thôn duyên hải Miền Nam Trung bộ mang những đặc điểm phát triển có thể khái quát như sau:
- Các ngành nghề nông thôn phát triển rất đa dạng, gắn bó với sự phát triển của kinh tế- xã hội của địa bàn với các hoạt động nông nghiệp, các vùng nguyên liệu nông phẩm và đặc biệt là gắn bó với các hoạt động tiểu thủ công nghiệp- làng nghề lâu đời. Có thể chia thành 3 nhóm ngành gồm Nhóm chế biến nông lâm hải sản, nhóm tiểu thủ công nghiệp- xây dựng và nhóm dịch vụ.

2.1 Thực trạng phát triển làng nghề thủ công.

- Tổng số làng nghề thủ công- theo thống kê năm 2002 tại vùng duyên hải Nam Trung bộ có 871 làng nghề thủ công, trong đó Thành phố Đà Nẵng có 3 làng, Tỉnh Quảng Nam có 30 làng, tỉnh Quảng Ngãi có 11 làng, tỉnh Bình Định có 27 làng, Phú Yên có 9 làng và Khánh Hòa có 7 làng. Như vậy Quảng Nam và Bình Định là 2 địa bàn tập trung nhiều cơ sở công nghiệp- làng nghề nhất vùng.
- Các sản phẩm của hoạt động làng nghề với các mặt hàng chủ yếu là sản phẩm cói, hàng mây tre đan, gốm sứ, sơn mài, thêu ren, dệt vải, đồ gỗ, chạm khắc đá, giấy thủ công, hàng kim khí và một số sản phẩm khác. Nhiều sản phẩm có truyền thống lâu đời, có phạm vi hoạt động rộng, sử dụng nhiều lao động, có thị trường tiêu thụ trong nước như sản phẩm cói, mây tre đan, gốm sứ, đồ gỗ, kim khí...
- Hạn chế khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá cả và khả năng xuất khẩu còn thấp, trình độ công nghệ, mẫu mã, thiếu thông tin thị trường...là những khó khăn mà hiện nay hoạt động làng nghề vùng duyên hải Nam Trung bộ phải giải quyết.

2.2 Thực trạng phát triển của các doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn.

- Tổng số 350 doanh nghiệp, trong đó các ngành có số lượng lớn như khai thác 61 doanh nghiệp, thực phẩm đồ uống 59 doanh nghiệp, chế biến gỗ 71 doanh nghiệp, SX thủy tinh, gốm sứ, VLXD 37 doanh nghiệp, sản phẩm kim loại 22 doanh nghiệp, đồ mộc 19 doanh nghiệp.
- Tuy nhiên so với tổng số doanh nghiệp trên toàn quốc (7.642 doanh nghiệp) thì vùng duyên hải Nam Trung bộ chiếm một tỉ lệ thấp 4,6%
- Tổng số lao động: 25.000- 27.000 người, trong đó lao động trong chủ yếu trong các ngành như sản xuất thực phẩm- đồ uống 7300 người, may mặc 2000 người, chế biến gỗ 3200 người, SX thủy tinh, gốm sứ, VLXD 2600 người, SX đồ mộc 1400 người.
- Trình độ và trang thiết bị công nghệ được đánh giá theo các mức độ: tiến tiến 7,4%, trung bình 77,9%, lạc hậu 8,9% và còn lại không phân loại được. Như vậy chủ yếu là đạt mức trung bình.

2.3 Các loại hình tổ chức công nghiệp nông thôn

- Các cơ sở công nghiệp nông thôn vùng Duyên hải Nam Trung bộ được tổ chức thành nhiều dạng trên cơ sở mô hình hoạt động hộ gia đình, làng nghề truyền thống, làng nghề mới, doanh nghiệp, trong đó có dạng lao động không thường xuyên, hộ hỗn hợp nông nghiệp- phi nông nghiệp.
- Các cơ sở hiện nay phân bố rải rác trên địa bàn và xen với các khu dân cư, phát triển trên các địa điểm khuôn viên gia đình, ven đường giao thông, tiếp cận với các điều kiện hạ tầng kỹ thuật nông thôn sẵn có, chưa có các qui hoạch xây dựng để phát triển các cơ sở mới nên bên cạnh một số thuận lợi cho các cơ sở công nghiệp nông thôn phát triển trong giai đoạn trước mắt song nảy sinh các hạn chế, tồn tại.

2.4 Khó khăn và hạn chế.

- Nhiều khu vực nông thôn và đất đai nông nghiệp bị ảnh hưởng ô nhiễm về nước thải, rác thải, không khí, tiếng ồn... Tuy chưa phải là vùng có mức độ ô nhiễm mạnh song đã có những địa điểm làng nghề cần được cảnh báo như các nghề sản phẩm đúc đồng, chế biến hải sản, khai thác và chế biến vật liệu xây dựng.
- Khó khăn trong đầu tư phát triển, quản lý và sử dụng điều kiện hạ tầng kỹ thuật cho vùng nông thôn cũng như các chính sách hỗ trợ hoạt động.
- Hạn chế thông tin về thị trường tiêu thụ quảng bá sản phẩm, làm qui mô sản xuất chậm phát triển...
- Các cơ sở sản xuất ở nông thôn đều có quy mô sản xuất nhỏ. Để có điều kiện phát triển sản xuất, phải có đầu tư lớn về mặt bằng sản xuất, xây dựng các công trình nhà xưởng sản xuất, chi phí thuê đất hàng năm... Điều này vượt quá khả năng tài chính của nhiều cơ sở sản xuất ở nông thôn.

PHẦN 3. XÂY DỰNG CÁC MÔ HÌNH QUI HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN NAM TRUNG BỘ.

1. Các định hướng phát triển chung.

1.1 Định hướng phát triển của công nghiệp toàn quốc theo vùng lãnh thổ.

Định hướng phát triển của công nghiệp toàn quốc theo vùng lãnh thổ đã xác định đối với Vùng 3- Vùng Duyên hải Miền Trung, trong đó có Vùng Duyên hải Nam Trung bộ là:

- "Với lợi thế bờ biển dài, có nhiều cảng nước sâu và có nhiều vật liệu xây dựng, vùng 3 là vùng tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông lâm hải sản, lọc hoá dầu, đóng tàu, cơ khí chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng và dệt may da giày; Từng bước tạo dựng phát triển ngành điện tử và công nghệ thông tin để hỗ trợ cho ngành khác phát triển".
- Ngành công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản vẫn tiếp tục là ngành ưu tiên phát triển trong các giai đoạn
- Tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của vùng dự kiến là trên 40% (nông lâm thủy sản 20%, dịch vụ 40%), với tốc độ tăng trưởng công nghiệp 10-12% năm.

1.2 Định hướng phát triển công nghiệp nông thôn vùng duyên hải Miền Trung.

- Định hướng chung phát triển công nghiệp nông thôn xác định: phát triển mạnh các ngành nghề có nhiều tiềm năng lợi thế nhằm thu hút lao động dư thừa và nâng cao thu nhập của khu vực nông thôn. Lợi thế so sánh của vùng duyên hải Miền Trung là vùng tập trung nhiều ngành nghề truyền thống với vùng nguyên liệu tại chỗ, nhiều lao động chưa có việc làm, vùng đất đai ít thuận lợi cho nông nghiệp phát triển, có vùng đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản, xen giữa các đô thị lớn và các trung tâm du lịch- di sản thế giới...
- Hướng phát triển các sản phẩm chế biến thủy hải sản và sản phẩm thủ công phục vụ du lịch và xuất khẩu là nổi trội nhất, bên cạnh các ngành công nghiệp hàng tiêu dùng và hỗ trợ các khu công nghiệp tập trung trong vùng.

2. Cơ sở đề xuất mô hình tổ chức không gian cụm điểm công nghiệp nông thôn Vùng Duyên hải Nam Trung bộ

Mô hình tổ chức không gian cụm điểm công nghiệp nông thôn Vùng Duyên hải Nam Trung bộ được nghiên cứu đề xuất dựa trên 2 cơ sở quan trọng là đặc điểm phát triển của địa bàn nông thôn và hệ thống tiêu chí cơ bản hình thành và phát triển cụm điểm công nghiệp vừa và nhỏ.

2.1 Đặc điểm và các yêu cầu phát triển.

- Hiện nay, các cụm công nghiệp vừa và nhỏ khu vực duyên hải Miền trung đã và đang hình thành, phát triển, xuất phát từ nhu cầu thực tế của các cơ sở kinh doanh trong việc giải quyết mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh, giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường... Đã có dự kiến hình thành và phát triển một số cụm điểm công nghiệp, chủ yếu là đa nghề với các loại hình phù hợp với nguồn nguyên liệu địa phương và sử dụng được nguồn lao động phổ thông của nông thôn. Địa điểm lựa chọn gắn với khu vực nông thôn có dân cư tập trung, gần đường giao thông chính của địa bàn hoặc gần với thị trấn trung tâm huyện.
- Tuy nhiên, các cụm CN hình thành chủ yếu mang tính tự phát hoặc chỉ là những bước đi ban đầu, chưa định rõ nhiều tồn tại cần giải quyết, đặc biệt là trong tổ chức không gian qui hoạch.
- *Yếu tố địa lý* là cơ sở quan trọng nhất chi phối đến việc nghiên cứu mô hình đề xuất tổ chức không gian cụm điểm công nghiệp vừa và nhỏ phù hợp với địa bàn nông thôn duyên hải Nam Trung bộ. Với các đặc điểm phát triển thực trạng hiện nay cho thấy bước đầu các địa phương trong vùng đã có những xúc tiến quan trọng phù hợp với các định hướng phát triển lâu dài của toàn vùng.
- *Các yêu cầu phát triển.*
 - Vị trí để có đủ điều kiện về đường giao thông và cung cấp hạ tầng, đáp ứng được mong muốn của các hộ sản xuất là gắn với nơi cư trú và gắn với hoạt động nông nghiệp, làng nghề.
 - Sử dụng được nguồn lao động phổ thông và nguồn nguyên liệu tại chỗ.
 - Hướng giải quyết cho việc mở rộng sản xuất, phát triển công nghiệp làng nghề và hướng tới các dịch vụ các sản phẩm du lịch.
 - Có cơ sở hoạt động giới thiệu, quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại, đặc biệt đối với các làng nghề truyền thống, tạo hiệu quả kinh tế tương xứng với tiềm năng thực sự của làng nghề.
 - Các cụm công nghiệp hướng theo mô hình tổ chức không gian tiên tiến.
 - Yêu cầu nhà ở để cập cùng với việc lập qui hoạch công nghiệp.
 - Yêu cầu giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường đối với các khu vực bờ biển, khu du lịch, khu dân cư và sinh thái nông nghiệp.

2.2 Hệ thống tiêu chí qui hoạch tổ chức không gian cụm công nghiệp nông thôn.

Việc lựa chọn phát triển công nghiệp nông thôn và đề xuất mô hình tổ chức không gian qui hoạch của vùng duyên hải Nam Trung bộ căn cứ trên nhiều tiêu chí- cơ sở khoa học trọng yếu.

a. Lãnh thổ- đất đai.

Lãnh thổ đất đai nông thôn vùng duyên hải Nam Trung bộ với các đặc trưng riêng khác biệt với các vùng khác là một bối cảnh quan trọng :

- Tài nguyên: tài nguyên biển- ven biển và tính truyền thống lịch sử, di sản văn hoá và sự phát triển các làng nghề là những nét nổi bật nhất của vùng.
- Bối cảnh kinh tế- xã hội: hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ một vùng nông nghiệp nghèo sang một vùng dịch vụ kinh tế du lịch biển và các vùng di sản và công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp mới, nổi bật là mũi nhọn ngành chế biến thuỷ hải sản và công nghiệp- làng nghề
- Khả năng cung cấp hệ thống hạ tầng kĩ thuật: giao thông, nguồn nước, nguồn năng lượng, thông tin liên lạc...và khả năng cung cấp hạ tầng xã hội: giáo dục, đào tạo nghề, dịch vụ công cộng...chưa phát triển mạnh. Đặc điểm là một dải địa hình kéo dài với các điểm đô thị lớn- các thị trường tiêu thụ có cự li lớn là một khó khăn của vùng. Do vậy khả năng hấp dẫn đầu tư trong ngoài nước không cao.
- Sinh thái môi trường duyên hải là một vấn đề phải chú trọng để cân bằng giữa phát triển công nghiệp nông thôn và sinh thái du lịch.

Bối cảnh kinh tế- xã hội và đặc điểm tự nhiên là căn cứ để tạo lập các dự báo phát triển mạng lưới công nghiệp nông thôn cho vùng, nhận dạng vai trò tính chất của các khu vực, sự liên quan tương hỗ giữa đô thị và nông thôn trong phát triển không gian vùng. Các đặc trưng văn hoá làng xã nông thôn, đặc biệt là các vùng làng nghề truyền thống sẽ là những gợi mở cho qui hoạch tổ chức không gian công nghiệp nông thôn hướng tới phù hợp với không gian nông thôn duyên hải và với vùng du lịch ven biển.

b. Ngành nghề.

Đối với nông thôn vùng nghiên cứu, công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn cần phát triển theo hướng chung là:

- Phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp của từng địa phương và của vùng duyên hải Nam Trung bộ.
- Các ngành nghề tận dụng được lợi thế sẵn có và dựa trên vùng nguyên liệu nông ngư phẩm- nổi trội là hải sản và vùng có ngành nghề truyền thống.
- Giải quyết vấn đề kinh tế và lao động nông thôn của vùng nông nghiệp ít thuận lợi.
- Hướng tới một số ngành nghề có khả năng hỗ trợ công nghiệp lớn tại các khu công nghiệp tập trung trong vùng có thị trường lớn đô thị và dịch vụ cho loại hình du lịch biển.

Loại hình công nghiệp là cơ sở để lựa chọn giải pháp tổ chức không gian cho cụm công nghiệp, trong đó có các yếu tố xác định vị trí xây dựng.

mối quan hệ với khu dân cư nông thôn, vùng sinh thái nông nghiệp, vùng du lịch ven biển, cơ cấu sử dụng đất khu sản xuất. Đặc biệt việc lựa chọn phát triển công nghiệp- làng nghề đòi hỏi nghiên cứu không gian sản xuất gắn kết hài hoà với không gian nông thôn- làng nghề cũ và tiếp cận được với các không gian dịch vụ du lịch.

c. Quy mô.

- Quy mô công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn được xác định dựa trên các nguyên tắc chung là: Phù hợp với tính chất ngành nghề của địa phương; Khả năng dung nạp của đất đai xây dựng; Đáp ứng được nhu cầu phát triển sản xuất của địa phương; Phù hợp với năng lực quản lý của địa phương.
- Quy mô phát triển tương đồng với các yếu tố cấu thành là các hộ sản xuất trong cụm công nghiệp, đó là quy mô vốn đầu tư, số lao động, yêu cầu sử dụng đất sản xuất...
- Quy mô công nghiệp và đặc điểm sử dụng lao động là căn cứ để xác định mô hình xây dựng công nghiệp kèm theo khu ở và mức độ đầu tư dịch vụ công cộng trong mối quan hệ tận dụng các điều kiện hạ tầng xã hội của dân cư nông thôn địa phương.

d. *Quản lý công nghiệp nông thôn và các yêu cầu bảo vệ môi trường* cũng là những tiêu chí cần thiết đối với vùng nông thôn duyên hải, sẽ được xem xét cụ thể cho từng địa điểm lựa chọn phát triển công nghiệp. Nổi bật của vấn đề môi trường là bảo vệ sinh thái đặc trưng của vùng duyên hải và các vùng có giá trị nông nghiệp hiệu quả.

e. Tổ chức không gian

Quy hoạch nông thôn bao gồm các khu chức năng chủ yếu là Khu nhà ở, khu trung tâm hành chính và dịch vụ công cộng, khu các công trình sản xuất và phụ trợ, khu các công trình hạ tầng kỹ thuật. Trong các qui chuẩn xây dựng Việt nam chưa đề cập rõ nét về công nghiệp nông thôn.

- Xu hướng hình thành mạng lưới công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn với yêu cầu phát triển không chỉ bó hẹp trong phạm vi nông nghiệp- nông thôn địa phương, đòi hỏi tổ chức không gian đề cập đến các tiêu chí xác định một không gian công nghiệp nông thôn gồm:
 - Xác định vị trí và mối quan hệ không gian công nghiệp và không gian nông nghiệp- nông thôn.
 - Xác định cấu trúc tổ chức không gian khu ở nông thôn và sản xuất công nghiệp.
 - Xác định cơ cấu qui hoạch sử dụng đất công nghiệp.
 - Xác định qui hoạch cây xanh- cảnh khu công nghiệp.
 - Xác định kiến trúc công trình công nghiệp.

- Vì vậy nghiên cứu tổ chức không gian cần đạt được các yêu cầu sau:
 - Lựa chọn vị trí phù hợp với đặc điểm tự nhiên và đặc điểm sản xuất nông nghiệp của địa bàn, thể hiện được đặc trưng của không gian qui hoạch nông thôn khác biệt với đô thị là sản xuất gắn kết với không gian ở.
 - Khả năng gắn kết với bối cảnh địa phương của cụm- điểm công nghiệp dự kiến hình thành. Đặc trưng lối sống truyền thống, cấu trúc qui hoạch làng xã và kiến trúc nông thôn, đặc biệt là đối với các khu vực dự kiến phát triển nghề truyền thống.
 - Mức độ đô thị hoá, hình thái dịch vụ hạ tầng xã hội và kĩ thuật, tạo một môi trường làm việc mới là một trong các yếu tố tác động đến mức độ đô thị hoá nông thôn và thúc đẩy sự phát triển của các dịch vụ hạ tầng xã hội và kĩ thuật ở nông thôn, vấn đề ở của người nông dân dần dần tiệm cận với các tiện nghi sinh hoạt văn minh hiện đại. Đối với các làng nghề thực tế đã có sự phân tách dần giữa không gian ở và sản xuất gia đình.

3. Mô hình qui hoạch tổ chức không gian công nghiệp nông thôn duyên hải Nam Trung bộ

Có thể đề xuất 2 mô hình qui hoạch tổ chức không gian công nghiệp nông thôn vùng duyên hải Nam Trung bộ tương ứng với 2 loại hình có nhiều khả năng hình thành phát triển phù hợp với địa bàn có đặc trưng của địa hình duyên hải trong bối cảnh kinh tế xã hội là vùng phát triển đa trung tâm với các đô thị không lớn, có nhiều vùng du lịch và hạn chế hướng phát triển công nghiệp tập trung qui mô lớn. Kinh tế nông nghiệp gắn đánh bắt, nuôi trồng và chế biến hải sản và các hoạt động làng nghề vẫn là hướng nổi trội của vùng.

3.1 Mô hình cụm công nghiệp

- Cụm công nghiệp sẽ chủ yếu theo hướng đa nghề với nhu cầu sử dụng nhiều lao động phổ thông, như vậy sẽ được thu hút từ các địa bàn nông thôn lân cận. Có thể có dạng cụm công nghiệp chuyên ngành chế biến thủy hải sản.
- Về qui mô có thể lựa chọn ở mức độ vừa phải, 10- 30ha là phù hợp với vùng qui hoạch là nơi có quỹ đất hạn hẹp và gần bờ biển. Loại trừ các ngành công nghiệp có mức độ độc hại cao vì đây không chỉ là vùng dân cư mà còn là vùng du lịch có giá trị.
- Vị trí xây dựng cụm công nghiệp tiếp cận thuận lợi với các trục lộ chính của vùng tỉnh, gần các thị trấn trung tâm huyện để vừa tạo cho cụm công nghiệp có sức thu hút đầu tư và lao động nhanh, đồng thời dựa vào các điều kiện hạ tầng ban đầu của điểm đô thị đã có; hệ thống các thị trấn huyện của vùng duyên hải miền Trung phần lớn nằm dọc theo trục QL1 là tuyến xương sống nối kết các tỉnh huyện trong vùng. Đối với các cụm có công nghiệp chế biến hải sản cần gắn với các khu vực có cảng cá, bến cá để thuận lợi cho cung cấp nguyên liệu.

-
- ```

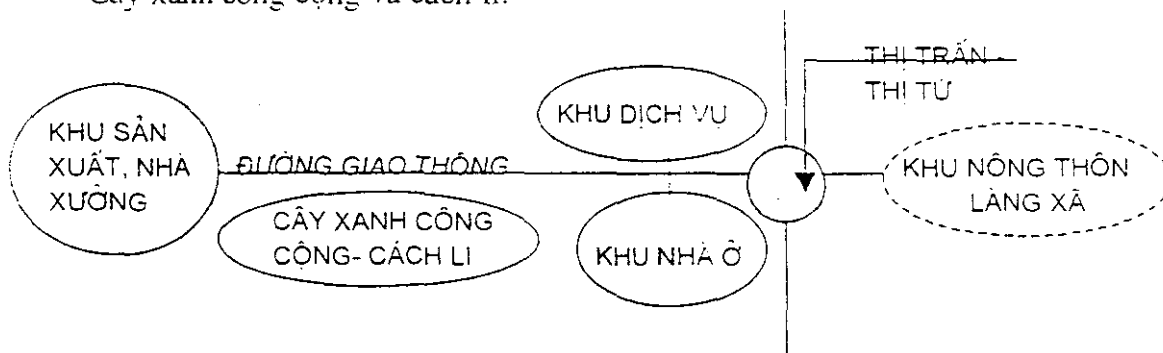
graph TD
 A([CỤM CÔNG NGHIỆP]) --- B([TRUNG TÂM DỊCH VỤ SẢN XUẤT VÀ SINH HOẠT])
 C([LÀNG XÃ NÔNG THÔN]) --- D([KHU NHÀ Ở MỚI])
 B --- D

```

- Như vậy một hình ảnh mới được tạo lập, là sự hình thành một tổng thể qui hoạch cụm công nghiệp- trung tâm dịch vụ- khu nhà ở, như một tiểu khu kinh tế công nghiệp- dịch vụ xuất hiện tại địa bàn nông thôn duyên hải miền Trung, tạo tụ điểm hạt nhân phát triển và đô thị hoá. Đây là một yêu cầu bức thiết để đẩy nhanh mức độ đô thị hoá và phân bố hệ thống đô thị trong vùng.
- Xác định cấu trúc không gian sản xuất và qui hoạch sử dụng đất cụm công nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn nông thôn duyên hải miền Trung là phần nghiên cứu để hướng tới hình ảnh của một không gian công nghiệp qui mô nhỏ và vị trí xây dựng tại nông thôn có tổ chức không gian qui hoạch hoàn chỉnh.

#### *Cụm công nghiệp phát triển theo mô hình tiểu khu kinh tế*

- Khu xây dựng nhà xưởng sản xuất: Là khu chức năng chính của cụm công nghiệp.
- Khu ở công nhân.
- Khu dịch vụ công cộng, giới thiệu và bán sản phẩm, dịch vụ sản xuất, công trình hạ tầng phụ trợ... (phục vụ chung cho sản xuất và sinh hoạt)
- Đường giao thông trong cụm công nghiệp.
- Cây xanh công cộng và cách li.



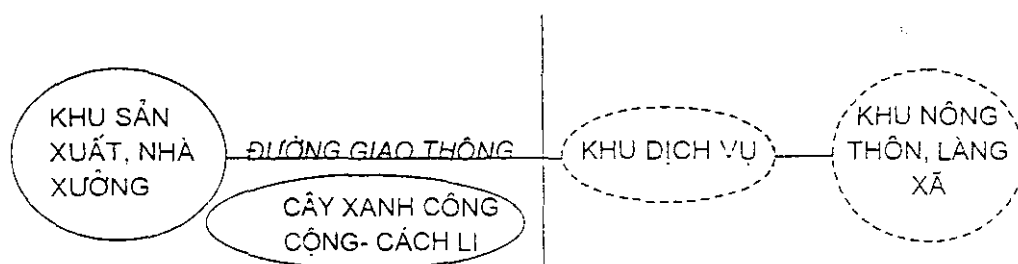
- Cơ cấu sử dụng đất cụm công nghiệp có tỉ lệ khác với khu công nghiệp của các đô thị hoặc khu công nghiệp tập trung do cấu trúc các khu chức năng, các yêu cầu về đầu mối hạ tầng, các cơ chế quản lý và kinh doanh... Có thể phân bổ diện tích như sau:

|                                    |          |
|------------------------------------|----------|
| • Khu xây dựng nhà xưởng sản xuất: | 60- 65%  |
| • Khu ở công nhân:                 | 12- 15%  |
| • Khu dịch vụ:                     | 3-5%     |
| • Đường giao thông:                | 12- 15%  |
| • Cây xanh:                        | 10- 12 % |

Mô hình tiểu khu kinh tế công nghiệp- dịch vụ- dân cư sẽ phát triển như một hạt nhân mầm mống cho sự hình thành một điểm đô thị trong tương lai. Vì vậy lựa chọn phát triển mô hình này phù hợp với các cụm công nghiệp nông thôn có qui mô đủ lớn (30- 50ha) và xu hướng hoạt động đa

nghề. Đặc biệt nghiên cứu cần xác định quỹ đất dự trữ cho sự hình thành đô thị tương lai.

- Cụm công nghiệp loại hình qui mô nhỏ có sự chuyển dịch cấu trúc khu chức năng. Khu nhà ở và khu dịch vụ nằm ngoài phạm vi cụm công nghiệp, có thể chuyển dịch để xây dựng gần với khu vực dân cư nông thôn đã có.



Như vậy, vị trí cụm công nghiệp và khu dịch vụ cần có khoảng cách gần, đủ để đáp ứng các nhu cầu dịch vụ của sản xuất (dịch vụ ăn uống, bưu điện, nguồn cấp điện, cấp nước...)

- Phân bố diện tích theo cơ cấu tỉ lệ đất sản xuất cao hơn như sau:
  - Khu xây dựng nhà xưởng sản xuất: 75- 80%
  - Đường giao thông: 10- 12%
  - Cây xanh: 5- 10%

### 3.2 Mô hình điểm công nghiệp- làng nghề

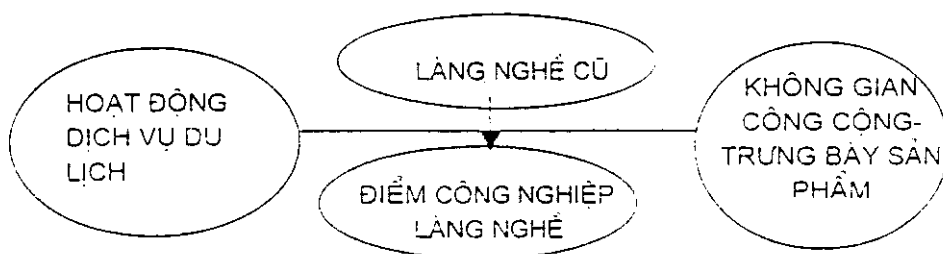
Bối cảnh phát triển của các ngành nghề truyền thống, các làng nghề trong vùng duyên hải nam Trung bộ tạo thành một hệ thống các điểm phân bố đều khắp trong vùng, đặc biệt tập trung tại Quảng nam và Bình định. Tuy nhiên hiện nay đã có nhiều nghề không còn phát triển.

Các làng nghề truyền thống ra đời gần với các vùng địa lí sông biển và với lịch sử phát triển văn hóa- đô thị như làng gốm, làng mộc, làng đúc đồng, các làng nghề ương tơ, dệt lụa, dệt chiếu... Các làng nghề mới với các sản phẩm thủ công mỹ nghệ mây tre, gỗ, chiếu cói phát triển gần với các làng nghề truyền thống, tạo thành những vùng làng nghề hoạt động sản xuất, bước đầu đã có những sản phẩm hấp dẫn du khách và được thị trường ưa chuộng. Hiện nay có nhiều chính sách khuyến khích để khôi phục và phát triển các làng nghề trong việc mở rộng và nâng cao công nghệ song việc phát triển làng nghề vẫn có những tồn tại.

Có nhiều giải pháp, trong đó quan trọng nhất là việc hình thành cụm công nghiệp để dịch chuyển địa điểm sản xuất đã có và tạo cơ hội phát triển mới, tạo cho công nghiệp- làng nghề có thể phát huy vai trò trong kinh tế công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp để chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, giải quyết lao động nông nhân, phát triển văn hóa truyền

thống và hướng tới các hoạt động du lịch tham quan các vùng di sản văn hoá, du lịch biển đang phát triển mạnh tại duyên hải Nam Trung bộ.

- Điểm công nghiệp làng nghề sẽ là hướng phát triển số lượng lớn và phù hợp với vùng duyên hải Nam Trung bộ, giải quyết địa điểm mới để mở rộng sản xuất, di chuyển ra khỏi làng xã những loại hình sản xuất gây nhiều ô nhiễm, phát triển các nghề mới...
- Quy mô nhỏ là phù hợp (dưới 10ha), phù hợp với dạng sản xuất sản phẩm chuyên ngành mới phục vụ nhu cầu nội vùng như chế biến nông phẩm, vật liệu xây dựng địa phương... hoặc là các cơ sở sản xuất sản phẩm truyền thống dịch chuyển tách khỏi khuôn viên sản xuất gia đình trong làng nghề.
- Về lao động, do quy mô nhỏ, mang tính chất chuyên ngành, tính truyền thống trong phạm vi hẹp của gia đình, làng xóm nên nhân công lao động trong cụm công nghiệp không nhiều và chủ yếu nguồn tại chính trong làng xã.
- Vấn đề nhà ở chủ yếu được đề cập đến là việc cải tạo làng xã sau khi dịch chuyển sản xuất sang khu đất sản xuất tập trung, đặc biệt là môi trường nhà ở.
- Tuy nhiên cũng như cụm công nghiệp, trong điều kiện quy mô nhỏ có thể xây dựng nhà ở cho công nhân ngay trong khuôn viên xí nghiệp nhưng phải đảm bảo điều kiện môi trường sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu ở của người lao động công nghiệp ở nông thôn, đặc biệt đối với tâm lý và phương thức sản xuất gia đình của các làng nghề truyền thống.
- Điểm công nghiệp, đặc biệt đối với vùng làng nghề có vị trí gần nhất cho phép để vừa có nơi sản xuất mới vừa lưu giữ được không khí làng nghề, là vấn đề cần chú trọng khi dự kiến tạo cơ hội phát triển thành điểm tham quan du lịch làng nghề. Việc hình thành không gian công cộng kết hợp trưng bày, bán sản phẩm tại vị trí dễ tiếp cận về giao thông, có các dịch vụ hỗ trợ như một điểm dừng chân trên tuyến du lịch là cần thiết.



- Phát triển điểm công nghiệp làng nghề là một loại hình đặc thù của công nghiệp nông thôn, một số phương thức sản xuất- sản phẩm mang tính truyền thống cao và có giá trị thẩm mỹ cần hướng tới mô hình sản xuất kết hợp điểm tham quan du lịch.
- Vì vậy cấu trúc các khu chức năng bao gồm:  
Làng nghề hiện có.  
Khu vực nhà xưởng sản xuất

Khu dịch vụ cộng cộng và trưng bày quảng bá sản phẩm  
Đường giao thông



### 3.3 Các yêu cầu về kiến trúc- cảnh quan

#### a. Kiến trúc công trình.

- Các yêu cầu cụ thể để xác định được qui mô công trình, loại hình kiến trúc của các công trình nhà xưởng, các công trình dịch vụ cộng cộng và phụ trợ sản xuất liên quan cụ thể đến phần thiết kế và xây dựng công trình, đảm bảo phù hợp với khí hậu đặc thù của vùng duyên hải miền Trung, đặc biệt là vấn đề ngập lụt hàng năm của khu vực này.
- Kết cấu nhà xưởng sản xuất cần đảm bảo công trình bền vững, đơn giản, dễ vận chuyển, lắp ráp thi công và có giá thành rẻ, phù hợp với các doanh nghiệp nông thôn trong vùng.
- Hình thức kiến trúc nhà xưởng, mặc dù là tại vùng nông thôn vẫn cần đảm bảo cho môi trường sản xuất đủ các điều kiện về vệ sinh công nghiệp, về nhiệt độ, ánh sáng, màu sắc và đóng góp cho thẩm mỹ kiến trúc của toàn khu vực với hình khối, chiều cao công trình đảm bảo an toàn và thuận lợi cho các hoạt động sản xuất theo từng loại hình.
- Sử dụng giải pháp xây dựng tập trung theo các khối chủ đạo của công trình sản xuất, dịch vụ, phụ trợ sản xuất. Các công trình dịch vụ cộng cộng hướng tới các thiết kế kiến trúc đẹp để tạo điểm nhấn cảnh quan cho khu vực.
- Khu văn phòng, trưng bày quảng bá sản phẩm và các dịch vụ khu sản xuất bố trí sát đường giao thông chính của khu vực và nằm trong không gian khu vực trung tâm dịch vụ.

#### b. Cảnh quan

- Cảnh quan công nghiệp là một yếu tố quan trọng tạo một môi trường sản xuất có chất lượng tốt, thẩm mỹ kiến trúc cảnh quan cao và đặc biệt là không gây ảnh hưởng hạn chế đến môi trường nông nghiệp- nông thôn và các khu vực bờ biển của địa phương.
- Cây xanh đảm bảo một tỉ lệ chiếm đất hợp lý đủ để tạo bóng mát, đồng thời tạo không gian cảnh quan cho khu sản xuất, tổ chức dưới

dạng vườn cây- thảm cỏ trang trí, có thể khai thác các khu mặt nước tự nhiên hay bể cảnh.

- Sử dụng các kiến trúc biểu tượng, điêu khắc, biển quảng cáo, đèn chiếu sáng kết hợp trang trí hỗ trợ cảnh quan chung, đặc biệt cần thiết cho các cụm điểm công nghiệp- làng nghề có kết hợp khai thác du lịch và thương mại tiếp thị

### *3.4 Các yêu cầu về tổ chức hạ tầng kỹ thuật.*

#### *a. Tổ chức đường giao thông*

- Đảm bảo liên hệ hợp lý trong ngoài khu sản xuất, tiết kiệm đất đai, đường giao thông tiếp cận từng xí nghiệp và đủ điều kiện vận tải nguyên vật liệu, hàng hoá. Cấu trúc trục và nhánh sẽ là một cấu trúc ưu thế phù hợp với công nghiệp nông thôn có qui mô đất đai và yêu cầu hoạt động không lớn.
- Mạng lưới đường giao thông và phân bố lô đất xí nghiệp trong cụm công nghiệp lựa chọn theo các mô hình trục và nhánh xương cá, lưới ô vuông, hoặc hỗn hợp phân tán, tùy thuộc vào vị trí khu vực xây dựng, tuyến giao thông bên ngoài.

#### *b. San nền và thoát nước*

- Địa điểm xây dựng cần được lựa chọn tại các khu vực cao hoặc có giải pháp tôn nền để hạn chế bị úng ngập trong mùa mưa lũ và đây là vấn đề cần chú trọng khi chuẩn bị nền đất xây dựng vì duyên hải nam Trung bộ là vùng thường xuyên gặp thiên tai.

#### *c. Cấp nước và cấp điện.*

- Vấn đề cung cấp hạ tầng điện nước cho cụm điểm công nghiệp nông thôn vùng duyên hải là những điều kiện cần và có cơ sở ban đầu để tạo tính khả thi cho khu vực xây dựng. Vì vậy vị trí các cụm có xu thế chọn gần với thị trấn, khu dân cư tập trung để có điều kiện cấp điện nước ngay cho giai đoạn đầu xây dựng.
- Duyên hải miền Trung có nhiều vùng hạn chế về điều kiện cung cấp nước nên cần có khảo sát thêm về nguồn nước ngầm cục bộ để hỗ trợ, đặc biệt khi hình thành khu chế biến hải sản là loại hình sử dụng nhiều nước.

#### *c. Thoát nước bẩn và vệ sinh môi trường*

- • Đối với cụm công nghiệp nông thôn, vấn đề xử lý các chất thải (nước thải, khí thải và rác thải...) không chỉ là việc đảm bảo môi trường sản xuất và còn là việc bảo vệ các vùng dân cư và vùng nông nghiệp xung quanh, thường có vị trí cận kề.

- Vị trí xây dựng cần gần sông suối và có địa hình thuận lợi cho việc thu gom nước thải. Vấn đề khu xử lý thường là rất cần thiết song phải lựa chọn mô hình có giá thành thấp, dễ thi công và vận hành, có thể sử dụng chung cho khu dân cư và khu sản xuất.
- Tuy nhiên công nghệ mới tiên tiến thay cho các công nghệ cũ và lạc hậu trong các xí nghiệp ở nông thôn là vấn đề cần phải quan tâm để giảm thiểu các chất thải, đặc biệt với các hoạt động công nghiệp làng nghề.

## PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Đề xuất các mô hình tổ chức không gian cụm điểm công nghiệp vừa và nhỏ nông thôn vùng Duyên hải Nam Trung bộ, một vùng có nhiều đặc trưng địa lý và bối cảnh phát triển kinh tế- xã hội và nông thôn là một nghiên cứu cần thiết.

Phân nghiên cứu đề xuất trên được đề xuất trọng tâm vào 2 mô hình mang tính điển hình có thể ứng dụng cho việc lựa chọn xây dựng cụm điểm công nghiệp vừa và nhỏ địa bàn nông thôn Duyên hải nam Trung bộ.

- *Mô hình cụm công nghiệp* theo hướng đa nghề là chủ yếu là những đề xuất đáp ứng nhu cầu phát triển các cụm công nghiệp trong phạm vi các huyện, sẽ có khả năng xuất hiện nhiều tại các khu vực ngoại vi thị trấn huyện lỵ để hỗ trợ cho sự phát triển của đô thị, hoặc phân bố tại địa điểm có dân cư nông thôn tập trung, hướng tới khả năng hình thành đô thị chuyên ngành trong tương lai, phù hợp với các khu vực có công nghiệp chế biến thủy hải sản, cảng cá.
- *Mô hình điểm công nghiệp- làng nghề* theo hướng hình thành khu sản xuất tập trung qui mô nhỏ gắn với các làng nghề truyền thống và làng nghề mới- đang là một yêu cầu phát triển mạnh tại địa bàn nông thôn Duyên hải nam Trung bộ để vừa bảo tồn vừa phát triển các sản phẩm làng nghề, tiếp cận với yêu cầu sản phẩm chất lượng cao và đặc biệt là sự nối kết giữa công nghiệp- làng nghề với hoạt động du lịch của vùng.

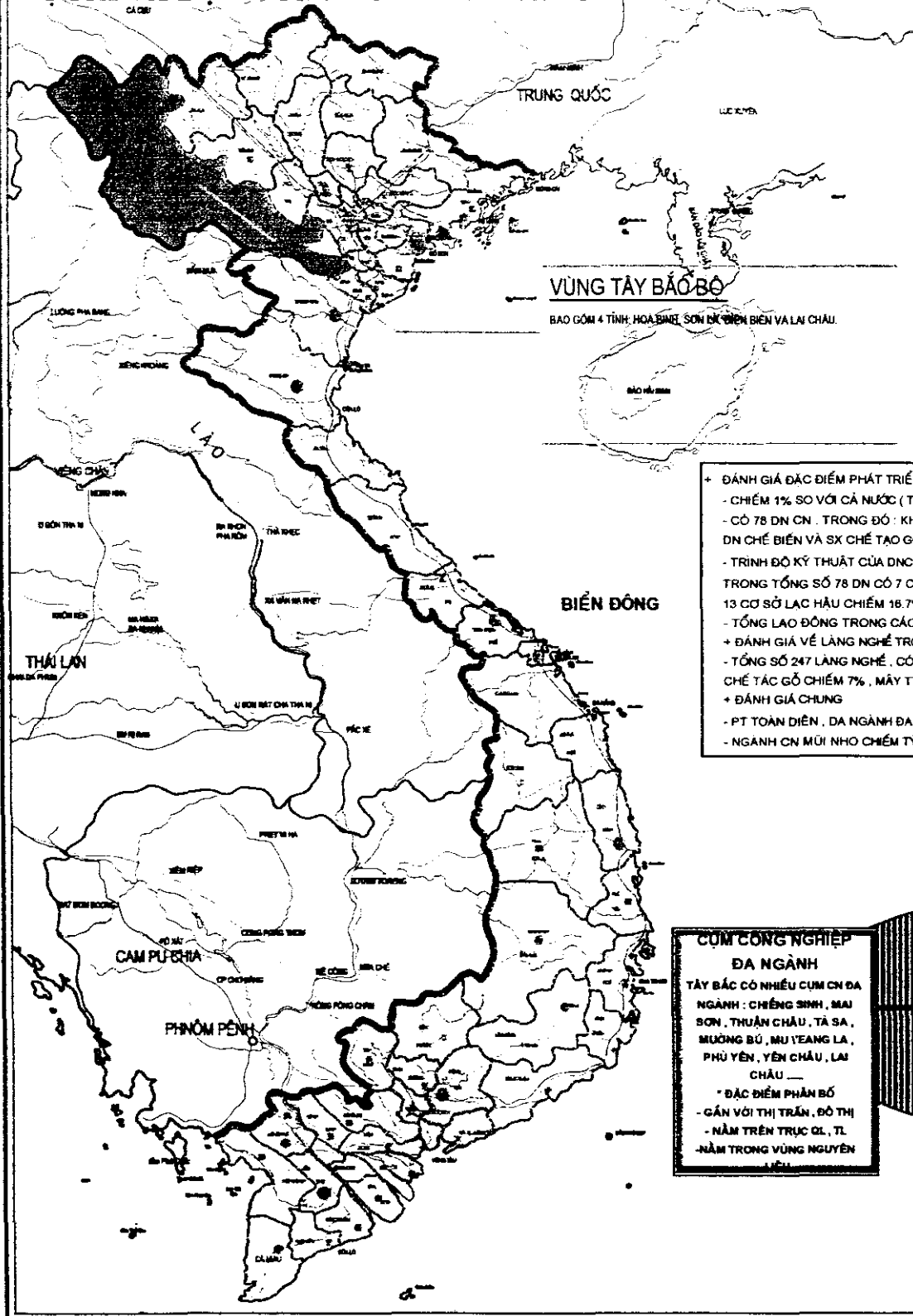
Tuy nhiên, để thực sự có hiệu quả cho việc lập qui hoạch cụm điểm công nghiệp, trong phạm vi nghiên cứu này có một số kiến nghị sau:

- Nghiên cứu có tính mở để có thể vận dụng linh hoạt thích ứng với từng trường hợp địa phương cụ thể do tính chất trải dài về địa hình của vùng duyên hải Nam Trung bộ mang lại cho mỗi địa phương trong vùng có những yêu cầu phát triển khác nhau với những vùng nông thôn mang những nét riêng biệt.
- Tiếp sau những đề xuất về mô hình mang tính khái quát cần thiết có những tài liệu hướng dẫn lập qui hoạch để chuyển hoá những mô hình vào thực tế qui hoạch xây dựng.
- Các vấn đề liên quan đến việc quản lý vận hành cụm điểm công nghiệp nông thôn trong vùng nghiên cứu sẽ được đề xuất khi lập qui hoạch xây dựng cho từng trường hợp cụ thể.



# NGHIÊN CỨU CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KINH CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN THEO HƯỚNG XÂY DỰNG MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIẢN VÙNG TÂY BẮC BỘ

## VỊ TRÍ VÀ ĐẶC ĐIỂM VÙNG NGHIÊN CỨU



# GIAN CÁC LOẠI HÌNH

## G NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA

### M CÔNG NGHIỆP VỪA NHỎ NÔNG THÔN



BỘ XÂY DỰNG  
VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN  
11 Nguyễn Trãi, Hà Nội, Việt Nam. Điện thoại: 04.3825.1111

MÃ SỐ KC 07 - 23

NHÁNH 4

#### \* ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN:

- \* VỊ TRÍ NẪM TÂY BẮC CỦA TỔ QUỐC GỒM 4 TỈNH: HOÀ BÌNH, SƠN LA, ĐIỆN BIÊN, LAI CHÂU
  - PHÍA BẮC GIÁP CHDCND TRUNG HOA
  - PHÍA TÂY GIÁP CHDCND LÀO
  - PHÍA ĐÔNG VÙNG LÃNH THỔ BẮC BẮC BỘ
  - PHÍA NAM GIÁP VÙNG LÃNH THỔ BẮC TRUNG BỘ
- \* VÙNG NÚI CAO, ĐỊA HÌNH CHIA CẮT NHIỀU, PHỨC TẠP HIỂM TRỞ, NÚI CAO HẸM SÂU
- \* TỔNG DIỆN TÍCH 35.837KM<sup>2</sup>: CHIẾM 10,8 % DIỆN TÍCH CẢ NƯỚC
- ĐẤT NÔNG NGHIỆP CHIẾM 11,6 %, LÂM NGHIỆP CHIẾM 32,1%, CHUYỂN DÙNG 1,7%, ĐẤT Ở 0,4%

#### \* ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ:

- CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG LÂM NGHIỆP, CÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ, CHỦ YẾU NÔNG LÂM NGHIỆP
- CƠ TIỀM NĂNG SẢN XUẤT CÂY CÔNG NGHIỆP, NGUYÊN LIỆU PHỤC VỤ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
- SẢN XUẤT CHĂN NUÔI CHẾ BIẾN NÔNG SẢN THỰC PHẨM
- GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP TĂNG HÀNG NĂM 10%, NĂM 2003 LÀ 13,7 %
- TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP 5% / NĂM. NĂM 2000 LÀ 7,2 %

#### \* ĐẶC ĐIỂM XÃ HỘI:

- CÓ NHIỀU DÂN TỘC ANH EM SINH SỐNG, ĐA VĂN HÓA
- CÓ NHIỀU DANH LAM THẮNG CẢNH, TIỀM NĂNG DU LỊCH
- DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA SƠN LA, ĐIỆN BIÊN, CÓ TUYẾN DU LỊCH QUỐC GIA
- CÓ VỊ TRÍ AN NINH QUỐC PHÒNG QUAN TRỌNG CỦA QUỐC GIA
- \* DÂN SỐ: 2390,3 NGHÌN DÂN
- \* DÂN SỐ THÀNH THỊ: 308,3 NGHÌN DÂN
- \* DÂN SỐ NÔNG THÔN: 2080,9 NGHÌN DÂN
- \* CÓ 79,2 NGHÌN LAO ĐỘNG
- \* TỈ LỆ ĐỘ THỊ HOÁ LÀ 12,16 % NĂM 2000 DỰ BÁO TĂNG 31% NĂM 2020

#### \* ĐẶC ĐIỂM KHÁC:

- LÀ KHU VỰC CÓ NÚI RỪNG THIÊN NHIÊN HÙNG VÍ, CÓ NHIỀU ĐẶ SẢN VÉ VÙNG,
- CÓ NHIỀU ĐIỂM DU LỊCH HẤP DẪN, DI TÍCH LỊCH SỬ NỔI TIẾNG, CÓ CỬA KHẨU QUỐC TẾ
- CƠ SỞ HẠ TẦNG QLS MỚI ĐƯỢC NÂNG CẤP CẢI TẠO
- NGUỒN NƯỚC MẶT DỒI ĐÀO CÓ 2 SÂN BAY ĐIỆN BIÊN VÀ NÀ SÀN,
- THỦY ĐIỆN HOÀ BÌNH VÀ THỦY ĐIỆN SƠN LA
- KHU VỰC ĐƯỢC DẪNG VÀ NHÀ NƯỚC ĐẶC BIỆT QUAN TÂM ĐẦU TƯ

VA NHỎ CỦA VÙNG  
(THẤP)  
G 22 DN CHIẾM 28,2%  
CHIẾM 67,9%, DN LỘC VÀ PHÂN PHỐI NƯỚC CHIẾM 3,8%

TIỀN CHIẾM 9%, 55 CƠ SỞ TB CHIẾM 70,5%  
SỐ KHÔNG XẾP HẠNG CHIẾM 3,8%  
NGHIỆP: 4053 (2001) NGƯỜI LĐ

HÀNG, MẶT HÀNG CHỦ YẾU LÀ DỆT VÀ THÊU REN CHIẾM 78%  
CHIẾM 6,3%, CHỈ CÓ 3DN, 3 HTX TRONG KHU VỰC LÀNG NGHỀ

ĐÌNH ĐỘ TB THẤP  
ON

#### ĐIỂM CÔNG NGHIỆP ĐƠN NGÀNH

TÂY BẮC CÓ MỘT SỐ NH ĐƠN  
LỀ CHUYÊN NGÀNH: CBNSTP,  
KHAI KHOẢNG ĐC PHÂN BỐ  
THEO VÙNG NGUYÊN LIỆU

#### LOẠI HÌNH CỤM CÔNG NGHIỆP

#### CỤM CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ

TÂY BẮC KHÔNG CÓ CỤM CÔNG  
NGHIỆP LÀNG NGHỀ

#### CỤM, ĐIỂM LÀNG NGHỀ

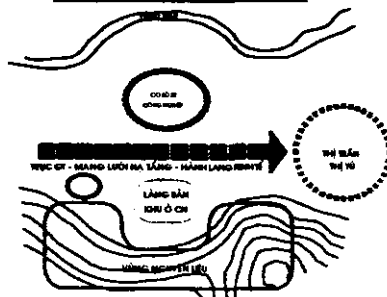
CÓ 247 LÀNG NGHỀ CHỦ YẾU LÀ  
LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG  
PHÂN BỐ TRÊN KHẮP CÁC LÀNG  
BÁN

#### ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH CÔNG NGHIỆP

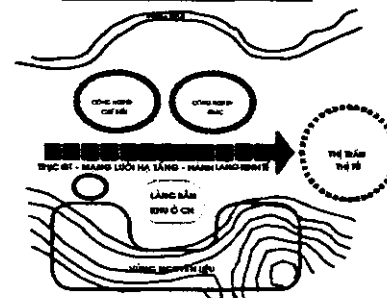
TÂY BẮC CÓ NHIỀU CỤM CN ĐA  
NGÀNH: CHIẾNG SINH, THUẬN CHÂU  
, TÀ SA,  
MƯỜNG BÚ, MƯỜNG LA, YÊN CHÁU,

- GẦN VỚI THỊ TRẤN, ĐÔ THỊ
- NẪM TRÊN TRỤC QL, TL
- NẪM TRONG VÙNG NGUYÊN LIỆU
- TÂY BẮC CÓ NHIỀU ĐIỂM CÔNG NGHIỆP ĐƠN NGÀNH
- \* ĐẶC ĐIỂM PHÂN BỐ
- GẦN VỚI THỊ TRẤN, ĐÔ THỊ
- NẪM TRÊN TRỤC QL, TL
- NẪM TRONG VÙNG NGUYÊN LIỆU

MÔ HÌNH CẤU TRÚC KHÔNG GIAN ĐIỂM CÔNG NGHIỆP

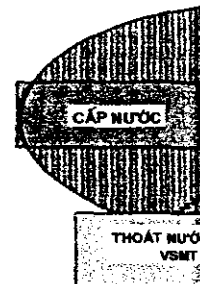


MÔ HÌNH CẤU TRÚC KHÔNG GIAN CỤM CÔNG NGHIỆP



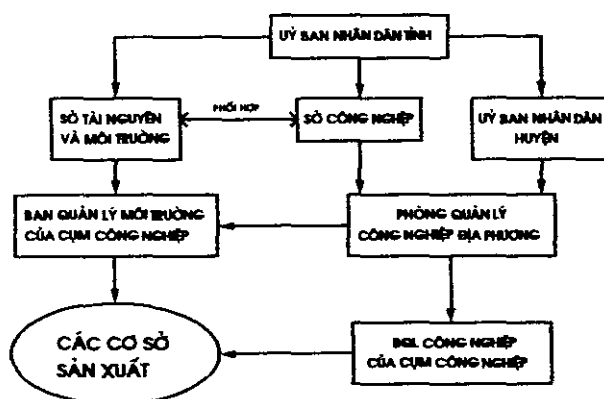
# NGHIÊN CỨU CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHU CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN THEO HƯỚNG CÔNG XÂY DỰNG MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIỚI HẠN VÙNG TÂY BẮC BỘ

## TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG CHO QUY HOẠCH XÂY DỰNG CỤM CÔNG NGHIỆP



### NỘI DUNG BIỆN PHÁP THỰC HIỆN ĐÁP ỨNG MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ :

- XÂY DỰNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ (SỞ KHCH VÀ BQL CỤM CÔNG NGHIỆP QUẢN LÝ)
- XÂY DỰNG NHÀ MÁY CUNG CẤP NƯỚC, KHU SỬ LÝ NƯỚC THẢI, THOÁT NƯỚC BẮN ĐỀNG
- XÂY DỰNG NƠI ĐÓ CHẤT THẢI RẮM, ĐƯỢC THU GOM 100%, SỬ LÝ NƯỚC THẢI CUỐI CÙNG ĐẠT 100%
- SỬ LÝ CHẤT THẢI KHÍ 100%
- CÁC XCN 70% LẮP ĐẶT CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT SẠCH
- TỶ LỆ CÂY XANH 12 - 15%, KHUYẾN KHÍCH TRỒNG CÂY HÀNG BẢO NHÀ MÁY



### NHỮNG YÊU CẦU VỀ HẠ TẦNG

- 1 - GIAO THÔNG : TẬN DỤNG G...  
+ GIAO THÔNG NỘI BỘ ĐẢM...  
+ ĐƯỜNG CHÍNH VÀO CỤM C...  
ĐƯỜNG NHÁNH CHÍNH: 2 L...
- 2 - CẤP ĐIỆN: CỤM CÔNG NGH...
- 3 - CẤP NƯỚC: CỤM CÔNG NG...  
CÓ ĐIỀU KIỆN XÂY DỰNG TR...  
ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN VÀ N...
- 4 - SAN NỀN VÀ CHUẨN BỊ KỸ T...  
KHU ĐẤT ĐƯỢC CHỌN, ÍT PH...  
THOÁT NƯỚC THUẬN LỢI, KH...
- 5 - THOÁT NƯỚC BẮN VÀ VSMT: ...  
KHU ĐẤT CÓ KHẢ NĂNG BỐ ...  
SỬ LÝ KHÔNG LÂM Ô NHIỄM...

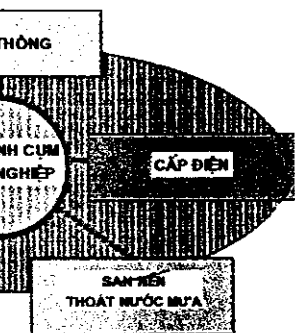
# AN CÁC LOẠI HÌNH HIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHIỆP VỪA NHỎ NÔNG THÔN



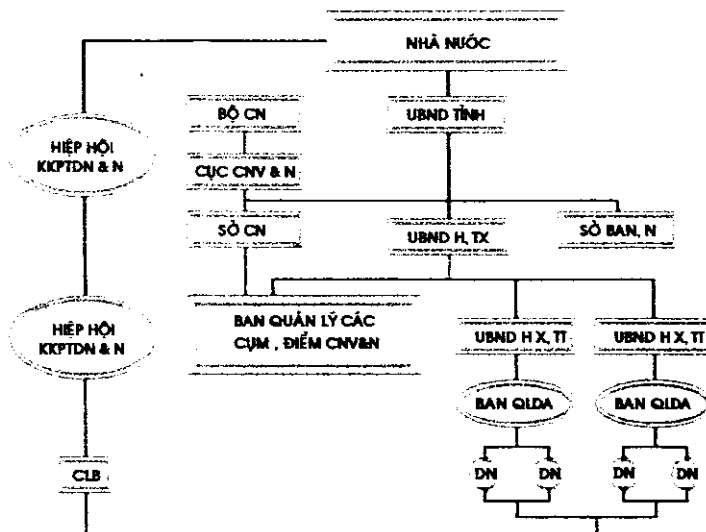
BỘ XÂY DỰNG  
VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN

MÃ SỐ KC 07 - 23

NHANH 4



## HỆ THỐNG QUẢN LÝ KIẾN NGHỊ



## CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT

- + TIÊU CHUẨN CẤP NƯỚC
  - NƯỚC CÔNG NGHIỆP : 30 - 40 M<sup>3</sup>/HA /NGÀY
  - NƯỚC SINH HOẠT CÔNG NHÂN : 100L/NG.NG.Đ
  - NƯỚC CÔNG CỘNG : 8% QSH
  - NƯỚC TƯỚI CÂY , RỬA ĐƯỜNG 10% QSH
- + CHỈ TIÊU CẤP ĐIỆN
  - LÔ ĐẤT XÍ NGHIỆP 150KW / HA
  - KHU DỊCH VỤ SX 150KW / HA
  - CÂY XANH CC VÀ CÁCH LY 20KW / HA
  - ĐƯỜNG GIAO THÔNG 20KW / HA
- + CHỈ TIÊU VỀ ĐẤT
  - ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ Ở CÔNG NHÂN 10 - 20%
  - ĐẤT CÂY XANH 11%
  - ĐẤT ĐẦU MỐI KỸ THUẬT 2%
  - ĐẤT HÀNH CHÍNH DỊCH VỤ 2%
  - ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ MÁY 55 - 65%
  - ĐƯỜNG GIAO THÔNG 10 - 12 %
  - CÂY XANH 10 - 12 %
  - TIẾNG ỒN 70 DBA
  - NƯỚC THẢI THEO TIÊU CHUẨN TCVN 6981, 6980 - 2001
  - CHẤT THẢI RẮN THU GOM 100 %

HUẬT  
ĐỐI NGOẠI: QL, TL, HL  
TIẾP CẬN TỪNG XN, ĐỦ ĐIỀU KIỆN VẬN TẢI HÀNG HOÁ  
ĐẢM BẢO 3 LẦN XE 10,5M.  
ĐƯỜNG: 7,5M  
ĐẢM BẢO PHÒNG CHỐNG CHÁY  
2  
CUNG CẤP ĐIỆN LƯỚI QUỐC GIA THUẬN LỢI, GIÁ THÀNH HA  
CUNG CẤP NƯỚC MẶT THUẬN LỢI,  
CẤP NƯỚC VÀ MẠNG PHÂN PHỐI THUẬN LỢI  
NG NƯỚC  
CÂN BẰNG ĐÀO ĐÁP,  
ĐỊA HÌNH TỰ NHIÊN

CÔNG TRÌNH VÀ HỆ THỐNG SỬ LÝ NƯỚC THẢI,  
KHÔNG KHÍ THU GOM VÀ SỬ LÝ RÁC THẢI VẬN THUẬN LỢI

# NGHIÊN CỨU CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KINH CỘNG CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN THEO HƯỚNG C XÂY DỰNG MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN VÙNG TÂY BẮC BỘ

## LỰA CHỌN MÔ HÌNH - ĐẶC TRƯNG

### CÁC YẾU TỐ XÁC ĐỊNH MÔ HÌNH QUY MÔ CỤM CÔNG NGHIỆP

**KHẢ NĂNG KHAI THÁC VÙNG NGUYÊN LIỆU**

- NÔNG SẢN ( ĐẤT NÔNG NGHIỆP 11,6% )
- LÂM SẢN ( ĐẤT TRỒNG LÂM SẢN 32,7% )
- CHĂN NUÔI
- KHOÁNG SẢN ( CÓ NHIỀU KHOÁNG SẢN QUÝ HIẾM , SỐ LƯỢNG LỚN )

**QUY MÔ LOẠI HÌNH**

- CHẾ BIẾN NÔNG SẢN THỰC PHẨM PHỤC VỤ TRONG NƯỚC VÀ XUẤT KHẨU ( HÌNH THÀNH VỚI TỶ TRỌNG CHIẾM 80% )
- SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG PHỤC VỤ XÂY DỰNG

**CƠ SỞ HẠ TẦNG**

- NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC ( THUY ĐIỆN HOÀ BÌNH, SƠN LA )
- VỆ SINH MÔI TRƯỜNG ( CÓ HỆ THỐNG CÂY XANH , THOÁT NƯỚC VSMT THUẬN LỢI )
- CÍ ĐƯỜNG BỘ GIA MÔI ĐC NANG CẤP CẦU TẠO , NHIỀU ĐƯỜNG QL , TỈNH LỘ ĐANG ĐC NANG CẤP CẦU TẠO

**KHÉ HẬU, THUY VẤN**

- HỆ THỐNG SÔNG, SÚI ( CÓ NGUỒN NƯỚC MÃI PHONG PHÚ )
- KHẢ NĂNG KHAI THÁC NƯỚC NGẦM HẠN CHẾ ( LỰA CHỌN ĐỊA ĐIỂM GẮN SÔNG SÚI )

**LAO ĐỘNG ( 79,2 NGHÌN LAO ĐỘNG )**

- ĐỒNG LAO ĐỘNG CỦA HỘI THỂ NGON BÀ ( LAO ĐỘNG CÓ TRÌNH ĐỘ THẤP SO VỚI MẬT BẢNG CẢ NƯỚC )

**ĐẤT ĐAI**

- CÓ NHIỀU ĐIỂM CÓ THỂ XÂY DỰNG
- CÓ CHỖ ĐỘ 200/CM2

**KHẢ NĂNG TIÊU THỤ SẢN PHẨM**

- SẢN PHẨM ĐA DẠNG, ĐỘC ĐÁO
- CÓ KHẢ NĂNG XUẤT NHẬP KHẨU
- PHỤC VỤ CHO ĐỊA PHƯƠNG

**CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VÙNG, ĐỊA PHƯƠNG**

- NGUYÊN VẬT LIỆU
- ĐÀO TẠO, TƯ TIỀN DẪU TỰ CHÍNH SÁCH VÙNG MŨ

**HỆ THỐNG LÃNG NGHỀ**

- HỆ THỐNG LÃNG NGHỀ TIỀM ẨN , LÀ CƠ SỞ CHO ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

**CẤU TRÚC CN**

**QUY MÔ**

**TÍNH CHẤT  
NGÀNH NGHỀ**

+ XÁC ĐỊNH

- QUY MÔ
- ( SX VƯỜN )
- CƠ SỞ SX
- TỶ LỆ C
- KHU D
- KHU O
- KHU D
- ĐƯỜNG
- CÂY XA
- QUY M
- ( Ở G
- TỶ L
- KHU D
- KHU O
- KHU D
- ĐƯỜNG
- CÂY XA

### TỔ CHỨC KHÔNG

**HÌNH THỨC CÁC  
NHÀ CÔNG NGHIỆP**

- NHÀ XƯỞNG 1 TẦNG MÀU ĐỎ
- VÌ CHỦ YẾU LÀ MÀU TỎA, ĐƯỜNG

**KẾT CẤU PHỐI  
KẾT KHÔNG  
GIAN**

- TÂN DUNG ĐỊA HÌNH THIÊN NHIÊN KẾT HỢP CÔNG TRÌNH KẾT VỚI CÂY XANH CẢNH QUAN
- LƯU TIỀN KIẾN TRÚC MÃI ĐƯỜNG CHÍNH TẠO ĐIỂM NHẤN BẮNG CHIỀU CAO CỦA CÔNG TRÌNH HÀNH CHÍNH DỊCH VỤ

**TỔ CHỨC  
KHÔNG GIAN**

**CHIỀU CAO KHỐI TÍCH  
KẾT CẤU**

- ĐẢM BẢO MÓN VÙNG ĐƠN GIẢN DỄ VÀO GIÁ TRÁNH B
- KHỐI TÍCH CHIỀU CAO PHÙ HỢP VỚI L

# NG GIÂN CÁC LOẠI HÌNH

## NG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA

### CÔNG NGHIỆP VỪA NHỎ NÔNG THÔN



BỘ XÂY DỰNG  
VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN  
Tầng 4, Ngõ 10, Đường Trần Hưng Đạo, Hà Nội

MÃ SỐ KC 07 - 23  
NHÁNH 4

## CỤM CN VỪA VÀ NHỎ

### MÔ HÌNH ĐIỂM CÔNG NGHIỆP - TỈNH

#### MÔ CHO CỤM CN VỪA VÀ NHỎ VÙNG TÂY BẮC BẮC BỘ

ĐIỂM CÔNG NGHIỆP: 5 - 10 HA  
KINH: NHÀ MÁY CHẾ BIẾN ĐƠN GIẢN, VÀ MỘT SỐ  
CÔNG NGHIỆP DỊCH CHUYỂN TỪ LÃNG NHỎ

NG SX 55 - 60%

N 15 - 20%

1%

NG 10 - 12%

CÔNG NGHIỆP ĐA NGÀNH - TIỂU KHU KINH TẾ  
Y, TT CẤP XÃ, ĐC XĐ HỢP GIỮA TỈNH VÀ CH)

NG SX 60 - 65%

N 10 - 15%

1%

NG 10 - 12%

CÔNG NGHIỆP ĐA NGÀNH - TIỂU KHU KINH TẾ

ĐIỂM KINH TẾ LỚN)

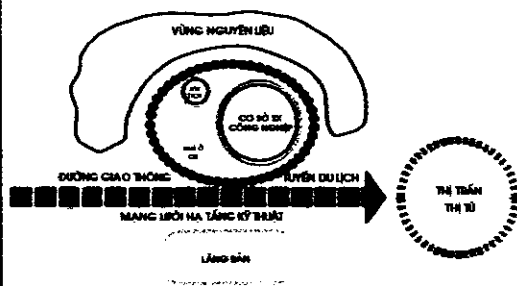
NG SX 55 - 60%

N 15 - 20%

1%

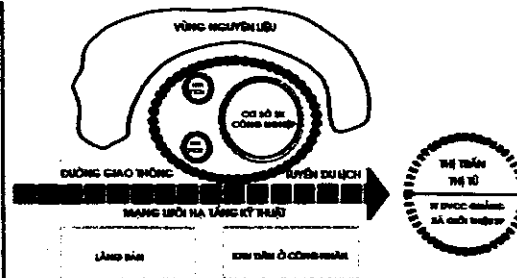
NG 10 - 12%

- điểm công nghiệp, yếu tố công nghiệp là những nhà máy nhỏ, nhà xưởng đơn giản, các cơ sở sản xuất công nghiệp đơn giản, mà chủ yếu là công nghiệp chế biến nông lâm sản gắn với vùng nguyên liệu, dễ hợp với các cơ sở dịch vụ, chuyển từ các làng nghề truyền thống.
- Quy mô nhỏ từ 5 - 10 ha phù hợp với dạng sản xuất sản phẩm chuyên ngành nhỏ
- Về lao động không nhiều và chủ yếu nguồn tại chính trong làng
- về dạng lao động có thể ngay tại làng truyền thống, là lực lượng lao động phục vụ cho sản xuất
- có thể xây dựng nhà ở cho công nhân ngay trong khuôn viên xí nghiệp, nhưng phải đảm bảo điều kiện môi trường sinh hoạt
- Cấu trúc các khu chức năng bao gồm:
  - khu vực sản xuất
  - khu vực sản xuất công nghiệp
  - khu dịch vụ công cộng và tương tác xã hội và sản phẩm gắn với vùng sản phẩm thị trường
  - đường giao thông



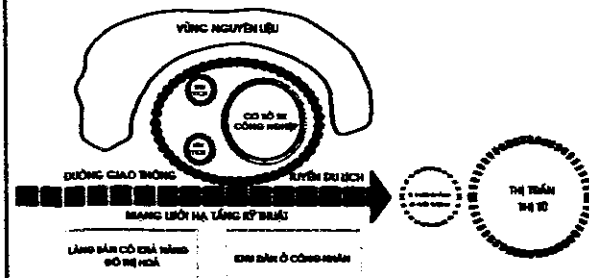
### MÔ HÌNH CỤM CÔNG NGHIỆP ĐA NGÀNH

- điểm công nghiệp chủ yếu theo hướng đa ngành, quy mô từ 10 - 20 ha
- vị trí xây dựng tận dụng lợi thế các trục lộ chính, gần các thị trấn truyền thống
- điểm công nghiệp đa ngành bao gồm các cơ sở sản xuất chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, sửa chữa và các cơ sở dịch vụ
- có cấu trúc chức năng:
  - khu xây dựng nhà xưởng sản xuất và các chức năng chính của cụm công nghiệp
  - khu công nhân có thể gắn với khu ở thị trấn thị xã
  - khu dịch vụ công cộng và tương tác xã hội và sản phẩm, dịch vụ sản xuất, công nhân phụ trợ kỹ thuật...
  - khu vực chuyên cho sản xuất và sinh hoạt
  - đường giao thông trong cụm công nghiệp
  - cây xanh công cộng và cảnh quan



### MÔ HÌNH CỤM CÔNG NGHIỆP ĐA NGÀNH - TIỂU KHU KINH TẾ

- điểm công nghiệp sẽ chủ yếu theo hướng đa ngành, bao gồm các cơ sở sản xuất công nghiệp, các dịch vụ liên quan đến sản xuất công nghiệp như vận tải, kho bãi
- Quy mô từ 10 - 20 ha
- vị trí xây dựng tận dụng lợi thế các trục lộ chính và gần các thị trấn, trung tâm truyền thống và các điểm lưu trữ nông sản của vùng và thị xã
- mô hình cụm công nghiệp dịch vụ, sản xuất và phụ trợ kỹ thuật
- về lao động và nhà ở hoặc gắn liền với thị trấn truyền thống hoặc gắn liền với thị trấn, làng xã bản địa
- xây dựng nhà ở cho công nhân gắn với thị trấn thị xã
- khu vực chuyên cho sản xuất và sinh hoạt
- đường giao thông trong cụm công nghiệp
- cây xanh công cộng và cảnh quan

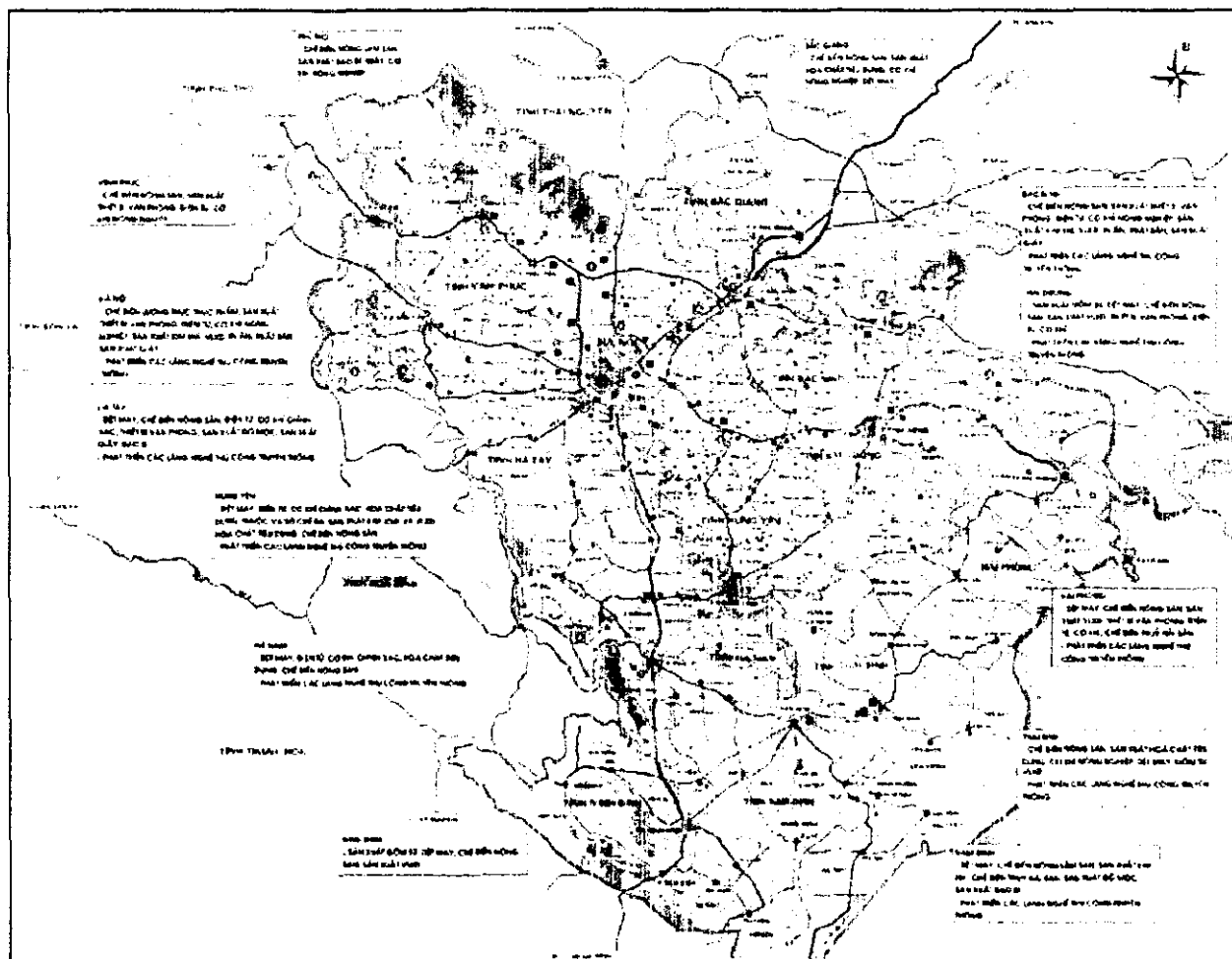


#### MÀU SẮC VÀ TRANG TRÍ

- MANG ĐẶC THÙ DÂN TỘC MIỀN BẮC  
ĐẢM BẢO ĐIỀU KIỆN SỐNG, AS, MÀU SẮC

# NGHIÊN CỨU CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN VUA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÒA - HIỆN ĐẠI XÂY DỰNG MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỦA CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

## SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

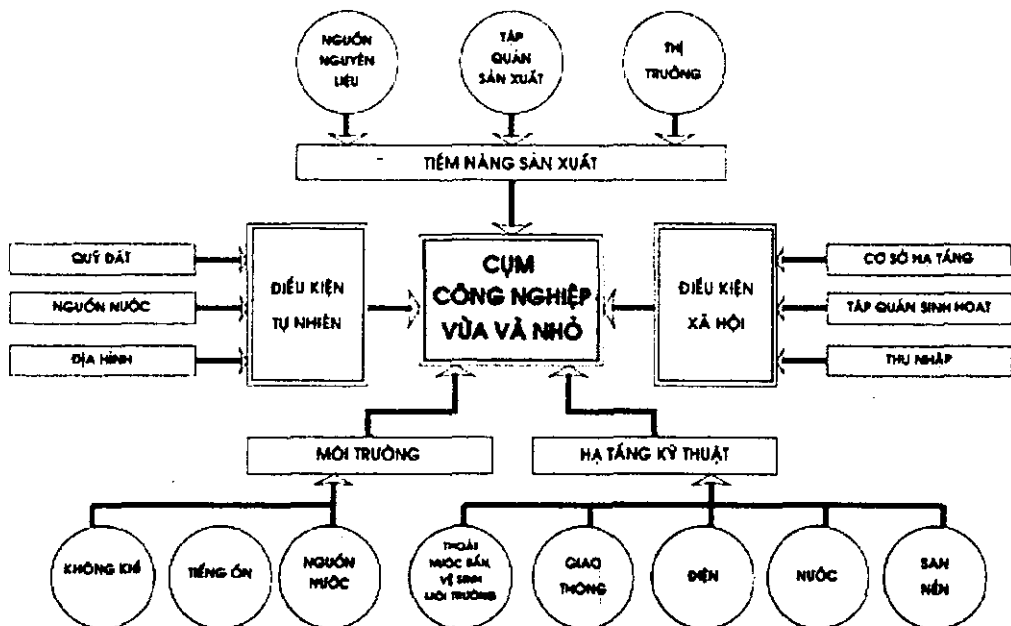


**ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ LÀ MỘT TRONG NHỮNG VÙNG PHÁT TRIỂN NĂNG ĐỘNG NHẤT TRÊN TOÀN QUỐC, CÓ NHIỀU TIỀM NĂNG ĐỂ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VỚI NHIỀU NGÀNH NGHỀ ĐA DẠNG.**

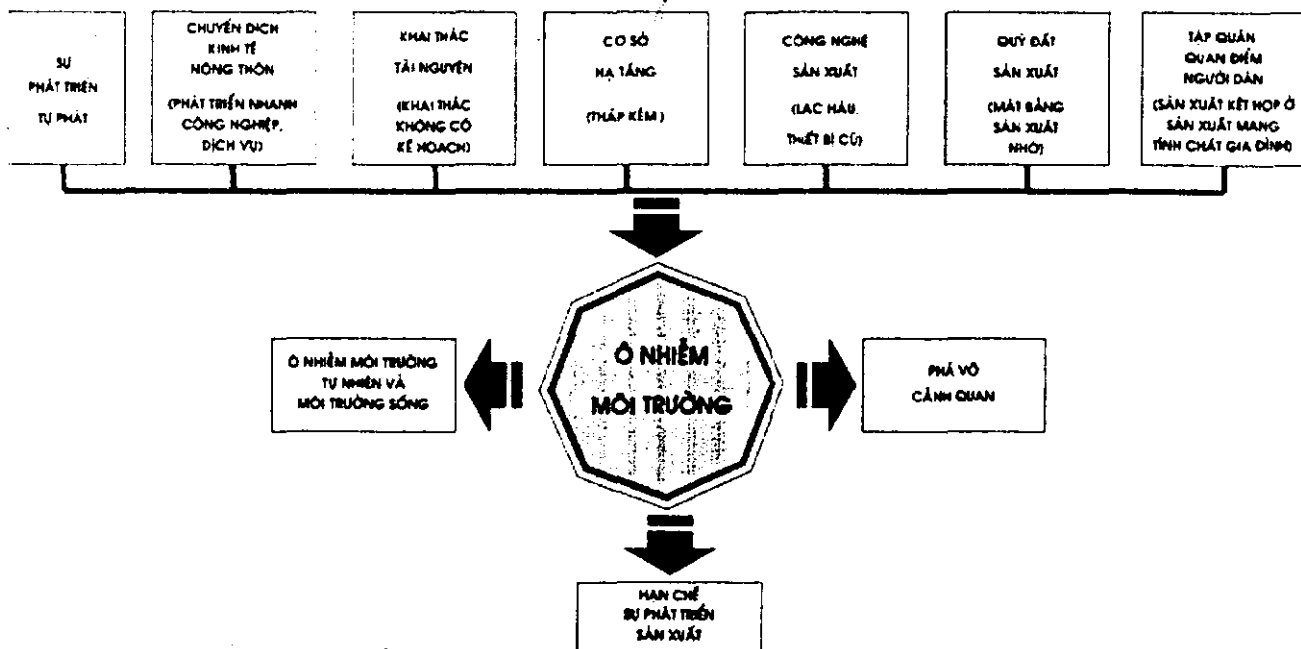
- LÀ VÙNG ĐẤT MÀU MỜ, SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN.
- HỆ THỐNG GIAO THÔNG, HỆ THỐNG THUỶ LỢI THUẬN LỢI CHO PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT.
- NGUỒN NHÂN LỰC ĐỒI ĐÀO, CÓ TRÌNH ĐỘ CAO, GIÁ NHÂN CÔNG RẺ, LÀ MÔI TRƯỜNG THUẬN LỢI ĐỂ THU HÚT ĐẦU TƯ.
- LÀ VÙNG TẬP TRUNG NHIỀU KHU CÔNG NGHIỆP LỚN, LÀ CƠ HỘI TỐT ĐỂ CÔNG NGHIỆP VUA VÀ NHỎ PHÁT TRIỂN.
- CÁC LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG CÓ SỐ LƯỢNG LỚN NHẤT TRONG CẢ NƯỚC VÀ NGÀY CÀNG MỞ RỘNG.
- LÀ VÙNG CÓ MẬT ĐỘ DÂN SỐ CAO NHẤT TOÀN QUỐC, ĐẤT CANH TÁC HẠN CHẾ, TRUNG BÌNH 500M<sup>2</sup>/NGƯỜI, ĐẤT THỔ CƯ CHẬT HEP DO ĐÓ VIỆC TÌM MỘT KHU ĐẤT DÀNH CHO VIỆC XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VUA VÀ NHỎ CANH LÀNG XÓM THƯỜNG KHÓ KHĂN.



CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH



NHỮNG NGUYÊN NHÂN VÀ HẬU QUẢ CỦA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG  
ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP



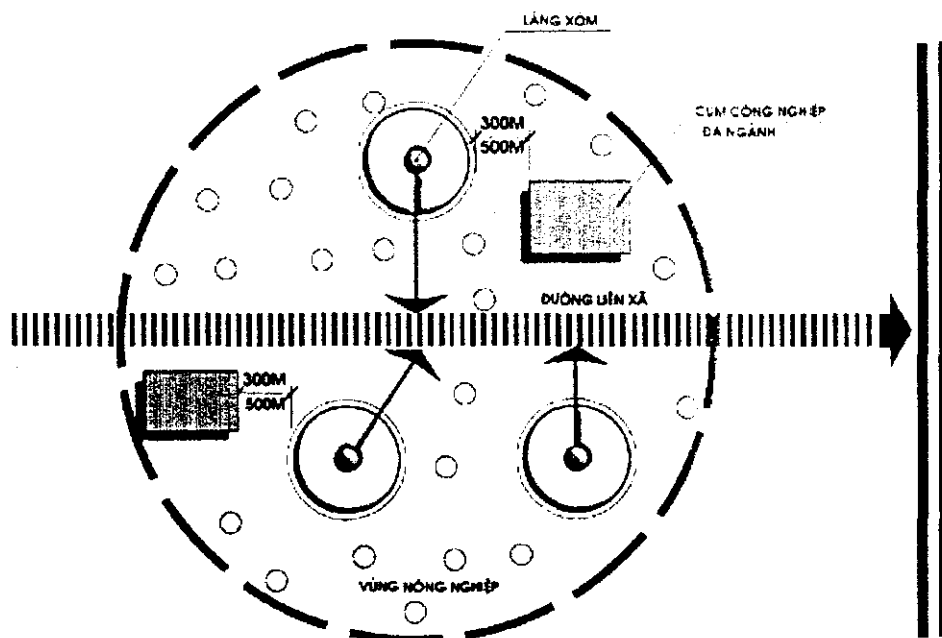


NGHIÊN CỨU CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUY HOẠCH TỔ CHỨC KHÔNG GIAN  
 VUA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA  
 XÂY DỰNG MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỦA CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP

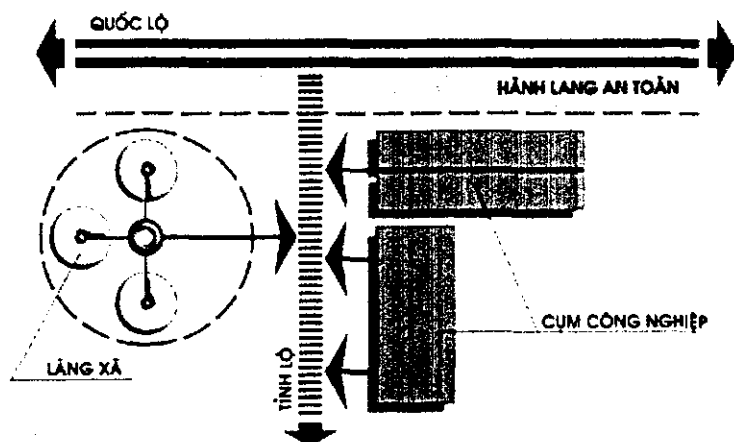
## VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

### CÁC HÌNH THỨC PHÂN BỐ CỤM CÔNG NGHIỆP

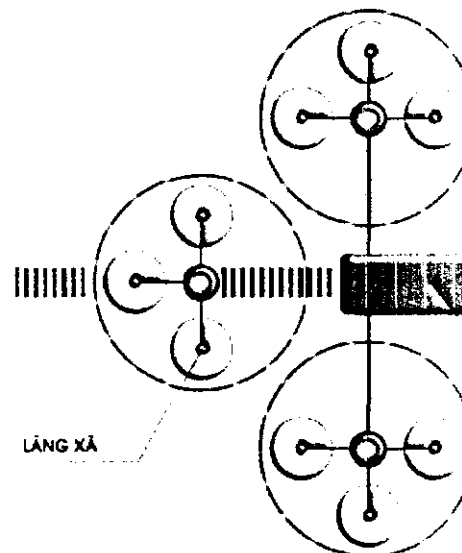
#### CỤM CÔNG NGHIỆP NẪM TRONG VÙNG NÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM



#### CỤM CÔNG NGHIỆP VEN ĐƯỜNG QUỐC LỘ, TỈNH LỘ



#### CỤM CÔNG NGHIỆP ĐA NGÀNH



## NGHỀ PƯƠ VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN



## BỘ XÂY DỰNG

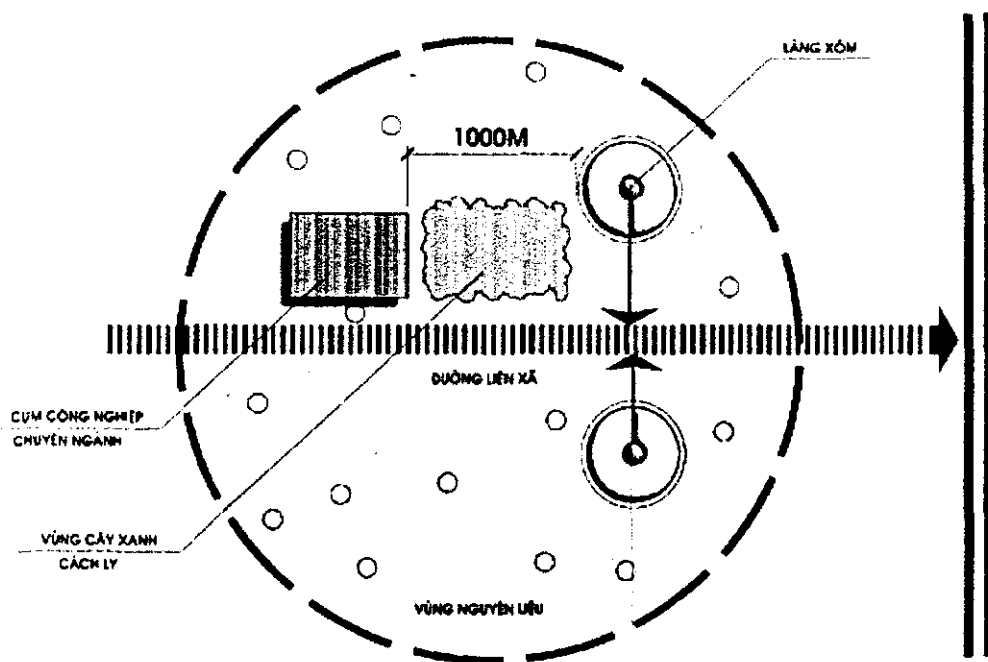
VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ NÔNG THÔN

<sup>1</sup> (1)  $\mathbb{A}^1$  is a  $\mathbb{G}_m$ -torsor over  $\mathbb{A}^1$ . (2)  $\mathbb{A}^1$  is a  $\mathbb{G}_m$ -torsor over  $\mathbb{A}^1$ .

MÃ SỐ KC 07 - 23

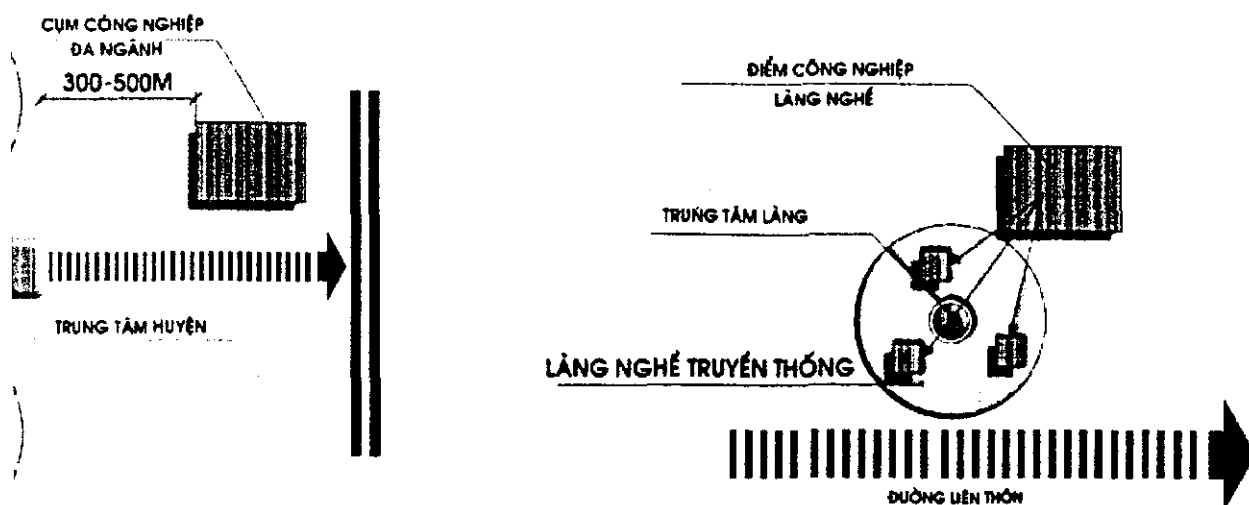
## HO MÔ HÌNH ĐẶC TRƯNG

**CUM CÔNG NGHIỆP ĐƠN NGÀNH**



## NGÀNH

## ĐIỂM CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ





# N CÁC LOẠI HÌNH CUM CÔNG NGHIỆP HỎA

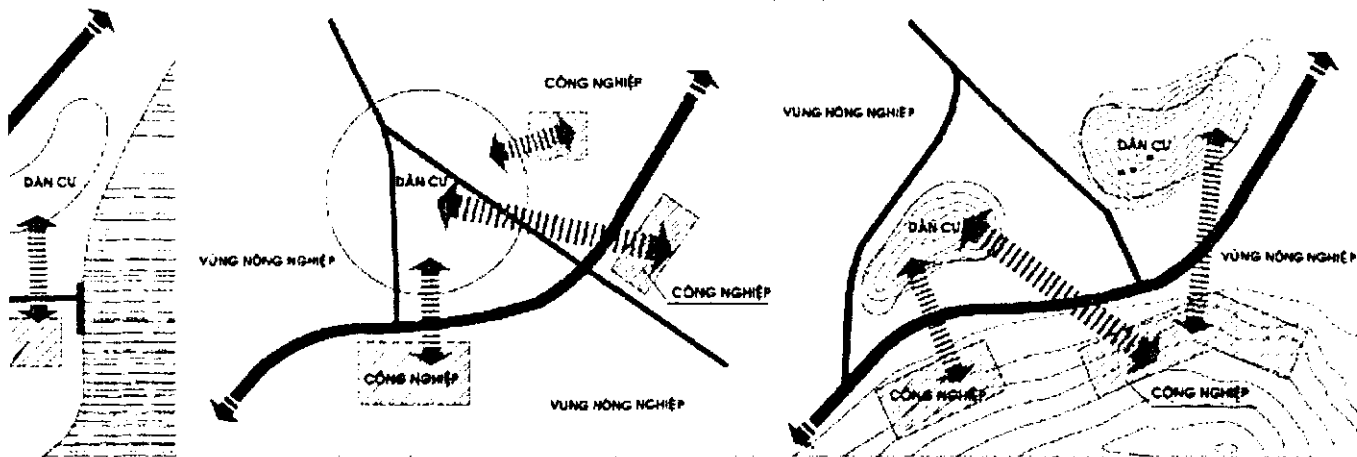
## CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN



BỘ XÂY DỰNG  
VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN

MÃ SỐ KC 07 - 23

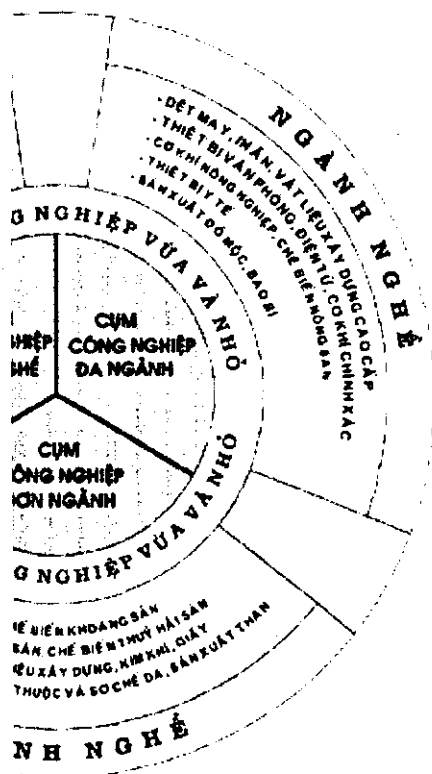
### CÁC MÔ HÌNH PHÂN BỐ



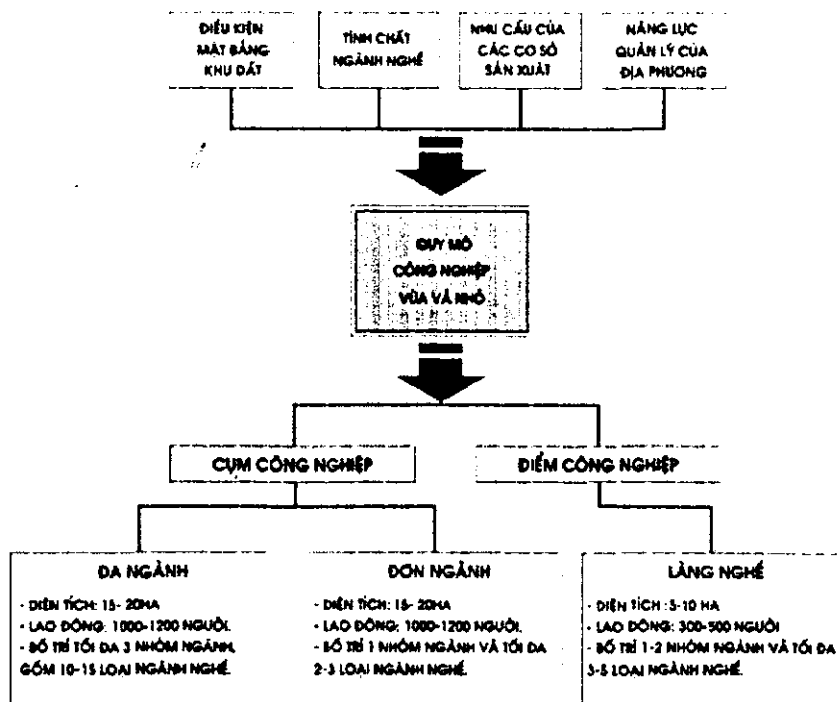
VÙNG ĐỒNG BẰNG CHÂU THỎ

VÙNG SẮT TRUNG DU

### CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ



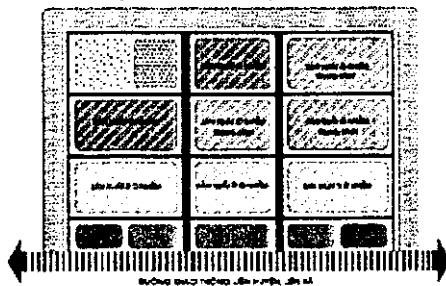
### QUY MÔ CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ



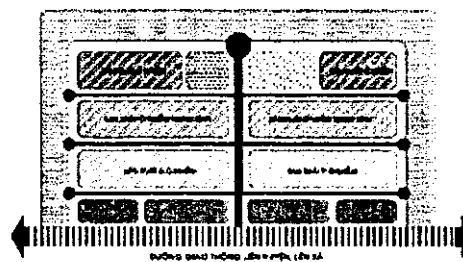
# NGHIÊN CỨU CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN GIA VUA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI XÂY DỰNG MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỦA CÁC CỤM Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

## CÁC GIẢI PHÁP QUY HOẠCH

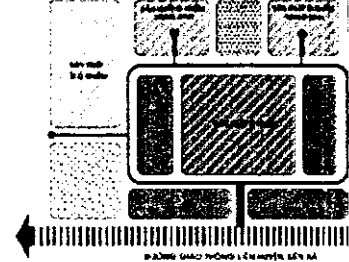
LOẠI HÌNH 1: BỐ CỤC KIỂU Ô CỎ



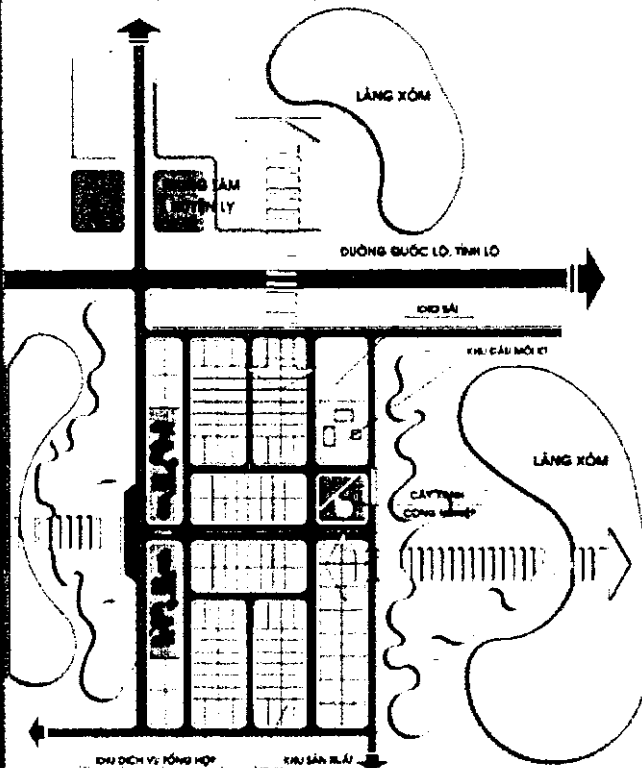
LOẠI HÌNH 2: BỐ CỤC KIỂU DẢI TUYẾN



LOẠI HÌNH 3: BỐ CỤC KIỂU ĐUÔI

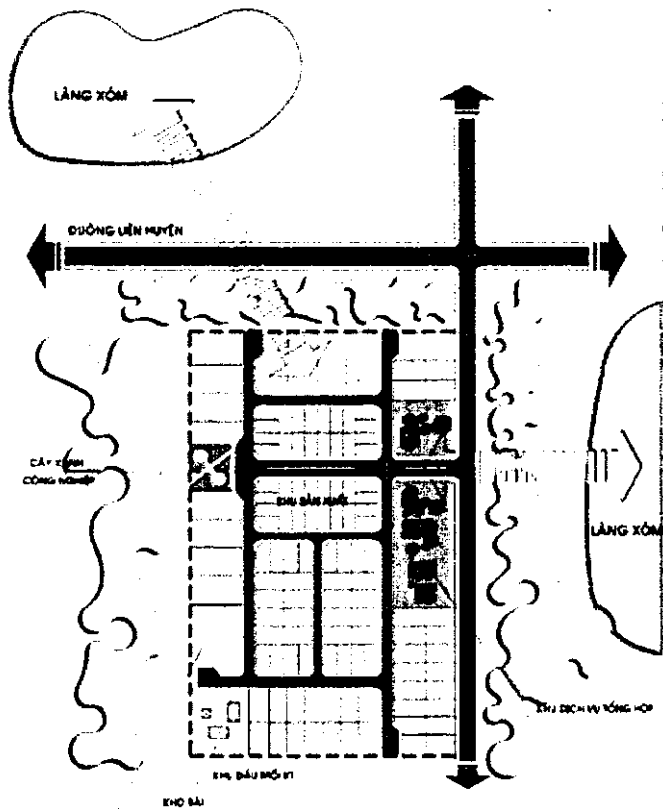


MÔ HÌNH CỤM CÔNG NGHIỆP ĐA NGÀNH



- VỊ TRÍ : NẪM TRONG VÙNG NÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM, GẦN CÁC ĐIỂM DÂN CƯ, TRUNG TÂM HUYỆN HOẶC VEN CÁC ĐÔ THỊ LỚN, PHÁT TRIỂN TRÊN CƠ SỞ CÁC ĐIỀU KIỆN HẠ TẦNG SẴN CÓ, TIẾP CẬN THUẬN LỢI VỚI CÁC TUYẾN GIAO THÔNG CHÍNH.
- SỬ DỤNG CHỦ YẾU LÀ LAO ĐỘNG ĐỊA PHƯƠNG, NHÀ Ở GẦN LIÊN VỚI LÀNG XÃ XUNG QUANH KHU VỰC XÂY DỰNG CỤM CÔNG NGHIỆP VỚI NHỮNG CỤM CÔNG NGHIỆP CÁCH XA LÀNG XÃ, KHU NGHỈ CHO CÔNG NHÂN ĐƯỢC TỔ CHỨC THEO DẠNG KẾT HỢP VỚI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH DỊCH VỤ. PHƯƠNG THỨC Ở CHỦ YẾU MANG TÍNH Ồ TẬP THỂ, KHÔNG CÓ MÔ GIA ĐÌNH.
- MÔ HÌNH QUY HOẠCH CẦN LỰA CHỌN LOẠI HÌNH PHÙ HỢP VỚI KHU DẤT ĐỂ DỄ PHÂN TÁCH CÁC KHU SẢN XUẤT THEO MỨC ĐỘ Ồ NHIỄM.

MÔ HÌNH CỤM CÔNG NGHIỆP ĐƠN NGÀNH



- VỊ TRÍ : NẪM TRONG VÙNG NGUYÊN LIỆU HOẶC TÁCH RA TỪ CÁC LÀNG NGHỀ THEO YÊU CẦU PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ
- SỬ DỤNG CHỦ YẾU LÀ LAO ĐỘNG ĐỊA PHƯƠNG, NHÀ Ở GẦN LIÊN VỚI LÀNG XÃ XUNG QUANH KHU VỰC XÂY DỰNG CỤM CÔNG NGHIỆP HOẶC KẾT HỢP VỚI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH DỊCH VỤ. PHƯƠNG THỨC Ở CHỦ YẾU MANG TÍNH Ồ TẬP THỂ, KHÔNG CÓ MÔ GIA ĐÌNH
- MÔ HÌNH QUY HOẠCH CHỦ YẾU THEO DẠNG Ô CỎ HOẶC KẾT HỢP

# N CÁC LOẠI HÌNH CỤM CÔNG NGHIỆP HÒA

## CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN



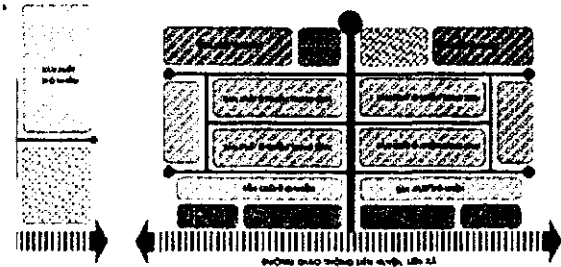
BỘ XÂY DỰNG  
VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ-NÔNG THÔN

MÃ SỐ KC 07 - 23

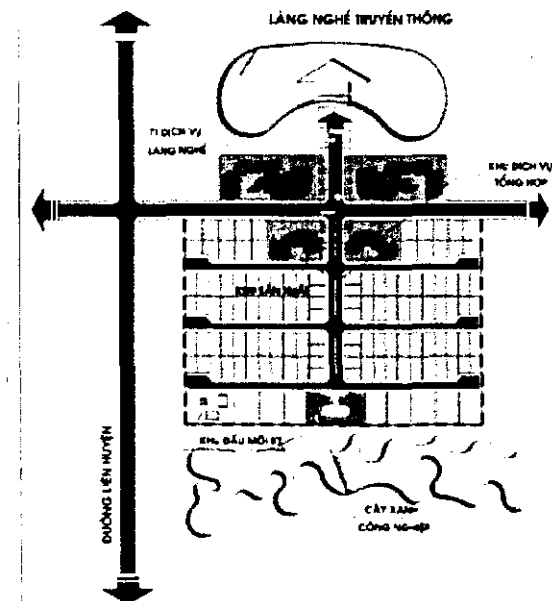
### TỔ CHỨC KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

NG VONG

LOẠI HÌNH 4: BỐ CỤC KIỂU KẾT HỢP



#### MÔ HÌNH ĐIỂM CÔNG NGHIỆP LÃNG NGHỀ



- VỊ TRÍ: NẪM BIA CÁC LÃNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG, GẮN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH

TỔ CHỨC SẢN XUẤT THEO DẠNG PHÂN TÂN. MỘT SỐ CÔNG ĐOẠN SẢN XUẤT GÂY Ô NHIỄM ĐƯỢC ĐƯA RA NGOÀI LÃNG XÓM, MỘT SỐ CÔNG ĐOẠN GIA CÔNG ĐƠN GIẢN, KHÔNG GÂY Ô NHIỄM CÓ THỂ TIẾP TỤC KẾT HỢP TRONG KHUÔN VIÊN NHÀ Ở. CÁCH THỨC SẢN XUẤT NÀY VỪA TẬN DỤNG ĐƯỢC LAO ĐỘNG GIA ĐÌNH, GIỮ GÌN ĐƯỢC BÍ QUYẾT NGHỀ NGHIỆP, BẢO TỒN ĐƯỢC KHÔNG GIAN LÃNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

- SỬ DỤNG CHỦ YẾU LÀ LAO ĐỘNG ĐỊA PHƯƠNG. NHÀ Ở NGHIÊN CỨU THEO HƯỚNG CẢI TẠO LÃNG XÃ HIỆN CÓ.
- MÔ HÌNH QUY HOẠCH CHỦ YẾU THEO DẠNG DẢI TUYẾN HOẶC KẾT HỢP.
- KHÔNG GIAN ĐIỂM CÔNG NGHIỆP CẦN LIÊN KẾT CHẶT CHẼ VỚI LÃNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG ĐỂ TẠO TUYẾN DU LỊCH LIÊN HOÀN.

TUYẾN  
GIAO THÔNG

DẢI, MÀNG  
CÂY XANH

HỆ THỐNG  
KHÔNG GIAN MỞ

CẢNH QUAN  
TỰ NHIÊN

KIẾN TRÚC  
CẢNH QUAN  
CÔNG NGHIỆP

CẢNH QUAN  
NHÂN TẠO

MẶT NƯỚC

CÂY XANH

ĐỊA HÌNH

HÌNH THỨC  
CÔNG TRÌNH

VẬT LIỆU  
BỀ MẶT

CHIỀU SÁNG

KIẾN TRÚC  
NHỎ

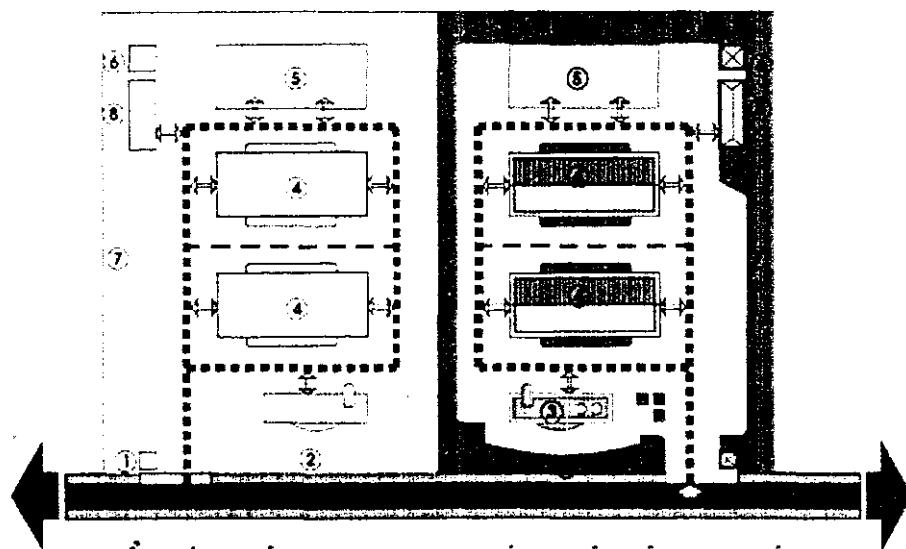
- HỆ THỐNG KHÔNG GIAN MỞ: GIỚI HẠN BỞI CÁC CÔNG TRÌNH VÀ ĐƯỢC SỬ DỤNG LÀM TRỤC TỐ HỢP HỆ THỐNG CÁC TRỤC TỐ HỢP TẠO THÀNH BỞI CÁC KHÔNG GIAN MỞ THEO DẠNG TUYẾN VÀ CÁC KHÔNG GIAN MỞ ĐANG ĐIỂM. KHÔNG GIAN TUYẾN LÀ KHÔNG GIAN CỦA CÁC TUYẾN ĐƯỜNG DẢI CÂY XANH, KẾT NỐI CẢNH QUAN. KHÔNG GIAN ĐANG ĐIỂM LÀ QUẢNG TRƯỜNG GIAO THÔNG, Ở ĐÂY TRÔNG, ĐIỂM ĐÓ XE. KHÔNG GIAN MỞ ĐANG ĐIỂM LÃM TẮNG BỤ ĐA DẠNG HÌNH THỨC TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHẢ VỖ BỤ ĐỒN ĐIỀU, TẠO NÊN ĐẶC TÍNH RIÊNG BỆT CỦA CỤM CÔNG NGHIỆP.

- CẢNH QUAN TỰ NHIÊN: ĐỊA HÌNH, MẶT NƯỚC CÓ SẴN BỂ TẠO CÁC KHÔNG GIAN MỞ ĐA DẠNG TRONG CỤM CÔNG NGHIỆP. CÂY XANH BỐ THÍ NHƯNH BÀI ĐỂ LIÊN KẾT KHÔNG GIAN, BỐ THÍ THÀNH CỤM ĐỂ TẠO ĐIỂM NHẤN, TẠO THÀNH MẢNG THEO YÊU CẦU LÂM NỀN, PHÒNG.

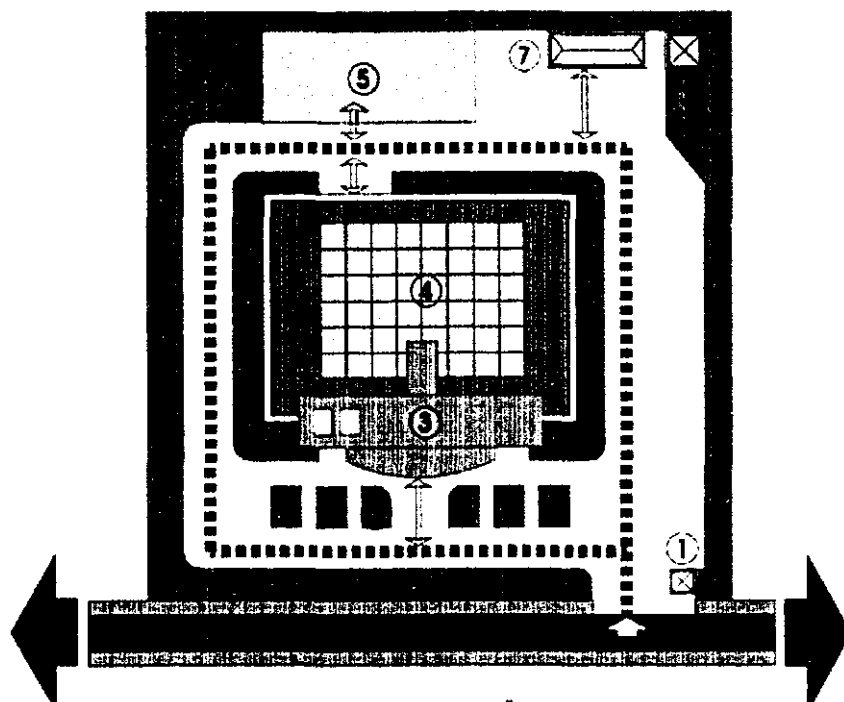
- CẢNH QUAN NHÂN TẠO:  
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CẦN LỰA CHỌN CÁC GIẢI PHÁP THIẾT KẾ ĐƠN GIẢN, ĐƠN NHIỆM, HÌNH THỨC KIẾN TRÚC PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN VỆ SINH CÔNG NGHIỆP. CẦN TỔ CHỨC CÁC PHÂN VỊ CÔNG TRÌNH BẰNG MÀU SẮC, CÂY XANH, PHƯƠNG TIỆN CHIỀU SÁNG, TỔ CHỨC CÁC YẾU TỐ TẠO CẢNH DỌC THEO CÔNG TRÌNH THEO KIỂU KẾT HỢP NHẬP ĐIỀU, TỔ CHỨC NHIỀU DẠNG MÀU ĐA DẠNG BẰNG CỬA, VÒNG CUNG, HÌNH THANG, LÂM PHÒNG PHỤ THÊM NHIỆM THỨC KIẾN TRÚC  
TỔ CHỨC CHIỀU SÁNG VÀ CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN THÍ GIÁC TRONG CỤM CÔNG NGHIỆP ĐÁP ỨNG YÊU CẦU AN TOÀN, TẠO KHẢ NĂNG ĐỊNH HƯỚNG, CÓ TÍNH TRANG TRÍ  
CÁC CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC NHỎ TƯƠNG BÀI, CỒNG VÁO... LÀ NHÂN TỐ CẢNH QUAN CẦN KHAI THÁC, TẠO ĐẶC TÍNH KHÔNG GIAN BẰNG CHO CỤM CÔNG NGHIỆP  
VẬT LIỆU BỀ MẶT SỬ DỤNG TRONG CỤM CÔNG NGHIỆP CẦN KẾT HỢP HỮU HOÀ GIỮA VẬT LIỆU TỰ NHIÊN VÀ NHÂN TẠO, TẠO HÌNH THỨC TRANG TRÍ HẤP DẪN, KHÔNG SỬ DỤNG VẬT LIỆU CÓ KHẢ NĂNG HẤP THỤ NHIỆT CAO

NGHIÊN CỨU CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN  
 VUA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÒA - HIỆN ĐẠI  
 XÂY DỰNG MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỦA CÁC CỤM  
 XÂY DỰNG MÔ HÌNH CỤM CÔNG NGHIỆP VUA VÀ NHỎ

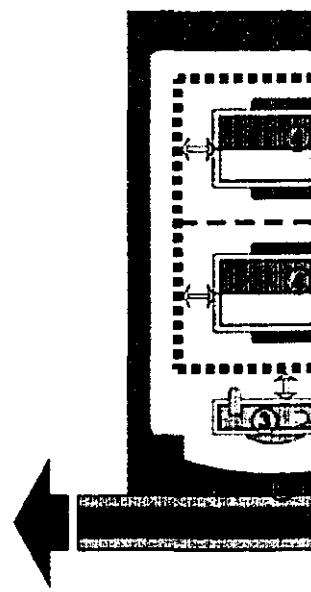
TỔ CHỨC KHÔNG GIAN TRONG



TỔ CHỨC KHÔNG GIAN TRONG XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP



BỐ CỤC CÔNG TRÌNH KIỂU TẬP TRUNG



BỐ CỤC CÔNG TRÌNH KIỂU PHÂN TÁN

AC LOẠI HÌNH CỤM CÔNG NGHIỆP



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ-NÔNG THÔN

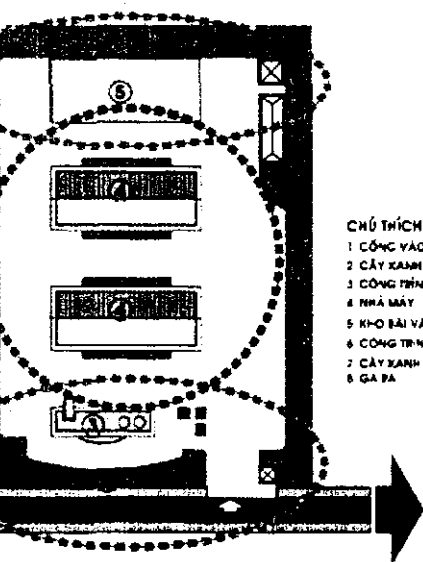
11/11/2011

NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN

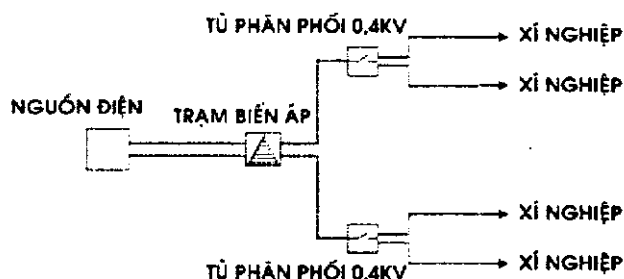
MÃ SỐ KC 07 - 23

ÔNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

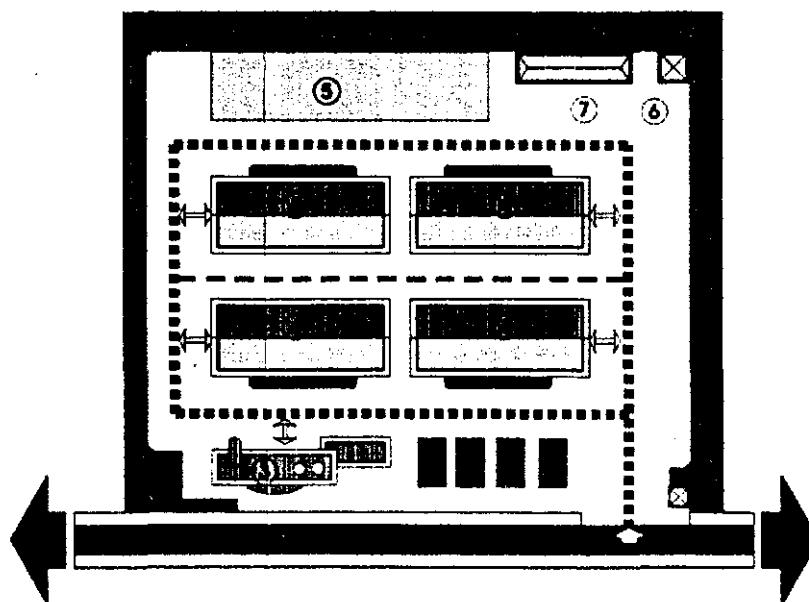
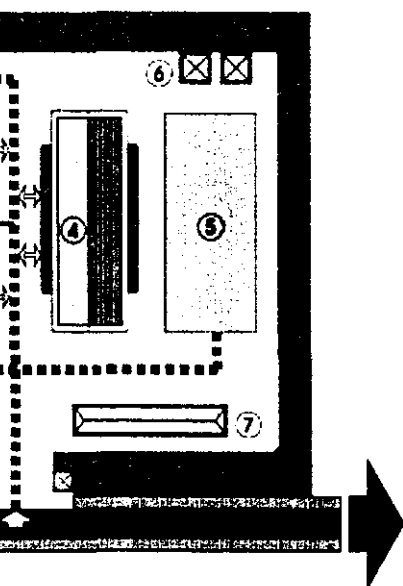
Í NGHIỆP CÔNG NGHIỆP



PHÂN KHU CHỨC NĂNG TRONG XNCN

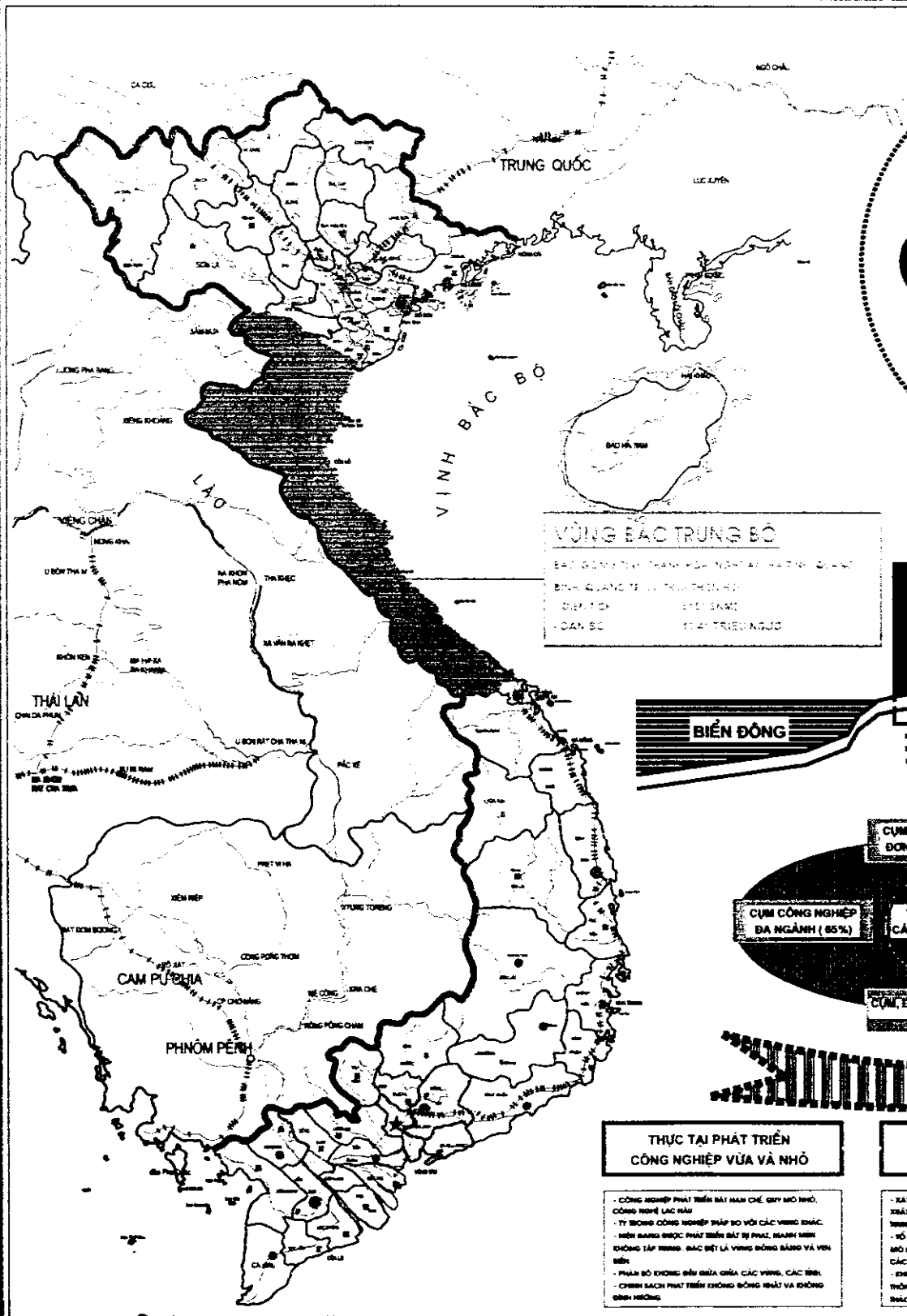


SƠ ĐỒ CẤP ĐIỆN CỤM CÔNG NGHIỆP





NGHIÊN CỨU CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KH  
CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN THEO HƯỚNG C  
XÂY DỰNG MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN C  
**VÙNG BẮC TRUNG BỘ**  
ĐẶC ĐIỂM VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ

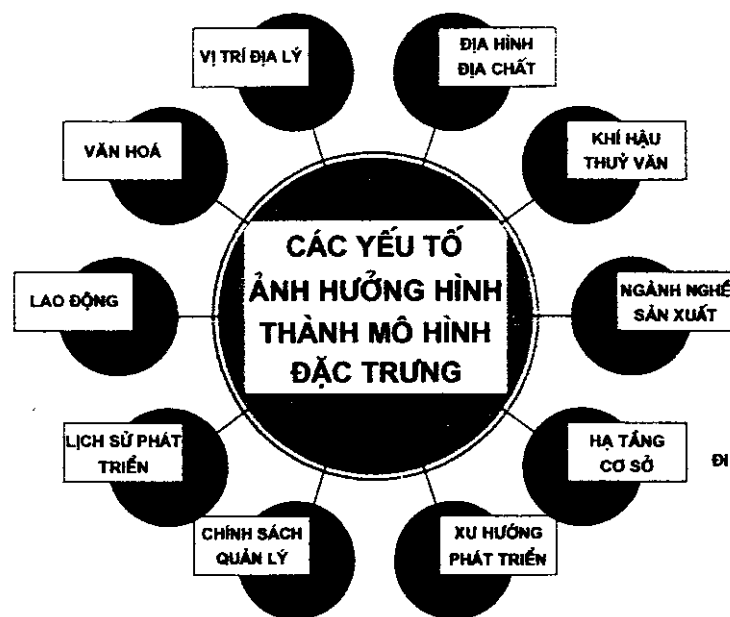




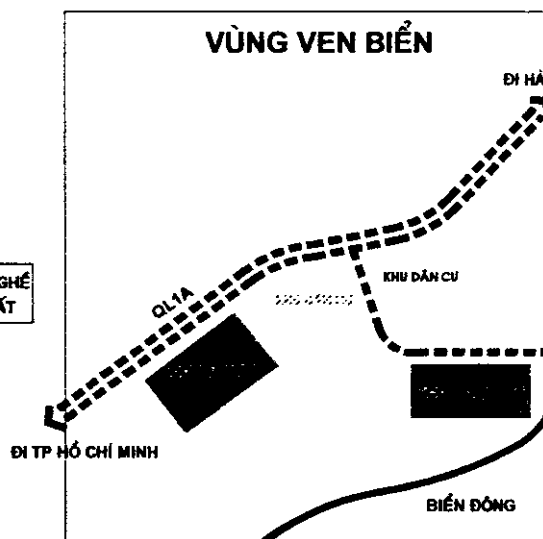
# NGHIÊN CỨU CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN THEO HƯỚNG CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỤM CÔNG NGHIỆP VÙNG BẮC TRUNG BỘ

## CÁC CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÁC MÔ HÌNH ĐẶC TRƯNG

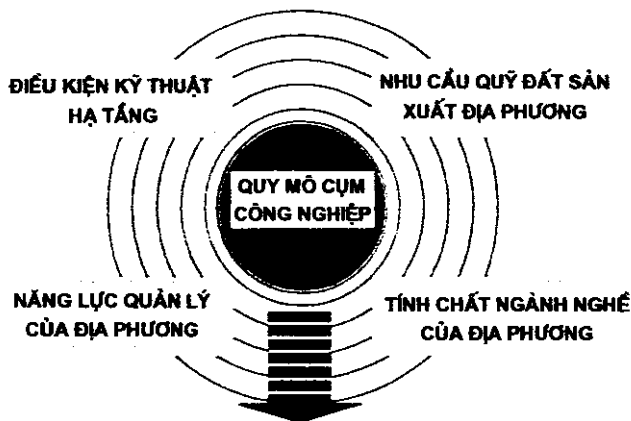
### CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG HÌNH THÀNH MÔ HÌNH ĐẶC TRƯNG



### MÔ HÌNH PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP



### XÁC ĐỊNH QUY MÔ THÍCH HỢP CHO CỤM CÔNG NGHIỆP



CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ  
QUY MÔ TỪ 10 - 30 HA  
TÍNH CHẤT ĐA NGÀNH  
BỐ TRÍ TẬP TRUNG TẠI VỊ TRÍ CÓ  
THUẬN LỢI VỀ HẠ TẦNG CƠ SỞ



VỊ TRÍ ĐẦU TƯ  
QUY MÔ SẢN XUẤT  
TÍNH CHẤT NGÀNH NGHỀ  
CÁCH THỨC ĐẦU TƯ  
QUY TRÌNH QUẢN LÝ



KHU Ở DÂN CƯ, Ở CHO LAO ĐỘNG TI

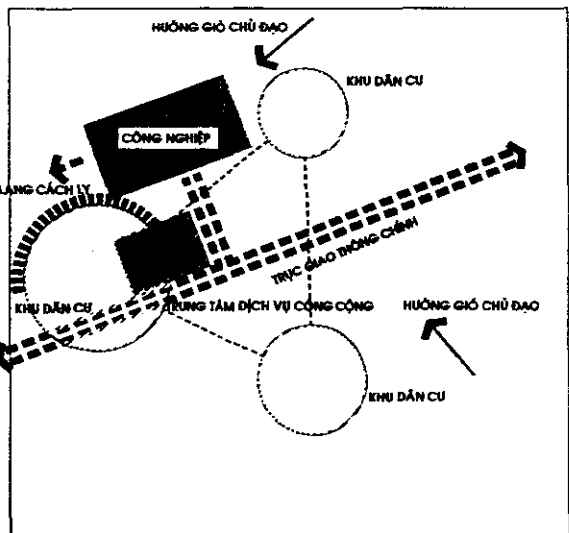
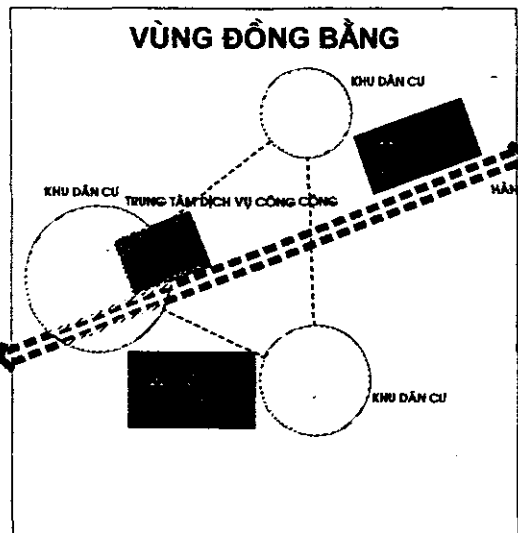
**N CÁC LOẠI HÌNH**  
**HIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA**  
**NG NGHIỆP VỪA NHỎ NÔNG THÔN**

**BỘ XÂY DỰNG**  
**VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN**  
 71 Nguyễn Đình Chiểu, Hà Nội, Việt Nam, Điện thoại: 84-24-38254271, Fax: 84-24-38254272

**MÃ SỐ KC 07 - 23**  
**NHÁNH 4**

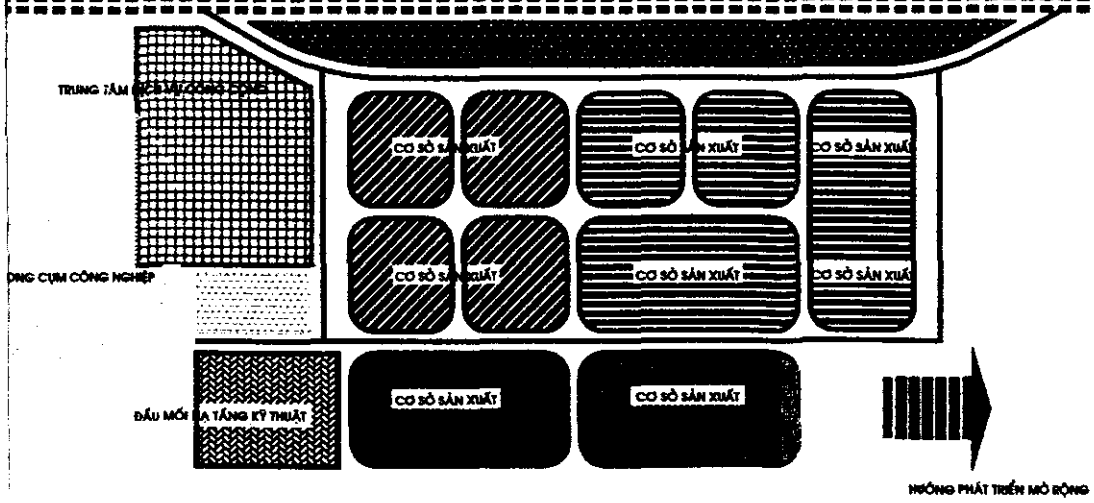
**ĐẶC TRƯNG CỦA CÁC CỤM**  
**VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN**

**MÔ HÌNH PHÂN BỐ ĐỀ XUẤT**  
**VÙNG ĐỒNG BẰNG VĂN BIỂN**



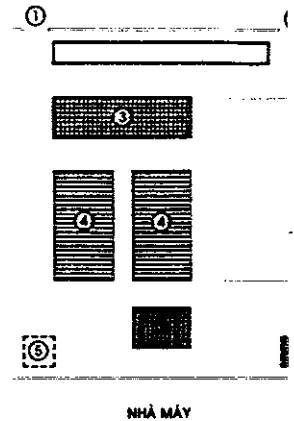
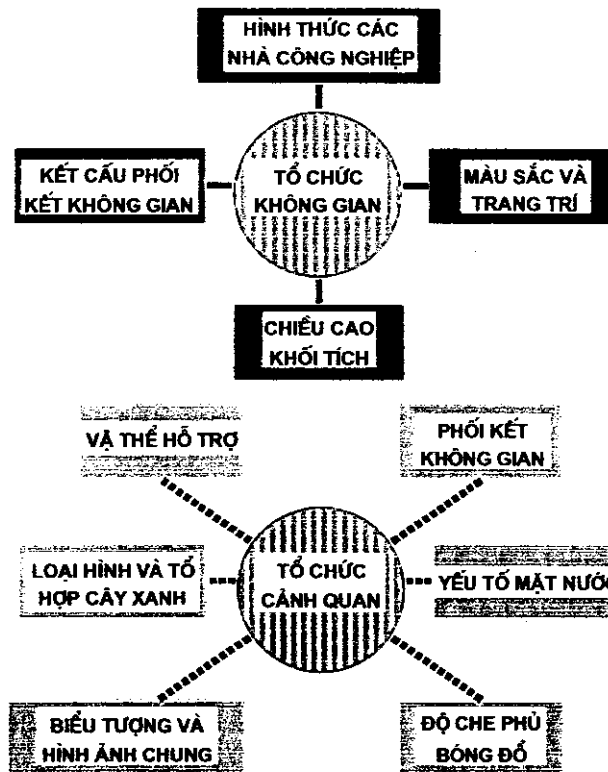
**DÂY TRUYỀN SẢN XUẤT ĐẶC TRƯNG**  
**THEO MÔ HÌNH SẢN XUẤT ĐẶC TRƯNG**

TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH ( QUỐC LỘ, TỈNH LỘ, HUYỆN LỘ )



# NGHIÊN CỨU CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN THEO HƯỚNG CÔNG NGHỊ XÂY DỰNG MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỤM CÔNG NGHIỆP VÙNG BẮC TRUNG BỘ

## NGUYÊN TẮC TỔ THỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CỤM ĐIỂM CÔNG NGHIỆP



## TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG CHO QUY HOẠCH XÂY DỰNG CỤM CÔNG NGHIỆP



### YÊU CẦU VỀ KIẾN TRÚC VÀ KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC

- PHÂN KHU CHỨC NĂNG TRONG NHÀ MÁY XÍ NGHIỆP
- QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG XNCN THÀNH CÁC KHU CHỨC NĂNG
- KHU HÀNH CHÍNH, CÔNG CỘNG.
- KHU SX TẬP TRUNG VÀ CÔNG TRÌNH SX CHÍNH.
- KHU PHỤ TRỢ: BAO GỒM TRẠM ĐIỆN, ĐỘNG LỰC, CẤP NƯỚC, THU HỒI VÀ LÀM SẠCH NƯỚC BẮN, SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG MÁY MÓC PHƯƠNG TIỆN.
- KHU KHO TÀNG, BẾN ĐÓ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG, BÃI THẢI

- TỔ HỢP KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC MANG TÍNH ĐẶC TRƯNG CAO
- KHU TRƯỚC XN NHÀ MÁY BỐ TRÍ CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC YẾU CẦU THẨM MỸ CAO.
- KIẾN TRÚC KHU SX CHÍNH THỂ HIỆN ĐƯỢC ĐẶC TRƯNG SX BÊN TRONG XÍ NGHIỆP VÀ ĐÁP ỨNG ĐƯỢC CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT XÂY DỰNG.
- KIẾN TRÚC KHU PHỤ TRỢ PHÙ HỢP THIẾT BỊ CỦA XN
- KHU KHO, BẾN BÃI TỔ CHỨC AN TOÀN THUẬN TIỆN LƯỞNG HÀNG, LƯỞNG NGƯỜI.
- MẬT ĐỘ XD XNCN TUÂN THỦ THEO TCVN 4514 - 1998

# I CÁC LOẠI HÌNH

## HIỆN ĐẠI HÓA

### CÔNG NGHIỆP VỪA NHỎ NÔNG THÔN

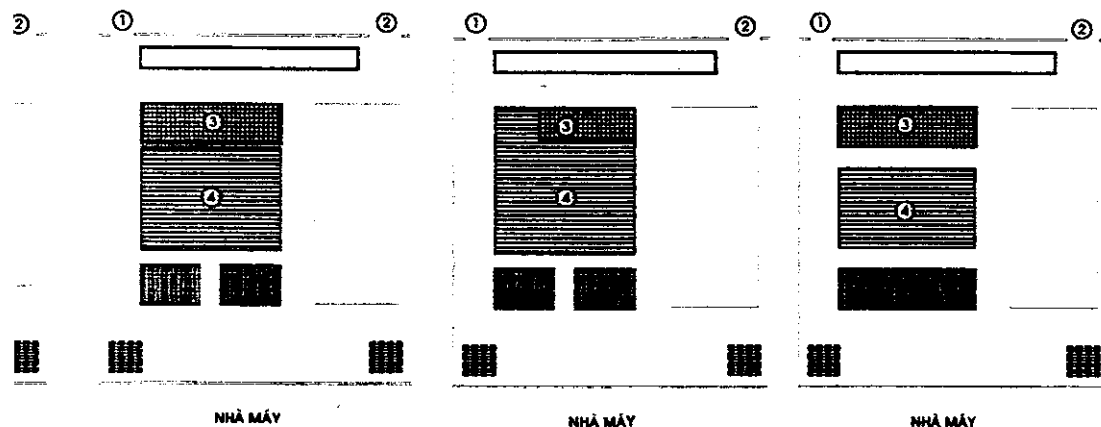


BỘ XÂY DỰNG  
VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ NÔNG THÔN  
11, TRƯỜNG THẠCH LÂN, L. 1, K. 1, Q. HOÀNG MAI, TP. HÀ NỘI

**MÃ SỐ KC 07 - 23**

**NHÁNH 4**

## MÔ HÌNH TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN ĐIỂN HÌNH VÙNG BẮC TRUNG BỘ



## KẾT LUẬN KHOA HỌC CỦA ĐỀ TÀI

### \* KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM VÙNG:

VÙNG CÓ VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI RẤT THUẬN LỢI CHO PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN. CẦN CÓ ĐỊNH HƯỚNG QUẢN LÝ HẠN CHẾ VIỆC PHÁT TRIỂN TRẦN LAN TIÊU CỰC HIỆN NAY

### \* XÁC ĐỊNH MÔ HÌNH ĐẶC TRƯNG:

CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN ĐA NGÀNH

### \* MÔ HÌNH PHÂN BỐ:

BỐ TRÍ CHỦ YẾU Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG VEN BIỂN, TẠI CÁC VỊ TRÍ THUẬN LỢI VỀ GIAO THÔNG, CẤP ĐIỆN, CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC THẢI VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG.

### \* LOẠI NGÀNH NGHỀ CÔNG NGHIỆP:

CÔNG NGHIỆP KHAI THÁC, SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG, CHẾ BIẾN NÔNG LÂM SẢN CÁC NGÀNH NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG.

HẠN CHẾ SỐ LƯỢNG NGÀNH NGHỀ TRONG CÙNG 1 CỤM CÔNG NGHIỆP.

### \* QUY MÔ CỤM CÔNG NGHIỆP:

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP LÃNG NGHỀ TẬP TRUNG QUY MÔ TỪ 10 - 30 HA PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ VÀ SẢN XUẤT HÀNG HÓA LỚN, CÓ GIÁ TRỊ KINH TẾ CAO VÀ CÓ DÂY TRUYỀN CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

### \* QUY HOẠCH MẶT BẰNG:

CHO PHÉP SỬ DỤNG TẤT CẢ CÁC GIẢI PHÁP VỀ QUY HOẠCH MẶT BẰNG PHÙ HỢP VỚI CÔNG NGHỆ QUẢN LÝ VÀ Ý TƯỞNG KHÔNG GIAN

QUY HOẠCH MẶT BẰNG TĂNG TỐI ĐA CHO ĐẤT BỐ TRÍ CƠ SỞ SẢN XUẤT. HẠN CHẾ CÁC TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC VỀ MÔI TRƯỜNG GIỮA CÁC SẢN XUẤT VÀ CỤM CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI CÁC KHU DÂN CƯ KẾ CẬN

### \* TỔ CHỨC KHÔNG GIAN:

PHỐI HỢP Hài HÒA KIẾN TRÚC CÔNG NGHIỆP VỚI KHUNG CẢNH NÔNG THÔN, HẠN CHẾ TỐI VIỆC PHÁ HỦY CẢNH QUAN MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC ĐẢM BẢO YÊU CẦU THẨM MỸ NHẪM TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC TỚI HOẠT SẢN XUẤT CỦA CÔNG NHÂN VÀ DU KHÁCH THAM QUAN

### \* YÊU CẦU VỀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT:

HẠ TẦNG HIỆN ĐẠI, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ HẠN CHẾ CÁC TÁC XẤU TỚI MÔI TRƯỜNG

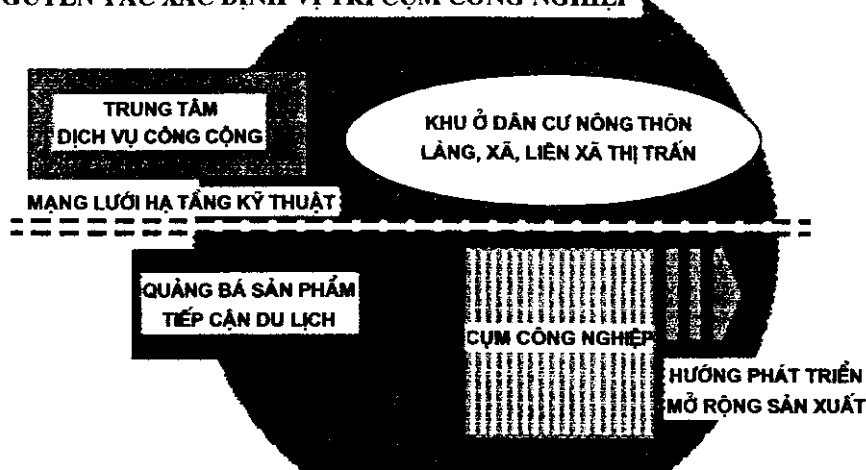
### \* YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ:

TẬP TRUNG ĐẦU TƯ VÀO CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP CÓ QUY MÔ LỚN. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ GIẢN TRÁI PHÂN TÁN THU HÚT CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÓ GIÁ TRỊ KINH TẾ CAO VÀ DÂY TRUYỀN CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

# NGHIÊN CỨU CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN THEO HƯỚNG CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỤM CÔNG NGHIỆP VÙNG BẮC TRUNG BỘ

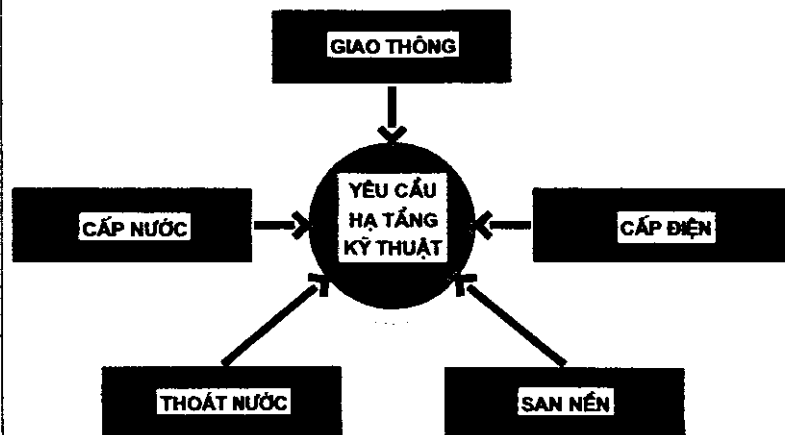
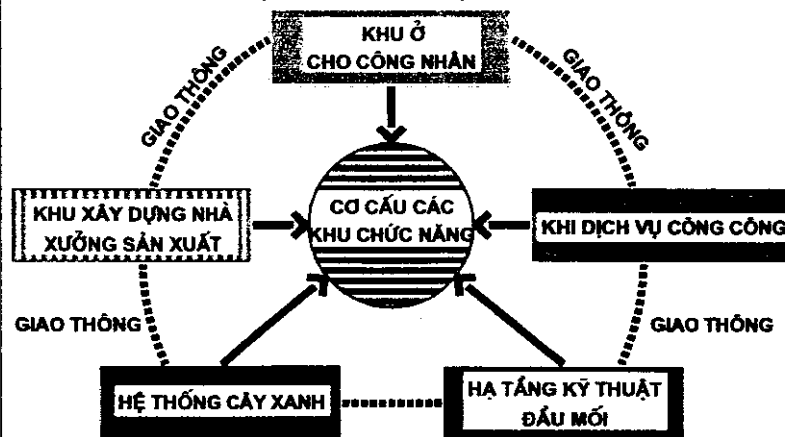
## MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN VÙNG BẮC TRUNG BỘ

### NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ CỤM CÔNG NGHIỆP



### NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH LOẠI HÌNH, NGÀNH NGHỀ CỤM CÔNG NGHIỆP

#### CƠ CẤU CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ



#### CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP

| STT | Chức năng                       |
|-----|---------------------------------|
| 1   | Khu xây dựng nhà xưởng sản xuất |
| 2   | Khu ở công nhân                 |
| 3   | Khu dịch vụ công cộng           |
| 4   | Hạ tầng kỹ thuật                |
| 5   | Cây xanh, mặt nước              |

#### QUY MÔ KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

| STT | Loại hình                         |
|-----|-----------------------------------|
| 1   | Giao thông                        |
| 2   | Cấp điện                          |
|     | Khu nhà xưởng                     |
|     | Các công trình dịch vụ, điều hành |
| 3   | Cấp nước công nghiệp              |
| 4   | Thoát nước bán công nghiệp        |
| 5   | Chỉ tiêu phát sinh chất thải rắn  |
|     | Chất thải rắn sản xuất            |
|     | Chất thải rắn sinh hoạt           |

# AN CÁC LOẠI HÌNH HIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA NG NGHIỆP VỪA NHỎ NÔNG THÔN

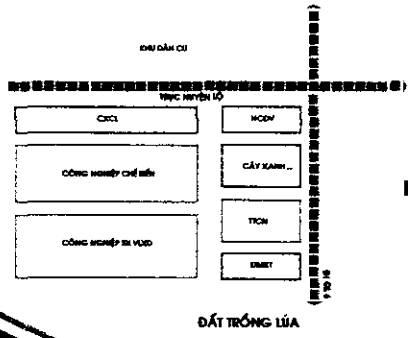
BỘ XÂY DỰNG  
VIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN  
111 Đường Giải Phóng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**MÃ SỐ KC 07 - 23**  
NHÁNH 4

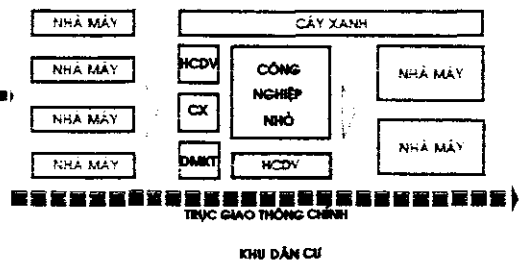
G BỘ

## MÔ HÌNH QUY HOẠCH CỤM CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NÔNG THÔN ĐIỂN HÌNH VÙNG BẮC TRUNG BỘ

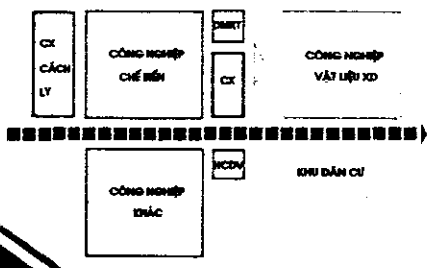
MÔ HÌNH QUY HOẠCH DẠNG Ô CỜ



MÔ HÌNH QUY HOẠCH DẠNG TUYẾN



MÔ HÌNH QUY HOẠCH DẠNG HỖN HỢP



### NG NGHIỆP

|      | tỷ lệ<br>% |
|------|------------|
| xuất | 60         |
|      | 20         |
|      | 3          |
|      | 12         |
|      | 5          |

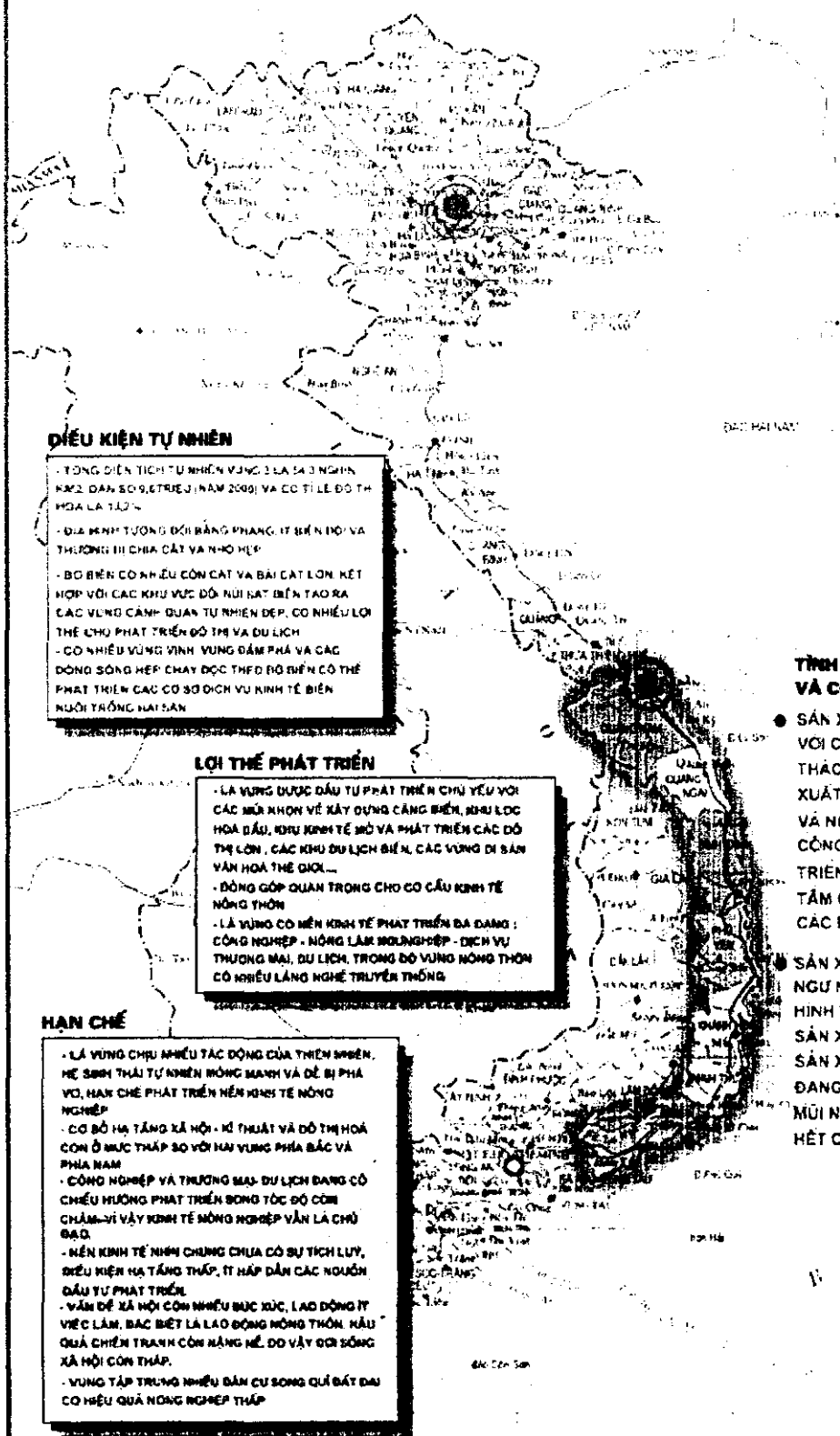
### UẤT

| Đơn vị tính            | Tiêu chuẩn |
|------------------------|------------|
| km/km <sup>2</sup>     | 2.5 - 3    |
| KW/h                   | 250 - 300  |
| KW/h                   | 100 - 200  |
| FW/m <sup>2</sup> sản  | 30 - 40    |
| m <sup>3</sup> /ha/ngđ |            |
| m <sup>3</sup> /ha/ngđ |            |
| tân/ha/ngđ             | 0.5        |
| kg/người/ngđ           | 0.5        |

Đi khu dân cư



# NGHIÊN CỨU CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN VUA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG NGHIỆP VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ



HƯỚNG  
THỨC  
NGHIỆP  
TRÚC  
CẢNH  
NÔNG

## ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

- TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN VÙNG 3 LÀ 54.3 NGHÌN KM<sup>2</sup> (DÂN SỐ 9,5 TRIỆU (NĂM 2009) VÀ CO TỈ LỆ ĐÔ THỊ HÓA LÀ 1,12%
- ĐỊA HÌNH TƯƠNG ĐỐI BẰNG PHANG, IT BIỂN ĐỎ VÀ THƯỜNG III CHIA CẮT VÀ NHỎ HẸP
- BỜ BIỂN CÓ NHIỀU CỎN CÁT VÀ BÃI CÁT LỚN, KẾT HỢP VỚI CÁC KHU VỰC ĐỒ NÚI SÁT BIỂN TẠO RA CÁC VÙNG CẢNH QUAN TỰ NHIÊN ĐẸP, CÓ NHIỀU LỢI THỂ CHƠI PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ DU LỊCH
- CÓ NHIỀU VÙNG VỊNH, VÙNG ĐÀM PHÁ VÀ CÁC ĐỒNG SÔNG HẸP CHAY ĐỘC THỂ ĐỒ BIỂN CÓ THỂ PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ DỊCH VỤ KINH TẾ BIỂN NƯỚC TRỒNG HẢI SẢN

## LỢI THẾ PHÁT TRIỂN

- LÀ VÙNG ĐƯỢC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU VỚI CÁC MŨI NHON VỀ XÂY DỰNG CẢNG BIỂN, KHU LỘC HOA DẦU, KHU KINH TẾ MỎ VÀ PHÁT TRIỂN CÁC ĐÔ THỊ LỚN, CÁC KHU DU LỊCH BIỂN, CÁC VÙNG DI SẢN VĂN HÓA THẾ GIỚI...
- ĐÓNG GÓP QUAN TRỌNG CHO CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG THÔN
- LÀ VÙNG CÓ MŨI KINH TẾ PHÁT TRIỂN ĐA DẠNG: CÔNG NGHIỆP - NÔNG LÂM MỎ LƯU NGHIỆP - DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI, DU LỊCH, TRONG ĐÓ VÙNG NÔNG THÔN CÓ NHIỀU LĂNG NGHỆ TRUYỀN THỐNG

## HẠN CHẾ

- LÀ VÙNG CHỊU NHIỀU TÁC ĐỘNG CỦA THIÊN NHIÊN, HỆ SINH THÁI TỰ NHIÊN MỎNG MẠNH VÀ DỄ BỊ PHÁ VỠ, HẠN CHẾ PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP
- CƠ BỐ HẠ TẦNG XÃ HỘI, KỸ THUẬT VÀ ĐÔ THỊ HÓA CÒN Ở MỨC THẤP SO VỚI HAI VÙNG PHÍA BẮC VÀ PHÍA NAM
- CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI, DU LỊCH ĐANG CÓ CHẾU HƯỚNG PHÁT TRIỂN SONG TỐC ĐỘ CỒN CHÁM-CHỈ VẬY KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VẪN LÀ CHỦ ĐẠO
- NỀN KINH TẾ NHIỀU CHUNG CHƯA CÓ SỰ TÍCH LUY, ĐIỀU KIỆN HẠ TẦNG THẤP, IT HẤP DẪN CÁC NGƯỜI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
- VẤN ĐỀ XÃ HỘI CÒN NHIỀU BẠC XỨC, LẠO ĐỘNG IT VIỆC LÀM, BẠC BIẾT LÀ LẠO ĐỘNG NÔNG THÔN, HẦU QUẢ CHIẾN TRANH CÒN NẶNG NỀ, ĐÓ VẬY ĐỜI SỐNG XÃ HỘI CÒN THẤP
- VÙNG TẬP TRUNG NHIỀU BÀN CỤ SÔNG QUÍ BẮT ĐAI CÓ HẸU QUẢ NÔNG NGHIỆP THẤP

## TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ CÔNG NGHIỆP

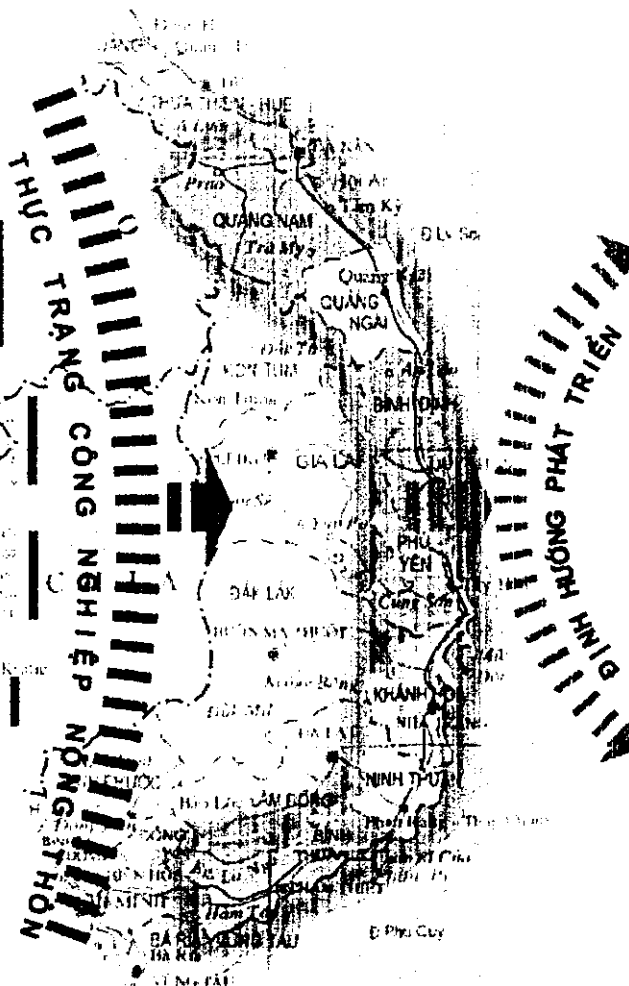
- SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP VỚI CÁC NGÀNH KHAI THÁC CHẾ BIẾN, SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG... VÀ NGÀNH TIÊU THỤ CÔNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN THANH CÁC TRUNG TÂM GẮN VỚI ĐỊA BÀN CÁC ĐÔ THỊ LỚN
- SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGƯ NGHIỆP THEO HƯỚNG HÌNH THÀNH CÁC VÙNG SẢN XUẤT TẬP TRUNG, SẢN XUẤT THỦY HẢI SẢN ĐANG TRỞ THÀNH NGÀNH MŨI NHON PHÂN BỐ HẦU HẾT CÁC TỈNH

TỐI TỐI THIỂU QUY HOẠCH HOÀN CHỈNH,  
TỐI TỐI THIỂU PHÁT TRIỂN CỦA CỤM ĐIỂM CÔNG  
NÔNG NGHIỆP, ĐỒNG THỜI BẢO ĐẢM KHÔNG GIAN KIẾN  
TRÚC PHÁT TRIỂN HỢP LÝ, ĐẸP VÀ BẢO VỆ ĐƯỢC  
ĐẶC TRƯNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG LÀ  
THÔN DUYÊN HẢI.

## MỤC TIÊU

MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN  
CHO CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN  
DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ LÀ ĐỀ XUẤT MANG  
TÍNH HƯỚNG DẪN, CỤ THỂ VẬN DỤNG ĐỂ PHÙ  
HỢP VỚI ĐẶC THÙ PHÁT TRIỂN ĐA DẠNG CỦA  
TỪNG ĐỊA BÀN

TAO LẬP CƠ SỞ KHOA HỌC QUAN TRỌNG ĐỂ CÁC NHÀ QUY HOẠCH - QUẢN LÝ XÂY DỰNG LỰA CHỌN MÔ HÌNH  
HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN MỘT CỤM ĐIỂM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG DUYÊN HẢI NAM  
TRUNG BỘ CHO PHÙ HỢP VỚI ĐẶC TRƯNG RIÊNG BIỆT CỦA ĐỊA PHƯƠNG, THỂ HIỆN MỐI QUAN HỆ CỦA CỤM  
CÔNG NGHIỆP TƯƠNG ĐỒNG VỚI SINH THÁI NÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG.



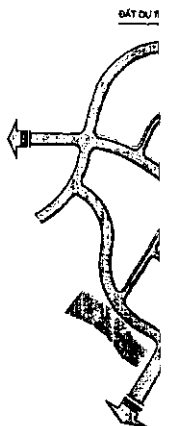
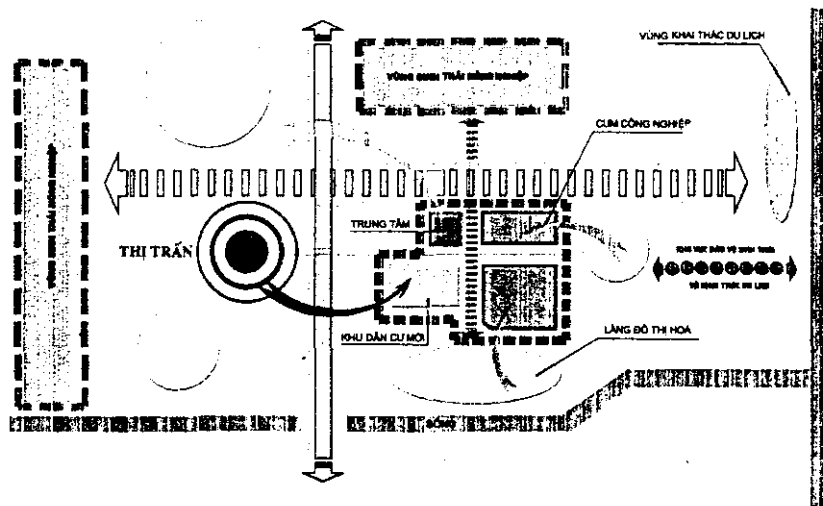
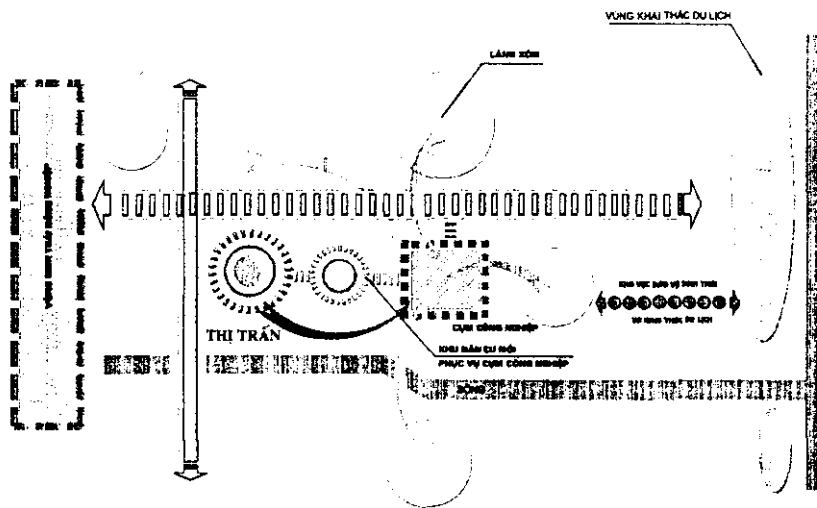
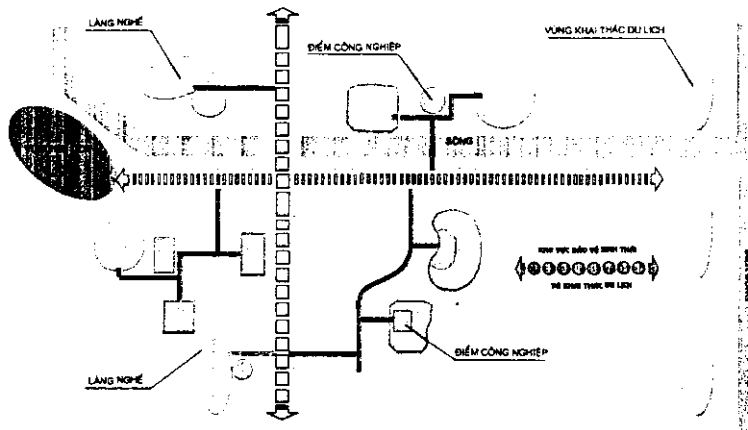
### ĐỊNH HƯỚNG CHUNG

- TỐI THIỂU THỂ HIỆN ĐẶC THÙ ĐỊA PHƯƠNG VÀ ĐẶC THÙ CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TRONG QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN, ĐỒNG THỜI BẢO ĐẢM KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC PHÁT TRIỂN HỢP LÝ, ĐẸP VÀ BẢO VỆ ĐƯỢC ĐẶC TRƯNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG LÀ THÔN DUYÊN HẢI.
- QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CHO CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ LÀ ĐỀ XUẤT MANG TÍNH HƯỚNG DẪN, CỤ THỂ VẬN DỤNG ĐỂ PHÙ HỢP VỚI ĐẶC THÙ PHÁT TRIỂN ĐA DẠNG CỦA TỪNG ĐỊA BÀN.

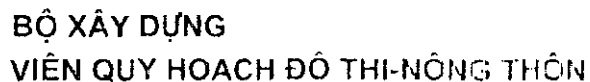
### ĐỊNH HƯỚNG CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ LÀ ĐỀ XUẤT MANG TÍNH HƯỚNG DẪN, CỤ THỂ VẬN DỤNG ĐỂ PHÙ HỢP VỚI ĐẶC THÙ PHÁT TRIỂN ĐA DẠNG CỦA TỪNG ĐỊA BÀN.
- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ LÀ ĐỀ XUẤT MANG TÍNH HƯỚNG DẪN, CỤ THỂ VẬN DỤNG ĐỂ PHÙ HỢP VỚI ĐẶC THÙ PHÁT TRIỂN ĐA DẠNG CỦA TỪNG ĐỊA BÀN.

# NGHIÊN CỨU CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN GIỮA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH QUY HOẠCH VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN CỤM CÔN VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ



## NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ Ở NÔNG THÔN

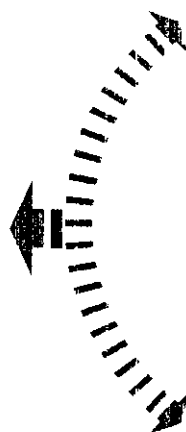


37 LÊ ĐẠI HÀNH, HÀ NỘI   ĐT: (04) 9760691   FAX: (04) 9760359

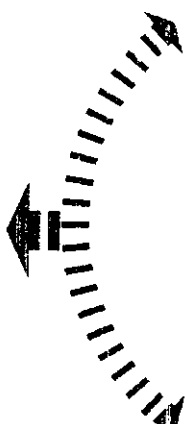
MÃ SỐ KC 07 - 23



ĐIỀU CỘNG NHƯNG PHẢI CỘNG NHƯNG KHÔNG PHẢI CỘNG  
 THẬT THIÊN SỞ LƯƠNG CỐ GIẢI ĐÓNG VAI VAI CỨ  
 NƠI ĐÓNG NHỜ SẴN XÁC ĐÓNG CHẶN RÀNG CỨ  
 LẮNG XÀ NHỜ LẠ XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC  
 NHIỀU Ở NHỮNG PHẬT THẬT CẠO NHỜ MỖ  
 \* CỤM MỖ CHUYỀN \* PHẬT MỖ MỖ MỖ MỖ MỖ MỖ MỖ  
 XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC  
 \* VẪN LAO ĐỘNG KHÔNG NHỎ VÀ CỖ VẪN LAO ĐỘNG  
 NGUYỄN TÀI CHÍNH TRƯỞNG LẠNG XÁC  
 \* VẪN CẢNH CẢNH CỖ CHUYỀN ĐÓNG CẢNH ĐÓNG  
 CẢNH CẢNH CẢNH XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC  
 SẴN XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC  
 CỨ PHẬT LA MỖ TRƯỞNG MỖ CỖ  
 \* CỖ THẺ XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC  
 NGAY TRƯỞNG NHỮNG VIỆN XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC  
 PHẢI ĐAM BẢO ĐIỀU XÁC MỖ TRƯỞNG XÁC XÁC XÁC  
 NHỮNG CỖ CỖ VẪN XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC  
 XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC  
 KHÔNG XÁC LẠNG NHỜ MỖ VẪN CẢNH CẢNH CẢNH  
 TRONG KHU MỖ KIẾN TẠO MỖ MỖ PHẬT TÀI XÁC  
 THẺ XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC  
 \* CẢNH TRỰC CẢNH KHU CẢNH NHỜ XÁC XÁC XÁC  
 \* LẠNG NHỜ MỖ CỖ  
 \* KHU XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC  
 KHU XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC XÁC  
 BẮN SẴN PHÂN  
 ĐIỀU GIẢI THỜI TRƯỞNG



- \* CỤM CÔNG NGHIỆP SẼ CHUYỂN THEO HƯỚNG ĐÀNG NHÉ
- \* QUÝ MÔ TỬ 1B - 30 HẠ VÀ TRÊN 3) HẠ
- \* VỊ TRÍ XÂY DỰNG TIẾP CÁN THƯỜNG LỊCH: CÁC TRỤC LỘ CHÍNH CÁC CÁCH TRẦN TRUNG TÂN, HUYỀN ĐUA VÀO CÁC ĐIỀU KIỆN BÀ TẮNG BÀN ĐÁU CỦA ĐIỂM ĐỒ THỊ ĐÀ ĐỒ
- \* VỊ TRÍ CÁN CÁCH XÁ BỒ BIẾN VÀ CÁC VÙNG CẢNH QUAN, SÔNG NƯỚC CỎ KHAI THÁC ĐỰ LỊCH
- \* VẤN ĐỀ LÀO ĐỒNG VÀ NHÀ Ở HOẶC CÁN LIÊN VỚI ĐIỂM ĐIỂM SẴN XUẤT MÔI HOẶC: GAN VỚI THÌ TRẦN, LĂNG XÁ ĐÀ PHƯƠNG NHƯ MỘT PHAI THÌ RỜNG
- \* XÂY DỰNG NHÀ Ở CHO CÔNG NHÂN NGAY TRONG KHUÔN VIÊN XÍ NGHIỆP NHƯNG PHAI ĐÀM BẢO ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG SINH HOẠT
- \* CỤM CÔNG NGHIỆP CỎ QUÍ MÔ 33HA TRÊN LỀ THÌ VẤN ĐỀ NHÀ Ở CHO CÔNG NHÂN CỎ NGƯỜI: LÀO ĐỒNG CỦA CỤM CÔNG NGHIỆP XÍ CÁN XÁ LĂNG XÁ, CÁN XÁ DỰNG KHU CÁN CỎ NHƯ: NHÀ Ở CỎ CÔNG NHÂN CÁN VỚI ĐIỂM XÁ DỰNG CỬU CỤM CÔNG NGHIỆP HOẶC CÁN VỚI KHU VỰC NGÔI VỚI THÌ TRẦN



- \* CỤM CÔNG NGHIỆP SẼ CHỦ YẾU THEO HƯỚNG ĐÀNG HÈ, QUÝ MÙI TỚI 30 - 50 HA
- \* VỊ TRÍ XÂY DỰNG TIỆN CÁN THẦN LỢI VỚI CÁC TRỤC LỘ CHÍNH GẦN CÁC THỊ TRẤN TRUNG TÂM HUYỆN
- \* VỊ TRÍ CÁN CÁCH XA BỜ BIỂN VÀ CÁN VÙNG CẦN CANG, SỐNG NƯỚC CỎ KHÁ THẠO DU LỊCH
- \* MÔ HÌNH TIÊU KHU KINH TẾ CÔNG NGHIỆP - DỊCH VỤ - DÂN CƯ PHÁT TRIỂN NHƯ MỘT HẠT NHÂN MẦM MƠNG CHO SỰ HÌNH THÀNH MỘT KẺM CỘT - THỊ TRẤN TƯƠNG LAI
- CỎ CÁN PHẤN KHU CHỨC NĂNG:
  - \* KHU XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT, LÁ KHU CHỨC NĂNG CHÍNH CỦA CỤM CÔNG NGHIỆP.
  - \* KHU Ở CÔNG NHÂN
  - \* KHU DỊCH VỤ CÔNG CỘNG, GIỚI THIỆU VÀ BÁN SẢN PHẨM DỊCH VỤ SẢN XUẤT, CÔNG THỈNH HẠ TÁNG PHỤ TRỢ... (PHỤC VỤ CHUNG CHO SẢN XUẤT VÀ SINH HOẠT)
  - \* ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRONG CỤM CỎ CÁN NGHIỆP.
  - \* CÂY XANH CÔNG CỘNG VÀ CÁCH LỘ
- \* ĐẶC BIỆT NGUYÊN CỬU CÁN XÁC ĐỊNH CỬU CÁN ĐƯƠ CỎ SỰ HÌNH THÀNH MỘT KẺM CỘT... LAI
- \* KHU NHÀ Ở VÀ KHU DỊCH VỤ NHÀ NGỎ CÁN PH